

NGƯỜI VIỆT CHỦ NHÂN

CỦA

KINH DỊCH VÀ CHỮ VUÔNG



VIÊN NHƯ

MỤC LỤC

NGƯỜI VIỆT – CHỦ NHÂN ĐÍCH THỰC CỦA KINH DỊCH VÀ CHỮ VUÔNG (thay Lời giới thiệu)

Lời nói đầu

Phần một Một số khái niệm căn bản và vấn đề về Dịch học

Phần hai Giải mã Dịch lí và chữ Vuông của người Việt trên trống Đồng Ngọc Lũ

Phần ba Giải mã Dịch lí và chữ Vuông của người Việt trên tranh dân gian Đông Hồ

Phần bốn Giải mã Dịch lí và chữ Vuông của người Việt trong truyện ngụ ngôn

Phần năm Tự tình

Bản lại Tên 12 địa chi và 10 thiên can

Nguồn gốc Dịch lí trong bài đồng dao “CHI CHI CHÀNH CHÀNH”

Kính dâng Thầy và Cha Mẹ

NGƯỜI VIỆT – CHỦ NHÂN ĐÍCH THỰC CỦA KINH DỊCH VÀ CHỮ VUÔNG

(thay Lời giới thiệu)

Cách đây gần chục năm tôi tình cờ được một người bạn gửi qua email tặng cho bản đồ địa mạch với hình con rồng từ đỉnh Everest cao hơn 8.800m đến đáy vịnh Mindanao sâu 11.000m mà đầu và đuôi rồng chênh nhau 20 km. Nhìn vào đây, bất cứ ai cũng có thể nhận thấy rằng chính thân rồng này là cột xương sống vô cùng vững chắc giữ cho Trái đất của chúng ta không bị thay đổi và biến dạng. Rằng 500 km trong số 7.000 km của thân rồng nằm trên đất Việt Nam là vô cùng quan trọng.

Tôi cũng thấy rất rõ hình chữ S của đất nước chúng ta chính là hình ảnh của âm dương trong âm dương ngũ hành rất quý giá và cần thiết. Rằng thế cân bằng, quyền biến của người Việt từ xưa đến nay giúp chúng ta không bị đồng hóa mà vẫn giữ mãi được bản sắc dân tộc.

Tôi bắt đầu đi lọ mọ tìm hiểu về Phong thủy, Dịch lí hay Thái ất Cửu cung mà các cụ Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm, Lê Quý Đôn, Nguyễn Trãi, La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp... đánh giá rất cao. Càng đọc, càng nghiên cứu mới càng thấy rất hay, nhiều thứ kỳ bí và rất cần khám phá dài lâu. Ma trận được dần hé mở.

Như một thiên sinh và một nhà nghiên cứu, tôi dần dần ráng tìm tòi về cội nguồn đầu tiên của dân tộc Việt Nam liên quan đến Bách Việt. Tôi cũng nhiều lần tự đưa ra các giả thuyết về nguồn gốc của Kinh Dịch, Hà đồ, Lạc thư. Trong thâm tâm, rất mong muốn tìm lại cuốn Kinh Dịch gốc đã bị mất.

Tôi cũng xem lại trong sử sách để tìm về với nhân vật nổi tiếng mà không người Việt nào không biết – Cao Biền. Ông được phái sang đất Việt tìm các

huyệt quý để yếm, hòng tiêu diệt hiền tài của nước Nam. Ông ta đã tìm ra 632 huyệt chính, huyệt phát vương và 1.517 huyệt bàng, huyệt phát quan và đã cố yếm nhưng không yếm được. Cũng theo sử sách, đến đời nhà Minh, Hoàng Phúc lại được sai sang nước Việt để tiếp tục yếm bùa nhằm biến nước Nam thành quận huyện của họ, nhưng không thành.

Rồi tôi nghiên cứu lại các tài liệu của các vị thầy, các học giả đi trước và thấy rất rõ rằng đứng về mặt phong thủy thì đất nước Việt Nam là cái hình thế rất rất đặc biệt đối với phương Bắc. Càng ngẫm càng thấy rất đặc biệt và rất quan trọng. Quan trọng không chỉ với riêng Việt Nam mà cả khu vực và quốc tế.

Rồi tôi ngời nhớ lại các vị thầy, các vị thiền sư nổi tiếng và tiền bối của nước ta như Thiền sư Định Không (730-808) cùng các học trò là Đình Hương, Thông Thiệu. Rồi Thiền sư La Quý An, thiền sư Vạn Hạnh để nhớ mãi về sự ra đời của vua Lý Công Uẩn và triều đại Lý Trần hưng thịnh mãi sau này.

Cách đây vài năm, tôi gặp thầy Viên Như trong khuôn khổ Đại hội Giáo hội Phật giáo Việt Nam tại Cung văn hóa Việt Xô tại Thủ đô Hà Nội. Chúng tôi trao đổi với nhau những tâm huyết về đất nước và dân tộc, về thiền và tu tập, về Kinh Dịch và nhiều thứ khác nữa. Để rồi hai thầy trò giữ liên lạc với nhau dài lâu, thường xuyên và mãi đến bây giờ.

Trong một chuyến nghỉ mát của cả Công ty Sách Thái Hà tại Đà Lạt và Nha Trang, tôi và bạn đồng nghiệp Nguyễn Ngọc Quân – Giám đốc Trung tâm Xuất bản Thái Hà Books đã gặp thầy Viên Như và cùng xem bản thảo cuốn sách Người Việt - chủ nhân của Kinh Dịch và chữ Vuông. Tôi giật mình. Đúng những gì tôi đang nghiên cứu, tìm tòi bao năm nay. Chúng tôi quyết định xuất bản cuốn sách này ngay lập tức.

Tôi đọc đi đọc lại bản thảo này và thấy rằng thầy trò chúng tôi đang đi cùng một hướng, đang làm cùng một việc. Tôi cũng thấy ra một tương lai huy hoàng chung trên một tầm nhìn vĩ đại. Rằng đất nước Việt Nam của chúng ta vô cùng tuyệt vời và đã được chọn, thử thách mấy ngàn năm nay. Rằng chúng ta đã và đang tìm được về với cội nguồn, với hồn thiêng sông

núi. Rằng sau khi bị đô hộ 1.117 năm, Việt Nam ta nay đã biết tự hào về chính mình và thức dậy như con rồng bắt đầu cất cánh bay lên. Ôi Thăng Long!

Dân tộc Việt Nam đã được thử thách trọn vẹn suốt mấy ngàn năm nay. Chúng ta sở hữu tài sản quý giá là Tình Thương và Trí Tuệ trên tinh thần bất khuất ngàn đời mà ta quên mất. Chúng ta là con rồng cháu tiên mà đâu có hay. Chúng ta sở hữu cả những tài sản vô giá của nhân loại mà mãi ngủ quên trong si mê và phiền não. Ôi Thăng Long thật đây rồi!

Tôi thấy rằng đã bắt đầu cho một sự chuyển dịch lớn lao của dân tộc Việt và rằng cần một bộ máy với những con người trong bộ máy hòa cùng nhịp đập để Việt Nam cất cánh. Ôi Thăng Long!

Tôi ngồi thiền và thấy rất rõ tiếng trống đồng của các vua Hùng đang thúc giục, thấy rõ chim lạc, chim hồng đang bay cao bay thấp đâu đó quanh mỗi chúng ta. Rằng Kinh Dương Vương đang đánh thức chúng ta. Rằng kinh lạc đang có sẵn trong mỗi con người Việt. Chúng ta chỉ cần có tinh thức, chỉ cần thở và cười trong bình an và chánh niệm thì con rồng trong ta sẽ thức tỉnh. Chúng ta đánh thức rồng thức dậy để bay cao bay xa, vì một nước Việt Nam hùng cường và thịnh vượng.

Thân mong bạn đọc kỹ cuốn sách này và cùng tôi thấy một kỷ nguyên mới đang được vận hành. Tôi đang nói thầm và muốn bạn hô to lên cùng tôi “TÔI TỰ HÀO LÀ NGƯỜI VIỆT NAM” và “VIỆT NAM THĂNG LONG”.

Thủ đô Hà Nội, sáng ngày 8 tháng 8 năm 2014

TS. Nguyễn Mạnh Hùng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Sách Thái Hà

Lời nói đầu

Dịch học là một triết học xa xưa của người Á Đông. Mặc dù ra đời cách đây hơn 5000 năm nhưng sức hấp dẫn của nó càng ngày càng lan tỏa mạnh mẽ, không chỉ tại những nơi nó đã từng phát triển như Trung Hoa, Việt Nam, Nhật Bản, Cao Li mà ngày nay nó còn hấp dẫn nhiều nhà nghiên cứu phương Tây. Có thể nói Dịch học như là Bản thể luận đầu tiên của nhân loại; đồng thời cũng là Hiện tượng luận hay nói theo Phật giáo là Pháp tướng luận. Chính vì điều này mà nó không những cung cấp cho người ta hiểu biết về bản chất của nhân sinh và vũ trụ mà còn cho phép con người có những dự đoán dựa trên những kết quả có tính siêu nhân quả. Vì ảnh hưởng của nó lớn lao như thế nên vấn đề nguồn gốc của nó càng làm cho những người nghiên cứu quan tâm hơn.

Tất nhiên vấn đề này đã được đề cập từ xa xưa, cách đây hàng ngàn năm nhưng ngày nay khi nhìn lại, người ta nhận ra rằng câu hỏi “Ai là tác giả của Dịch học?” vẫn chưa được xác định một cách khoa học. Tại Trung Hoa, các học giả chưa đưa ra được câu trả lời thỏa đáng, dù nói đến Dịch học hầu như ai cũng nghĩ nơi đây là quê hương của triết lí này.

Trong quá trình đi tìm nguồn gốc của Dịch học, vài thập niên qua, ở Việt Nam có một số nhà nghiên cứu cho rằng Dịch học có nguồn gốc từ người Lạc Việt. Nhiều người đã đưa ra những chứng lí để chứng minh cho lập trường của mình, có thể nói rằng những lập luận ấy khá thuyết phục. Tuy nhiên vì là suy diễn nên chưa được chấp nhận rộng rãi, điều này cũng dễ hiểu, vì hàng ngàn năm qua Nam và Bắc cùng chia sẻ một không gian lịch sử, trong đó có sự phát triển của Dịch học mà sách vở viết về Dịch học chủ yếu viết bằng chữ Hán.

Cùng trong hướng đó, tôi đề nghị ở đây, không chỉ là suy diễn mà là những bằng chứng cho thấy rằng chính người Lạc Việt đã sáng tạo nên hệ thống Dịch lí và chữ Vuông, vì hoàn cảnh lịch sử, câu chuyện ấy đã được kể lại hoặc là mơ hồ hoặc là dưới tên của dân tộc khác. Tuy nhiên Tổ tiên người Việt đã khéo léo cất giấu cái văn hóa huyền vĩ của mình dưới những cách

thức khác nhau của ngôn ngữ dân tộc mình. Đây là một nỗ lực vô cùng lớn lao và đầy trí tuệ. Bởi vì những gì mà ta nhận được từ những trống Đồng, tranh dân gian hay truyện ngụ ngôn là những thông tin có tính hệ thống, xuyên suốt, phù hợp với những gì đã lưu lại trong sách vở từ hàng ngàn năm qua về Dịch học. Từ những phát hiện như vậy, tôi xin giới thiệu với bạn đọc những gì mà Tổ tiên người Việt đã làm, đã cất giấu để lưu lại cho hậu thế thông điệp rằng “Người Việt chính là tác giả của Dịch học và chữ Vuông”. Đây là những phát hiện mà tôi cho rằng quá mới nên nhất định có nhiều giới hạn, mong nhận được sự góp ý của các thức giả.

Mời các bạn cùng tìm hiểu.

Đà Lạt, ngày 30 tháng 3 năm 2014

Viên Như

Phần một

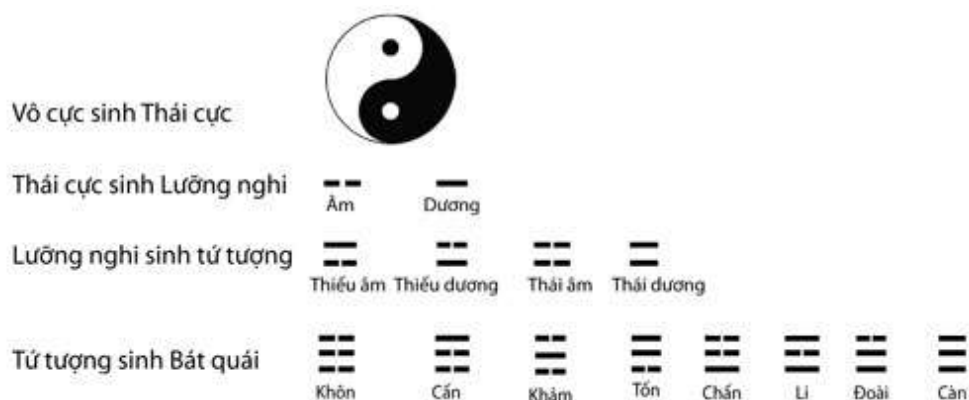
Một số khái niệm căn bản và vấn đề về Dịch học

Trước khi giải mã Dịch lí trong trống Đồng, tranh dân gian Đông Hồ và truyện ngụ ngôn, ta hãy tìm hiểu một số khái niệm và vấn đề căn bản trong Dịch học.

I. Kinh Dịch là gì?

Kinh Dịch là một bộ sách ghi lại một hệ thống Dịch lí và những luận giải quan niệm của người xưa về sự hình thành và vận hành của con người và vũ trụ thông qua sự tương tác đối kháng, biến đổi có quy tắc của các thành phần mà người xưa đã tổng hợp, đúc kết và kí hiệu hóa, từ đó đưa ra những dự đoán có tính siêu hình. Ban đầu chỉ dùng để bói toán, về sau nó được hệ thống hóa thành một hệ thống triết học.

II. Các kí hiệu căn bản trong hệ thống Dịch lí



III. Dịch lí

Gồm 3 phần: 1- Bất Dịch; 2 - Giản Dịch; 3 - Biến Dịch

1. Bất Dịch

Bất Dịch là bản thể của vũ trụ, nơi chứa nhóm mọi hạt giống của mọi hiện hữu, nó chưa từng sinh ra và mất đi, không lớn cũng không nhỏ, chẳng trong cũng chẳng ngoài, cho dù có bao nhiêu sinh sinh diệt diệt chẳng nữa thì nó vẫn thế, nó vượt lên trên mọi khái niệm đối đãi. Người ta có thể gọi nó bằng nhiều tên khác nhau như đối với Lão Giáo thì gọi là Vô Vi, đạo Phật thì là Chân Như hay thông thường nhất gọi là Đạo. Vì nó không bao giờ thay đổi nên gọi là Bất Dịch hay có thể gọi là Thể Dịch.

2. Giản Dịch

Là tổng hợp những thành phần căn bản của vũ trụ mà người xưa cho rằng từ đó tất cả mọi hiện hữu được hình thành, đây là Tượng của Dịch lí – Tượng Dịch. Do đây là những khái niệm về những thành phần căn bản của vũ trụ nên nó tĩnh tại, đơn giản và dễ nhận biết.

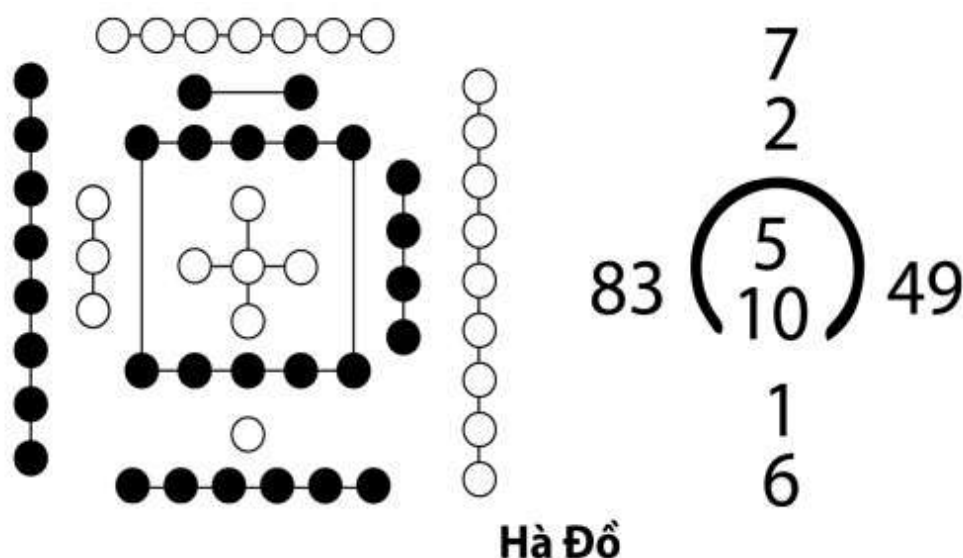
3. Biến Dịch

Biến Dịch là sự thay đổi do tác động qua lại giữa các thành phần căn bản của vũ trụ, cả nhiên giới và nhân giới, tạo nên thế giới hiện tượng, chính từ biến dịch này đã tạo ra bộ mặt của cuộc đời với muôn vàn màu sắc, nó không bao giờ dừng lại mà luôn trong hướng chuyển động. Quan sát sự biến dịch người ta biết rằng nó thay đổi do sự đối kháng, tương tác nhưng có quy luật nên họ tìm cách can thiệp, thích ứng tùy theo những tình huống khác nhau để thực hiện mong ước của mình. Ta có thể gọi Biến Dịch là dụng của dịch hay Dụng Dịch.

IV. Hà đồ – Tiên Thiên Bát Quái; Lạc thư – Hậu thiên Bát Quái

1. Hà đồ - Tiên Thiên Bát Quái

Hà đồ là một sơ đồ thể hiện quan điểm của người xưa về bản thể của vũ trụ theo thuyết âm dương. Ban đầu nó được thể hiện bằng một sơ đồ hình vuông với các chấm tròn xoáy như đã nói trong truyền thuyết về tác Dịch của Phục Hy, về sau được thay bằng các con số được sắp xếp từng cặp chẵn lẻ - Âm Dương theo 4 phương Bắc, Nam, Đông, Tây, nhằm biểu tượng cho các hiện tượng đối đãi của vũ trụ với các tính chất đã được cụ thể hóa. Từ Hà đồ người xưa xây dựng nên Tiên Thiên Bát Quái. Bát Dịch là Thể của vũ trụ, còn Tiên Thiên Bát Quái chính là Tượng của nó. Tiên Thiên Bát Quái chỉ là một kho chứa đựng các nguyên liệu dùng để xây dựng nên thế giới của Dịch lí, tất cả các chất liệu được chỉ ra bởi các tên gọi khác nhau cho những thành phần khác nhau trong thế giới đối đãi của tạo hóa. Do đó nó có mặt một cách đơn giản, dễ nhận biết.



Các chất liệu đó như sau:

Thiên nhất sinh Thủy, Địa lục thành chi.

Địa nhị sinh Hỏa, Thiên thất thành chi.
Thiên tam sinh Mộc, Địa bát thành chi.
Địa tứ sinh Kim, Thiên cửu thành chi.
Thiên ngũ sinh Thổ, Địa thập thành chi.

Nghĩa là:

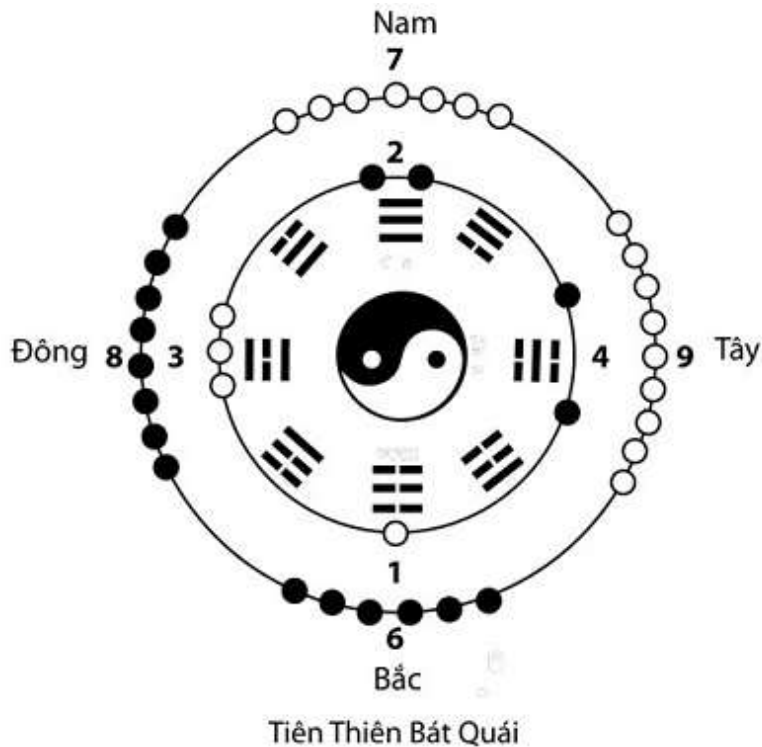
*Trời 1 sinh Thủy, thành Đất 6.
Đất 2 sinh Hỏa, thành Trời 7.
Trời 3 sinh Mộc, thành Đất 8.
Đất 4 sinh Kim, thành Trời 9.
Trời 5 sinh Thổ, thành Đất 10.*

Như vậy Ngũ Hành đã được định cùng với 5 cặp số Sinh Thành ra chúng, có vị trí theo đúng các hướng của các cặp số:

1-6: Hành Thủy, phương Bắc.
2-7: Hành Hỏa, phương Nam.
3-8: Hành Mộc, phương Đông.
4-9: Hành Kim, phương Tây.
5-10: Hành Thổ, ở Trung Tâm.

Ngũ Hành, Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ khi tương tác lẫn nhau theo cơ chế hai chiều đối xứng là Âm và Dương, tức cơ chế Tương Sinh và Tương Khắc. Theo đó cứ hai Hành đứng kề nhau thì sinh cho nhau, luân chuyển mãi không ngừng, các Hành cách nhau thì khắc chế nhau, và cứ thế mà luân lưu mãi.

Tính chất của Hà đồ - Tiên Thiên Bát Quái là tĩnh, chức năng của nó cung cấp cho con người những nguyên liệu căn bản xây dựng nên thế giới của Dịch lí, bản thân nó không phải là nguyên lí vận hành. Căn cứ vào Hà đồ người ta làm ra TIÊN THIÊN BÁT QUÁI.



Tiên Thiên Bát Quái chính là diện mạo ban sơ của Dịch lí, tuy đơn giản nhưng là nền tảng cho mọi phát triển của Dịch lí sau này. Đồng thời khi làm ra Dịch học, người xưa đã làm với tất cả tấm lòng vọng hướng về nơi mà họ xuất phát – Phương Nam, vì vậy mà họ đã đặt phương Nam lên trên. Đây không phải là sự tình cờ, mà là việc làm có í thức tập thể và có tính cộng đồng. Chính vì nó là tượng trưng cho cội nguồn cho nên người Lạc Việt xem nó như là một thế giới tâm linh, nơi họ vọng hướng về Tổ tiên. Điều này được thể hiện qua hai yếu tố.

Về tinh thần

Cách đọc các quái theo ngược chiều kim đồng hồ. Có nghĩa rằng đây là hành trình trở về với yên nguyên, cội nguồn.

Về vật chất

Họ đã dùng sơ đồ này để vọng hướng về phương Nam, nơi mà họ xuất phát, trải qua nhiều vùng đất, nhiều thế hệ hy sinh để xây dựng cho mình một cộng đồng cùng phát huy một nền văn hóa riêng biệt.

2. Lạc thư - Hậu Thiên Bát Quái

Lạc thư là một sơ đồ các lí số chẵn lẻ - Âm Dương lấy căn bản từ Hà đồ nhưng theo một lí luận tinh tế, rất ráo hơn và triệt để hơn, ví như cực âm thì đối với cực dương 2 - 9, cực dương đối với cực âm 1 - 8, cứ như thế cho đến các cặp số nhỏ hơn. Tất cả các cặp số được thể hiện trên hai trục dọc ngang theo phương thức Nam tả Nữ hữu. (Dương trái, Âm phải). Từ sơ đồ này người ta cho nhị nghi hoàn toàn tách ra làm thành ma phương với độ số tổng của mọi phương là 15. Điều này phản ảnh thế giới của hiện tượng, âm là âm và dương là dương.

	9	2
4	5	7
3		6
	8	1

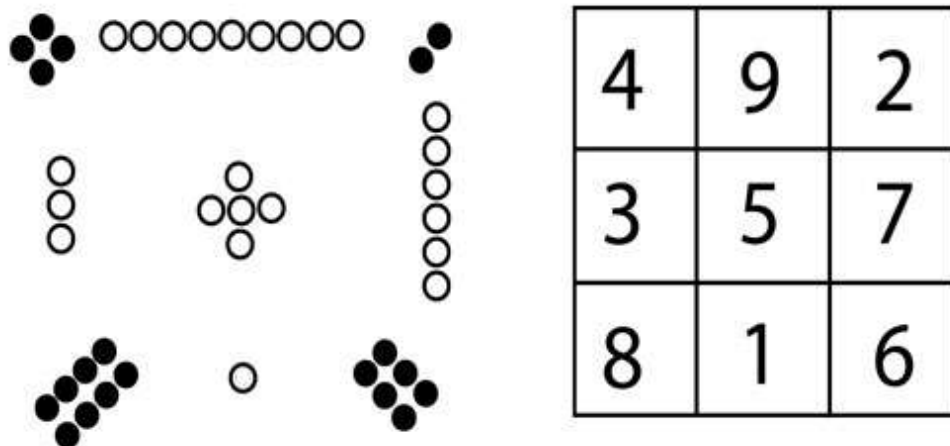
Bản thể

4	9	2
3	5	7
		6
8	1	

Thế giới hiện tượng

Người ta cho rằng Lạc thư này do Văn Vương làm ra, như vậy là nó ra đời sau Hà đồ đến gần 2000 năm! Vậy thời gian từ Phục Hy (2800 TCN) đến Văn Vương (1046) người ta vận hành Dịch bằng đồ hay thư nào? Tất nhiên sẽ có ai đó cho rằng bằng Tiên Thiên Bát Quái chứ bằng gì nữa! Đây là một dấu hỏi, vì Tiên Thiên Bát Quái chỉ là một đồ chỉ cái Tượng của các thành phần đối đãi căn bản của vũ trụ, tính chất của nó hoàn toàn tĩnh, chiều chuyển động của nó là ngược kim đồng hồ, có nghĩa là quay về với quá khứ, như thế thì làm sao có chuyện biến dịch từ hiện tại vào trong quá khứ được, do đó Tiên Thiên Bát Quái không có chức năng vận hành. Tuy nhiên chính sự có mặt của Tiên Thiên Bát Quái với những tính chất của nó đã nói lên rằng phải có một đồ khác đối lập với nó, có nghĩa là phải có một đồ có tính chất động để vận hành Dịch lí. Lại nữa ở Tiên Thiên Bát Quái đã có Tam tài, Ngũ hành thì đâu có lẽ người ta chưa nghĩ ra Thiên can, Địa chi, những gì ghi lại trên trống Đồng cho thấy các yếu tố ấy đã xuất hiện rồi, vậy Thiên

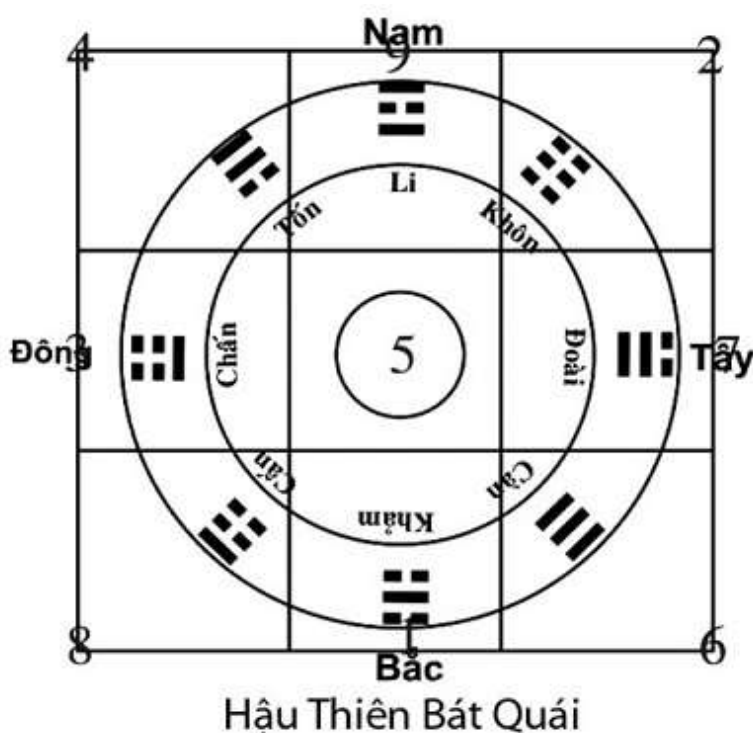
can, Địa chi được vận hành ở đồ nào? Hơn nữa cuộc sống là một hiện thực, nó từng ngày từng giờ tác động lên đời sống con người mà bản chất của cuộc sống luôn động và không phải là đối tượng của Tiên Thiên Bát Quái, vì tính chất của nó là tĩnh, vậy người ta sẽ vận hành Dịch lí như thế nào nếu không có một đồ nào đó để giải quyết vấn đề. Đặt vấn đề như thế có nghĩa là ta có thể hiểu rằng cùng lúc có Tiên Thiên Bát Quái thì Hậu Thiên Bát Quái cũng song hành có mặt. Bởi vì Hậu Thiên Bát Quái là biểu tượng cho thế giới động hay nói khác nó là cái Dụng của Bất Dịch hay Đạo. Từ cái Dụng này mà sinh ra thiên hình vạn trạng, thế giới của biến dịch, cái mà ta gọi là cuộc Đời. Như vậy Tượng và Dụng từ nguyên sơ cả hai đã cùng có mặt hay nói khác hơn Giản Dịch hay Tượng Dịch và Biến Dịch hay Dụng Dịch là hai mặt của Bất Dịch hay Thế Dịch. Vậy lẽ nào phải mất đến hàng ngàn năm người ta mới hiểu ra điều đó để rồi mới làm ra cái Hậu Thiên Bát Quái. Như thế là tư tưởng Hậu Thiên Bát Quái đã có ngay từ thuở ban đầu chứ đâu đến thời Văn Vương. Do đó tôi cho rằng chuyện Văn Vương làm ra Hậu Thiên Bát Quái chỉ là truyền thuyết mà thôi, nó không phù hợp quy luật và tiến trình phát triển của Dịch học.



Tiên Thiên Bát Quái là biểu tượng cho Trời Đất, còn Hậu Thiên Bát Quái là biểu tượng cho Con Người. Qua Hậu Thiên Bát Quái ta thấy rằng từ ngàn xưa người ta đã nhận thức được vai trò chủ đạo của Con Người trong việc tạo dựng nên thế giới tâm sinh lí thông qua í thức của mỗi con người hay mỗi cộng đồng. Việc sắp xếp các quái trong Hậu Thiên Bát Quái cũng như

cách vận hành các quái theo chiều thuận kim đồng hồ đã nói lên điều đó. Càn Khôn không còn đóng vai trò quyết định, các yếu tố tự nhiên được xếp sang một bên thay vào đó là những bố trí mang tính í thức chủ quan của con người. Vì nhận thức rằng các biến dịch luôn tuân theo những quy luật nhất định nên con người, bằng hiểu biết của mình về Dịch lí, tìm cách can thiệp sao cho các biến dịch ấy có kết quả theo những gì mà con người mong muốn.

Căn cứ vào tính chất và chức năng của Lạc thư người ta làm ra HẬU THIÊN BÁT QUÁI.

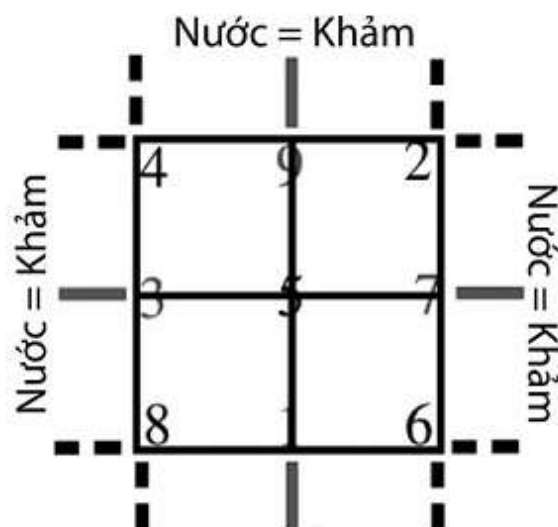


V. Tại sao quái Khảm lại được đặt ở vị trí số 1

Như ta thấy, Hậu Thiên Bát Quái hoàn toàn khác với Tiên Thiên Bát Quái, không những về tính chất và chức năng mà trật tự các quái cũng hoàn toàn thay đổi. Việc thay đổi này làm cho những người nghiên cứu tốn rất nhiều giấy mực để làm rõ vấn đề, thậm chí có người cho là cần phải thay đổi một

hai vị trí của các quái. Tất nhiên việc sáng tạo là quyền của mỗi người và xem đó như là sáng tạo của riêng mình, còn việc thay đổi nội dung đối tượng nghiên cứu là không phù hợp với nguyên tắc nghiên cứu, vì những gì mà người xưa đã làm ra, nhất là một hệ thống triết lí uyên áo như Dịch học, chắc chắn đã được bàn thảo hết sức kĩ lưỡng, nhất định nó không phải là tác phẩm của một cá nhân, đồng thời nó lại tồn tại hàng mấy ngàn năm qua, được soi rọi qua biết bao bộ óc tinh thông Dịch lí. Tất cả điều ấy nói lên rằng sự tồn tại của Tiên Thiên Bát Quái và Hậu Thiên Bát Quái bấy lâu nay có cái lí của nó.

Trở lại vấn đề tại sao người xưa lại bố trí quái KHẨM tại số 1? Như chúng ta biết, người Lạc Việt là cư dân lúa nước, cuộc hành trình của họ là cuộc hành trình trên mặt nước, các hình thuyền trên trống Đồng cho thấy điều đó, cũng chính vì vậy mà cuộc sống của họ bị ảnh hưởng bởi nước, từ việc lập quốc cho tới việc xây dựng nên triết lí Dịch, trong truyền thuyết lập quốc yếu tố nước đóng vai trò chủ đạo như: Kinh Dương Vương, Kinh = bộ thủy = Nước, Sông Dương Tử, Lạc Long Quân = Lạc, Rồng = Nước, Thủy phủ, Long Nữ, ranh giới từ Hồ Động Đình - Nam Hải, rồi đến khi làm ra Dịch học cũng từ nước, trước hết là Cốc, Nòng Nọc, Hà đồ, Lạc thư. Chính vì vậy mà người Việt gọi quốc gia là NƯỚC, như nước Việt, nước Thái. Có thể vì điều này mà khi xây dựng Hậu Thiên Bát Quái người Việt cũng dựa trên nước chẳng. Nhìn vào sơ đồ ta thấy bốn bề là NƯỚC = KHẨM. Theo tôi có thể đây chính là lí do mà người xưa đặt quái KHẨM ở vị trí số 1.



VI. Tìm hiểu cách hình thành các chữ liên quan đến Dịch lí của người Việt: Quẻ - Quái 卦 – Diệc - Dịch 易 – Ênh Ương 陰陽 - Âm dương 陰陽 - Bộ cóc - Phụ 阜 =1

Trong quan điểm cho rằng chữ viết của người xưa được sáng tạo ra dựa trên triết lí mà họ xây dựng, cụ thể là thuyết âm dương, nên nền tảng của các con chữ ấy phải dựa trên những khái niệm và nguyên lí của Dịch học, vì Dịch học xuất phát trên cơ sở cuộc sống của con người thì chữ viết cũng là những gì phản ánh từ chính cuộc sống của họ. Chắc chắn rằng chữ Vuông đã được tạo ra song song với sự phát triển của Dịch học. Đây là những chữ được hình thành từ thuở sơ khai, nó được cấu thành trên nguyên tắc biểu ý, do đó cơ cấu nội tại của nó nhất định phải có í nghĩa liên quan mật thiết với Dịch lí.

1. Quẻ - quái 卦

Chữ Quái này là một chữ biểu í gồm có ba chữ gộp lại: Chữ Thổ 土, chữ Thổ 土, chữ Bốc 卜. Vì sao chữ Quái lại hình thành bởi ba chữ ấy?

Như ta biết, ban đầu Dịch vốn là một phương thức bói toán của người xưa, không phải chỉ có bói Dịch thôi, họ còn có các phương thức bói khác nữa, về sau khi phát triển thành một hệ thống triết học rồi thì sử dụng Dịch để đại diện cho tất cả các phương thức bói toán. Cụ thể chữ Quái phản ánh ba phương thức bói toán của người xưa như sau:

1.1. Bói giò gà

Trong quá trình sinh hoạt, người ta bắt đầu đặt dấu hỏi liệu các con vật có ngôn ngữ truyền thông cho nhau không? Đặc biệt con gà, vì người Việt cổ thờ mặt trời, mà mỗi khi gà gáy là báo hiệu mặt trời sắp trở lại sau một đêm dài, có thể từ đó người ta nghĩ rằng gà có quan hệ mật thiết với mặt trời nên bắt đầu quan sát, họ thấy khi con Gà kiếm ăn thường bới đất – Thổ 土 – để lại các đường gạch, thường là ba gạch , vì nó chỉ bới bằng ba ngón chân, người ta nghĩ rằng những gạch này là ngôn ngữ của nó và chứa trong chân gọi là Quẻ vì con gà là con Quẻ. Vì vậy sau khi con gà chết người ta tin rằng trong chân nó có chứa đựng thông tin của thần thánh, từ đó có tục bói giò gà.

1.2. Bói Diệc hay Dịch

Diệc là loài chim như vạc, cò, thường kiếm ăn trên đồng, khi di chuyển qua lại tạo dấu chân trên đất Thổ 土, cũng như gà thường là ba gạch. Người xưa nghĩ rằng con diệc cũng có Quẻ. Sử dụng các quẻ này phối hợp với quẻ gà người ta đưa ra bói Dịch. Ngoài ra con diệc là loài có thể bay lượn trên không và làm tổ trên cây bằng các que nên người xưa cho rằng quẻ của nó là dị thường. Hình ảnh Diệc ngậm quẻ khá nhiều trên trống Đồng.



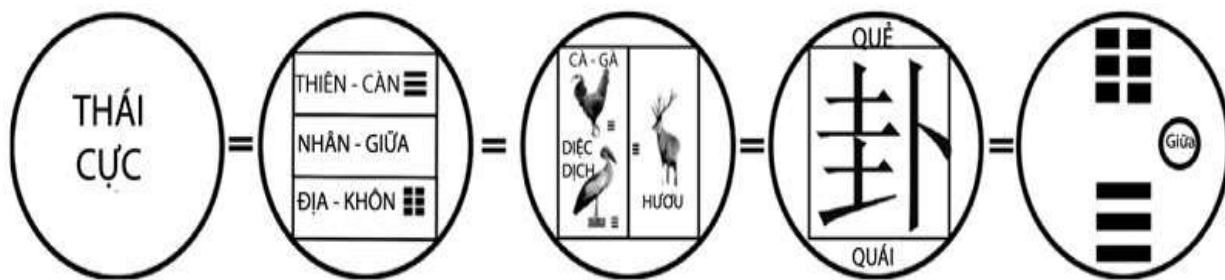
Nguồn: Nguyễn Văn Huyền

1.2. Bói xương Hươu

Hươu là loài hiền lành, thường sống ở các vùng đồng bằng nhiều cỏ và là đối tượng bị người xưa săn bắn nhiều nhất (theo khảo cổ các xương động vật tìm thấy tại các nơi người xưa sinh sống, trên 60% là xương hươu (http://www.lichsvietnam.vn/home.php?option=com_content&task=view&id=1375&Itemid=5)). Trong lúc rình săn, người ta thấy rằng hươu thường cọ sừng vào gốc cây để lại những gạch ngang, từ đó người ta nghĩ rằng con hươu cũng có Quẻ, sau khi thịt hươu, họ nướng xương hươu rồi lấy một cái que nhọn tách ra, căn cứ trên vết nứt của xương mà đoán, gọi là Bói xương hươu - Bốc 卜, hình ảnh một vật nhọn đâm vào khúc xương người Việt gọi là Bói.

Cả ba chữ ấy được ghép vào theo trật tự: Trên (Thiên)- Giữa (người) - Dưới (địa) trong phạm vi Thái cực (vòng tròn) gọi là Quẻ = Quái.

Tiến trình biểu í chữ QUÁI

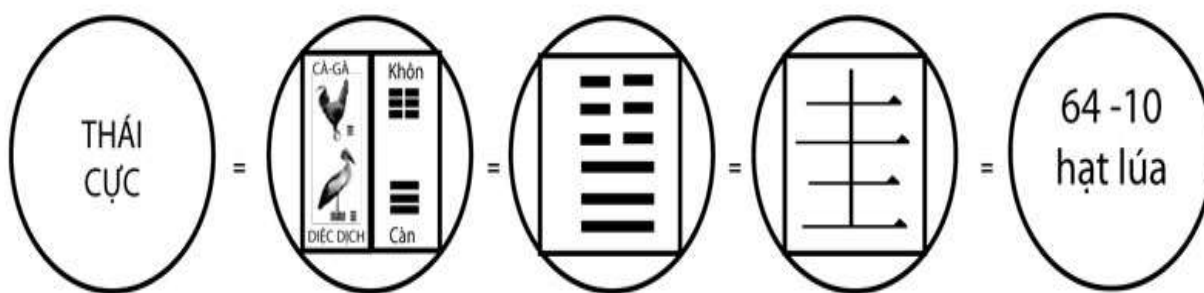


Chính hành vi cọ sừng vào gốc cây này mà người xưa đã vẽ thành một con chữ, đó là chữ Góc 角 nghĩa là sừng. Ngày nay đọc là Giác 角 nhưng

âm gốc xưa vẫn còn trong tự điển. Cũng chính từ đây mà người ta đã khắc các con chữ đầu tiên lên xương hươu. Hành động khắc chữ lên xương này người xưa cũng đã thể hiện bằng một con chữ, theo tôi đó là chữ CỘ 𪛗 như trong cộ xát, âm Hán Việt là Cô 觚 nghĩa là cái thẻ tre có viết chữ. Tuy nhiên khi chiết tự chữ CỘ, ta thấy nó được hình thành bởi hai chữ Giác 角 = Xương và Trảo 爪 = Móng nhọn. Rõ ràng đây là hành động dùng vật nhọn khắc hình ảnh con chữ sơ khai lên xương hươu, cái mà bây giờ ta gọi là Giáp cốt văn, tiền thân của chữ Vuông, vì vậy chữ Cộ còn có một nghĩa khác là Vuông. Có lẽ về sau người ta sợ lưu vết tích xưa nên đổi thành thẻ tre chứ bản thân nó chẳng có tiêu chí gì để nó có thể thành thẻ tre cả.

Trong nội tại chữ Quái lại có một kết hợp khác nữa đó là hai chữ Thổ chồng lên nhau 圭, hay ta có thể hiểu hai Quẻ chồng lên nhau ䷆, đó là chữ Khuê 圭, nghĩa của nó là dụng cụ đo lường 64 hạt lúa hay cái cân, cân được 10 hạt lúa. 64 là số của 8 quẻ đơn kết hợp với nhau làm thành: $8 \times 8 = 64$, số 10 là số Trinh của Dịch lí, hạt lúa chính là xác định sản phẩm của cư dân lúa nước. Điều này khẳng định Dịch học và chữ Vuông là sản phẩm của cư dân lúa nước hay nói khác hơn là của người Lạc Việt.

Tiến trình biểu í chữ KHUÊ

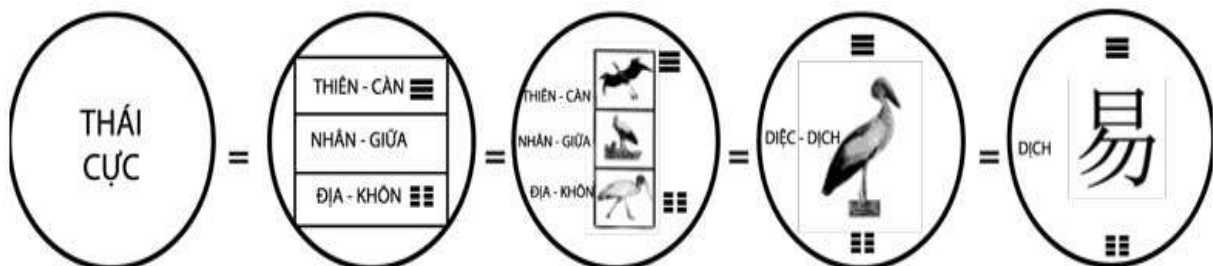


Theo tôi, chữ Khuê là một chữ được phái sinh từ chữ Quẻ, phân tích ngữ âm của nó ta thấy điều đó. (Khuê = Kh – uê = K – uê = Q - uê = Quê). Chính vì vậy mà trong chữ Nôm dùng chữ này với âm Quê – Que.

2. DIỆC - DỊCH. Tại sao không gọi CÀ hay GÀ HỌC - HƯƠNG HỌC mà là DIỆC HỌC hay Dịch học?

Ta thấy rằng ngay trong chữ Quái đã phản ánh 3 tầng lớp Trên – Giữa – Dưới – hay ta còn gọi là Trời – Người – Đất (Thiên, địa, nhân). Quẻ gà thì biểu tượng đất vì là loài sống dưới đất – Quẻ hương thì nằm trên gốc cây, có nghĩa là trung gian hay giữa. Diệc hay Dịch là loài vừa sống trên trời vừa sống trên cây vừa sống dưới đất nên nó hội đủ điều kiện để đại diện cho cả 3 tiêu chí trên. Hay ta có thể nói Diệc – Dịch chứa đựng cả Trời – Đất hay Càn – Khôn. Chính vì vậy mà người xưa chọn Diệc – Dịch đại diện cho hệ thống bói toán siêu hình hay triết học của họ.

Tiến trình biểu í chữ DIỆC - DỊCH



3. Ẽnh Ương 陰陽 - âm dương 陰陽

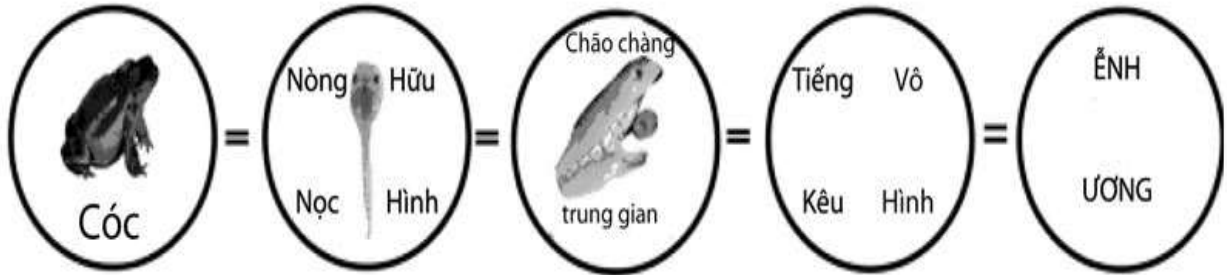
Ngày nay ta thấy trên trống Đồng thường có tượng Cóc. Cóc tượng trưng cho Thái cực (xem phần giải mã chữ viết). Thái cực sinh Lưỡng nghi = Âm Dương = Cóc sinh Nòng Nọc = Ẽnh Ương. Cách thành lập hai từ Ẽnh Ương - Âm Dương cũng tương tự như cách hình thành chữ Quẻ – Quái, Diệc – Dịch. Ban đầu là hữu hình sau là trừu tượng - vô hình. Cụ thể như sau:

Nòng Nọc: là từ tượng hình, chỉ con một đầu to = Nòng, một đầu nhỏ = Nọc = Hữu hình.

Chảo Chàng: Không phải cóc, không phải ếch = Trung gian.

Ếnh Ương: Từ này là từ tượng thanh = trừu tượng = Vô hình. Về sau hai từ Ếnh Ương thành Âm Dương.

Tiến trình xây dựng khái niệm ẾNH ƯƠNG



Vì âm dương có nguồn gốc từ hai chữ Ếnh Ương nên âm dương còn có nghĩa là tiếng kêu của loài ếch, nghĩa này cho đến thời Tự Đức, ông vẫn còn dùng trong bài thơ sau:

Bài thơ Soi ếch

霖雨淋漓李俚塘

Lâm vũ lâm li lí lí đường

Vườn mận đêm mưa nước nhọt nhầy

冥冥秉燭炤陰陽

Minh minh bình chúc chiếu âm dương

Thắp đèn soi khắp chỗ kêu đây

Vô Hình Chão chàng trung gian

馳驅上下攻盈串

Trì khu thượng hạ công doanh quán

Bắt trên bắt dưới xâu từng chuỗi

去首離皮得幾網

Khử thủ li bì đắc kĩ cương

Chặt thủ lột da mấy trã đầy.

(Giai thoại văn chương Việt Nam,
Thái Bạch, tr.101- 103, Nxb. Sống Mới – Sài Gòn)

Phân tích ngữ âm của các từ Nòng Nọc – Chảo Chàng - Ẽnh Ương, ta thấy rõ người xưa đã có í chỉ sự phân hóa tách bạch của hai nghi Âm Dương. Ban đầu là N+òng N+ọc, Ch=ảo Ch+àng, hai phụ âm đầu giống nhau, có nghĩa là có chung cội nguồn – Thái cực, nhưng đến Ẽnh Ương thì mất phụ âm đầu, điều này chỉ ra rằng đến đây hai nghi Âm Dương tách ra riêng biệt. Do đó khi ký âm lại bằng chữ tượng hình người xưa cũng đã thực hiện đúng với tinh thần này. Âm Dương 陰 陽 cả hai chữ đều mang bộ Phụ 阝 tương đương với phụ âm đầu N – Ch, nhưng khi phát âm thì đã ẩn mất phụ âm đầu, có nghĩa là chữ thì có kí hiệu của phụ âm đầu nhưng phát âm thì không, nhằm chỉ sự phân hóa; đồng thời hai chữ Âm Dương hay Ẽnh Ương cũng được thành lập như các cách bói toán mà như đã thể hiện trong chữ Quái – Từ hữu hình đến vô hình. Tuy nhiên trong quá trình phát triển thành quả văn hóa Diệt - Dịch và chữ Vuông, người Việt đã thay nó bằng một con chữ khác có tự dạng tương tự. Lí do có thể là vì từ Ẽnh Ương không bảo đảm cho cả hai nghĩa vừa hữu hình vừa vô hình, vì trong chữ - Ẽnh Ương thì mất phụ âm đầu, hoàn toàn vô hình, còn - Âm Dương thì một mất, một còn để chỉ sự tương phản, đối kháng, qua đây ta thấy người xưa đã suy nghĩa rất kĩ, không phải chỉ là vấn đề triết lí trong tư tưởng mà còn trong con chữ nữa. Cụ thể như sau:

Hai chữ Âm Dương đang sử dụng hiện nay: 陰 陽

陰 - Âm = Không có phụ âm đầu = Vô hình = Tối.

陽 - Dương = Có phụ âm đầu = Hữu hình = Sáng.

Theo tôi hai chữ Ẽnh Ương ban đầu của người Lạc Việt là như thế này.

𠄎 陽

Đọc chiết tự theo âm Hán Việt.

Ẽnh: 𠄎 = 阝 Phụ + 奚 Hê.

Ương: 陽 = 阝 Phụ + 易 Dịch.

Đọc chiết tự theo âm thuần Việt.

Ễnh: 𨾏 = 𠂔 Cóc + 奚 Cà, gà = Ễnh.

Ương: 陽 = 𠂔 Cóc + 易 Diệc = Ương.

奚 Âm Hán Việt là HỀ. Nghĩa: Lời ngờ hỏi, như: Sao thế!

Hiện nay trong tiếng Việt chúng ta vẫn còn sử dụng từ Cà với nét nghĩa: Lời ngờ hỏi, sao thế! Như “Sao vậy cà!”

Cà là âm cổ của Gà, ta có thể xác định điều này khi ta biết chữ Kê 鷄 có nghĩa là con gà. Khi người Hán buộc ta phải học theo âm mới là Kê (có lẽ bắt đầu từ thời Sĩ Nhiếp – Nam Giao học tổ !?), người Việt đã sợ mất âm xưa nên mới ghép hai âm Việt và Hán lại thành Cà Kê. Nếu chiết tự ra ta thấy chữ Kê 鷄 có hai chữ: HỀ 奚 và Điểu 鳥 = Chim. Vai trò chữ Điểu là nhằm hệ thống hóa chữ viết, vậy còn chữ HỀ 奚 với nghĩa là sao thế thì đóng vai trò gì để chỉ định nghĩa của nó là con Gà. Rõ ràng đây chính là chữ Cà = gà 奚 của người Việt cổ. Tương tự như vậy nếu ta xét chữ Kê 雞 cũng có nghĩa là Gà. Chữ Chuy 隹 trong chữ Kê 雞 này có nghĩa là chim đuôi ngắn. Sao con gà mà là thuộc loại chim đuôi ngắn?

Chữ GÀ - HỀ và DIỆC - DỊCH qua hình ảnh các loại chữ:



Như thế là tôi cho rằng hai chữ Âm Dương vốn xưa kia là hai chữ Ễnh Ương, chữ này sử dụng ở giai đoạn đầu của Dịch, sau này khi người Việt bắt

đầu làm ra Lạc thư và Hậu Thiên Bát Quái, phát triển Dịch học đến giai đoạn biến Dịch, người ta mới đổi Ẽnh Ương thành Âm Dương. Chính vì vậy mà tự dạng chữ Âm 陰 hầu như giống chữ Cà 奚, và chữ Dương 陽 giống chữ Dịch 易.

陰 = 陰 陽 = 陽
ẼNH ÂM ƯƠNG DƯƠNG

4 –BỘ CỐC hay PHỤ 阜: Núi đất, đồng đất, to lớn, nhiều nhõ, thịnh vượng, béo. (Tự điển Thiệu Chửu). Hình ảnh Cốc trong chữ Giáp cốt.

Chữ Cốc hay Phụ có í nghĩa như thế nào trong liên quan đến Dịch và đóng vai trò gì?

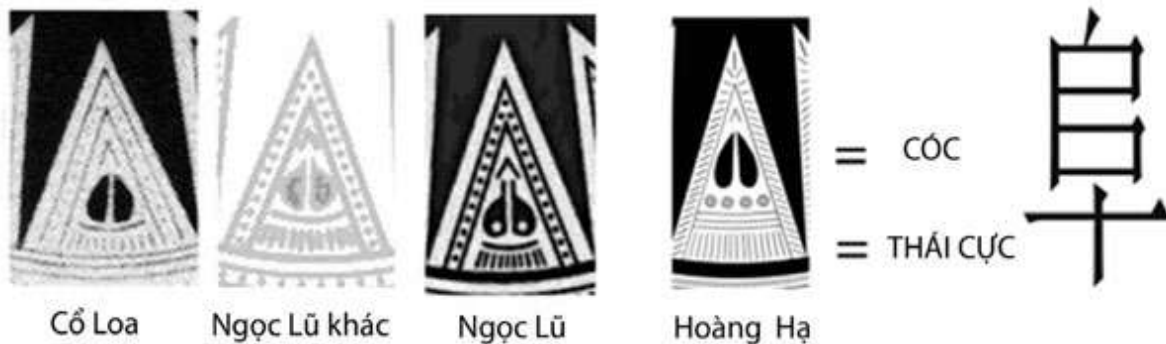
Bộ Phụ 阜. Theo tôi ban đầu người Lạc Việt làm ra gọi là bộ Cốc 阜, vì Cốc là tượng trưng cho Thái cực. Ta có thể xác minh được điều này khi ta khảo sát các chữ 陰 陽 Ẽnh Ương 陰 陽 âm dương. Bốn chữ này đều thuộc bộ Phụ = Cốc, vì nó là các chữ liên quan trực tiếp đến Dịch lí mà Cốc là cội nguồn của Dịch lí. Đồng thời với vai trò quan trọng như vậy, nó còn liên quan đến cả việc xây dựng nên hình ảnh trống Đồng, vì trống Đồng cũng là một sản phẩm thể hiện triết lí âm dương. Vấn đề này tôi sẽ trình bày ở phần hai. Cũng chính vì Cốc là Thái cực nên những chữ chủ chốt liên quan đến kiến thức đều có sự hiện diện của nó như Giác = Cốc 覺, Sư hay Sãi 師, Bối hay Bồi 貝, Học 學, Trữ hay Chử 貯, việc này người Việt xưa đã thể hiện trong một bài thơ trên bức tranh dân gian Đông Hồ “Lão Oa giảng đạo”. Vấn đề này tôi sẽ trình bày ở phần ba.

Sở dĩ bộ Cóc 阜 phải có chữ Thập 十 bên dưới là vì Thập là 10, là số Trinh, con số tuyệt đối của vũ trụ, càn khôn hay là Thái cực. Đây là í nghĩa của biểu tượng Cóc mà ta thường thấy trên trống Đồng. *Thiên hạ chi động, trinh phù nhất* (Dịch Hệ từ hạ truyện).

Tiến trình biểu í chữ Cóc = Phụ

BỘ CÓC	Thái Cực =	Biểu tượng cóc =		=		
	Số 10 Số Trinh =	10 gạch =		=		

Hình ảnh mà người Việt xưa lấy đó vẽ thành chữ Cóc = Nhái = Dái được thể hiện rất nhiều trên mặt trống Đồng, như minh họa bên dưới. Vì sao từ chữ Cóc lại thành chữ Phụ. Theo tôi lí do của nó như thế này. Cóc là Thái cực, Thái cực sinh mọi loài = Cha = Phụ. Phụ là trùng âm với chữ phụ có nghĩa là cha, bố.

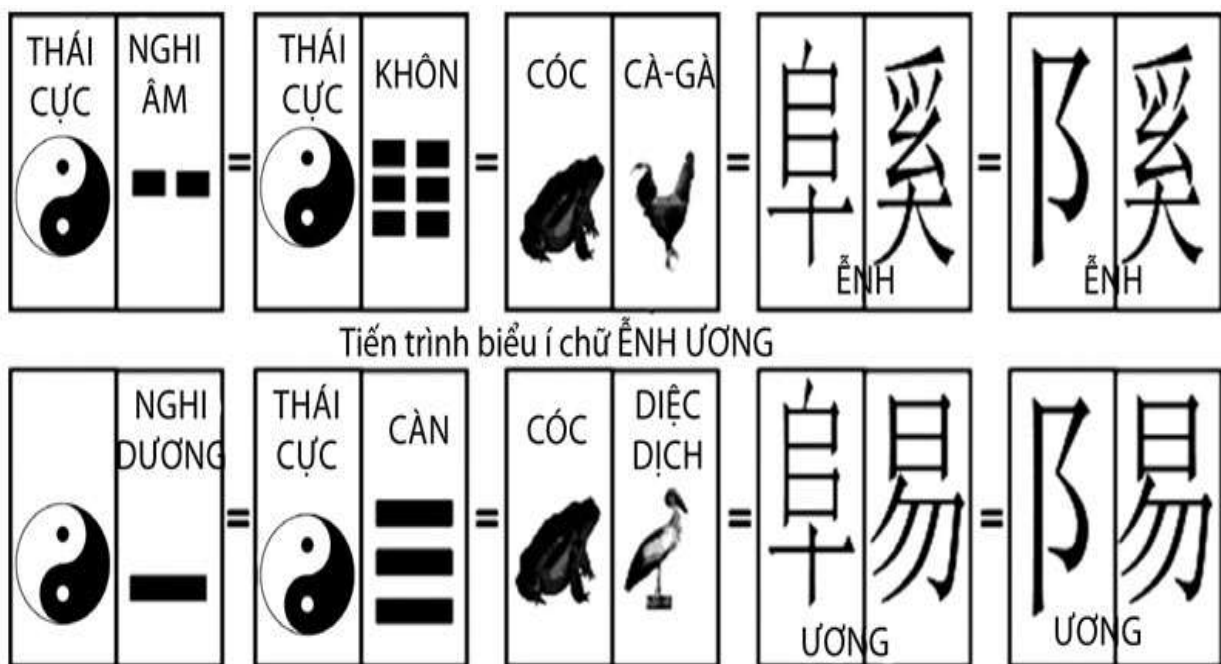


Như đã nói trên, hình ảnh Cóc bao quanh mặt trời là tượng trưng cho Thái cực, từ hình ảnh này người xưa đã vẽ nên chữ Cóc như trên.

Ngọc Lũ: Ta thấy trên là Cóc, dưới là 10 gạch.

Cổ Loa: Ta thấy trên là Cóc, dưới là 10 gạch.

Tuy nhiên khái niệm Thái cực cũng có thể là 64, vì 64 cũng là số cuối cùng của Dịch lí, điều này được thể hiện trên trống Hoàng Hạ.



Hoàng Hạ: Ta thấy trên là Cóc, dưới là 15 gạch dài + 1 gạch dài trên cùng = 16, chung quanh mỗi bên là 24 gạch ngắn. $24 \cdot 2 = 48 + 16 = 64$.

Cũng chính từ quy ước các con chữ luôn chứa đựng Thái cực – Âm Dương, người Lạc Việt xưa đã làm nên chữ hai chữ Ẽnh Ương - Âm Dương với những khái niệm chặt chẽ liên quan đến Dịch lí. Cụ thể là hai Nghi bao giờ cũng nằm trong Thái cực.

VII. Sự phát triển của Dịch học

Kể từ khi ra đời đến nay, trải qua mấy ngàn năm, Dịch học đã phát triển và ứng dụng trên hầu hết các mặt của đời sống, từ chính trị, văn hóa, kinh tế, có hàng ngàn trước tác luận bàn về nó, không những phát triển tại Trung Hoa mà còn lan rộng sang các nước Nhật Bản, Cao Li; đồng thời khi không gian trái đất nhỏ lại trước sự phát triển của khoa học kĩ thuật, Dịch học lại đến với thế giới của phương Tây. Cho đến nay đã có bốn cuộc hội thảo quốc tế về Dịch học được tổ chức tại Trung Hoa. Rõ ràng Dịch, với tư cách là một thành quả tinh thần của một nền văn minh xa xưa của con người Á Đông đến nay vẫn còn chứa trong nó vô vàn hấp dẫn trong khi các nền văn minh khác đồng thời trên thế giới hầu như đã đi vào quên lãng. Riêng tại Việt

Nam, Dịch học phát triển một cách tự nhiên vào đời sống xã hội, vì đã từ lâu không gian nơi mà Dịch học ra đời cũng chính là nơi mà người Việt đã từng sinh sống, hay nói khác hơn chính người Lạc Việt đã sáng tạo ra hệ thống Dịch học ấy, vì vậy tất cả những gì liên quan đến Dịch lí lúc đầu đều mang dấu ấn của một nền văn minh lúa nước. Điều này đã được chứng minh qua những gì mà tôi đã trình bày trên, qua những con chữ, khái niệm về Dịch lí được phản ánh một cách trung thực từ những hình ảnh thực tế của một dân tộc đồng bằng. Tuy nhiên vì lòng tự tôn dân tộc, sự cao ngạo của kẻ thống trị, người ta đã cố xóa bỏ dấu ấn của người Việt trong quá trình phát triển Dịch lí, nhằm thay đổi tư duy người đời sau rằng những gì họ tuyên truyền là chính thống. Tuy nhiên cho dù không nhắc đến tên Việt trong nguồn gốc Dịch học chẳng nữa thì với những gì được ghi lại trong nội tại của Dịch học thì khó mà phủ nhận nguồn gốc lúa nước của nó, cũng chính vì vậy mà ngày nay có nhiều nghi vấn về nguồn gốc của Dịch học.

VIII. Nguồn gốc Dịch học theo Trung Hoa

Phàm cái gì có mặt trong đời thì đều có nguồn gốc của nó, Dịch học cũng vậy. Tuy nhiên vì bắt nguồn từ xa xưa nên nguồn gốc của nó cũng chỉ được gọi là truyền thuyết, nghĩa là không chắc thật. Tương truyền vào thời thượng cổ, Phục Hy (khoảng 2852-2738 TCN) thấy con long mã trôi trên sông, trên lưng có 9 đốm xoáy, từ đó ông suy nghĩ về lẽ tự nhiên vẽ ra một vạch liền tượng trưng cho khí Dương và một vạch đứt tượng trưng cho khí Âm, hai tượng này gọi là Nhị nghi, trên mỗi Nghi ông thêm một gạch liền, một gạch đứt làm thành bốn cái hai gạch gọi là Tứ tượng, tiếp đến trên mỗi Tượng ông thêm một gạch liền, một gạch đứt xếp chồng lên nhau thành tám cái ba vạch gọi là Bát Quái. Sau khi đặt tên cho các quẻ đơn – Bát Quái - đem xếp trên một vòng tròn với bốn phương chính tương thích với các độ số từ 1 tới 9 và bốn phương phụ, cái mà về sau này gọi là Tiên Thiên Bát Quái. Về sau vào thời vua Vũ nhà Hạ, bát quái phát triển thành 64 quẻ, rồi đến Văn Vương dựa trên lý thuyết này nhưng thay đổi phương sở của các quẻ làm thành Hậu Thiên Bát Quái; đồng thời viết Thoán từ cho mỗi quẻ. Tiếp đến

sau khi Chu Vũ Vương tiêu diệt nhà Thương, em ông là Chu Công Đán viết Hào từ. Đến thời Xuân thu (khoảng 722- 481 TCN), Khổng Tử viết Thập Dực để giải thích về Dịch lí. Từ đó Dịch học được phát triển không ngừng.

IX. Hoài nghi về nguồn gốc Dịch học

Như đã trình bày ở trên, nguồn gốc Dịch học bắt đầu từ một truyền thuyết, mà truyền thuyết thì dĩ nhiên có nhiều cái cần phải thẩm định. Như chuyện con long mã, bản thân con long mã là một con vật thần thoại mang tính biểu tượng nên không có thật, mà đã không có thật thì làm sao Phục Hy thấy được, đã vậy ngựa không chạy trên bộ mà lại trôi trên sông lại càng làm cho người đời sau khó tin vào câu chuyện ấy. Không tin nhưng không bỏ, vì cần có nó để đóng vai trò như là sự bắt đầu. Tuy nhiên càng về sau người ta càng thấy khó mà tìm thấy rõ ràng về nguồn gốc ai hay dân tộc nào đã khai sinh ra Dịch học, ngay ở Trung Quốc từ lâu người ta đã nghi ngờ vai trò sáng tạo Dịch học của Phục Hy. Chính vì vậy mà Tư Mã Thiên, khi viết sử ký, đã không xếp ông lên đầu thay vào đó là Hoàng Đế; đồng thời cố í gán việc sáng tạo Dịch cho Văn Vương – Nhà Chu. (Sử Ký Tư Mã Thiên – tr. 44 – NXB Văn học – 1988). Tuy nhiên việc làm này cũng không ngăn nổi những người nghiên cứu tiếp tục hoài nghi, đến như Khổng Tử khi viết Thập Dực để diễn giải Kinh Dịch, dù kính trọng Văn Vương rất mực mà vẫn không đề cập đến vai trò của của Văn Vương trong việc sáng tạo ra Dịch học, vì vậy vấn đề này ở Trung Hoa cho đến nay vẫn còn là một câu hỏi. Mặc dầu thế, người Trung Hoa cũng không cho rằng họ không có bản quyền trong vấn đề nguồn gốc Dịch học, có nghĩa là họ vẫn tin rằng chính họ chứ không dân tộc nào khác làm nên điều kì vĩ đó, vấn đề là chưa tìm ra mà thôi, chính vì vậy chưa có ai trong số họ có í nghĩ tìm nguồn gốc Dịch học từ một dân tộc khác. Đây chính là khoảng trống nuốt chửng hay lấp lửng đối với những lí giải nguồn gốc Dịch học từ nơi khác với tư tưởng cho rằng thành quả ấy, nếu có, là do chính họ đã mang Dịch học đến dạy các nơi ấy hay đó chỉ là kết quả của sự giao thoa văn hóa giữa nước mạnh và nước yếu mà thôi. Tư tưởng này đã trở thành cố hữu, không phải chỉ những nhà nghiên cứu Trung

Hoa mà ngay cả nhiều người hiểu biết Dịch lí ở Việt Nam, sở dĩ họ tin như vậy là dựa vào không gian và thời gian mà nơi ấy Trung Hoa cai trị và phát triển Dịch học.

X. Tìm nguồn gốc Dịch học Lạc Việt

1. Vấn đề thuyết Âm Dương

Âm dương là hai khái niệm được người Việt xưa nhận thức rất sớm, có lẽ không chỉ có người Lạc Việt, mà cả một cộng đồng Bách Việt lúc bấy giờ chia sẻ hiểu biết này. Nghiên cứu trống Đồng trong khu vực Đông Nam Á, chúng ta thấy rằng dân tộc Karen ở Myanmar cũng có trống Đồng. Tuy không có hoa văn, hình ảnh nhưng ở trung tâm trống là một mặt trời 10 – 12 cánh với hình ảnh cóc ngự trị trên ấy và 16 vòng từ trong ra ngoài. Ở Indonesia cũng có trống Đồng, trên ấy cũng có tượng cóc, mặt trời 12 cánh, chim diệc, ta có thể nói rằng đây là một kiến thức phổ biến của cộng đồng cư dân Đông Nam Á thuở ấy. Không phải chỉ nhận thức về hai khái niệm Âm Dương thôi, mà họ còn hiểu biết sâu hơn về nguồn gốc của nó, cụ thể là vũ trụ – thái cực – mặt trời, người ta cũng đã tiêu biểu hóa khái niệm này bằng hình ảnh CỐC, Cóc sinh Nòng Nọc = Thái cực sinh Âm Dương. Như vậy triết lí Âm Dương là một tư tưởng đã có từ lâu trong cộng đồng người Đông Nam Á, nó không phải là sản phẩm độc quyền của một dân tộc nào trong khu vực, ngay cả Dịch lí cũng đã manh nha phát triển, hình chim diệc trên trống Đồng Indonesia nói lên điều đó. Vấn đề là dân tộc nào trong số đó đã phát triển Dịch lí tới đỉnh cao, thành hệ thống, có tính ứng dụng vào cuộc sống con người, dân tộc đó có thể xem họ là chủ nhân của Dịch học. Đồng thời qua đây cho thấy người Việt đã có thể đi từ miền Nam lên phía Bắc như những nghiên cứu gần đây cho biết.

2. Vấn đề nguồn gốc Dịch học

Như thế là vấn đề nguồn gốc Dịch học tại Trung Hoa chỉ dừng lại ở truyền thuyết với những nhân vật mơ hồ không thật. Nhân vật thì mơ hồ nhưng Dịch học là có thật, nên vấn đề đi tìm nguồn gốc của nó cũng vẫn tồn tại. Tại Việt Nam, vài thập niên lại đây, một số nhà nghiên cứu cũng đã nêu ra vấn đề nguồn gốc Việt của Dịch học và nỗ lực đưa ra những lí giải của riêng mình, tất nhiên họ chẳng hơi sức đâu mà tìm kiếm ở tận phương Bắc, với kiến thức của mình về Dịch học và lịch sử, người ta thừa biết rằng khó có chuyện một khúc nhạc sáo tao nhã lại được sáng tác bởi một người suốt ngày rong ruổi trên lưng ngựa với cung tên trong tay, khúc nhạc ấy chỉ có thể sáng tạo nên bởi một con người ngồi trên lưng trâu, với những phút giây chậm rãi ngược nhìn bầu trời để rồi suy ngẫm những đổi thay của con người và vạn vật, vì vậy với những gì ghi lại trong Kinh Dịch như tên các quẻ đơn hay tên các địa chi đã chỉ dấu cho thấy tính nông nghiệp trong Dịch học. Đặc biệt Hà đồ đặt phương Nam lên trên và ngay cả đỉnh đồng nhà Thương cũng có tên là Hỏa Phong đỉnh, có nghĩa phương Nam là linh hồn của biểu tượng ấy. Điều này chỉ ra rằng phương Nam hay người phương Nam đóng một vai trò chủ chốt trong việc sáng tạo ra Dịch học, có lẽ cũng chính vì điều này mà người Việt đã viết tuyên ngôn độc lập của mình bắt đầu bằng “Nam quốc...” chẳng?

Lại nữa cho dù Phục Hy và long mã chỉ là nhân vật thần thoại chẳng nữa, thì câu chuyện ấy cũng phải lấy chất liệu từ cuộc sống và do con người quan sát chính họ và thế giới khách quan mà xây dựng nên, cụ thể câu chuyện xảy ra tại Hoàng Hà, các hiểu biết về Dịch bắt đầu từ nước – Hà đồ, Lạc thư. Theo truyền thuyết thì xưa kia người Việt đã từng sinh sống tại đây hay nói khác hơn xưa kia từ Hoàng Hà trải dài đến tận Hồ Tôn là lãnh thổ của cộng đồng người Bách Việt, chuyện dân tộc Việt là một dân tộc có nền văn minh lúa nước thì đã được minh chứng qua lịch sử, vì vậy mà người Lạc Việt mới cho rằng mình là con Rồng cháu Tiên, cũng chính vì điều này mà ngày nay nhiều người nghiên cứu Dịch học cho rằng nhất định người Việt đóng một vai trò quan trọng trong việc sáng tạo ra Dịch học. Từ những suy nghĩ đó, gần đây có một số nhà nghiên cứu nguồn gốc Dịch học đã đưa ra nhiều lí lẽ để chứng minh cho í tưởng ấy. Tất nhiên những nghiên cứu ấy có giá trị nhất

định, mặc dầu chưa đạt được sự ủng hộ của số đông nhưng cũng đã làm lay động không ít những người nghiên cứu. Tuy nhiên hầu hết có tính thuần lý và những chứng lí ấy cũng suy diễn dựa trên những câu chuyện được truyền lại từ ngàn xưa, mà như đã biết không gian phát triển Dịch học của người Việt và Trung Hoa có nhiều sự tương đồng, lại thêm họ đã từng chiếm đóng nước ta hàng ngàn năm, khiến cho các truyền thuyết ấy tuy có lí nhưng vẫn chưa được công nhận rộng rãi, do phương Bắc có ưu thế hơn khi dựa vào không gian lịch sử của một nước lớn. Đây cũng chính là lí do vì sao có nhiều người nghiên cứu Dịch học ở Việt Nam nhưng rất ít người lên tiếng ủng hộ í tưởng “Người Việt là chủ nhân của Dịch học”.

Tất nhiên các nhà nghiên cứu Dịch học ở Việt Nam nhận thức đầy đủ những giới hạn trên, với niềm tin mà họ đã có được từ những chứng lí có được từ quá khứ, họ chuyển sang đi tìm bằng chứng để củng cố cho chứng lí mà họ đưa ra, cụ thể là họ xem xét đến Trống Đồng. Có thể nói rằng cho đến nay tại Việt Nam, trống Đồng là vật thể xưa nhất có mang thông điệp về đời sống của dân tộc Việt hàng ngàn năm trước, nhất là các hình ảnh hoa văn trên ấy hầu như vẫn còn nguyên vẹn sau hàng ngàn năm nằm dưới mặt đất. Đặc biệt người ta tin rằng trống Đồng là vật thể có từ xa xưa, cái thời mà người ta tin rằng Dịch học chưa bị thế lực khác chiếm hữu rồi thay đổi.

XI. Trống Đồng

Trống Đồng là một nhạc cụ, khí cụ dùng trong khi tổ chức lễ hội, nghi lễ tôn giáo, kêu gọi thần dân hay thị uy khi lâm trận, nó còn là vật để thể hiện quyền uy, địa vị của người sở hữu nó. Trống Đồng được xem như là cuốn sử bằng các hình ảnh, hoa văn, hình dáng và kĩ thuật. Tất cả nói lên nó chính là thành quả hoàn hảo về mặt vật chất cũng như tinh thần của cư dân Đông Nam Á vào thời đại đồ đồng.

1. Trống Đồng Đông Nam Á

Trống Đồng là một trong những vật khảo cổ quan trọng của Đông Nam Á. Người ta tìm thấy nhiều loại trống Đồng qua nhiều thời đại, được phân bố trải dài từ Nhật Bản – Myanmar – Thái Lan – Campuchia – Indonesia – Malaysia – Việt Nam – Trung Hoa. Tuy nhiên số lượng tìm thấy nhiều nhất là ở hai vùng Bắc Việt Nam và Tây Nam Trung Quốc.



Trống Indonesia



Vạn Gia Bá - Trung Quốc



Trống Myanmar



Trống Moko

2. Trống Đồng Lạc Việt

Hậu Hán thư (後漢書), quyển 14 ghi: “Dân Giao Chỉ có linh vật là trống Đồng, nghe đánh lên họ rất hăng lúc lâm trận...”. Sách này còn chép rằng Mã Viện, tướng nhà Hán, sau khi dập tắt cuộc nổi dậy của Hai Bà Trưng vào khoảng năm 40-43, đã tận thu trống Đồng của các thủ lĩnh địa phương, một phần đem tặng, phần nấu chảy để đúc ngựa và cột đồng Mã Viện.

Ở Việt Nam, các cuốn *Việt Điện U Linh Tập* và *Lĩnh Nam Chích Quái* thế kỷ 14 ghi lại nhiều truyền thuyết về trống Đồng. Các cuốn sử như *Đại Việt Sử ký Toàn thư* cũng nói đến trống Đồng. (Nguồn <http://vi.wikipedia.org>).

Sau khi đàn áp khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, Mã Viện đã tịch thu tất cả trống Đồng để phá hủy rồi nấu chảy để đúc ngựa và cột đồng, điều này nói lên rằng số lượng trống Đồng thời ấy là rất nhiều và phân bố trên nhiều vùng, vì nếu không có số lượng nhiều và trải rộng trên nhiều vùng thì làm sao ngày nay còn sót lại một số lượng không nhỏ như thế. Chắc chắn sau cuộc khởi binh thất bại ấy, tiếng trống Đồng không còn được tấu lên mừng ngày lúa mới nữa, người Việt buộc phải quên đi một sinh hoạt tâm linh của mình, họ chấp nhận từ nay thôi không còn đâm trống nữa, thay vì giao nộp cho Mã Viện, họ giao lại cho đất mẹ với hy vọng rằng đất mẹ sẽ che chở, bảo trì cho đến ngày con cháu nước Việt tìm thấy và nhận ra những gì được

cha ông họ ghi lại trên trống Đồng. Có thể sau khi chôn trống Đồng rồi người Việt cũng đã thay đổi cách thức lễ hội, lễ hội Đâm Trâu của người miền núi có thể là một phản ánh về điều này. Như vậy, ta thấy người Việt đã chôn khá nhiều trống dưới lòng đất nên giờ đây các nhà khảo cổ mới tìm thấy nhiều như vậy. Sau khi tìm thấy nhiều trống Đồng, các nhà khảo cổ đã phân loại, chủ yếu theo quan điểm của nhà khảo cổ người Áo Franz Heger - Ông chia trống Đồng thành 4 loại mang tên ông và được giới khoa học chấp nhận. Trống Đồng Đông Sơn của Việt Nam được xếp vào loại I, trong đó có trống Ngọc Lũ.

Sở dĩ trống Đồng được xem là quan trọng trong vấn đề tìm hiểu về cuộc sống của người xưa vì ngoài hình dáng và kỹ thuật, nó còn mang trên mình những hoa văn, hình ảnh, đây được xem như là ngôn ngữ của con người thời đó. Thông qua tất cả những thứ ấy người ta hy vọng có thể tìm ra một số giải đáp cho việc nghiên cứu đời sống từ chính trị, kinh tế, văn hóa, cũng chính trên quan điểm này mà người ta cho rằng trên trống Đồng có dấu vết của Dịch lí, vì Dịch lí là thành tựu lớn nhất của văn minh tinh thần con người lúc bấy giờ. Trong hướng nghiên cứu này người ta bắt đầu tìm kiếm những ngôn ngữ của Dịch lí trên trống Đồng dựa trên những hoa văn, họa tiết, hình ảnh, kết hợp với kiến thức đã được ghi lại về Dịch lí cũng như các truyền thuyết nhằm khả dĩ làm sáng tỏ nguồn gốc Dịch học xuất phát từ người Việt. Tuy nhiên cho đến nay mọi việc vẫn còn trong bàn cãi, nếu không nói là mọi việc chỉ dừng lại tại đó nếu không có một đột phá nào trong vấn đề trưng ra bằng chứng một cách cụ thể, có tính thuyết phục cao. Có nghĩa là những gì ta đưa ra phải phù hợp với những gì đã được ghi lại trong lịch sử, có tính hệ thống và nhất là nó được ghi lại bởi người Việt, trên sản phẩm của người Việt, chừng ấy mới mong rằng có những bước đi mới trong việc nghiên cứu nguồn gốc Dịch học, cụ thể là xác định ai là chủ nhân đích thực của nó.

Cùng trong suy nghĩ rằng Dịch học có thể do người Lạc Việt sáng tạo ra và làm thành hệ thống, vì khi nhìn lại quá khứ của đất nước, ta thấy Dịch học hầu như được áp dụng trên mọi lĩnh vực, nhất là các tranh dân gian, từ đó tôi tự hỏi lẽ nào người Việt chịu ảnh hưởng Dịch học của phương Bắc đến mức sâu đậm đến như vậy, nhất định phải vì một lí do nào đó mà người

Việt đã phát huy tinh thần của Dịch học một cách khăng khít và đậm đà, có kế thừa một cách chủ động đến như vậy. Có một câu trả lời gần với những gì xảy ra đó là có thể chính họ, người Lạc Việt là tác giả của Dịch học cũng nên. Từ suy nghĩ đó, tôi cũng thử tìm hiểu xem chuyện nguồn gốc Dịch học như thế nào. Thật ra ban đầu tôi cũng chưa biết bắt đầu từ đâu, vì có thể nói những người trước đây đã đưa ra nhiều chứng lí với những kiến thức uyên bác về Dịch học rồi nên khó mà tìm thấy gì khác hơn nhưng trong một lần thử tìm hiểu về chữ Vuông cổ, thông qua bức tranh dân gian Đông Hồ “Lão Oa giảng đạo” thường gọi là “Thầy đồ Cóc”, từ đó dẫn tôi sang lãnh vực này. Sau khi nghiên cứu, đặc biệt khi đã phát hiện Hà đồ trên trống Đồng, tôi nhận thấy rằng chữ Vuông và Dịch học là hai sản phẩm có cùng nguồn gốc và chỉ do một dân tộc làm ra mà thôi, hay ta có thể nói rằng: Ai là tác giả của thuyết âm dương người ấy là chủ nhân của chữ Vuông và ai là chủ nhân của Hà đồ người ấy là tác giả của Dịch học.

XII. Tìm hiểu nguồn gốc các từ: rồng - đồng - trống - công

Trước khi tìm hiểu về văn bản bằng ngôn ngữ hình ảnh trên trống Đồng Ngọc Lũ, ta hãy tìm hiểu về một số từ ngữ liên quan đến vấn đề này. Người Việt thường nói rằng họ là hậu duệ của “Rồng”. Theo truyền thuyết con Rồng cháu Tiên thì Lạc Long Quân nói với Âu Cơ: “Ta là giống Rồng, nàng là giống Tiên, thủy hỏa khác nhau không ở với nhau được”. Vậy giống Rồng là giống gì? Từ đâu mà có giống này? Tất nhiên đây không phải là con Rồng trong thần thoại rồi. Căn cứ vào câu chuyện thì ta biết rằng Lạc Long Quân là người Đồng bằng còn Âu Cơ là người miền Núi. Chữ Rồng có thể được hình thành theo cách sau: Lạc Long Quân là dân lúa nước, mảnh đất nhỏ trồng lúa gọi là Ruộng, miền trung gọi là Rộng, còn tất cả những mảnh đất trồng lúa gộp lại thì gọi là Đồng. Hàng năm những cơn mưa đến, nước từ trên trời trút xuống, trên nguồn đổ về dâng lên bao phủ cả bốn bề, thậm chí người ta chẳng thấy mưa đâu, vì mưa nơi khác, nhưng bỗng dưng họ chứng

kiến những con nước cứ từ từ dâng lên, bò lên những cánh đồng, vượt qua những bờ đê, leo lên cả mái nhà, nó di chuyển khắp nơi, mà đã di chuyển được, bò đi được thì nhất định thuộc loài gì đó, con gì đó, nhưng không biết là con gì, chỉ thấy nó trườn qua Ruộng, qua Đồng nên người xưa mỗi lần thấy nước lên thì thông tin cho nhau là có con Ruộng Đồng tới, lâu ngày thành con Ròng theo quy luật giản lược tự nhiên của ngôn ngữ khi đã nói nhiều, nói nhanh lướt thành Ruộng + Đồng = Ròng. (Ròng đuộng) Chính vì vậy trong tâm thức người Việt, con ròng hết sức to lớn, luôn luôn gắn liền với nước, nên khi nước trên trời trút xuống thì họ nghĩ là trên ấy cũng có con ròng, ngoài ra trước khi mưa thường có sấm chớp vì vậy người ta mới nghĩ rằng con ròng phun ra lửa. Ngày ấy không có gì mạnh mẽ hơn sức mạnh của nước hay của ròng. Ngày nay khi nước lên ta vẫn gọi là nước Ròng. Từ một con nước không có hình hài cụ thể nhưng do nhu cầu hiện thực, đã là con vật thì phải có hình tượng, nên về sau con ròng đã được mang một thân hình cụ thể với những chi tiết khác nhau, tùy theo sức tưởng tượng của mỗi dân tộc qua các thời đại, chỉ cái bản chất duy nhất của nó là không thay đổi mà thôi. Đó là sức mạnh.



Cũng như chữ Ròng, trước khi tạo ra trống Đồng, chắc chưa có từ Trống, từ này chỉ xuất hiện sau khi trống Đồng đã được sử dụng có thể theo dòng chảy sau đây: Như ta biết người Lạc Việt xưa là cộng đồng cư dân lúa nước, tất cả các vùng đất trồng lúa được gọi là Đồng, từ này có thể được thành lập bởi cách đọc lướt từ Đất + Trồng = Đồng [同]. Vì vậy khi làm ra khí cụ mà ta gọi là trống Đồng người ta đặt tên là Cái Đồng, khi đánh Cái Đồng nó phát ra một âm thanh mạnh mẽ như con Ròng, gọi là Rống từ xa, khi nghe thấy người ta bảo nhau rằng Đồng Rống, lướt thành Đrống = Trống từ đó người ta gọi khí cụ ấy là Trống Đồng. Tất nhiên người Việt xưa đã có triết lý Nòng Nọc – âm dương rồi nên đã có Cái Đồng = Dương, thì phải có cái để

biểu tượng cho Âm nên họ làm tiếp cái khác để biểu trưng cho tượng này, cái đó gọi là Cồng. Từ Cồng được hình thành do đọc lướt từ Cái + Đồng = Cồng 共. Về sau gọi một tập thể người gồm nam nữ là Cồng 共 Đồng 同 rồi thành Cộng Đồng theo nguyên tắc âm dương như biểu í của con chữ. Có nghĩa rằng nếu hình thức con chữ là Âm thì nghĩa của nó là Dương và ngược lại, như chữ Cồng, hình thức là sinh thực nam - Dương thì nghĩa của nó là nữ, còn chữ Đồng 同 hình thức của nó là cái chứa đựng hạt giống nam nữ (Nòng Nọc) Âm, nên nghĩa của nó là Dương. Ngày nay, ta vẫn thường nói “cộng đồng người Việt” nhưng tìm nghĩa của từ ghép “cộng đồng” trong tự điển thì khó mà đáp ứng tiêu chí “người” trong cụm từ này. Một điểm cần lưu í là hiện nay khi ta nói tới trống Đồng, nói chung ai cũng hiểu là trống làm bằng kim loại đồng, tuy nhiên ở đây, trong trường hợp nước Việt là từ Trống Đồng không có nghĩa là trống làm bằng đồng, mà cái trống ấy thuộc về người “làm Đồng làm Ruộng” hay nói khác hơn là cái trống ấy thuộc về cư dân lúa nước – Đồng bằng. Vì đâu chỉ trống mới làm bằng đồng mà cồng, chiêng, thạp, vũ khí cũng lúc ấy đều làm bằng đồng cả. Có thể chính từ Đồng này mà về sau gọi chất liệu ấy là đồng.

Phần hai

Giải mã Dịch lí và chữ Vuông của người Việt trên trống Đồng Ngọc Lũ

I. Giá trị trống Đồng Ngọc Lũ

Trống Đồng Ngọc Lũ là thành quả cao nhất về tinh thần cũng như vật chất của cư dân Lạc Việt lúc bấy giờ, những gì được nói lên trên trống đã thể hiện điều đó, rõ ràng tư tưởng, nghệ thuật và kĩ thuật đúc đồng lúc bấy giờ đã đạt đến trình độ uyên áo và tinh xảo. Tất nhiên để có được một thành quả như vậy đòi hỏi phải qua một quá trình lâu dài, không những chỉ là vấn đề kĩ thuật mà còn đòi hỏi người Việt phải làm việc tích cực cả cộng đồng để thống nhất tư tưởng, từ đó mới chọn ra được những ngôn ngữ nào thích hợp, thông qua hình ảnh, hoa văn để viết thành một cuốn sử bằng tranh trên trống Đồng. Chắc chắn tất cả những gì được đưa vào trống Đồng đều có tiếng nói riêng của nó, chính vì vậy từ trước tới giờ đã có rất nhiều người nghiên cứu nhằm giải thích cái thông điệp mà Tổ tiên người Việt gửi gắm trong đó. Cho đến nay dường như chưa có một lí giải nào có tính hệ thống đầy đủ hay nói khác hơn người ta chưa xâu chuỗi được các thông tin thông qua hình ảnh trên trống Đồng thành một câu chuyện hợp lí, thuyết phục, từ đó cung cấp cho công chúng một cái nhìn tương đối về cuộc sống của ông cha ta lúc bấy giờ. Đây là một vấn đề lớn và chắc chắn các nhà nghiên cứu tâm huyết với cội nguồn dân tộc đã bỏ ra rất nhiều thời gian và công sức nhưng kết quả vẫn chưa làm thỏa mãn được nhu cầu của dân tộc. Điều ấy là chuyện bình thường, vì những gì ghi lại trên trống Đồng cách chúng ta cả mấy ngàn năm, chừng ấy thời gian thì mọi thông tin đã sai lệch, biến thái, chúng ta chỉ có thể lần theo dấu vết của các thông tin từ các truyền thuyết và lịch sử mà tìm về cội nguồn mà thôi, lịch sử thì biến động không ngừng nên đôi khi những gì

ghi chép lại là bảng chỉ đường sai lạc, dẫn ta đến những kết quả không như mong đợi.

Nói đến Dịch học, thường người ta nghĩ ngay đến Trung Hoa, điều ấy không có gì lạ, bởi vì Trung Hoa là nơi đã phát triển và truyền bá Dịch học, thuyết âm dương ngũ hành trong nước cũng như truyền bá sang những nước khác như Nhật Bản, Cao Ly cả hàng ngàn năm qua. Ở Việt Nam, ảnh hưởng của Dịch học và thuyết âm dương ngũ hành cũng hết sức mạnh mẽ; đồng thời do hoàn cảnh lịch sử hầu hết các tác phẩm viết về Dịch lí cũng bằng chữ Nho. Với bề dày lịch sử phát triển và truyền bá Dịch học như vậy, nên phần đa những người nghiên cứu mặc nhiên xem Trung Hoa như là quê hương của Dịch học. Tuy nhiên trong vài thập niên qua, tại Việt Nam, có nhiều người lên tiếng cho rằng Dịch học là sản phẩm của người Lạc Việt. Bằng nhiều lý lẽ, người ta đã chứng minh rằng điều ấy là sự thật, đặc biệt người ta cho rằng trống Đồng chứa đựng Dịch lí càng khiến cho câu chuyện nguồn gốc Dịch học càng sôi nổi hơn. Mặc dù có nhiều bài viết công phu với những trích dẫn hoa văn, số vòng, người ta cho rằng có que này, que nọ, nhưng vẫn chưa vẽ ra cụ thể có hệ thống, tuy có lay động một số người nhưng chưa có chuyển biến mạnh mẽ, thuyết phục được, ngay cả những người nghiên cứu lâu năm trong nước chứ nói chi đến nước ngoài. Vì sao vậy? Bởi vì nếu nói lý thôi thì so với một bề dày mấy ngàn năm của Trung Hoa, chỉ nói về lượng, vài cuốn sách thuần lý thôi thì quá nhỏ bé so với số lượng trước tác của phương Bắc, nên khó gây ra được sự quan tâm đối với cộng đồng nghiên cứu Dịch học.

Quá trình nghiên cứu về nguồn gốc chữ Nôm - chữ Việt cổ - đã dẫn tôi về với trống Đồng, với quá nhiều điều kinh ngạc, cụ thể tôi đã nhận ra rằng ngay trên mặt trống Đồng Ngọc Lũ đã chứa đựng đầy đủ thông tin về Dịch lí và chữ Vuông, đặc biệt là Hà đồ, nguồn gốc của Dịch học. Như thế là ta có thể xác quyết rằng Dịch học có nguồn gốc từ người Việt; đồng thời qua đó cho thấy rằng trống Đồng nói chung và trống Đồng Ngọc Lũ nói riêng có một giá trị vô cùng lớn lao, xứng đáng được gọi là bửu bối.

II. Ngôn ngữ Dịch lí qua trống Đồng

1. Ngôn ngữ Dịch lí qua hình thể trống Đồng

Theo tôi chúng được phân bố như nhau:



Thái cực và chữ cốc



Trống Đồng và âm dương



Trống Đồng chữ cốc



Trống Đồng và khôn càn

A - Mặt trống: Mặt trống tròn là biểu tượng của vũ trụ hay gọi là Thái cực.

B - Thân trống: Thân trống Đồng cũng thể hiện biểu tượng Thái cực. Được phản ánh thông qua chữ Cốc có nghĩa là Hiếu biết. Như hình ảnh minh họa. (Xem phần giải mã chữ Viết).

Thân trống có 3 phần:

- Phần tang trống tương ứng với Nòng = Âm. Được thể hiện bằng chữ Cửu 九- Cối = Sinh thực nữ.

- Phần các quai hình dây tương ứng với đường phân chia giữa âm và dương hay gọi là trung gian. Được thể hiện bằng bộ Mịch 𠂇 = Che, trùm bằng khăn.

- Phần chân trống tương ứng với Nọc = Dương. Được thể hiện bằng chữ Bối 貝- Bồi = Sinh thực nam.

2. Ngôn ngữ Dịch lí qua số vòng và hoa văn

Từ trong ra ngoài có tất cả 16 vành hoa văn đồng tâm bao bọc nhau.

Tại trung tâm trống là một mặt trời với 14 cánh, chung quanh có các tượng Cóc và 10 gạch xoay vào tâm. Chúng biểu tượng cho:

- Mặt trời = Thái cực. 14 cánh là tổng các phạm trù Dịch lí (2 Nghi + 4 tượng + 8 quái). Cóc biểu tượng của thái cực, 10 gạch biểu tượng cho số Thành, số trinh, số tuyệt đối. Hình ảnh này được thể hiện qua bộ Cóc = 阜 (Bộ phụ).

- Vòng 1 – 5 – 11 với những kí hiệu chấm nhỏ là biểu tượng cho 3 tài: Thiên – Địa – Nhân. 1 = trên – 5 giữa – 11 số tiếp giáp với 10, dưới cùng.

- Vòng 2, 3, 4, 7, 9 với những kí hiệu vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến biểu tượng cho 5 hành, hoa văn vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến nhỏ biểu tượng cho Kim – Mộc – Thủy – Hỏa, riêng hoa văn có tiếp tuyến lớn chỉ hành Thổ, vì Thổ là hành trung gian nên không những tại trung ương mà còn có ở mỗi phương. Hoa văn vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến nhỏ còn có ở vòng 13, 15 nhưng không tính, vì đã vượt ra ngoài càn khôn. (Theo sơ đồ Dịch lí của người Việt cổ trên trống Đồng).

- Vòng 6 – 8: $6 + 8 = 14$ đây là tổng các phạm trù Dịch lí, yếu tố tạo nên mọi biến dịch, vì vậy tại hai vòng này ta thấy sinh hoạt của con người và động vật. Con số 14 này được lập lại nhiều lần trên hình ảnh mặt trống.

- Vòng 10: Số 10 là số Trinh, số tuyệt đối, tất cả mọi biến dịch của con người và vũ trụ đều không ngoài phạm vi này. Chính vì vậy biểu tượng vòng 10 là Diệc = Dịch. Đây là số biểu tượng cho 10 thiên can.

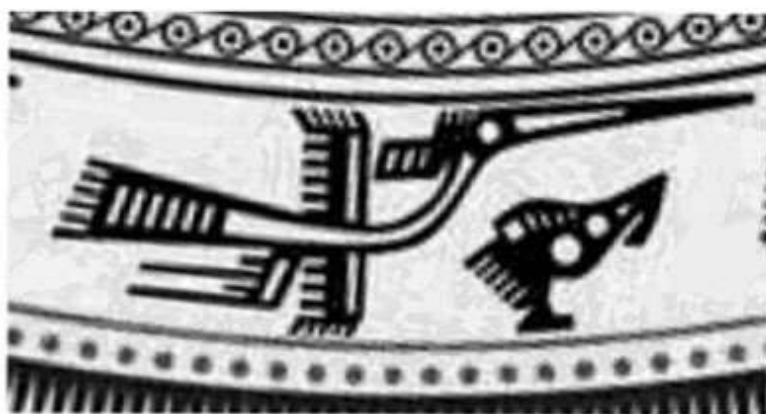
- Vòng 12: Vòng này với hoa văn răng cưa, biểu tượng cho thời gian = 12 địa chi.

- Vòng 16: là con số trùng bát. $8 \times 8 = 64$ với hoa văn răng cưa, biểu tượng cho sự sinh sôi, biến dịch của bao la vạn hữu trong hành trình vô tận của thời gian.

3. Ngôn ngữ Dịch lí qua hình ảnh

Hình ảnh sinh hoạt của con người và động vật được xảy ra tại vòng 6 – 8 – 10. Cụ thể như sau:

Vòng 6: (2 cối giã gạo) 2 nghi + (2 âu cầu mùa + 2 nhà sàn) 4 tượng + (8 trống Đồng) 8 quái = 14. Hai âu cầu mùa, mỗi bên có 7 cái cồng. $7 + 7 = 14$. Hai âu cầu mùa này chỉ đóng vai trò như một phân chia phương hướng, cụ thể là thành 8 hướng. Toàn bộ hình ảnh của vòng 6 diễn tả một đêm hội mùa, có múa, hát, tấu cồng, đâm trống. Mỗi cụm hình ảnh tương ứng với mỗi phương chứa đựng nhiều thông tin khác nhau của Hà đồ - Xem phần Hà đồ trên mặt trống Đồng ở phần sau.



Đầu đuôi quẻ thuần càn

- Vòng 8: 6 con gà = 2 nghi + 4 tượng. 8 con gà = 8 quái. 20 con hươu = Tổng các hiệu số của các độ số bốn phương theo Hà đồ. Cụ thể như sau: $6 - 1 = 5$. $7 - 2 = 5$. $8 - 3 = 5$. $9 - 4 = 5 = 20$.

- Vòng 10: 36 con Diệc, 18 bay, 18 đậu = 9 cung âm + 9 cung dương = 18. 18 động + 18 tịnh = 36. Đây là vòng biểu tượng cho sự tuyệt đối của mọi sự biến dịch của nhân sinh vũ trụ hay càn khôn mà đại diện cho càn khôn chính là Diệc hay Dịch như đã chứng minh ở phần trên. Đồng thời số 10 là thiên can nên trên hình mỗi con Diệc đang bay thể hiện quẻ Càn và Thuần Càn.

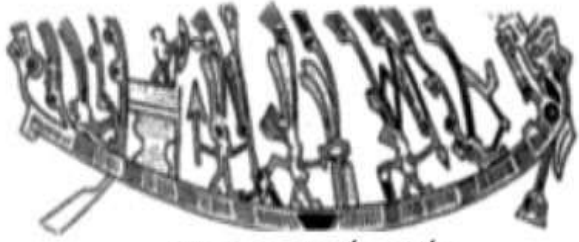
- Ngoài ra trong các vòng này người Việt xưa chỉ sử dụng 3 hình ảnh động vật: Gà – Hươu – Diệc chính là phản ảnh phạm trù quái trong Dịch lí như đã trình bày về cách cấu thành chữ Quái ở phần trên.

- Đặc biệt các chiến binh nhảy múa, 10 người, đều có chữ Sơn 山. Khảo sát kỹ, tôi thấy đây là một chữ sơn đắp nổi làm khuôn, chứ không phải gọt trực tiếp vào khuôn đất cho nên tất cả chữ sơn trên cổ các chiến binh đều giống nhau, không phải chỉ ở trống này mà ở trống khác cũng có chữ sơn. Như thế có nghĩa rằng đây đích thật là chữ Sơn chứ không phải là một sự tình cờ; đồng thời chữ sơn có một vị trí hết sức quan trọng đối với người Việt cổ, bằng chứng là nó được dùng để thay vị trí của Cóc như trong chữ Học 𪛗 với câu: “Đem gan Cóc Tía đổi sơn hà” hay trong bộ Cóc 阜 𪛗 (Hán nay là PHỤ). Với phát hiện chữ Sơn này cho thấy chữ Vương đã được người Việt làm ra trước khi đúc trống Đồng Ngọc Lũ rất lâu, có lẽ từ ngày bắt đầu có hệ thống Dịch lí. Rõ ràng từ thuở xa xưa người lính đã phải gánh Sơn Hà trên vai của mình. 10 chữ Sơn này gánh vác hai đầu Bắc Nam của Hà đồ, có thể từ đây mà có từ Sơn Hà để chỉ đất nước. Như vậy từ ngàn xưa người ta đã thể hiện nhận thức vai trò nặng nề và trọng yếu của người lính như thế nào rồi. Chữ Sơn 山 trên vai 10 chiến binh:

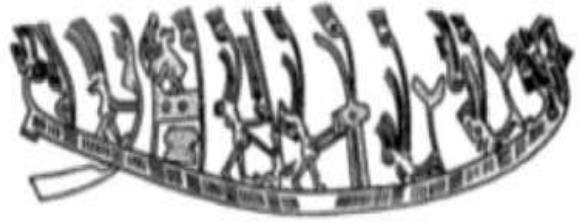


Chiến binh và chữ Sơn trên vai

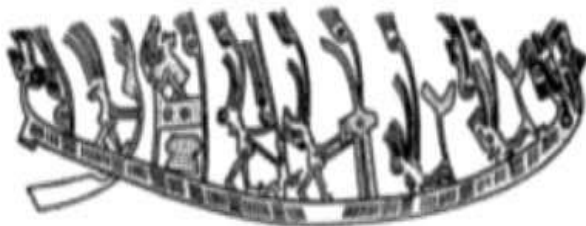
4. Ngôn ngữ qua hình thuyền có thể là



Đang chiến đấu



Rút lui



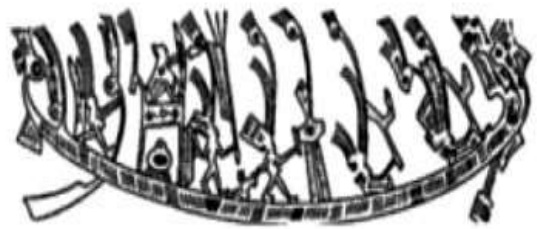
Thăm dò



Thất bại mất trống



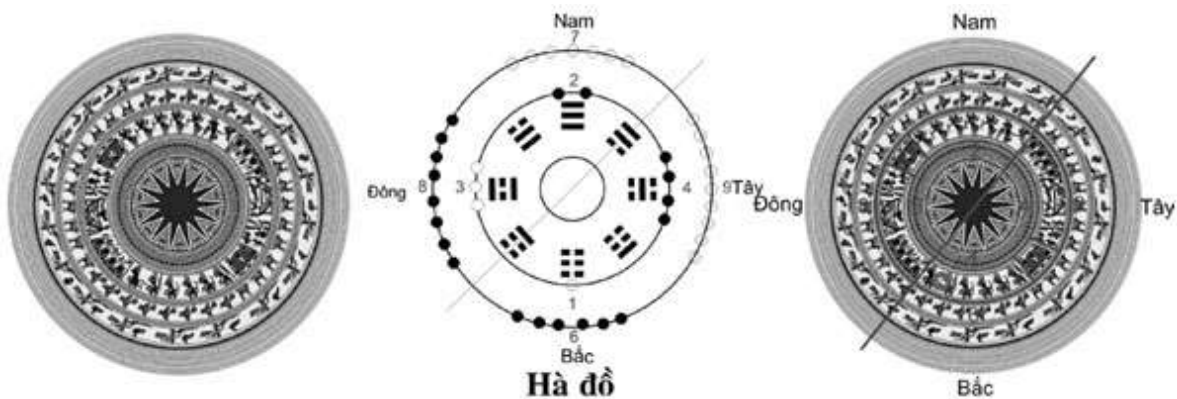
Chim reo mừng chiến thắng



Trống Đồng bị thay - có thể do thương lượng

5. Hà đồ và các số 3 tài, 5 hành, 10 thiên can, 12 địa chi, quẻ li, quẻ khảm qua tổng thể mặt trống

Căn cứ vào Hà đồ lưu hành từ hàng ngàn năm qua, ta chia mặt trống Đồng như sơ đồ của Hà đồ, ta có các con số tương ứng.



Trước hết ta thấy ngay từ đầu, người Việt đã đánh dấu sản phẩm của mình bằng kí hiệu Nòng Nọc để xác định đây là sản phẩm của dân Lạc Việt. Chính kí hiệu này xuất hiện ngay trong những chữ đầu tiên của người Việt như chữ Đồng 同 Quất 國 Phước 福 Phú 富.

Do cần phải chuyển tải một lượng thông tin lớn trên một bề mặt giới hạn của trống nên trên một hình ảnh của mỗi phương người Việt xưa đã gợi lại cho ta những thông tin khác nhau, theo tiêu chí mà họ đã xây dựng. Trong một hình ảnh nhưng đọc theo từng tiêu chí sẽ cho một thông tin khác nhau.

Nòng nọc - Âm dương

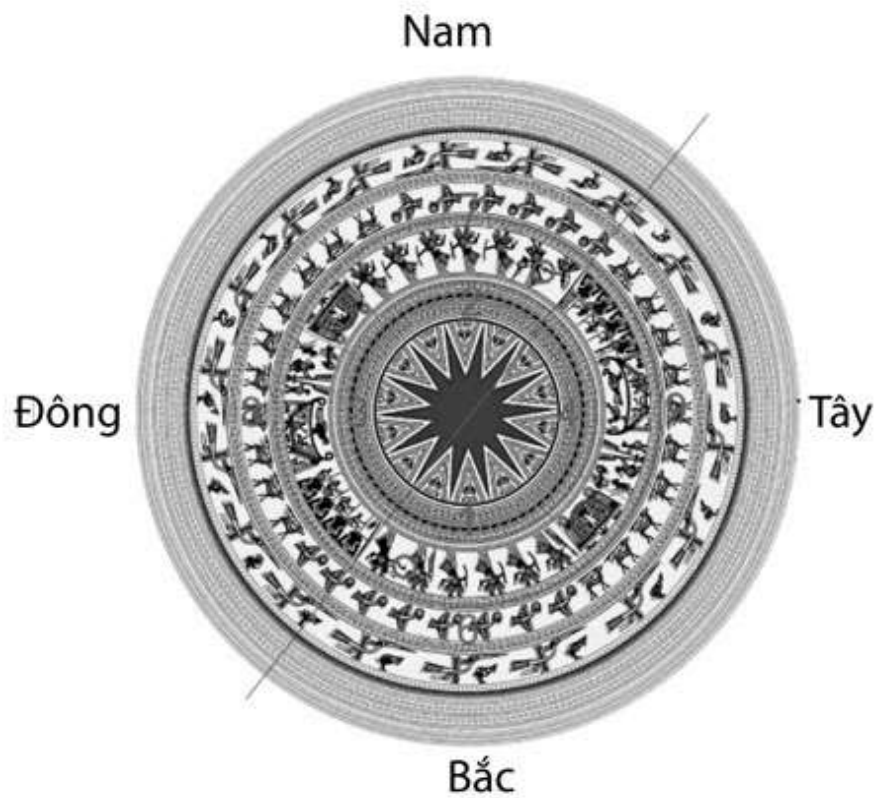
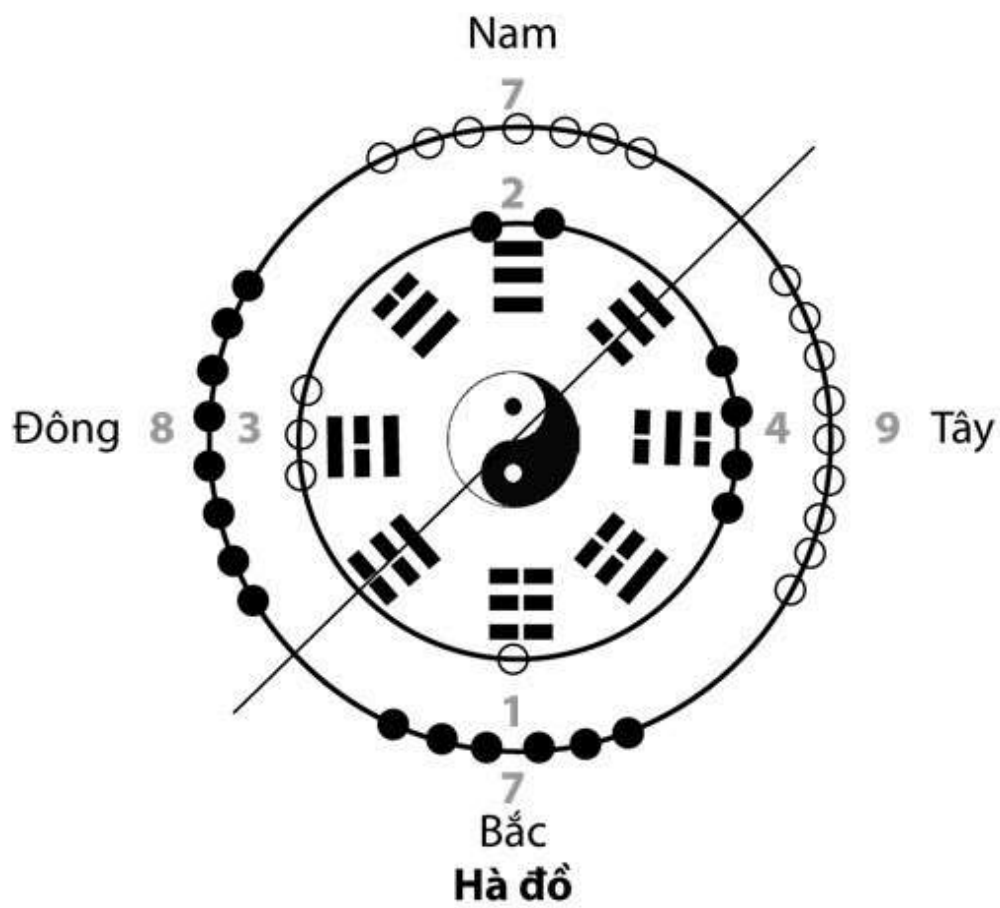


HƯỚNG BẮC: Số Hà đồ 1 - 6.

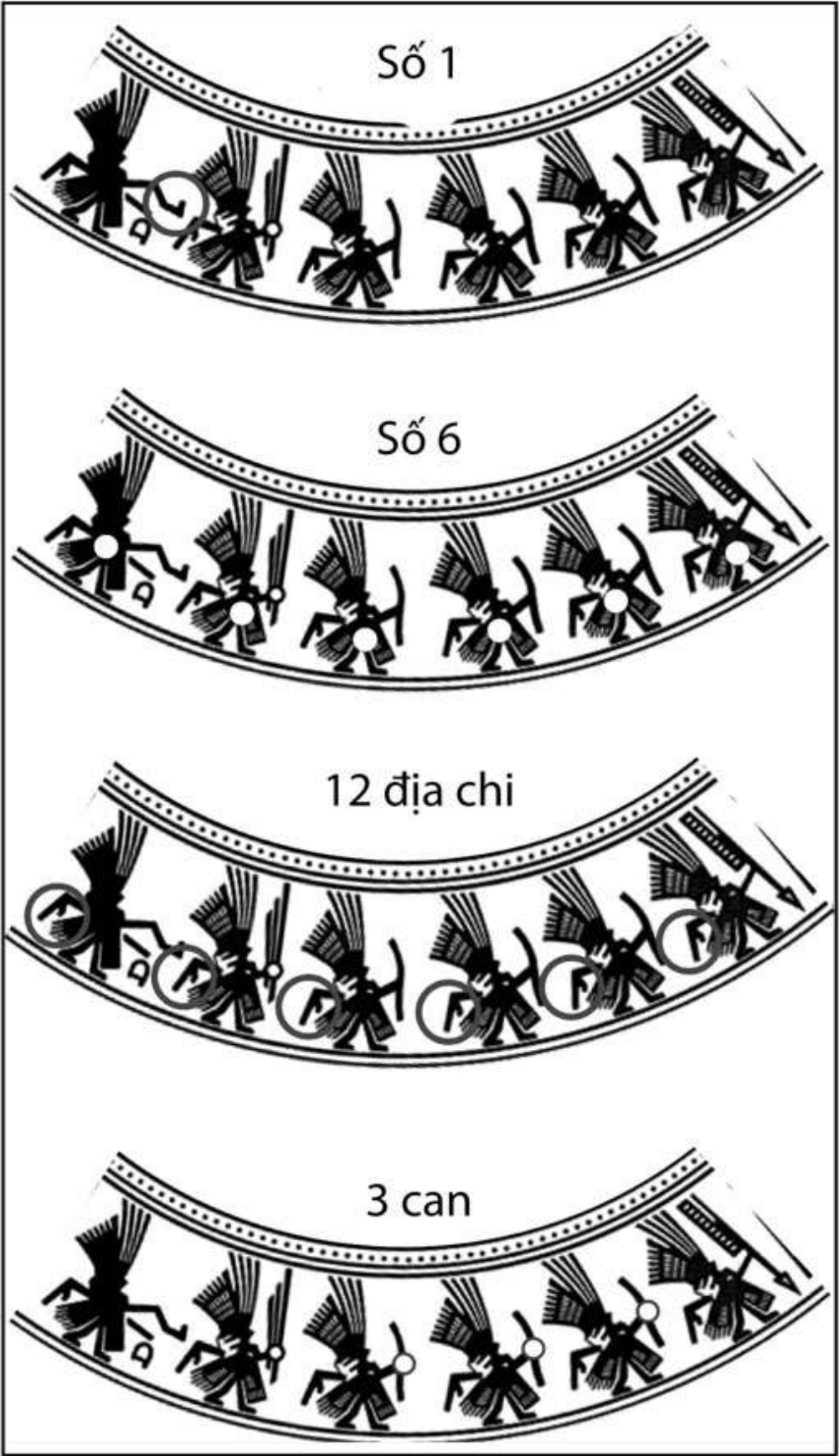
HƯỚNG NAM: Số Hà đồ 2 - 7.

HƯỚNG ĐÔNG: Số Hà đồ 3 - 8. Quẻ Li.

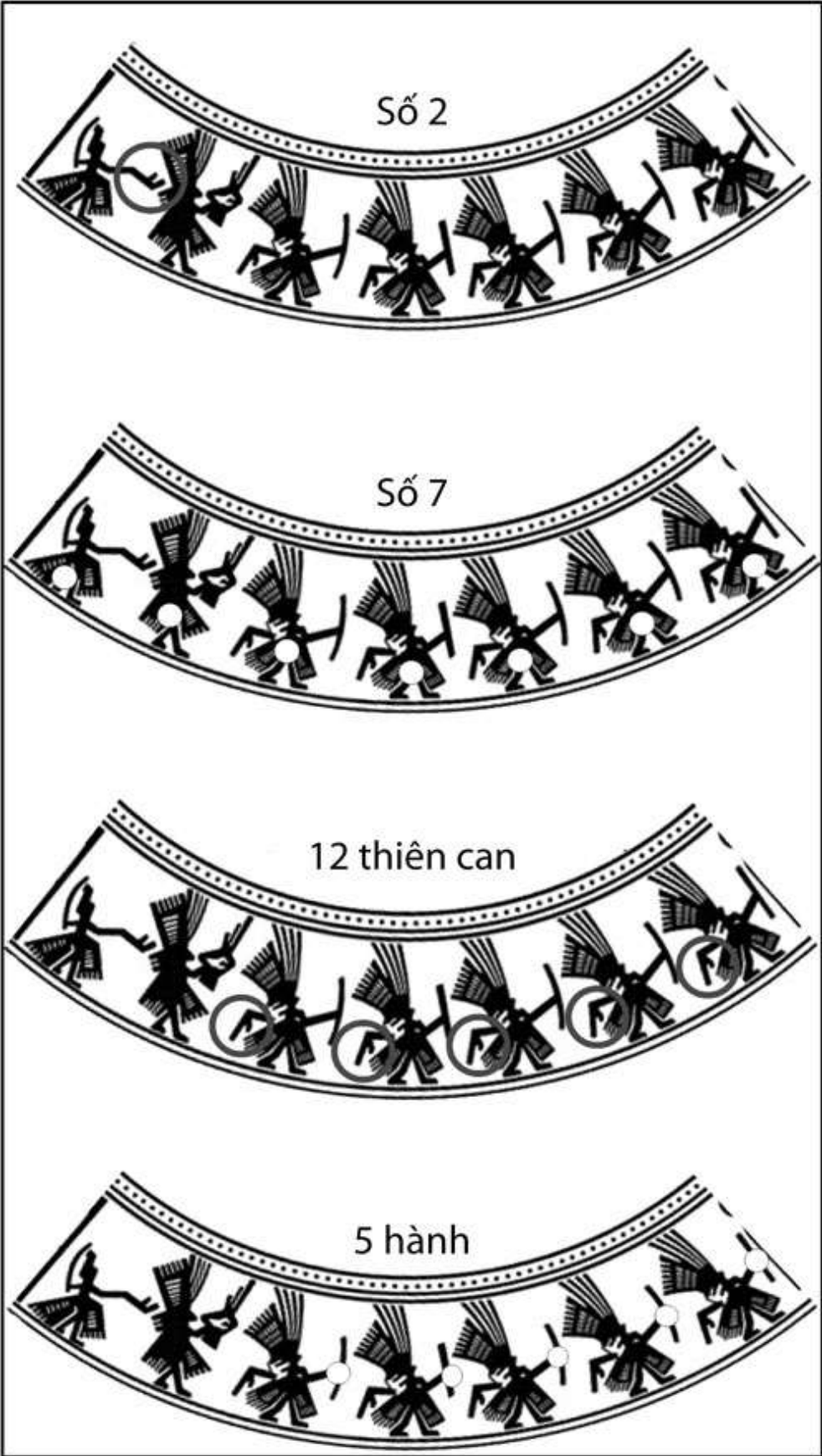
HƯỚNG TÂY: Số Hà đồ 4 - 9. Quẻ Khảm.



HƯỚNG BẮC



HƯỚNG NAM



HƯỚNG ĐÔNG

Số 3



Số 8



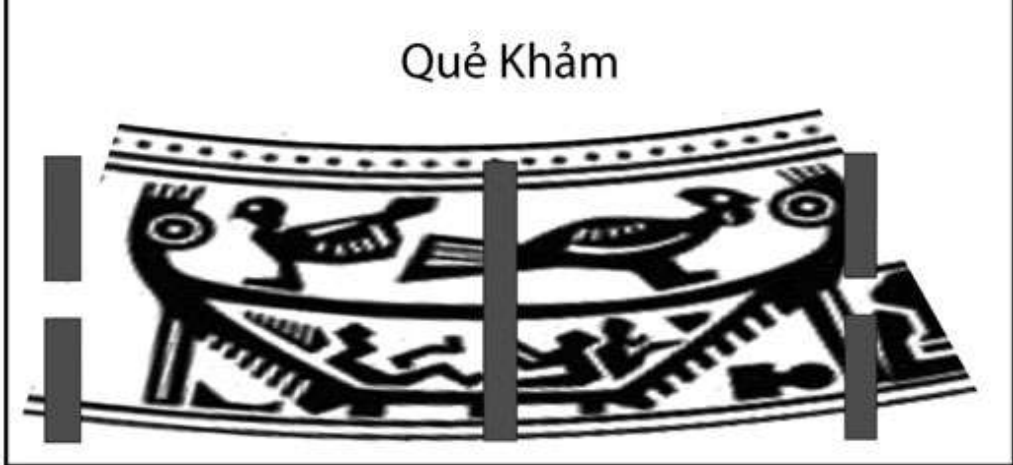
Mặt trời mọc - dương



Quẻ Li



HƯỚNG TÂY



Giải thích:

Trống Đồng là một văn bản được thể hiện bằng hình ảnh, do đó những con số cũng bằng hình ảnh. Vì vậy người xưa đã tính toán một cách hợp lý sao cho người đời sau dễ dàng phát hiện, ví như các đối tượng được tính luôn luôn đồng nhất trong một phạm trù như:

5-1 - Các số 1-2-3-4. Đối tượng là tham dự lễ hội số lượng tay người đưa lên trong một vị trí thống nhất như: Các số 1-2 biểu hiện trong tay người đi cuối, 3-4 từ tay người trong nhà sàn, như hình minh họa.



5-2 - Các số 6-7-8-9. Đối tượng là số lượng người tham dự lễ hội theo phương hướng của Hà đồ.



Trong hình ảnh minh họa trên, các số 6 phương Bắc - 7 phương Nam thì đã rõ, còn phương Đông và phương Tây ta thấy xuất hiện Qué (con gà) đang truyền thông cùng người đứng quay lưng lại với những người đang tham gia lễ hội. Đây là dấu hiệu cho thấy tại các cung này xuất hiện quẻ. Vậy quẻ đó là quẻ gì?

Ta thấy ở đầu đoàn người nhảy múa tại phương Tây có lá phướn với biểu tượng mặt trời rủ xuống = Đêm = Âm = Hào âm. Số lượng người của cung này là 9 = lẻ = Dương, suy ra quẻ = Hào âm. Đây là quẻ Khâm thuộc phương Tây theo Hà đồ.



Không những thế, thông qua hình ảnh nhà sàn trong hướng này, người xưa cũng đã thể hiện rõ quẻ Khảm = Hướng Tây, đó là: Nhà sàn là nhà Âm, vì trên nhà sàn có 2 con chim = Chấn, hai đầu có kí hiệu hai vòng tròn có chấm ở giữa = âm, trong nhà có 3 người = Lẻ = Dương. Như vậy ngôi nhà này là nhà Âm, người ở trong nhà là Dương, suy ra Dương trong Âm = Khảm trung mẫn.



Cùng một nguyên tắc như thế, tại hướng Đông, ở đầu đoàn người nhảy múa ta có lá phướn đã cuốn lên, biểu tượng mặt trời đã lên = Ngày = Dương = Hào dương. Số lượng người của hướng Đông là 8 = Chấn = Âm, suy ra quẻ = Hào dương. Đây là Quẻ Li thuộc phương Đông theo Hà đồ.



Không những thế, thông qua hình ảnh nhà sàn trong hướng này, người xưa cũng đã thể hiện rõ Quẻ Li = Hướng Đông. Đó là: Nhà sàn là nhà Dương, vì trên nhà sàn có 1 con chim = Lẻ, hai đầu có kí hiệu hai vòng tròn trống = Dương, trong nhà có 2 người = Chấn = Âm. Như vậy ngôi nhà này

là nhà Dương, người ở trong nhà là Âm. Suy ra Âm trong Dương = Ly trung hư.

Từ những dẫn chứng cụ thể trên ta thấy:

A - Không thể tính quẻ vào số người tham gia được, vì nó thuộc phạm trù khác. Nếu tính quẻ vào thì mất tính thống nhất trong phương pháp nghiên cứu, đó là đối với các số 6-7-8-9 chỉ tính người như đã tính ở phương Bắc, Nam. Hai phương này không có quẻ.

B - Qua biểu tượng của hai lá phướn chỉ đêm ngày trên cho ta biết lễ hội diễn ra suốt đêm.



5 - 3 - Thiên can – Địa chi. Đối tượng là các ngón tay. Ta thấy ở hướng Nam có 7 người nhưng chỉ có năm người đưa ra 10 ngón tay, ở hướng Bắc sáu người đưa ra 12 ngón tay.



5 - 4 - Ngũ hành – Tam tài. Đối tượng là các thanh khiên. Ta thấy ở hướng Nam có 5 người cầm thanh khiên, ở hướng Bắc có 3 người cầm thanh khiên.



Như thế ta thấy tất cả các con số được người Việt xưa thể hiện bằng hình ảnh trên mặt trống Đồng Ngọc Lũ hoàn toàn tương hợp với Hà đồ đã và

đang lưu hành hàng ngàn năm qua. Không những chỉ có Hà đồ mà người Việt xưa đã ghi lại cả quẻ Dịch ngay trên trống Đồng. Đó là hai quẻ Khảm = Hướng Tây và Li = Hướng Đông. Nội tại của hai quẻ này chứa đựng 3 hào dương = Càn và 3 hào âm = Khôn hay còn gọi là Khảm Ly hóa Càn Khôn như chuyện một bà hai ông Táo cõi cá chép về trời vậy. Đây là bằng chứng cho thấy rằng Hà đồ - Dịch lí - 12 Địa chi - 10 thiên can - 5 hành - 3 Tài có nguồn gốc từ người Lạc Việt.

III. Một số hình ảnh Hà đồ trên các trống, thạp khác

Ở đây tôi đưa thêm một số hình ảnh trống Đồng khác, cũng với cách thức đúc trống trong tinh thần của Hà đồ nhưng cách thể hiện lại khác. Qua đó ta thấy, vào thời ấy đã có nhiều quan điểm khác nhau trong cách thể hiện; đồng thời điều ấy chứng tỏ rằng thuyết Âm dương - Hà đồ - Dịch lí đã hình thành hết sức phổ biến ở Lạc Việt rồi. Tôi tin rằng rồi đây khi ta đã có hướng đi, những người có kiến thức sâu về Dịch lí chắc chắn sẽ khám phá nhiều hơn nữa về những gì mà người Việt cổ đã gởi gắm trên hình ảnh trống Đồng.

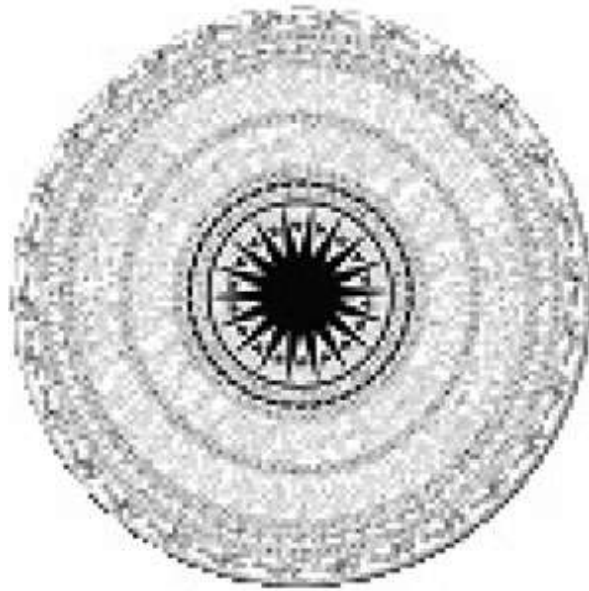


Trên bề mặt trống Đồng này, ở vòng người đang lễ hội, cũng thể hiện rõ Hà đồ như trống Ngọc Lũ (đối tượng chọn để tìm hiểu trong nghiên cứu này), mặc dù đơn giản hơn, nhưng cũng đủ để thấy rằng người Việt cổ đã

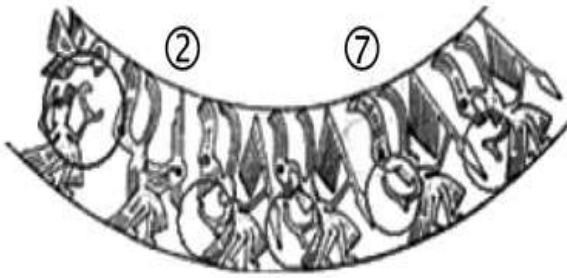
trên trọng cái giá trị lớn lao của Dịch lí đến chừng nào; đồng thời với những gì thể hiện trên trống này, ta có thể nói rằng nó do chính những người làm nên kiệt tác Ngọc Lũ làm ra, hoặc do những hậu duệ của nhóm người ấy thực hiện. Vì trên các chiến binh cũng có chữ Sơn 山. Trên trống này người xưa chỉ đưa thông tin Hà đồ là chính, còn các tính toán khác về các con số của Dịch lí thì đơn giản hơn như: Mặt trời 12 cánh – 3 vòng hoa văn – 8 chim diệc bay – 8 chim diệc đậu.



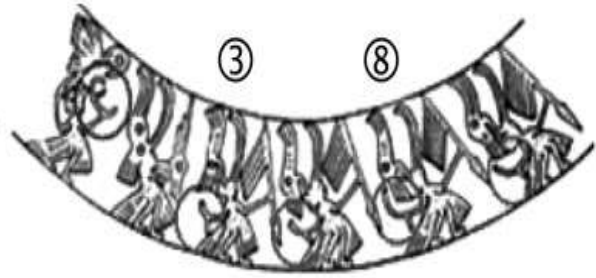
Mặt trống Ngọc Lũ này có thể là phiên bản được làm trước cái Ngọc Lũ mà tôi đã lấy làm phiên bản chính để tìm hiểu. Bởi vì xét về các mặt hầu như tương hợp với nhau như: Số vòng 16 với tất cả ngôn ngữ mà tôi đã giải thích cho Ngọc Lũ 1 nói trên. Mặc dầu ở vòng 8 tuy có thay đổi về cách bố trí, chủ yếu cho mỹ thuật, nhưng vẫn giữ được con số 20. Hình gồm 2 loại = Hươu Gà, mỗi loại 5 nhóm = $2 \times 5 = 10$. Mỗi nhóm 4 con $4 \times 5 = 20$. 5 nhóm gà $4 \times 5 = 20$. Riêng tại vòng 6, người xưa đã bố trí lễ hội theo một í nghĩa nào đó mà hiện nay tôi chưa thể có giải thích gì.



Đây là mặt trống Đồng Hoàng Hạ, có thể nói đây chính là phản ánh có sự bất đồng trong việc truyền thông Dịch lí trên mặt trống Đồng. Hình ảnh của trống này cho thấy rằng ngày ấy đã có nhiều nhóm, có kỹ thuật, mỹ thuật muốn thể hiện í tưởng của riêng mình về Dịch lí trên trống Đồng, tuy nhiên rõ ràng giờ đây xem xét ta thấy tính hợp lí không bằng Ngọc Lũ. Trên trống Đồng Hoàng Hạ này, người xưa lại muốn thể hiện Dịch lí theo một trật tự khác. Đó là họ tính theo trật tự từ Trời trước, người sau rồi mới tới muông thú. Cụ thể tính từ Thái cực ra, vòng có người đầu tiên gồm: 2 nghi dương. 5 người 10 tay = Có thể là Thiên can, còn lại là hình ảnh của guồng máy tạo hóa, hay sự vận hành của mặt trời trong vòng quay âm dương. Đến vòng người kế tiếp ta thấy 12 người (không tính quẻ) có thể là Địa chi. Cùng 2 nghi âm. 4 người đâm trống, kết hợp một nữa còn lại thành bát quái? Vấn đề này cần phải tiếp tục nghiên cứu.



Số Hà đồ Hướng nam 2 - 7



Hướng đông 3 - 8 - Trống Hoàng Hạ

Nguồn: Nguyễn Văn Huyền

Trong phần này, tôi chủ yếu nghiên cứu về Hà đồ hay nói khác hơn là Tiên Thiên bát quái, vì hiện chưa tìm thấy dấu tích của Hậu Thiên bát quái một cách cụ thể ngoài Địa 12 chi và 10 Thiên can, hy vọng rằng với thời gian cùng với nhiều người có trình độ và tâm huyết, vấn đề này sẽ thành hiện thực. Còn nhiều trống nữa cũng thể hiện Dịch lí, nếu không nói là hầu như trống Đồng làm ra là để ghi lại Dịch lí, vì đây chính là quan điểm của người Việt cổ về nhân sinh quan và vũ trụ quan, hay nói khác hơn đó chính là văn hóa cốt lõi của dân tộc Lạc Việt. Tuy nhiên vấn đề đặt ra là cho dù có các con số của Dịch lí trên trên trống nào chẳng nữa, nếu chúng không được sắp xếp trong một trình tự nhất định, phù hợp với Dịch học hiện đang lưu hành thì cũng khó mà tuyên bố mạnh mẽ về nguồn gốc được. Chỉ duy nhất là tất cả những con số ấy phải được xuất hiện trên Hà đồ được ghi lại trên trống Đồng thì chừng ấy câu “Ngẫu nhiên hay suy diễn” sẽ không còn tác dụng khi đem ra bàn cãi về nguồn gốc Dịch Việt.

IV. Kết

Như thế là tôi đã trình bày về những gì mà tôi cho rằng người Việt cổ đã ghi lại trên trống Đồng, đó là Hà đồ, Dịch lí và chữ Vuông. Theo khảo cổ học thì trống Đồng Ngọc Lũ tối thiểu cũng được đúc vào thời đại đồ đồng muộn. Tuy nhiên căn cứ theo cách xếp loại của Heger, các trống càng về sau thì quai trống càng cao, như trên hình, mà Đình nhà Thương đã đưa quai lên đến trên cùng, có nghĩa là tính thực dụng đã được xem như là cứu cánh, thế

mà có niên đại từ năm ? - 1700 TCN, vậy thì trống Ngọc Lũ phải có ít nhất là trước năm 1700 TCN (Ở đây suy đoán thế, trong khi chờ có giải pháp C14). Ta biết rằng Dịch học đã được khai sinh trước đây hơn 5000 năm rồi, nên chi khi đúc trống Đồng với thông tin Dịch lí trên đó là một sáng kiến tối ưu và vô cùng quan trọng và vì tính chất quan trọng của nó nên chắc chắn là đã bị kẻ khác ngầm truy tìm, sự kiện Mã Viện sau khi đàn áp cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng xong bèn thu hết trống Đồng để đúc thành trụ với câu “Đồng trụ chiết, Giao Chi diệt” là một minh chứng cho thấy lúc bấy giờ quan quân ở phương Bắc đã nắm được thông tin về những gì mà người Việt ghi lại trên trống Đồng. Nói như thế để thấy rằng lí thuyết Dịch học đã hoàn thiện trước đó cả hàng ngàn năm rồi; đồng thời vấn đề nguồn gốc của nó luôn là vấn đề mà cả Nam lẫn Bắc đều quan tâm. Nam thì tìm mọi cách để duy trì và tuyên truyền cho dân tộc mình về nguồn gốc văn hóa của dân tộc, Bắc thì tìm mọi cách để làm sao cho chẳng còn dấu vết gì minh chứng Dịch học là của người Việt xưa. Chắc chắn ban đầu đã có những đối kháng nhất định nhưng cuối cùng thì người Việt phải chấp nhận thực tế. Tuy nhiên trong im lặng người Việt vẫn tìm mọi cách để ghi lại thành quả văn hóa của mình, không những ghi lại Hà đồ, Dịch lí mà còn cả chữ Vuông trên trống Đồng, đây là một bằng chứng vô cùng quan trọng, ngoài việc nó chứng minh cho thấy rằng người Việt chính là chủ nhân của chữ Vuông; nó còn cho thấy chuyện Sĩ Nhiếp sang nước ta khai nguồn Hán học là chuyện đổi trắng thay đen. Vì Sĩ Nhiếp sang nước từ năm 137 – 226 trong khi đó chữ Vuông đã được người Việt khắc trên trống Đồng hàng ngàn năm trước đó rồi thì làm sao xứng với tên gọi Nam Giao học Tố. Đó là chưa kể Mâu Bác (165 - ?) đã viết *Lí Hoặc luận ở đất Giao Chi* để xiển dương Phật giáo, lại thêm Khương Tăng Hội (?-280) đã đi tu và học Phật pháp ở đất Giao Châu, sau đó sang Đông Ngô truyền đạo. Lẽ nào chỉ với một con người trong thời gian ngắn thế mà dạy cho cả bao con người ở đất phương Nam biết chữ! Ngay trong thời cận đại, cụ thể là 1946 trên 90% dân ta mù chữ, so sánh như thế để biết rằng việc học lịch sử ở nước ta cần phải có cái nhìn nhiều chiều, thậm chí đôi khi hoàn toàn ngược lại.



Trống Ngọc Lũ,
loại Heger I



Trống Tân Độ,
Heger II



Trống Long Đọi Sơn,
Heger IV



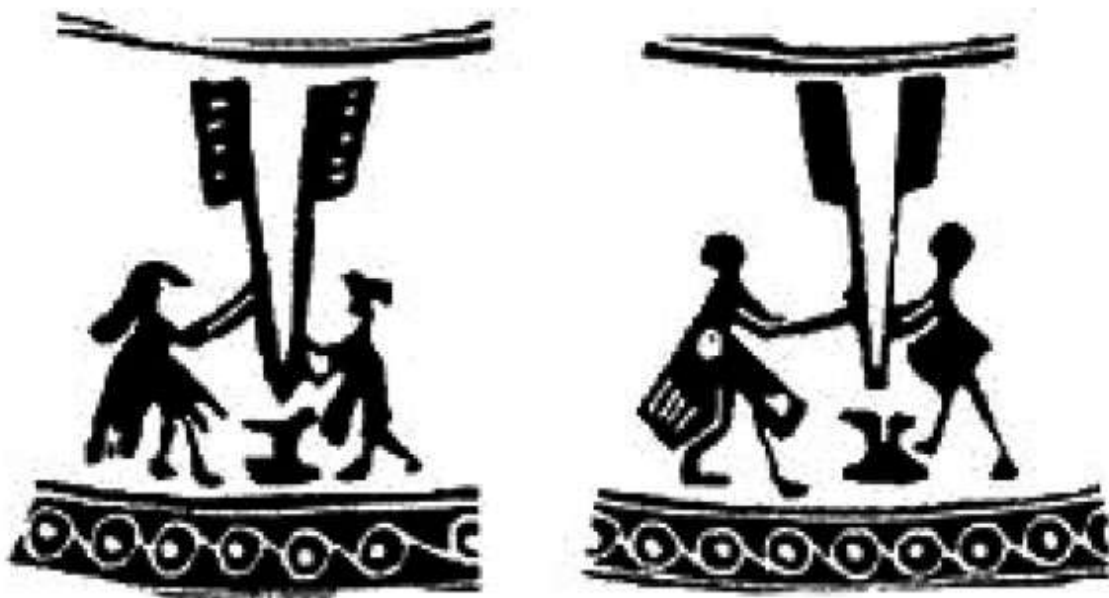
Đỉnh
nhà Thương

Với tất cả những gì đã trình bày trên; mặc dù theo tôi vẫn còn nhiều điều chưa thỏa mãn, như thế là tôi đã trình bày tất cả những thông tin về Dịch lí và chữ Vuông trên trống Đồng Ngọc Lũ một cách rõ ràng, có hệ thống, đặc biệt là những thông số ấy hoàn toàn tương ứng với Hà đồ cũng như con chữ đã lưu hành hàng ngàn năm qua, tôi tin rằng với chừng ấy thông tin ta có thể khẳng định Dịch học và chữ Vuông là do người Lạc Việt làm ra, qua những gì thể hiện trên trống Đồng, ta thấy rằng Tổ tiên nước Việt quả hết sức trí tuệ, trống Ngọc Lũ là thành quả của một sự phối hợp các bộ óc tinh tế, bác học, nếu không làm sao mà có thể có được một tính toán hợp lí, với những thông tin được nén lại ở mức tối đa như vậy. Chỉ với những con người thông minh xuất chúng như thế mới có thể làm nên một hệ thống Dịch lí vô cùng uyên áo, ảnh hưởng của Dịch học cho đến ngày nay chứng minh cho điều đó; đồng thời ta có thể hình dung ra được hoài bão của người xưa và mục đích của họ. Hoài bão của họ là dân tộc Việt phải được công nhận là chủ nhân của Dịch học. Mục đích của họ là thông qua những gì chứa đựng trên trống Đồng hy vọng các thế hệ mai sau có thể nhận biết được nguồn gốc của một nền văn minh tinh thần hết sức kì vĩ của dân tộc mình. Qua đây chúng ta biết rằng Tổ tiên người Việt chắc chắn đã nhận ra rằng nếu chỉ để lại những truyền thuyết thôi thì khó mà biện giải cho được nguồn gốc Dịch học, chỉ có bằng chứng mới có thể có cái cụ thể để chứng minh cho nguồn gốc văn hóa của Lạc Việt, vì ngay lúc bấy giờ họ đã bị bức bách phải quên đi cái văn hóa của chính dân tộc mình. Nhận thức rõ về điều ấy, trong hoàn cảnh

vô cùng bí mật, họ đã làm nên trống Đồng với những thông điệp rõ ràng, giấu trong những hình ảnh, hoa văn, họa tiết, hình dáng để tránh tai mắt của đối phương, chắc chắn không phải chỉ có một trống Đồng Ngọc Lũ mà có thể hàng trăm, hàng ngàn cái đã được làm ra với hy vọng sẽ có một trong những trống Đồng, mang đầy đủ thông tin về Dịch lí, vẫn tồn tại cho đến ngày mà hậu thế nước Việt có thể nhận biết ra nguồn gốc văn hóa của mình trên ấy. Điều kì diệu ấy đã xảy ra, thông điệp ấy, sau hàng ngàn năm, giờ đã đến với con cháu của Tổ tiên người Lạc Việt. Giờ đây chúng ta mới hiểu được tại sao một dân tộc bé nhỏ lại không bị đồng hóa sau cả mấy ngàn năm. Ta thường nghe nói rằng: Văn hóa còn, dân tộc còn, văn hóa mất thì dù ở ngay trên quê hương của mình thì cũng xem như kẻ ngoại lai. Chính trong hướng đi này mà cha ông ta đã dày công xây dựng nên một nền văn hóa rực rỡ và kì vĩ, cho dù kẻ mạnh đã dùng mọi thủ đoạn để tước đoạt thành tựu ấy nhưng trong muôn vàn khó khăn, nguy hiểm, cha ông ta vẫn bằng mọi cách bảo vệ, duy trì và phát triển, đặc biệt đã gọi lại cho dân tộc ta một tuyên ngôn bằng ngôn ngữ hình ảnh. Thông điệp ấy sau cả hàng ngàn năm giờ đã lên tiếng, vấn đề là hậu thế của nước Việt, con dân của vua Hùng, nhận thức trách nhiệm của mình đối với văn hóa của dân tộc ở mức độ nào mà thôi.



10 chiến binh với chữ Sơn trên vai gánh lấy Bắc Nam Hà đồ = Sơn Hà cho chúng ta mới hiểu rằng Sơn Hà không phải là sông núi như bấy lâu nay ta hiểu và đã được ghi vào tự điển. Hình ảnh nói trên cho ta hiểu rằng Sơn Hà có nghĩa là Sơn là núi và Hà là Hà đồ, hay nói khác Sơn Hà có nghĩa là đất nước và văn hóa. Hai hình chiến binh từ hai trống Đồng khác nhau chứng tỏ rằng đây là chữ Sơn, chứ không phải là một hình ảnh tình cờ trông giống chữ Sơn, không phải 2 chữ mà đến 15 chữ, trên hai trống Đồng. Như thế ta khẳng định rằng chữ Sơn ấy chính là của người Lạc Việt, hay nói khác chữ Vuông là thành quả của người Lạc Việt.



Phần ba

Giải mã Dịch lí và chữ Vuông của người Việt trên tranh dân gian Đông Hồ

Như đã nói ở những phần trước, ai là tác giả của thuyết âm dương người ấy là chủ nhân của chữ Vuông, ai là chủ nhân của Hà đồ người ấy là tác giả của Dịch lí. Hà đồ thì tôi đã chứng minh ở phần một, còn vấn đề chữ viết, ta sẽ tìm hiểu ở phần này.

Qua những gì đã trình bày, rõ ràng dân tộc Lạc Việt đã sáng tạo ra Dịch học, như thế thì lẽ nào dân tộc ấy lại chưa bao giờ có chữ viết. Đặt vấn đề như thế có nghĩa là ta nghĩ rằng nhất định người Lạc Việt phải có chữ viết song hành với sự phát triển tư tưởng Âm Dương, từ đó đưa Dịch học lên đến tầm cao để trở thành một hệ thống triết lí, qua đó xây dựng một nền văn hóa kì vĩ, rực rỡ mấy ngàn năm qua. Với những gì mà tôi đã chứng minh ở phần một cho thấy rằng việc thành lập những con chữ liên quan đến Dịch lí đều dựa trên thuyết Âm Dương – Nòng Nọc như các chữ: Ếnh Ương - Âm Dương. Quẻ - Quái. Diệc - Dịch - Cóc - Phụ. Đặc biệt 10 chiến binh với 10 chữ Sơn 山 trên vai. Tuy nhiên chừng ấy vẫn chưa làm ta yên lòng rằng cha ông ta đã là người làm ra chữ Vuông nếu không có thêm những chứng cứ vững chắc. Trong phần này, ta sẽ tìm hiểu xem liệu cha ông ta có để lại dấu vết gì cho thấy rằng nguồn gốc chữ Vuông ấy chính là của Lạc Việt không?

Trước hết ta hãy tìm hiểu một vài khái niệm và tầm quan trọng của chữ viết.

I. Chữ viết

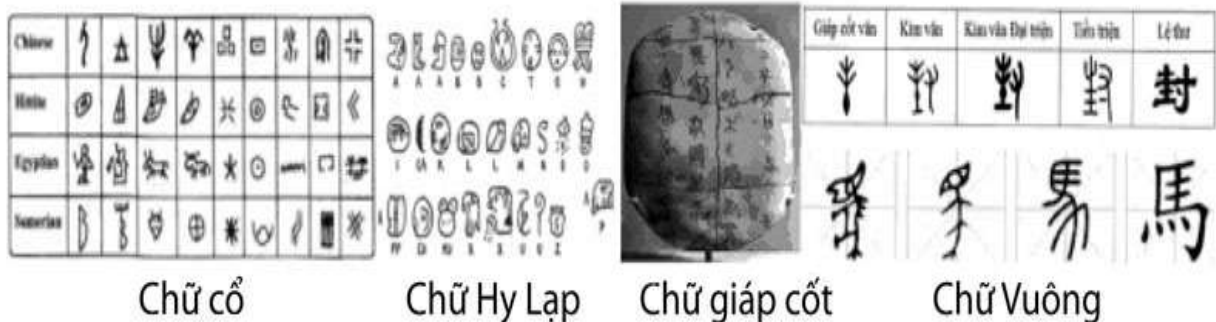
Chữ viết là một hệ thống ngôn ngữ bằng kí hiệu, được một nhóm người, một cộng đồng hay một quốc gia sử dụng.

II. Chức năng của chữ viết

Chữ viết là một công cụ ngôn ngữ hữu hiệu nhất trong việc truyền đạt, chuyển tải thông tin, nhất là từ quá khứ đến tương lai. Sự ra đời của chữ viết đánh dấu một bước ngoặt lớn trong sự tiến bộ về mặt tri thức của con người, chính chữ viết làm nền tảng cho mọi sự tiến bộ của nhân loại, vì vậy chữ viết đóng vai trò quyết định thành bại của một cộng đồng hay một quốc gia.

III. Vài nét về sự hình thành chữ viết trên thế giới và ở Trung Hoa

Do nhu cầu muốn lưu lại thông tin, từ rất xa xưa con người đã bắt đầu vẽ những hình người, đồ vật, chim thú lên hang đá, đây là hình thức ban đầu manh nha cho việc hình thành chữ viết sau này. Tuy nhiên với quan điểm chữ viết là một hệ thống kí hiệu, có quy luật và được sự chấp nhận sử dụng của một cộng đồng thì mãi về sau, vào khoảng 5000 năm TCN, nhân loại mới bắt đầu xuất hiện chữ viết. Phát triển chữ viết diễn ra trên nhiều vùng của thế giới, từ Ai cập, Ấn Độ, Trung Hoa, Hy Lạp. Riêng tại Trung Hoa, đời nhà Thương (1766 - 1122 TCN) đã có chữ viết tương đối hoàn thiện, vì vậy thời này là thời kì có sử đầu tiên của Trung Hoa, về sau người ta khảo cổ tại Ân Khư, kinh đô của nhà Thương, tìm thấy nhiều xương động vật có khắc chữ gọi là Giáp cốt văn, tất nhiên có được những thành tựu ấy nhất định phải mất hàng ngàn năm phát triển chữ viết trước đó, những gì các nhà khảo cổ tìm thấy ở “Di chỉ cúng tế xẻng đá lớn Cảm Tang” - Thị trấn Mã Đầu - huyện Bình Quả - Quảng Tây - Trung Quốc là một minh chứng. Tại đây người ta đã phát hiện mấy chục tấm đá khắc đầy văn tự cổ được cho là của người Lạc Việt, các chuyên gia suy đoán, thời kì xuất hiện của chữ khắc trên phiến đá của người Lạc Việt cổ này cùng thời với thời gian của “xẻng đá lớn” (4000-6000 năm trước). <http://www.luoyue.net>



Chữ cổ

Chữ Hy Lạp

Chữ giáp cốt

Chữ Vuông

IV. Chữ viết ở Việt Nam qua các thời kì

Theo những gì mà ta được biết thì từ trước tới giờ thì nước Việt ta chưa từng có chữ viết, trong thời phong kiến, nước ta chủ yếu dùng chữ Hán, rồi sau đó khoảng vào thế kỉ 10, ta dùng chính chữ Hán, với các phương pháp lược thư như chữ Hán làm ra chữ Nôm. Tuy nhiên chữ Hán vẫn thống trị cho đến đầu thế 19, mặc dầu ở giai đoạn đầu thế kỉ 17, đã có một số giáo sĩ phương Tây kí âm tiếng Việt bằng mẫu tự La Tinh nhưng tất cả mới chỉ phôi thai.

Có thể nói trong mấy thế kỉ qua, người Việt vừa sử dụng chữ Hán, chữ Nôm lại vừa phát triển chữ theo mẫu tự La Tinh, hay ta có thể nói vừa sử dụng chữ biểu í vừa phát triển chữ biểu âm. Đến năm 1920, toàn quyền Đông Dương ra lệnh cấm dùng chữ Hán và chữ Nôm trong văn bản hành chánh, chữ biểu âm La Tinh mới bắt đầu dần chiếm ưu thế, sau cùng trở thành chữ Quốc ngữ như hiện nay.

宵
花
長
夜
行
平
明

字
上
挑
毛
增
乾
色

月
獨
化
花
空
情

宵
吟
白
宮
他
御
境

Chữ Hán

暮
辭
勳
埃
馱
嗟

狩
才
狩
命
窖
羅
怙
饒

駛
戈
沒
局
液
機

仍
調
龜
覓
罵
切
痘
悉

邏
之
彼
嗇
私
豐

歪
青
慣
退
騰
紅
打
慳

Chữ Nôm



Chữ La Tinh

V. Vì sao một dân tộc có 4000 văn hiến mà không có chữ viết?

Dân tộc Lạc Việt tự hào với truyền thống 4000 - 5000 văn hiến, mà như đã chứng minh trong phần một, rõ ràng người Lạc Việt đã tạo ra Hà đồ, Dịch lí, như thế có nghĩa là nền văn hiến ấy có thật và dĩ nhiên điều này khẳng định rằng người Lạc Việt phải có chữ viết song hành với việc làm ra Hà đồ, Dịch lí, để rồi làm nên một nền văn hiến rực rỡ như thế. Vậy tại sao lịch sử lại không phản ánh điều này? Việc này không khó hiểu nếu ta đọc vào lịch sử. Dân tộc ta tuy có một nền văn hóa rực rỡ như thế, nhưng không có nghĩa là một dân tộc mạnh theo nghĩa quân sự, nước ta bị xâm lăng nhiều lần, thậm chí có khi kéo dài hàng ngàn năm. Tất nhiên kẻ mạnh chưa chắc đã là kẻ có văn hóa nhưng khi đã trở thành kẻ thống trị thì nhất định phải cần đến văn hóa, mà văn hóa thì không thể hình thành trong một sớm một chiều được, vậy thì còn cách nào khác là sử dụng ngay thành quả văn hóa của chính những cư dân nơi họ chiếm đóng. Đồng thời quyền lực làm cho người ta khôn ngoan hơn, có nhiều phương tiện để che giấu những tham vọng của mình, một mặt ra sức tuyên truyền cho văn hóa mà họ lấy được là của họ,

mặt khác bằng mọi cách, kể cả các phương thức tàn bạo nhất, ngăn chặn nước yếu không được tuyên truyền giáo dục về văn hóa của dân tộc mình. Câu chuyện Sĩ Nhiếp cấm không cho người Giao Chỉ học một loại chữ gì đó là một minh chứng. Rõ ràng qua câu chuyện này cho thấy trước thời Sĩ Nhiếp dân tộc ta đã có chữ viết và đang được giảng dạy. Vậy chữ ấy là chữ gì? Tôi nghĩ rằng chữ ấy chính là chữ Vuông, cùng loại với chữ Hán. Cùng một con chữ nhưng đọc với âm khác đi, cái này về sau gọi là âm Hán Việt. Cũng chính vì lí do này mà ngày nay ta vẫn còn rơi rụng nhiều từ mang cả hai âm Việt Hán hay Hán Việt như: Sư sãi, sợ hãi, tùy theo, xe cộ, rào giậu (dậu), cà kê, địa đất, v.v... Mặc dầu thế, với những chính sách tuyên truyền rằng “Lạc Việt không có chữ viết” một cách lâu dài, người ta cũng đã thành công nhất định, cuối cùng người Việt cũng tự mình thừa nhận nước mình chưa từng có chữ viết trước khi học chữ Hán.

VI. Nghi án về chữ Việt cổ

Tuy lịch sử không có một tài liệu nào nói về việc nước ta có chữ viết một cách chính thức, nhưng trong nhân gian và tài liệu của Trung Hoa hé lộ cho ta đôi điều. Sách *Tân Lĩnh Nam chí quái* của Vũ Quỳnh, thế kỷ 15 gọi lối ký tự Việt cổ là chữ Khoa đầu, do có hình những con Nòng Nọc. Sách Thông chí do Trịnh Tiều đời Tống soạn, chép: “Đời Đào Đường, Nam di có Việt Thường thị qua nhiều lần thông dịch đến hiến một con rùa thần. Rùa ước được nghìn tuổi, rộng hơn ba thước, trên lưng có chữ khoa đầu, chép việc từ lúc khai thiên lập địa đến nay. Vua Nghiêu sai chép lấy, gọi là lịch rùa (quy lịch)”.

Như vậy là có một loại chữ gọi là khoa đầu, loại chữ này là một loại chữ viết cổ xưa từ trước đời Tần, cho đến đời Hán, sách vở vẫn còn đề cập đến con chữ này, không những có con chữ mà còn có cả “khoa đầu văn, khoa đầu thư, khoa đầu triện” nhưng từ đời Đường trở đi thì dần phai nhạt, không ai quan tâm đến nữa, về sau chỉ nhắc đến như một chữ của thần tiên.

Như thế ta có thể nói rằng chuyện nước Việt đã từng có chữ viết là chuyện có thể, chữ ấy gọi là chữ Khoa Đẩu hay nói theo người Việt chữ ấy là chữ Nòng Nọc. Từ “khoa đẩu” chỉ là cách phỏng dịch hai từ “Nòng Nọc” mà thôi. Khoa = To như “khoa trương”, Đẩu = Nhỏ, như “ghế đẩu” có nghĩa là con vật có hình đầu to đầu nhỏ, ấy chính là con Nòng Nọc. Về mặt ngôn ngữ thì con “khoa đẩu” chính là con “Nòng Nọc” nhưng về mặt triết học thì hai từ “Nòng Nọc” còn cung cấp cho ta một khái niệm rộng rãi hơn về Dịch lí. Như đã nói, trên chữ khoa đẩu đã phát triển thành “khoa đẩu văn, khoa đẩu thư, khoa đẩu triện”, như thế có nghĩa là loại chữ này đã phát triển có hệ thống và đã như vậy thì tất nhiên phải có cộng đồng sử dụng nó. Vậy cộng đồng đó là ai? Dân tộc nào? Câu trả lời là: Cộng đồng ấy, dân tộc ấy chính là người Việt và rồi đến cộng đồng, dân tộc Hoa Hạ. Vì chữ khoa đẩu đã trở thành hệ thống có nghĩa là đã sử dụng rộng rãi và có sự kế thừa hay nói khác hơn chữ khoa đẩu chính là chữ mà chính họ đang sử dụng. Đây cũng chính là lí do cho việc “từ đời Đường trở đi thì dần phai nhạt, không ai quan tâm đến nữa, về sau chỉ nhắc đến như một chữ của thần tiên”. Vì nếu không xóa đi cái khái niệm khoa đẩu thì rồi ra người Việt lại nhận ra nguồn gốc con chữ của mình. Đồng thời qua đó họ tự xác định rằng chữ khoa đẩu này thuộc một dân tộc khác. Dân tộc đó gọi con chữ ấy là chữ Nòng Nọc, hay dân tộc ấy chính là Việt tộc.

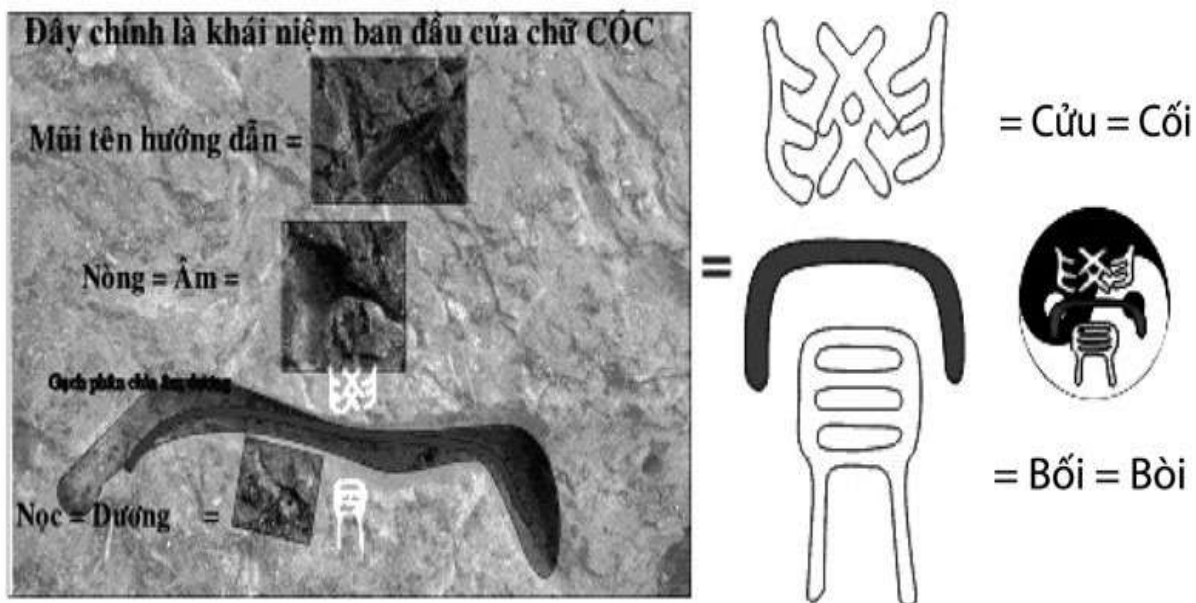
VII. Chữ Nòng Nọc là loại chữ gì?

Từ khi dấy lên việc nước ta đã từng có chữ viết từ xa xưa, chữ ấy gọi là chữ Nòng Nọc thì các nhà nghiên cứu bắt đầu tìm hiểu về loại chữ này. Trước khi tìm hiểu về chữ Nòng Nọc, người ta cần xác định xem “Tại sao dùng hình ảnh con Nòng Nọc để đặt tên cho loại chữ này?”

Khái niệm thứ nhất và phổ biến là con chữ ấy phải có hình dáng như con Nòng Nọc, như bơi loăng quăng, thành bầy, dính liền với nhau. Từ quan niệm này, người ta nghĩ rằng chữ biểu âm “Hỏa tự” của người Thái chính là chữ cổ của người Việt, hay nói khác hơn chữ hỏa tự chính là chữ Nòng Nọc. Tuy nhiên đề nghị này không xác đáng, trước hết là loại chữ ấy của người

Thái, đã được hệ thống và đưa vào sách, thứ đến, việc mấy ngàn năm trước người Việt làm ra chữ biểu âm là không phù hợp với thực tế lúc bấy giờ. Cái giới hạn của quan điểm cho rằng chữ Nòng Nọc là loại chữ giống hình con Nòng Nọc là họ căn cứ trên hình thể, mà hình thể thì không có tính đa dạng, trong khi đó chữ Nòng Nọc thì mỗi chữ mỗi vẽ nên tiêu chí ấy làm sao đáp ứng được.

(Hình ảnh này được khắc trên đá ở Cẩm Tang, đây là bằng chứng cho thấy rằng chữ Nòng Nọc có thật chứ không phải chữ thần tiên; đồng thời đây cũng là hình ảnh con Diệc hay Dịch cội nguồn của Dịch lí).

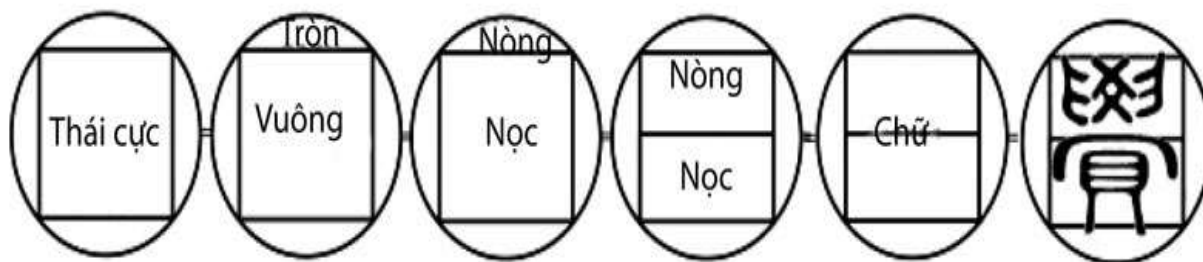


<http://www.luoyue.net/newsimg/s0e67729f-2dfc-4cb6-97f3-6c5f978ba7bf.JPG>

Khái niệm thứ hai là dựa trên khái niệm mà hình ảnh con Nòng Nọc biểu tượng, cụ thể là khái niệm về Âm Dương. Trước hết là hình thức của nó – hữu hình – vuông tròn. Thứ đến là khái niệm mà nó gợi ra – Vô hình – âm dương. Đây chính là khái niệm căn bản hình thành nên chữ Vuông. Có thể có ai đó cố gắng để tìm kiếm một con chữ nào khác ngoài chữ Vuông để chứng minh có sự khác biệt giữa ta và phương Bắc, đồng thời làm nên tính độc lập chẳng! Điều này là không thể, vì Nòng Nọc là biểu tượng cho âm dương, âm dương là căn bản của Dịch lí, như vậy ta có thể khẳng định rằng:

Dịch lí hay thuyết Âm Dương chính là cội nguồn của chữ Nòng Nọc. Vậy Chữ Nòng Nọc chính là Chữ Vuông.

Tiến trình biểu í chữ Nòng Nọc



VIII. Tìm nguồn gốc chữ Nòng Nọc ở nước Việt

Như vậy chữ Nòng Nọc hay chữ Vuông có nguồn gốc từ Dịch lí mà Dịch lí là sản phẩm của người Việt cổ, vậy tại nước Việt chữ Nòng Nọc ấy phát triển và tồn tại như thế nào?

Như ta biết, nước ta xưa kia là một đất nước rộng lớn, tuy nhiên trải qua hàng mấy ngàn năm, lãnh thổ ấy càng ngày càng bị thu hẹp, mất dần vào những thế lực mạnh hơn, không những thế mà cả một nền văn hóa rực rỡ trong đó có chữ Vuông, dựa trên triết lí âm dương cũng cùng chung số phận, tất nhiên đất đai vẫn còn đó, văn hóa chữ viết vẫn còn đó nhưng có điều nó đã thay tên đổi chủ. Đương nhiên là kẻ thống trị không ai muốn là kẻ vô văn hóa cả, nhưng ngặt nỗi cái văn hóa mà họ đang ra sức tán dương lại có nguồn gốc từ dân tộc khác, điều này luôn khiến cho kẻ thống trị cảm thấy âu lo, âu lo một ngày nào đó cái nguồn gốc văn hóa lại tố cáo cái quá khứ không lấy gì tốt đẹp của họ. Từ những suy nghĩ như vậy, bằng mọi cách họ ngăn cấm không cho người Việt truyền bá văn hóa ấy dưới tên gọi của mình. Đứng trước nguy cơ sẽ mất đi nền văn hóa của mình, cha ông ta đã nỗ lực không ngừng, nhằm tìm cách truyền đạt lại những gì mà dân tộc ta đã thành tựu trong hàng ngàn năm. Trong vô vàn khó khăn như vậy họ phải chọn các cách truyền thông khác nhau để thực hiện di huấn của mình như: Xây dựng

nên những câu chuyện ngụ ngôn, truyền thuyết để truyền khẩu từ đời này sang đời khác hoặc khái quát hóa văn hóa của dân tộc mình bằng ngôn ngữ hình ảnh, thông qua sự sắp xếp hợp lí trên một vật thể có tính vững bền như trống Đồng, hay sử dụng ngôn ngữ của tranh dân gian để gửi gắm thông điệp văn hóa của dân tộc mình.

Về văn hóa Dịch lí trên trống Đồng thì tôi đã trình bày ở phần trước, ở phần này xin giải mã một thông điệp khác của Tổ tiên nước Việt về nguồn gốc chữ Nòng Nọc dựa trên Dịch lí thông qua ngôn ngữ hình ảnh cùng một bài thơ trên tranh dân gian Đông Hồ.

1. Vài nét về tranh dân gian Việt Nam

Tranh dân gian có một lịch sử hình thành rất lâu đời và từng phát triển mạnh mẽ trong một thời gian dài. Tranh thường có hai loại, tranh Thờ và tranh Tết. Ngày nay với sự phát triển của xã hội, nó có phần giảm sút nhưng một số làng nghề vẫn còn duy trì. Tranh dân gian được phát triển trên nhiều vùng ở Việt Nam như Hàng Trống - Hà Nội, làng Sình - Huế, một trong những nơi nổi tiếng và có truyền thống lâu đời đó là làng Đông Hồ. Do xuất phát từ đây nên dòng tranh này được gọi là tranh dân gian Đông Hồ.

2. Mục đích của tranh dân gian

Do nhu cầu thực tế của đời sống, tranh dân gian xuất hiện từ xa xưa nhằm đáp ứng nhu cầu tâm linh trong vấn đề cụ thể hóa các vị thần thánh bằng hình ảnh; đồng thời các nghệ nhân sáng tác tranh cũng sáng tạo, nhân hóa những hình ảnh của các loài vật gần gũi với đời sống con người nông nghiệp như cóc nhái, cá tôm để kể những câu chuyện mang tính trào phúng nhằm đem đến cho con người những phút giây vui vẻ sau những ngày lao động vất vả. Tất cả không ngoài mục đích đem đến cho con người sức sống mới, hy vọng mới trong một năm mới. Tất nhiên mục đích của tranh không chỉ có thế, bên cạnh việc bày tỏ tấm lòng của mình đối với Tổ tiên, người ta còn

thông qua những hình ảnh trào phúng, gởi vào đó những thông điệp, những thứ mà họ, vì nhiều lí do, không thể truyền đạt trực tiếp bằng sách vở được, nên dùng tranh dân gian như là một cuốn sách chứa đựng những thông điệp để gởi lại cho mai sau. Đây là một tính toán hết sức khôn ngoan, vì mỗi năm mỗi làm mới, không sợ mỗi mọt, hỏa hoạn hay lũ lụt tiêu hủy đi. Có thể nói không một bức tranh nào không chứa đựng một nội dung sâu xa nào đó, bức tranh dân gian Đông Hồ “Lão Oa giảng đạo” hay “Thầy Đồ Cóc” một là một minh chứng. Theo tôi, bức tranh này chứa đựng một nội dung vô cùng quan trọng, đằng sau những hình ảnh và câu thơ chính là thông điệp của Tổ tiên Việt Nam về nguồn gốc Dịch lí và chữ viết của dân tộc mình. Thầy là Cóc thì dạy chữ Nòng Nọc là tất yếu rồi, đây là chỉ dấu cho thấy Tổ tiên Lạc Việt lưu lại thông tin về nguồn gốc chữ Nòng Nọc trong bức tranh này.

IX. Giải mã thông điệp về Dịch lí và chữ Nòng Nọc trong bức tranh “Lão Oa giảng đạo”



1. Về tên bức tranh

Theo tôi, bức tranh này không phải là bức nguyên bản mà người Việt xưa đã vẽ nên. Lí do tôi cho là như vậy vì căn cứ vào chữ “Oa 蛙” trong tên bức tranh “讀講蛙老 Lão Oa giảng đọc”. Về chữ “Oa” này ta biết người Việt xưa đã làm nên hai chữ Oa có phân biệt Âm Dương. Chữ “Oa 蛙” này là chữ Oa Âm. Mà bức tranh là “Lão Oa” thì phải là chữ “Oa 蛙” dương. Có thể do thất lạc hay muốn làm thêm các âm bản khác, người thợ nhờ ai đó viết chữ để khắc, người ấy tưởng rằng “oa” nào cũng được nên viết chữ “Oa 蛙” âm vào, từ ấy chữ này được lưu truyền với bức tranh. Đây là một lỗi hết

sức đáng tiếc, vì chữ “Oa 蛙” dương chuyên chở một thông điệp rõ ràng của Dịch lí liên quan đến Cóc - Thái cực, nếu bỏ đi thì làm ảnh hưởng đến bức thông điệp mà người xưa đã gửi gắm qua tranh. Đồng thời qua đây ta thấy đến giai đoạn này việc thông tin về cội nguồn Dịch lí và chữ Vương bằng phương thức truyền khẩu trong nhân gian xem như đã dần mờ nhạt.

A. Tại sao lại phải là Oa 蛙 dương?

Trong phần một tôi đã phân tích chữ Quái trong ấy có chứa hai chữ Khuê 圭 và Bốc 卜. Chữ Khuê 圭 = chứa hai chữ Thổ 土, mỗi chữ thổ thay thế một quẻ, có nghĩa rằng hai chữ thổ chính là hai quẻ Càn – Khôn, đồng nghĩa với Thái cực. Như vậy chữ Khuê chính là phản ảnh của Càn – Khôn – Thái cực. Chính vì vậy mà chữ Khuê có nghĩa là dụng cụ đo lường 64 hạt lúa. Con số 64 là toàn bộ biến dịch của càn khôn, vũ trụ. Hạt lúa là chỉ dấu cho thấy sản phẩm Dịch lí ấy là của người lúa nước - Lạc Việt. Thực chất âm Khuê là phái âm của âm Quẻ = Kh-uê = K-uê = Q-uê = Q-uẻ nên mới có nghĩa như thế.

B. Chữ Oa 蛙 có liên quan gì đến điều đang bàn?

Ta thấy chữ Oa 蛙 có hai chữ: Trùng 虫 và chữ Khuê 圭. Chức năng chữ trùng 虫 là hệ thống hóa chữ viết, còn chức năng của chữ Khuê 圭 là chỉ nội dung con chữ, ở đây là chữ Oa 蛙 = Nghĩa là con Cóc, như vậy con Cóc có đủ tính chất của 64 quẻ, hay Càn Khôn, Thái cực; đồng thời nó đại diện cho cư dân lúa nước. Như đã chứng minh ở phần trước, Cóc chính là Thái cực, chính vì vậy mà ta thấy trên mặt trống Đồng thường có con cóc. Vì ông Oa 蛙 = Cóc = chính là Thái cực, nên chi muốn vá được Trời thì chỉ có bà Oa 媧, qua đây ta thấy truyền thuyết Nữ Oa đội đá vá trời có thể là của người Việt.

Có thể do vì lấy Cóc làm biểu tượng cho thái cực nên các âm của các quẻ ban đầu đều chịu ảnh hưởng ngữ âm của từ này: Q-uẻ – Q-uái – C-àn – kh-âm – C-ấn – Ch-ấn – Kh-ôn.

Như thế ta thấy vai trò đích thực của Oa 蛙 = Cóc là Thái cực, cha mẹ của muôn loài, thầy của vũ trụ. Có như thế người xưa mới gọi là “Thầy đồ Cóc”.

2. Các chữ trong bức tranh

Hàng chữ trên bức tranh là “Lão Oa giảng đọc” và 3 chữ khác trong bức tranh, có một chữ rõ ràng, đó là chữ Trường 長 hay Tràng, còn hai chữ khác hầu như không đọc được. Theo tôi trong bức tranh này các chữ được viết theo tinh thần chữ Nôm, vì vậy chúng ta cần tìm kiếm các chữ đã mất nét theo hướng này. Vì ngay tên bức tranh đã cho thấy đây là trật tự ngữ pháp tiếng Việt “Lão Oa giảng đọc”, nếu là Hán thì phải là “Oa lão đọc giảng”. Sau khi xem kỹ tôi thấy hai chữ bên dưới bức tranh đã mất nét là hai chữ “Ếch 益 và Nhái 蚶” chữ còn lại là “Chàng 長”. Như vậy lớp học của Thầy Cóc có các học sinh “Chàng 長” (chão) Ếch 益, Nhái 蚶.

Qua đây ta biết với tên bức tranh được viết theo ngữ pháp chữ Nôm, chứng tỏ rằng cho đến thế kỉ 10 hoặc sau đó nữa những nhà Nho ở nước ta vẫn còn lưu truyền thông tin chắc thật về nguồn gốc Dịch lí và chữ Vuông.

3. Các hình ảnh trong bức tranh

A. Động vật

1 Cóc là thầy, còn lại là 9 học trò = 10. Con số 10 là con số thành, số trịnh, số tuyệt đối của vũ trụ, vương quốc của thái cực chỉ có chừng ấy mà thôi. Tất cả chia làm 3 loại: Ếch – Chão Chàng – Nhái. 3 loại tượng trưng cho ba lớp: Trên – giữa – dưới hay Thiên – Nhân – Địa. Còn lại 2 con cóc nhỏ, đây không phải học trò mà là con của thầy Cóc hay là 2 Nghi = Âm Dương, 4 con phía dưới = Tứ tượng + 4 con ở trên = 8 quái. 8 quái + một con bị đè xuống (trung cung) = 9 cung. Toàn bộ thành 12 chi. Đặc biệt thầy Cóc là cóc Tía, ngồi ở phương Nam, cho thấy chữ Vuông là của người phương Nam, cụ thể là người Việt (Xem giải thích tại phần năm).

B. Đồ vật

8 đồ vật = Bát quái. Trên bàn ta thấy đĩa trái cây hình con cua = Càn, Đồi (đồ đựng bút)- ly (cái ly) Chấn (lưỡi búa) Tốn (cái ấm) Khảm (tấm thảm) Cấn (điếu). Khôn (cây tùng).

C. Thực vật

Trên cây có 16 lá hai màu khác nhau = Số trùng bát = 8.8.

4. Màu sắc trong tranh

Tranh có 5 màu Trắng, xanh, đen, đỏ, vàng = Kim mộc thủy hỏa thổ.

5. Phần đã mất của bức tranh

Bức tranh này nguyên trước có một bài thơ Nôm, về sau chắc thấy chẳng có tác dụng gì, lại thêm tốn công nên người ta đã đục bỏ. Rất may là nhờ các nhà nghiên cứu văn hóa kịp thời ghi lại, nếu không thật là đáng tiếc đáng hận đến chừng nào khi ta biết rằng đó chính là thông điệp mà tổ tiên ta đã gửi lại cho dân tộc về nguồn gốc chữ viết của dân tộc mình.

Bài thơ ấy như sau:

Tìm thầy hỏi bạn NHÁI chi mà
Thấy học xem bằng ẾCH thấy hoa
Mở mắt Chảo Chàng soi vũ trụ
Đem gan CỐC TÍA đối sơn hà.
尋傑嚙伴蚱之麻
体學貼朋蟻体花
馬昧紹蜃播宇柱
醜肝谷紫對山河

*Nguồn: NGUYỄN BÁ VÂN – CHU QUANG TRÚ
Tranh dân gian Việt Nam, NXB Văn Hóa, Hà Nội, 1984, trang 113.*

X. Thái cực cóc và chữ viết

Như đã chứng minh trên, theo Dịch lí, Cóc là biểu tượng cho Thái cực, từ Cóc sinh Nòng Nọc hay Âm Dương, đây là nguyên tắc của chữ Vuông. Chính vì vậy ngay Cóc cũng có một con chữ để biểu thị cho nó, vì Thái cực là cha mẹ của muôn loài âm dương thì chữ Cóc cũng là thống lĩnh của tất cả chữ Nòng Nọc.

Vậy chữ Cóc ấy như thế nào?

Chữ Cóc ấy chính là chữ Giác 覺 nghĩa là hiểu biết trong chữ Hán ngày nay. Xưa kia người Việt chúng ta đã có chữ Cốc hay Cốc có nghĩa là hiểu hay biết. May mắn là chúng ta còn lại hai tác phẩm Nôm từ thời Trần, đó là “Cư trần lạc đạo phú” của Trần Nhân Tông và “Vịnh vân yên tử phú” của Huyền Quang. Trong hai tác phẩm này rất nhiều lần dùng từ Cốc với nghĩa như trên như:

Nếu mà cốc, tội ắt đã không.

Trần tục mà nên, phúc ấy càng yêu hết tấc; Sơn lâm chẳng cốc, họa kia thực cả đồ công.

Nhân khuây bản nên ta tìm Bụt, Đến cốc hay chìn Bụt là ta.

Phép Bụt trọng thay, Rèn mới cốc hay.

Cốc được tính ta nên Bụt thực, ngại gì mưa gió cảnh đường xa.



Ngay cả ngày nay, thỉnh thoảng ta vẫn nói “Mày biết cốc gì?”. Hay “Tao cốc cần”.

Cốc hay Cốc vốn là âm cổ của chữ Giác 覺 có nghĩa là hiểu biết. Tuy nhiên

khi người ta bẻ chân chữ Bôi 貝 thành chữ Kiến 見 rồi đổi âm Cóc

thành Giác 覺 đã làm hạn chế nội hàm ngữ nghĩa của từ này. Vì từ Cốc, ngoài í nghĩa là hiểu biết, nó còn phản ảnh càn khôn, vũ trụ như chính tên gọi và hình ảnh của nó trong Dịch lí. Cốc là phạm trù đầu tiên của Dịch lí thì chữ Cốc biểu í cũng phải phản ảnh được tinh thần này, có nghĩa là phải chứa đựng càn khôn trong nó hay nói khác hơn là phải hội đủ hai yếu tố Nòng và Nọc hay Âm và Dương. Tuy nhiên khi ta chiết tự chữ Giác ta không tìm

thấy điều này. Tại sao vậy? Đơn giản là vì người ta đã chỉnh sửa chút đỉnh từ chữ Bôi = Bối sang chữ Kiến thế là con chữ khác đi, mất đi í niệm âm dương, Nòng Nọc ban đầu hay nói khác chữ Giác xưa vốn là chữ Cóc của người Việt, chữ Cóc này hội đủ các yếu tố Dịch lí để đóng vai trò là Thái cực, thầy của vũ trụ, từ đó mới làm thầy thiên hạ.

Chữ Cóc:  về sau người ta sửa lại như sau  đọc là Giác.

Phân tích các chữ trong chữ Cóc và chữ Giác theo nguyên tắc Âm Dương như sau:

Chữ Cóc: Trên chữ Cối = Sinh thực nữ = Âm = Nòng, giữa chữ Mịch = Trung gian, dưới chữ Bôi – Bối = Sinh thực nam = Dương = Nọc.

Chữ Giác: Trên chữ Cửu = Cái cối = Âm = Nòng, giữa chữ Mịch = Trung gian, dưới chữ kiến = Thấy = ?

Vậy là ta đã có chữ Cóc. Tất nhiên phạm đã là chữ biểu ý, với vai trò quan trọng hàng đầu như Cóc, đã có chữ thì nhất định phải có bộ. Vậy bộ Cóc ấy như thế nào?

Theo tôi đây chính là bộ Cóc 𠂇, ngày nay âm Hán Việt là Phụ. Vì sao ta biết được đây là bộ Cóc do người Lạc Việt làm ra mấy ngàn năm trước. Xem phần giải tại trang 19 - 20.

Như vậy là ta đã phục hồi hai chữ biểu í theo thuyết âm dương, chữ và bộ Cóc. Đây là những chữ với tên gọi cụ thể là Cóc. Con cóc còn được người xưa ghi lại bằng một con chữ khác ấy là chữ Bôi = Bối 貝 (Chữ Bôi là hình ảnh của sinh thực nam. Nọc = cóc - cọc - c... Vì vậy người ta thường nói cóc nhái hay con c... và hòn dái, chỉ cái quý nhất, nó cũng đồng nghĩa với Thái cực nên khái niệm này là khái niệm bao quát tất cả, không những đối với Dịch lí mà kể cả chữ viết nữa. Có nghĩa là Cóc là nền tảng cho mọi hiểu biết của con người, do đó các chữ liên quan đến chuyện hiểu biết, học hành, dạy dỗ, nhìn xa trông rộng đều có mặt của chữ Cóc – Chão Chàng - Nhái. Điều này nói lên rằng từ xa xưa người Lạc Việt đã nhận thức được giá trị của tri thức và xem đó là cái quý nhất. Đây chính là thông điệp mà người Việt cổ đã gửi trong bài thơ nói trên.

XI. Giải mã bài thơ nôm về nguồn gốc chữ Vuông của người Việt

A. Nội dung bài thơ

Tìm Thầy hỏi bạn NHÁI chi mà. 尋 傑 嚙 伴 蚘 之 麻。

Câu này mô tả chữ Sư. Tìm Thầy, có nghĩa là tìm Sư 師 – Sãi. Sư hay Sãi là thầy dạy mọi người thì thuộc hàng cao nhất, cũng như Thái cực có khả năng sinh ra mọi thứ. Nhái cùng loại với Cóc đại diện cho Thái cực, vì vậy muốn làm thầy thiên hạ thì phải biết rộng, hiểu xa, mà có gì rộng hơn, sâu xa hơn Thái cực, nên với chức năng của chữ Sư phải có sự hiện diện của Nhái. Theo tôi ngày xưa khi người Việt làm ra chữ Sư 師 thuộc bộ Mãnh 虺 = Nhái, về sau người ta thấy nhái với cóc cùng một loại nên thay bộ Mãnh 虺 = Nhái bằng bộ Cân 巾. Chữ Giáp cốt cho thấy chữ Sư là hình con Nhái, ban đầu chữ cân cũng được xây dựng từ hình ảnh con nhái, vì vậy mà người ta mới dùng để thay thế chữ mãnh. Do dùng chữ mãnh làm bộ nên người ta bỏ chữ thập bên dưới bộ cóc nhằm tránh một chữ có hai bộ. Việc thay bộ mãnh bằng bộ cân có tính khiên cưỡng, vì chữ được thay bản thân nó là chữ Tật 疒 thuộc bộ Phương 疒. Tuy nhiên qua đó ta thấy người xưa biết rõ chữ 𠄎 chính là chữ Cóc = Phụ = Cóc hay Nhái. Các hình thức chữ Sư cổ có chữ thập hay bộ phụ trong tự điển xác nhận điều đó. Như vậy về nguyên tắc, chữ Sư hiện nay không có bộ. Chính vì vậy ta thấy trước đây nó thuộc bộ mãnh là hoàn toàn có lí.




Chữ Sư và hình ảnh con nhái trong chữ Giáp cốt

Tóm lại chữ Sư gồm hai chữ: Phụ 阜 = Cóc = Thái cực. Táp 帀 = thuộc bộ Cân, có nghĩa là con Nhái như đã nói trên, nên ta thấy trong câu chuyện “Cóc kiện Trê” người xưa nói rằng Nhái là kẻ hiểu biết uyên thâm. Cóc = Thái cực, Nhái = Thái cực. Có đến hai kẻ toàn vẹn thì đủ biết sự hiểu biết lớn chừng nào, có như vậy mới làm thầy thiên hạ được chứ. Do đó, í câu Tìm Thầy hỏi bạn NHÁI chi mà là nói tới cách hình thành chữ SƯ.

Thấy học xem bằng ẾCH thấy hoa. 体鬯貼朋蟻体花.



Chữ Cóc và hình ảnh trong chữ Giáp cốt

Câu này mô tả chữ Cóc , bên dưới là Bò hay là Ếch (Thái cực) nhìn lên trên ta thấy những nang hoa = chữ Cừu 𠂇. Chữ Cóc có nghĩa là hiểu biết. Ca dao cũng có câu để chỉ hình ảnh này.

Con cóc nằm góc bờ ao

Lăm le nó muốn nuốt sao trên trời.

(AO là do biến âm của OA. Như Quãng Nghĩa – Quãng Ngãi)

Mở mắt Chảo Chàng soi vũ trụ. 馬眛紹蜚擗字柱.



Chữ Bửu và hình ảnh trong chữ Giáp cốt

Câu này mô tả chữ Bửu 寶 bên dưới là Chảo Chàng (Thái cực) nhìn lên trên có Vương 王 là vua, Phũu 缶 = chum nước, rồi Miên 宀 = Mái nhà = Vũ trụ. Dựa trên hình ảnh này người xưa đã xây dựng nên câu chuyện Cóc kiện Trời mà tôi sẽ bàn ở phần bốn.

Đem gan CỐC TÍA đối sơn hà. 醜肝谷紫對山河.



Bộ Cốc và hình ảnh trong chữ Giáp cốt

Theo tôi câu này mô tả hai con chữ:

1. Bộ Cốc 阜 một cách viết khác của chữ 阜, có lẽ chữ này được làm ra khi í thức lãnh thổ đã trở thành bản ngã của dân tộc rồi. Bộ cóc này lấy chữ cóc (Thái cực) làm căn bản, vì là Thái cực nên nó bao trùm, chứa đựng cả sông núi, nên trên là tượng Cóc 𪚩, dưới là chữ Sơn 山. Trong câu này ngoài

nghĩa trên ra, tôi nghĩ rằng người Việt xưa đã so sánh sông núi hay đất nước cũng lớn và quan trọng như Thái cực, vì vậy mà trên vai mỗi chiến binh đều có chữ sơn. Đồng thời câu này cũng chỉ rõ chữ Vuông là của người Việt, vì trong câu thơ trên ta thấy người xưa đã viết Cóc Tía có nghĩa là Cóc Đỏ = Cóc phương Nam hay người Việt.

2. Chữ Học 學. Chữ Học này lấy chữ Cóc (Thái cực) làm căn bản, nhưng đổi Cóc vào sông núi làm thành chữ Học.



Chữ Học và hình ảnh trong chữ Giáp cốt Chữ Cóc thay bằng chữ Sơn

<http://www.zdic.net/z/a8ljs/28E34.htm>

B. Tiêu chí Nòng Nọc trong mỗi con chữ

Chữ biểu í của người Lạc Việt gọi là chữ Nòng Nọc, do đó các chữ bắt buộc phải thành lập dựa trên nguyên tắc này.

- Chữ SU 師 = Cóc 𠂇 = Thái cực = Âm = Nòng, Tạt 巾 = Con nhái = Dương = Nọc, 巾 nguyên là 匚 = khấp vòng 匚 = Cái để chứa đồ = Nòng + Cân 巾 = con nhái = Nọc.

- Chữ CỐC 貝 = Cừu = cái cối + Mịch = khăn che = Nòng, BỐI 貝 = của quý = Nọc.

Lướt: Cừu + bối = Cối.

- Chữ BỬU 寶 = Miên = mái nhà = Nòng + Vương = Vua = Nọc Phữu = Chum đựng nước = Nòng + Bối = Của quý = Nọc.

Lướt: Bối + phữu = Bửu.

Bộ CỐC 島 = 白 = Thái cực = Vô hình = Âm = Nòng, Sơn 山 = Hữu hình = Dương = Nọc.

- Chữ HỌC 學 Cừu = cái cối + Mịch = Khăn che = Nòng. Sơn 山 = Nọc.

Cóc = góc = hóc = học.

Có lẽ vì khổ thơ chỉ có 4 câu nên người xưa chỉ đưa ra 4 chữ căn bản của chữ Việt cổ nói về các yếu tố tri thức dựa trên triết lí Âm Dương – Nòng Nọc. Vì vậy chữ nào cũng luôn có sự hiện diện của Thái cực – Cóc, Nhái, Chảo Chàng, Éch. Trong hướng này tôi đưa thêm ở đây chữ 貯, hiện nay đọc là Trữ với nghĩa là tích chứa. Tôi nghĩ rằng đây chính là chữ Chữ có nghĩa là chữ viết.

貯

C. Tại sao người xưa chỉ để lại một bài thơ chỉ ra có 4 chữ: SU – CỐC – BỬU – HỌC?

Như ta biết Thái cực là cha mẹ sinh ra muôn loài, Cóc là tiêu biểu cho Thái cực, như vậy Cóc là chữ cha mẹ sinh ra tất cả các con chữ, từ đó xây dựng một nền văn hóa tri thức. Muốn có được như vậy thì trước hết phải có Thầy Sư - Sãi - Có thầy mới có hiểu biết Cóc - Giác – Hiểu biết là cái quý nhất – Bửu – vì vậy ai cũng phải Học. Cho nên tất cả các con chữ này phải có sự hiện diện của Cóc. Cóc cũng chính là Đạo, vì “Nhất âm nhất dương chi vị Đạo”. Đạo ấy là đạo làm người, học để thành người. Cóc cũng là cái toàn vẹn, là sự bắt đầu và cũng là chỗ cuối cùng để mọi thứ trở về “Vạn pháp quy nhất thể” nên tất cả các con chữ phải nằm trong hình vuông. Do các yếu như vậy nên chỉ chỉ với 4 chữ ấy là đã đại diện cho tất cả các yếu tố tiến bộ của nhân loại rồi, những gì còn lại chỉ là kết quả tất yếu của sự vận hành Dịch lí mà thôi.

XII. Dịch lí qua chữ số

Ta biết toàn bộ chữ số nằm trong phạm vi từ 1 tới 10. Nếu chữ viết đã được xây dựng trên nguyên tắc Nòng □ Nọc — = Âm Dương thì nhất định chữ số cũng không ngoài í tưởng này. Từ nhận định như vậy, tôi đề nghị cách hiểu về việc biểu í trong tự dạng chữ số như sau:

Số 1 — = Bất Dịch = Thái cực.

Số 2 二 = Giản Dịch – Biến Dịch - Nhị nghi.

Số 3 三 Bắt đầu hình thành Quẻ. Từ Âm Dương người xưa đã làm nên Dịch lí.

Số 4 四 = Bốn phương. Bốn gạch bao quanh, bên trong có gạch dài, gạch ngắn = Dương Âm = Càn Khôn (nam tả nữ hữu).

Số 5 五 = Trung ương. Ba gạch nối nhau bằng gạch đứng Thiên - Nhân - Địa. Tuy nhiên gạch giữa được gạch xuống để nhấn mạnh là giữa. Ở đây là giữa 1, 2, 3, 4 và 6, 7, 8, 9. Số Dịch lí là số trung ương.

Số 6 六, 7七, 8八, 9九?

Số 10 十 = Hai trục tung hoành, biểu tượng cho Hà đồ hay vũ trụ.

Thông thường ta cho 1 là lẻ = dương, 2 chẵn = Âm. Tuy nhiên ở đây căn cứ vào tự dạng của con chữ ta có thể nghĩ rằng ngoài các yếu tố trên, người xưa đã gởi vào đó trật tự của thế giới Dịch lí. Vì nếu chỉ đơn thuần là chẵn lẻ thì vai trò 1 cũng như 3, 7, 9 - 2 cũng như 4, 6, 8, như thế thì phí quá. Ta biết rằng chữ Vuông là chữ biểu ý, chữ số cũng không ngoài khái niệm này.

XIII. Vài bức tranh liên quan

Trong tinh thần duy trì, bảo tồn và phát triển Dịch lí, ta thấy qua tranh dân gian, thuyết âm dương được thể hiện một cách mạnh mẽ, không phải chỉ có bức “Lão Oa giảng đạo” được sáng tác trong tinh thần của Dịch lí mà rất nhiều những bức tranh khác cũng mang triết lí này. Bức “Lão Oa giảng đạo” đặc biệt hơn là vì thông điệp của nó có liên quan tới cái cốt lõi văn hóa của người Lạc Việt mà thôi, đó là chữ Viết. Còn lại thì mỗi bức tranh đều là một

thông điệp, vì ngày xưa mỗi lần làm là mỗi lần dụng công thì đâu lẽ chỉ làm chơi. Có thể nói thông điệp mà người xưa gửi lại trong những vật thể hay câu chuyện là một tiếng kêu trầm thống của một dân tộc bị tước đi cái văn hóa rực rỡ kì vĩ của mình, điều đáng nói là tất cả những tiếng vọng đau thương ấy lại xuất hiện dưới những ngôn ngữ trào phúng như tiên đoán rằng sẽ có một ngày hy vọng của họ sẽ nở hoa. Ta thấy điều này không những đã xảy ra với bức tranh “Thầy đồ Cóc” mà còn trong các bức tranh khác như “Ếch múa lân” hay “Một phiên tòa”. Bên cạnh đó, những bức tranh còn cho ta biết người Việt xưa đã chấp nhận thực tế của mình, khi thấy việc lên tiếng về bản quyền Dịch lí qua câu chuyện “Cóc kiện Trê” là vô vọng, họ đã xoay sang tìm cách khéo léo ngoại giao, cố gắng nạp cho kẻ mạnh trong khi vẫn âm thầm phát huy văn hóa của mình. Đó là những gì được kể qua bức tranh “Đám cưới chuột”.

Xin có vài nhận xét tóm tắt về ba bức tranh này, nhằm củng cố thêm niềm tin rằng cha ông chúng ta đã vận dụng tài tình như thế nào để ghi lại cái cốt lõi văn hóa của mình trên tranh dân gian mà kẻ mạnh kia khó bề tiêu hủy.

Bức “Cóc kiện Trê”: Trong vô vọng, Cóc đã lên tiếng kiện tên cướp con mình, nhưng biết làm sao được khi môi trường sống của Nòng Nọc cũng chính là nơi Trê hoạt động. Trong tranh ta thấy Cóc cô độc giữa một bầy tôm cá, những kẻ cùng hội cùng thuyền với Trê thì làm sao mà Cóc thắng nổi, cho dù ngay trên bức tranh đã có câu tuyên bố chắc như đinh đóng cột của Cóc: “Giỏ ai quai nấy rành rành, giường vây thích ngạnh tranh hành chẳng xong”.



Tuy nói mạnh thế nhưng rồi Cóc cũng ra về trong thất vọng, vì đơn kiện mà lại nạp cho lão Thái Thú Lí Ngư, lại thêm lão Trê, chắc là công tố, năm cái “Lí Dịch” nữa thì chỉ có nước tiền mất tật mang mà thôi. Có một điểm cần lưu ý là bức tranh có hai câu thơ Nôm nên tôi nghĩ rằng tất cả đều có thể đọc theo trật tự chữ Nôm trừ phương Bắc, tức lão Thái thú. Vì vậy tôi cho rằng người xưa đã khéo léo để nói rằng Trê đã lấy Dịch lí của Cóc, như vậy “Lí dịch” đọc theo ngữ pháp tiếng Việt là “Dịch lí”.

Bức “Một phiên tòa”: Bức tranh diễn tả lại không gian và toàn cảnh phiên tòa hết sức linh động, nó cho ta thấy người xưa đã biết được chuyện gì sẽ xảy ra nếu phiên tòa xảy ra thực sự, ngay cả cho dù quan tòa là đồng chủng với Cóc chẳng nữa thì kết quả cũng thế mà thôi. Chính vì vậy mà khi vẽ bức tranh, người xưa đã cho thấy điều ấy, từ Hội đồng, Thông ngôn, Trạng sư cho đến Chánh án đều làẾch, Nhái, Chảo Chàng nhưng cũng đành

thúc thủ buồng câu “Đánh Thầy gửi trả hội đồng, đứt đuôi Nòng Nọc thì công viên thành”.



Đây là những lời lẽ đầy cảm thông, lúc bấy giờ nghe tuy có lí, nhưng thực ra chỉ là an ủi nếu không nói là bày tỏ sự bất lực. Bởi vì Nòng Nọc thì nhất định rụng đuôi làm cóc chứ con người đâu dễ mà buông ra những gì mà họ đã bằng mọi cách để có được, còn chẳng chỉ là hy vọng mà thôi.

Bức “Đám cưới chuột”: Vâng chỉ còn hy vọng thôi, nhưng muốn đòi lại đứa con đó cần có nỗ lực, chấp nhận thực tế mà không nản lòng, vì kẻ mạnh chưa chắc là kẻ có văn hóa, nhưng nó có khả năng tiêu hủy văn hóa và thậm chí còn hơn thế nữa. Thôi thì nhún nhường một chút để rồi trong âm thầm ta vẫn cứ phát huy văn hóa của mình, chờ ngày lời của luật sư Nhái trở thành hiện thực. Hình ảnh trong bức tranh “Đám cưới chuột” hài hước đã đành, mà những chữ đi kèm theo cũng ngộ nghĩnh không kém. Ta thấy hai lão chuột

đi đầu cầm con chim và con cá như đang nói rằng: “Vâng chúng tôi xin hiến dâng cho anh chim trời cá nước, chứ cái văn hóa âm dương thì mỗi chúng tôi phải tự mình giữ lấy thôi” (12 chuột âm dương, mèo thì không). Vừa đưa lễ vật (Tổng lễ) vừa ca ngợi (Tác nhạc) lớp người già đi trước lo phần ngoại giao (Lão thử), còn lớp trẻ sau thì không quên cảnh giác (Thủ thân) không phải chỉ một con mà cả bầy luôn trong tình trạng cảnh giác cao độ, vì làm sao mà tin mèo được.



Cả ba bức tranh đều được vẽ theo quan điểm Dịch lí. Bố cục cũng như bức tranh “ Lão Oa giảng đạo” có nghĩa là tranh chia ra làm 3 lớp.

- Bức “Cóc kiện Trê” ta thấy 2 nghi (2 con trê) – tứ tượng – bát quái. Ngay ở chỗ 2 nghi ta thấy hình con cua, đây là dấu hiệu cho thấy tính quẻ Càn từ đây. Đồng thời căn cứ vị trí quẻ Càn theo Hà đồ thì lão Thái Thú Lí Ngư là ở phương Bắc.

- Bức “Một phiên tòa” cũng thế. Thái cực Cóc, 2 trê = 2 nghi – 4 cóc nhái = 4 tượng + 4 cóc nhái = 8 quái. 16 con trê nhỏ = Trùng bát = $8 \cdot 8 = 64$. Trong bức tranh này ta thấy 2 lão Trê đang tung hoành ở phương Nam. Trong khi đó các ông Ếch, Nhái, Chảo Chàng, đứng trong một tư thế vô cùng tức giận, anh khác thì ngao ngán kêu trời, có anh sợ to chuyện nên có í khuyên ngăn, có anh giang hai tay phân trần, kẻ thì bày tỏ bất lực. Thật là một bức tranh hết sức sinh động.

- Bức “Đám cưới chuột” cũng thế. Hàng trên cho thấy Mèo = Thái cực, sinh chim trời cá nước = 2 nghi, 4 chú chuột = 4 tượng, 8 chú chuột bên dưới = 8 bát quái. Ở giữa hàng trên và dưới ta thấy có hình viên súc sắc chữ ngũ, đây là sơ đồ của Hà đồ - 4 phương và trung ương. Căn cứ vào sơ đồ này ta biết lão Miêu ở phương Bắc. Tất nhiên màu sắc bao giờ cũng là 5 màu xanh, đỏ vàng, đen trắng = 5 hành.

XIV. Tìm thấy 8 chữ lạ trên trống Đồng Lũng Cú trong bức “Cóc kiện trê”

Trống Đồng Lũng Cú có các chữ lạ này đang trưng bày ở đền Hùng - Phú Thọ, người ta nghĩ rằng các chữ này là tiên thân của chữ Hỏa tự nhưng chưa có cơ sở để xác định việc đó. Căn cứ vào số chữ là 8 kí tự, có người cho rằng đây là 8 kí hiệu chỉ bát quái đọc theo trật tự của Tiên Thiên Bát Quái là Càn – Đoài – Li – Chấn – Tốn – Khảm – Cấn – Khôn. Việc đoán thì dễ rồi và việc đọc cũng không khó nhưng vấn đề là làm sao biết được đọc như vậy là đúng. Chính vì vậy mà ngay cả khi đọc hoàn toàn đúng như Trần Quang Bình đã làm mà vẫn tạm gọi là tiên đoán mà thôi. (<http://vietsciences.free.fr/vietnam/vanhua/kinhdich/ch10td2.ht>). Sau khi khảo sát kĩ bức tranh “Cóc kiện Trê” tôi nhận ra rằng các kí hiệu ấy có mặt trên bức tranh này. Ta có thể nghĩ rằng điều ấy là đúng, vì có chỉ dấu cho thấy quẻ Càn (con cua) và quẻ Khôn (con rận - có thể ngày trước có tên là khun). Như thế là ta có cơ sở để biết rằng tám chữ trên trống Đồng Lũng Cú thờ ở đền Hùng - Phú Thọ là tám chữ:

Càn – Đoài – Li – Chấn – Tốn – Khảm – Cấn – Khôn



Tám chữ trên trống Đồng Lũng Cú



Tám chữ lạ giấu trong bức tranh này

Ta bắt đầu đọc từ Càn (chỗ có hình con cua), theo hướng của Hà đồ thì phía dưới là Đoài – Li – Chấn. Phần còn lại là Tôn – Khâm – cần – Khôn.

Tuy nhiên ta thấy Càn = Con Cua, Khôn = Con Rận (xem hình). Trong hình này chỉ có 2 con lạ này thôi, Cua thì ta biết là Càn rồi, suy ra con Rận ấy chính Khôn.

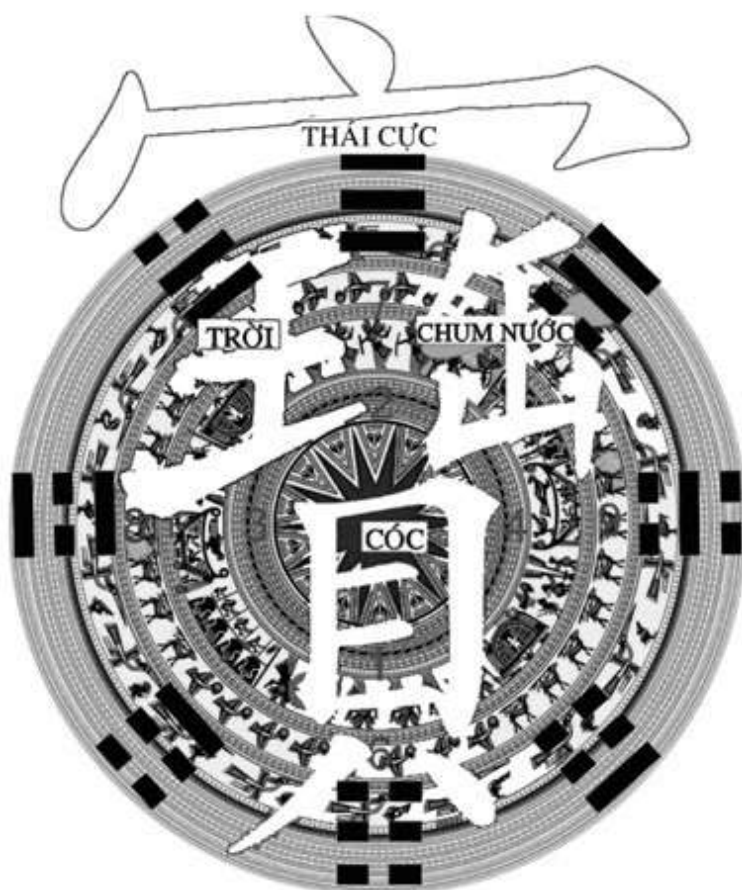
Qua đây càng chứng minh cho thấy chữ Nòng Nọc không phải là loại chữ giống con Nòng Nọc mà nó chính là con chữ được hình thành dựa trên cơ sở lí luận của triết lí Âm Dương xuất phát từ Nòng Nọc.

XV. Kết

Như vậy ta thấy một lần nữa tiền nhân nước Việt đã đem hết tâm huyết của mình, vận dụng mọi phương tiện trên mọi bình diện có thể để gởi lại thông điệp vô cùng trọng yếu của dân tộc mình cho thế hệ mai sau, đó là Dịch học và chữ Vuông là thành quả văn hóa của người Lạc Việt. Đồng thời qua đây ta cũng thấy rằng ngày ấy dòng chảy của Dịch học vô cùng mạnh mẽ, nó xuất hiện trên mọi khía cạnh của đời sống người Việt, như thế có nghĩa là đó là sự thúc đẩy có tính toán, người Việt vẫn cứ phát huy Dịch học, cho dù phải nói nó có nguồn gốc dưới cái tên khác nhưng nội dung vẫn chỉ có như thế mà thôi. Nói cho cùng thì họ cũng chẳng còn con đường nào khác, bởi vì đó là văn hóa cốt lõi của họ thì làm sao có thể xa rời. Điều này có nghĩa rằng ranh giới của sự công nhận nguồn gốc Dịch học vô cùng mong manh, nên chỉ người Việt vẫn cứ phát huy, duy trì, với í nghĩ đến một ngày nào đó khi con cháu nước Việt nhận ra được nguồn cội văn hóa của mình thì chỉ cần một tuyên bố là mọi việc trở nên dễ dàng, vì chỉ thay cái tên của dân tộc khai sinh ra Dịch học mà thôi, còn nội dung thì trải qua bao thăng trầm Dịch học vẫn thế, thậm chí còn được phát huy mạnh mẽ, rực rỡ hơn.

Phần bốn

Giải mã Dịch lí và chữ Vuông của người Việt trong truyện ngụ ngôn



CÓC TẠI NHÀ TRỜI

Có thể nói rằng khi bị kẻ mạnh chiếm mất cái văn hóa của mình, người Việt cổ xem như là vô vọng, vì họ không còn gì để có thể truyền đạt lại cái thành quả vĩ đại của mình, dạy thì bị cấm, tất nhiên là cấm với những phương thức trừng phạt khốc liệt nhất. Không còn gì trong tay ngoài lời nói và vài sinh hoạt văn hóa bị kiểm soát chặt chẽ. Thế mà kì diệu thay trong vòng kiểm tỏa bức bách như vậy mà người Việt cổ đã giấu được thành quả trí tuệ của dân tộc mình dưới những thứ tưởng chừng như chẳng có gì gọi là Dịch lí cả. Họ không những chỉ dấu trong một phương thức mà hầu như bất cứ phương tiện

nào có thể, đặc biệt là các phương thức phi vật thể. Chắc hẳn họ đã từng chứng kiến cảnh các hình thức văn hóa vật thể bị tàn phá như thế nào, ngay cả những vật liệu bền vững với thời gian như đá mà giờ đây chẳng còn lấy một mảnh khả dĩ làm tín hiệu cho con cháu tìm về quá khứ thì đủ biết ngày ấy câu chuyện cảm đoán về chuyện nguồn gốc Dịch lí và chữ Vuông chắc hẳn diễn ra hết sức khốc liệt, dĩ nhiên là đã có nhiều người Việt vì chuyện lén dạy về điều đó mà mất mạng, không phải chỉ cá nhân mà đôi khi cả làng cũng không còn, vì đối với kẻ xâm lăng thì sinh mạng người Việt chẳng đáng giá gì. Chính vì thế mà về sau tiên nhân đã thay đổi phương cách sao cho nếu có ai cho rằng họ làm điều đó là có í ghi lại Dịch lí để lại cho mai sau thì cũng không có bằng chứng cụ thể để kết tội. Để thực hiện được điều này giờ đây họ không khắc vào bia đá nữa, mà khắc vào bia miệng, với tấm bia này hy vọng rằng kẻ hung hãn kia khó mà đục bỏ được, vì nó sẽ mãi mang theo người Lạc Việt chùng nào họ còn nói tiếng Việt. Chính từ í tưởng này mà từ đó các câu ca dao, tục ngữ, hát đồng dao, truyện cổ tích, ngụ ngôn chứa đựng Dịch lí ra đời. Thế mới biết:

Trăm năm bia đá thì mòn,

Ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ.

Hai phần trước tôi đã trình bày phương thức người Lạc Việt chôn giấu Dịch lí, nền văn hóa kì vĩ của mình, vào trống Đồng và tranh dân gian. Ở phần bốn này, tôi sẽ trình bày một nỗ lực nữa của Tổ Tiên người Việt trong việc tìm mọi cách để gởi lại cho con cháu Lạc Hồng cái phát kiến vĩ đại của dân tộc họ thông qua truyện ngụ ngôn.


Câu chuyện này là một sự tổng hợp của cả hai thành quả trước – Chữ viết và trống Đồng. Cụ thể là người xưa đã xây dựng vương quốc Tiên Thiên Bát Quái thông qua một con chữ, đó là chữ Bửu 寶. Mọi việc xảy ra trên mặt trống Đồng. Tất cả không ngoài mục đích nói về nguồn gốc của Dịch lí. Theo tôi chính chữ bửu này thuở ban đầu sáng tác ra là để chỉ trống Đồng với tên gọi Bửu Bối. Từ đó về sau cái gì hết sức quý gọi là Bửu bối. Chiết tự chữ Bửu 寶 ra ta có: Miên 宀 = Mái nhà = vô cực, Vương = Trời, Phũu 缶 = Chum nước, Bối 貝 = Cóc. Cóc là Thái cực, ngang hàng với Vô cực, Trời

(Ngọc Hoàng) là con của Vô cực, như vậy mẹ của Ngọc Hoàng tức vợ của Vô cực là chị em với Cóc, thế nên Trời phải gọi Cóc bằng Cậu, vì trong Dịch lí bao giờ Âm - Nòng cũng lớn hơn Dương - Nọc. Vì thế nên bao giờ ta cũng gọi là Âm Dương chứ không thể gọi là Dương Âm được.



I. Cóc kiện trời

Ngày xưa ngày xưa, con cóc vẫn sần sùi, xấu xí như ngày nay, nhưng cóc nổi tiếng giữa muôn loài là một con vật tuy bé nhỏ nhưng rất gan dạ. Gan cóc tía mà lại. Thông thường năm nào Ngọc Hoàng Thượng đế = Thái cực cũng sai thần Mưa làm mưa cho muôn loài, cây cối, nhưng vào một năm không nhớ rõ năm nào, trời làm hạn hán khủng khiếp. Nắng lửa hết tháng này đến tháng khác, hút cạn nước sông ngòi, đầm hồ, mọi cây cỏ đều khô héo cả, đất nứt như một khe vực. Muôn loài không còn một giọt nước để uống. Các con vật to lớn hùng mạnh xưa nay tác oai tác quái trong rừng đều nằm lè lưỡi mà thở để đợi chết, không ai nghĩ được kế gì để cứu mình, cứu muôn loài. Sức mạnh của chúng chỉ để bắt nạt nhau thôi chứ đâu có thể làm gì nổi ông trời. Duy có anh chàng Cóc tía bé nhỏ, xấu xí kia là có gan to. Anh tính chuyện lên thiên đình kiện Trời làm mưa cứu muôn loài... Khởi


đầu chỉ có một mình  Thái cực nhưng anh đâu có nản. Anh đi ngày đi đêm, một hôm đi qua một vũng đầm khô, Cóc tía gặp Cua càng (càn), Cua hỏi Cóc đi đâu. Cóc bèn kể rõ sự tình, và rủ Cua cùng đi kiện Trời. Ban đầu Cua định bàn ngang. Thà chết ở đây còn hơn chứ Trời xa thế đi sao tới mà kiện với tụng. Nhưng những con vật ở quanh Cua nghe Cóc nói lại tranh nhau mà bàn ngang bàn lùi, làm cho Cua nổi giận. Nói ngang bàn ngang là chuyện ngang của Cua thế mà họ lại dám tranh mất cái quyền ấy, cái quyền được phép ngang như cua cơ mà. Thế là Cua làm ngược lại, Cua tình nguyện cùng đi với Cóc.

Đi được một đoạn nữa, Cóc lại gặp Cọp (tốn) đang nằm phơi bụng thở thoi thóp. Gấu (khảm) đang chảy mỡ ròn ròn và khát cháy họng. Cóc rủ Cọp và Gấu đi kiện trời. Cọp còn lưỡng lự thì Gấu đã gạt đi mà nói rằng:

- Anh Cóc nói có lý, chẳng có lẽ chúng mình cứ nằm ở đây đợi chết khát cả ư...? Ta theo anh Cóc thôi. Đến ngang như anh Cua còn theo anh Cóc được thì tại sao chúng mình không theo.

Cả bọn nhập lại thành đoàn. Đi thêm một chặng nữa thì gặp con Cáo (cẩn) bị lửa nướng cháy xém lông và đàn Ong (khôn) đang khô mật. Cả hai con vật này cũng hăng hái nhập vào đoàn loài vật đi kiện Trời do Cóc dẫn đầu.

Cóc dẫn các bạn đi mãi, đi mãi đến tận cửa thiên đình. Khi đi trên đường cả bọn đều hăng hái nhưng đến trước cửa ䷊ (Thái hư) Trời oai nghiêm, bọn Cua, Cọp, Gấu, Cáo, Ong đều sợ, duy chỉ có Cóc là gan, liền đồng dục ra lệnh: Bây giờ các anh phải nghe lời tôi. Kia là chum nước ䷛ của Trời, anh Cua vào nắp trong ấy, 1 (Thái) anh Cáo nắp ở phía bên trái tôi, 2 (Tiểu quá) anh Gấu nằm ở phía bên phải tôi, 3 (Mông) còn anh Cọp chịu khó nằm đằng sau tôi 4 (Thăng). Các anh có nghe lệnh của tôi thì mới thăng được Trời.

Tất cả đều nghe lệnh của Cóc. Sắp đặt xong đâu đấy Cóc 貝  mới nhảy lên mặt trống trời đánh ba hồi trống âm vang như sấm động.

Ngọc Hoàng 王 đang ngủ trưa một cách lười biếng bị tiếng trống lôi đình đánh thức dậy nên bực tức, bắt Thiên Lô (chấn) ra xem có chuyện gì. Thiên Lô lười biếng vội phủ bụi và mạng nhện giăng đầy trên lười búa tầm sét cắm cổ chạy ra. Thiên Lô ngạc nhiên vì ở ngoài cửa thiên đình chẳng thấy có một người nào cả chỉ thấy mỗi một con Cóc xù xì, xấu xí đang ngồi chễm chệ trên mặt trống của nhà Trời. Thiên Lô hết nhìn con Cóc lại nhìn lười búa tầm sét khổng lồ của mình và thở dài vì cái búa to quá mà Cóc bé quá, đánh chưa chắc đã trúng được. Thiên Lô bèn cắm cổ vào tâu Ngọc Hoàng. Ngọc Hoàng nghe xong bực lắm bèn sai con gà (ly) trời bay ra mổ chết chú Cóc hỗn xược kia.

Gà trời vừa hung hăng bay ra thì Cóc đã nghiêng răng ra hiệu, lập tức chàng Cáo nhảy ra cắn cổ gà tha đi mất. 5 (Bí).

Cóc lại đánh trống lôi đình. Ngọc Hoàng càng giận dữ sai Chó (đoài) nhà trời xổ ra cắn Cáo - 6 (Hàm). Chó vừa xông xộc chạy ra thì Cóc lại nghiêng răng ra hiệu. Lập tức anh Gấu lừng lững xổ ra đón đường tát cho chó một đòn trời giáng 7 (Tiết). Chó chết tươi.

Cóc lại thúc trống lôi đình đánh thức Ngọc Hoàng. Ngọc Hoàng bèn sai Thiên Lô ra trị tội gấu. 8 (Giải). Thiên Lô là vị thần trời có lười tầm sét mỗi lần vung lên thì thành sét đánh ngang trời 9 (Đại tráng) thành sấm động bốn cõi.

Sức mạnh của Thiên Lôì không có ai bì được. Ngọc Hoàng yên trí lần này cử đến ông Thiên Lôì ra quân thì cái đám Cóc, Cọp ắt hẳn là tan xác. 10 (Hằng).

Vì thế khi ông Thiên Lôì vác lưỡi tầm sét đi là Ngọc Hoàng lại co chân nằm trên ngai vàng mà ngủ tiếp.

Thiên Lôì vừa hùng hổ vác búa tầm sét ra đến cửa thiên đình thì Cóc đã nghiêng rãng ra lệnh, lập tức chàng Ong nấp trên cánh cửa bay vù ra và cứ nhè vào mũi Thiên Lôì mà đốt. 11 (Phục).

Nọc ong đốt đau lắm, mũi Thiên Lôì rát như phải bỏng. Nhớ là ở cửa trời có một chum nước. Thiên Lôì vội vàng vứt cả búa tầm sét nhảy ùm vào chum nước chạy trốn 12 (truân).

Nào ngờ vừa nhảy ùm vào trong chum nước thì anh Cua càng nấp trong đó từ bao giờ đã chờ sẵn để giương đôi càng như đôi gọng kìm cặp chặt lấy cổ. 13 (Vô vãng).

Thiên Lôì đau quá gào thét vùng vẫy vỡ cả chum nước nhà Trời. Thiên Lôì tìm đường chạy trốn thì Cóc tía lại nghiêng rãng ra lệnh. Lập tức Cọp nấp sau Cóc tía nhảy bổ ra gầm lên một tiếng vang động xé tan xác Thiên Lôì thành hai mảnh. 14 (Di).

Ngọc Hoàng thấy thế sợ quá bèn xin giảng hòa với Cóc, và xin Cóc cho nhận lại xác của Thiên Lôì để cứu chữa. Cóc bằng lòng ngay. Theo lệnh nghiêng rãng của Cóc, Cọp và Gấu vác xác Thiên Lôì về xếp lại ở giữa sân điện thiên đình 15 (Thuần khôn). Ngọc Hoàng phải ra tay làm phép tưới nước cam lồ vào cái xác đầy thương tích đó. Nhờ phép của Ngọc Hoàng, Thiên Lôì mới được sống lại 16 (Lôì địa dự = Trống Đổng).



Trống Đồng và Quẻ Dự

Ngọc Hoàng nghĩ mình đường đường là một ông Trời mà lại chịu thua Cóc thì thật là điều sỉ nhục, nên tính lật lọng, sai Thiên Lôì vác búa tầm sét chống lại Cóc và các bạn của Cóc. Biết thế nào Ngọc Hoàng cũng tính chuyện lật lọng nên Cóc lại nghiêng răng. Lập tức các bạn của Cóc dàn trận. Ong giương nọc, Cáo giương nanh, Cọp giương vuốt, Cua giương càng, Gấu giương cánh tay đầy sức mạnh... Thiên Lôì vừa mới thoát chết hoảng quá lui lại không dám tiến lên, mà thụt vào nắp sau chiếc ngai vàng của Ngọc Hoàng. Các tướng nhà Trời oai phong lẫm liệt thấy đến ông Thiên Lôì còn sợ sệt như thế thì hoảng quá tìm kế thoái lui.

Thấy tướng nhà trời của mình như vậy, Ngọc Hoàng biết không thể thắng nổi Cóc và các bạn của Cóc. Đến lúc bấy giờ Ngọc Hoàng mới thực bụng giảng hòa, và hỏi Cóc lên tận thiên đình có việc gì. Cóc oai phong nhay hẳn lên tay ngai vàng và đồng dạc thưa:

- Đã 4 năm ($4.16 = 64$ quẻ), nay ở dưới trần gian hạn hán kéo dài không một giọt mưa. Muôn cây khô héo, vạn vật chết khát... Tướng Ngọc Hoàng

bận gì hoặc là Ngọc Hoàng giận gì trần gian mà ra phúc họa, ai ngờ lên đây mới biết Ngọc Hoàng và các tướng nhà trời ngủ quên không nhớ đến việc làm mưa cứu muôn vật muôn loài dưới trần thế... Chúng tôi phải lên tận đây đánh thức Ngọc Hoàng, xin Ngọc Hoàng làm mưa ngay cho trần gian được nhờ.

Thấy Cóc nói giọng oai phong và bạn bè Cóc lại đặng đặng sát khí, Ngọc Hoàng vội cuống quýt chống chế:

- Cóc với ta là chỗ thân thích, việc gì mà cậu phải mất công đến như vậy, ta sẽ sai thần mưa, thần gió xuống hạ giới làm mưa ngay bây giờ... Cậu Cóc có bằng lòng thế không nào.

Cóc gật gù thưa:

- Muôn tâu Ngọc Hoàng trần gian được một trận mưa cứu khát thì còn gì bằng nữa... Anh em tôi vô cùng đội ơn Ngọc Hoàng... Nhưng nếu ở hạ giới mà hề bị hạn hán là bọn anh em chúng tôi lại lên đây kêu với Ngọc Hoàng đấy.

Nghe Cóc hện lại lên thiên đình, Ngọc Hoàng hoảng hồn rồi rít lắc đầu xua tay:

- Thôi khỏi, thôi khỏi phải bận đến cậu như thế... Chỗ cậu và ta là tình thân thích, cậu chớ nên bày vẽ vất vả mệt nhọc như vậy làm gì. Cậu không phải lên thiên đình nữa... Khi nào có hạn hán cậu muốn ta làm mưa, cậu chỉ cần ngồi dưới đất nghiêng răng là ta nghe thấy liền.

Để chứng tỏ lòng thành thật không lật lọng của mình, Ngọc Hoàng sai thần Mưa bay xuống phun mưa. Té ra là thần Mưa lo rong chơi, tối về đắp chăn ra ngủ, quên không làm mưa, bị Ngọc Hoàng Thượng đế trách mắng. Thần Mưa làm mưa xong thì Ngọc Hoàng đưa Cóc cùng các bạn về hạ giới. Cơn mưa cứu hạn làm cây cối tươi tốt, muôn loài nhảy múa chào đón anh em Cóc trở về. Từ đó hề Cóc nghiêng răng là trời lập tức đổ mưa nên đồng dao của trẻ nhỏ ngàn năm vẫn có câu hát rằng:

*Con Cóc là cậu ông Trời
Ai mà đánh nó thì Trời đánh cho.*

II. Kết

Như thế là tôi đã giải mã ba bức tâm thư của Tổ tiên người Lạc Việt gửi lại cho dân tộc mình về thành quả của một nền văn hóa huyền vĩ mà dân tộc Lạc Việt đã dày công sáng tạo nên. Mỗi bức thư được lưu lại trên một hình thức khác nhau, vật thể và phi vật thể nhưng xuyên suốt là một thông điệp duy nhất, đó là Dịch học và chữ Vuông là sản phẩm văn hóa kì vĩ của dân tộc Lạc Việt. Ba bức thư trên là ba bức có nội dung liên quan mật thiết với nhau nên tôi lấy đó làm tiêu biểu chứ thật ra còn nhiều bức tranh dân gian Đông Hồ cũng như truyện cổ tích cũng chứa đựng nội dung Dịch lí. Tuy nhiên trên tất cả, thông điệp trên trống Đồng Ngọc Lũ là quan trọng hơn cả bởi các lí do sau đây:

1. Trống Đồng Ngọc Lũ là đại diện cho văn hóa vật thể của người Lạc Việt có niên đại từ thời đồ đồng, ba, bốn ngàn năm trước. Thông qua nó, người ta thấy rằng ngày ấy người Việt đã có một trình độ kĩ thuật, kĩ thuật rất cao, nhất là tính phối hợp cộng đồng trong quá trình tiền tạo, với những tính toán tích hợp thông tin trong một độ nén hết sức lớn, từ đó đưa ra một sắp xếp các ngôn ngữ hình ảnh trên bề mặt trống Đồng mà tính hợp lí của nó, về hình thức cũng như nội dung, cho đến ngày nay vẫn làm cho những người nghiên cứu vô cùng kinh ngạc và thán phục.

2. Đây là sản phẩm do chính người đương thời làm ra, lưu truyền từ ấy cho đến ngày nay. Do đó tính chân thực của nó đối với vấn đề nghiên cứu nguồn gốc xem như là chắc chắn.

3. Do có hai yếu tố trên mà nguồn thông tin trên các hoa văn, hình ảnh, hình thể của trống Đồng là hoàn toàn trung thực, không thể bị thay đổi bởi yếu tố khách quan, có chăng chỉ là thiên nhiên chứ không phải là con người. Do đó nguồn thông tin này hoàn toàn đáng tin cậy và vô giá.

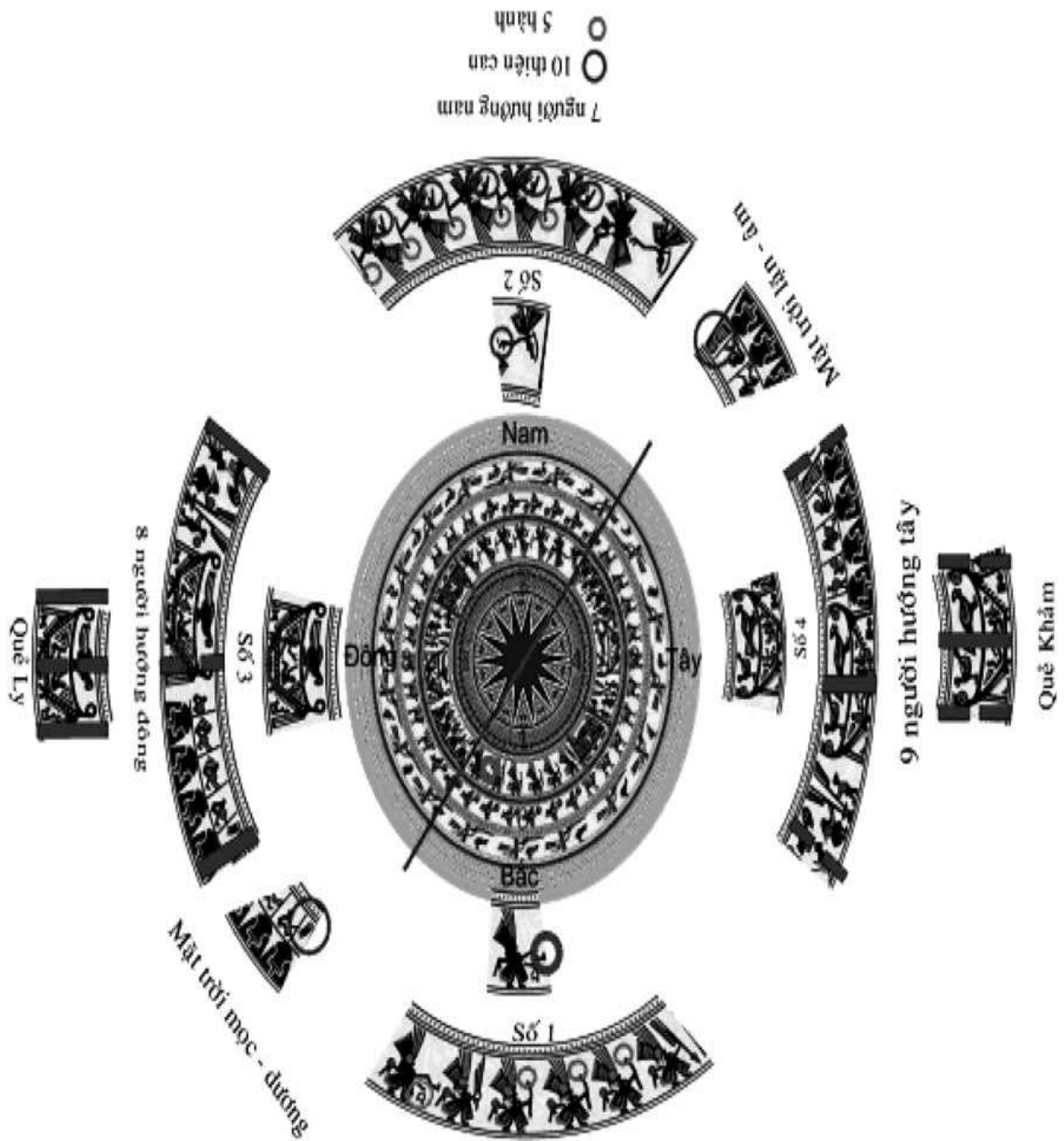
4. Nguồn thông tin trên trống Đồng đã giải mã, bên cạnh việc phản ánh cuộc sống đương thời, nó còn cung cấp cho ta một thông tin vô cùng quý giá

ấy là Dịch lí do người Việt phát hiện ra. Đồng thời nó quan trọng là vì đáp ứng được phần nào nhu cầu của giới nghiên cứu về nguồn gốc Dịch học, cái mà cho đến ngày nay vẫn còn nhiều tranh cãi.

Chính vì vậy mà với tất cả những gì mô tả trên, ta thấy rằng câu chuyện Cóc kiện Trời là một sự diễn giải về nguồn gốc chữ Vuông Dịch lí và của người Việt cổ. Hình ảnh Cóc và các bạn là hình ảnh của chữ Bửu 寶, trận chiến giữa Cóc và Trời chấm dứt ở quê Lô Địa Dự - Quê Dự chính là hình ảnh của trống Đồng. Điều này chứng minh rằng thời ấy trống Đồng là linh vật của người Việt cổ, chính vì vậy ta thấy trên thuyền, đi đâu họ cũng mang theo trống Đồng. Từ nhận định này ta có thể xác quyết rằng thông tin trên trống Đồng là những thông tin cốt lõi, sống còn của người Lạc Việt, những thông tin ấy là Dịch học và chữ Vuông là do người Lạc Việt sáng tạo ra hay nói cách khác là nguồn gốc Dịch học và chữ Vuông xuất phát từ người Lạc Việt, cụ thể đã được ghi lại trên trống Đồng, tranh dân gian và trong truyền thuyết. Đây là những chứng cứ khó có thể phủ bác, nó là bằng chứng để trả lời cho cuộc tranh luận về nguồn gốc Dịch học hàng ngàn năm qua.

Hy vọng rằng với những gì tôi đã chứng minh, những ai quan tâm tới văn hóa dân tộc sẽ có những kiểm chứng một cách khoa học, nhằm củng cố thêm về vấn đề nguồn gốc văn hóa của nước nhà. Trước hết là đền đáp công ơn của Tổ tiên đã dày công lao tâm khổ tứ mà xây dựng nên một hệ thống triết lí huyền diệu, một hệ thống triết lí đã bắt đầu từ mấy ngàn năm qua mà giờ đây vẫn còn chứa đựng biết bao huyền bí làm say mê bao người nghiên cứu Đông Tây, sau nữa là nhận thức sâu sắc rằng trong muôn vàn khó khăn, thậm chí nguy hiểm đến cả tánh mạng, thế mà cha ông ta đã nhiều năm tháng vận dụng trí tuệ, đem bao tâm huyết, bí mật gởi gắm nơi trống Đồng, trong tranh dân gian hay qua truyền thuyết, ngụ ngôn, ca dao, tục ngữ, cái văn hóa cốt lõi với hy vọng rằng rồi ra con Lạc cháu Hồng sẽ nhận ra cội nguồn văn hóa của mình. Như thế đủ thấy tổ tiên ta tâm huyết đến chừng nào. Hy vọng ấy giờ đây đã thành hiện thực, mong rằng chúng ta hãy phát huy hơn nữa những gì mà chúng ta đã kế thừa, nhất là phải khẳng định nền tảng văn hóa cốt lõi của mình nhằm nâng cao lòng tự tôn dân tộc, để cùng sánh bước với cộng đồng nhân loại trên khắp năm châu.

TRỐNG ĐỒNG - HÀ ĐỒ - DỊCH LÍ



● 6 người hướng bắc

● 12 địa chi

○ 3 tài



Nông nọc

viennhu.vnweblogs.com

Hà đồ trên trống Đồng Ngọc Lũ
Tách các lí số theo phương hướng vòng tròn

Phần năm

Tự tình

Đã sinh ra trong đất nước này, chắc ai cũng có lúc gác tay lên trán tự hỏi dân tộc mình từ đâu mà có? Đây là một câu hỏi đơn giản, nhưng khó trả lời, nếu không nói là sẽ không bao giờ có câu trả lời thỏa đáng. Vấn đề cội nguồn dân tộc là cần thiết nhưng lại là một vấn đề quá khó để truy tìm. Vì lịch sử loài người bắt đầu từ lâu xa, có chăng chỉ là những chỉ dấu về một nơi nào đó xa xôi mà từ đó người ta bắt đầu phát triển, lan rộng nhưng nói từ bao giờ thì quả là không thể. Thế cho nên thay vì đặt câu hỏi ấy thì hãy đặt câu hỏi Nước ta có từ khi nào? Hỏi như thế thì xem ra còn có thể lí giải được. Bởi vì muốn có một đất nước thì phải có một cộng đồng dân cư, cộng đồng dân cư ấy chia sẻ chung một lãnh thổ, một tiếng nói, một nền văn hóa. Tất cả những yếu tố ấy làm nên một nền văn hóa cốt lõi, tạo dựng nên linh hồn cho dân tộc của một đất nước. Chính cái văn hóa cốt lõi ấy gắn kết tất cả những thành viên trong cộng đồng trong mọi sinh hoạt của đời sống, khiến cho họ trở thành một phần không thể tách rời khỏi cộng đồng dân tộc ấy, cũng chính từ những yếu tố đó mà những người trong dân tộc ấy sẵn sàng chia sẻ những mất mát đau thương khi dân tộc gặp phải tai ương, thậm chí họ phải cùng nhau hi sinh cả thân mạng để bảo tồn quốc gia, dân tộc họ. Có được điều đó là nhờ vào sự gắn kết của văn hóa một cách lâu dài, cũng chính từ sự gắn bó trong một nền văn hóa đồng nhất như vậy, họ nắm tay nhau vượt qua biết bao thăng trầm của thời cuộc. Có thể nói rằng văn hóa dân tộc và chủ quyền lãnh thổ quốc gia là hai yếu tố không thể tách rời. Tuy nhiên trong một số tình huống nào đó cần phải hi sinh thì cho dù có mất đi lãnh thổ chẳng nữa mà còn văn hóa thì còn có ngày trở về chốn xưa, nhưng nếu mất đi văn hóa của mình thì dân tộc ấy đã thành ngoại lai trên chính quê hương mình. Chính vì vậy mà khi nhân loại càng văn minh thì cuộc chiến xâm lăng văn hóa càng trở nên khốc liệt. Tất nhiên điều ấy không phải là mới, nó mới vì tính chất của nó trong một thời đại toàn cầu hóa mà thôi, chứ điều ấy từ mấy ngàn năm qua ở Trung Nguyên, khi mà những kẻ giỏi cưỡi ngựa và săn

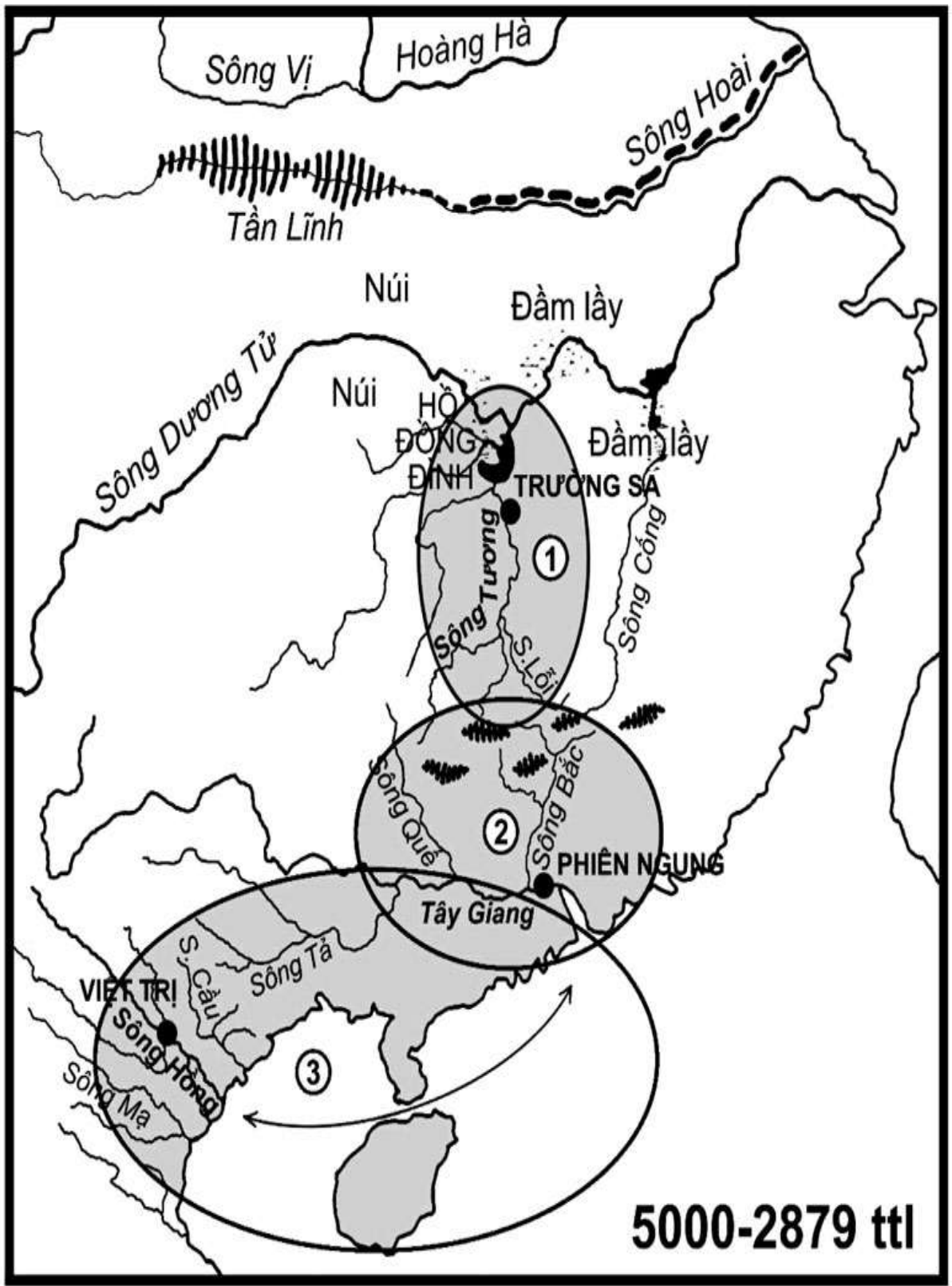
bản lên làm vua và du mục hóa khu vực thì vấn đề tước đoạt văn hóa, thậm chí triệt tiêu văn hóa, hoặc công khai hoặc âm thầm, đã diễn ra một cách khốc liệt. Chính trong cơn lốc này, dân tộc Lạc Việt đã chịu những tổn thất nặng nề. Trước hết là lãnh thổ càng lúc càng thu hẹp, từ một quốc gia trải dài từ Hoàng Hà cho đến Hồ Tôn chỉ còn vón vẹn một góc Giao Chỉ. Rồi vì phải bảo tồn văn hóa của mình mà buộc phải chia tay vợ con. Sự kiện Lạc Long Quân phải chia tay Âu Cơ với câu nói: “Ta là giống rồng, nàng là giống tiên, thủy hỏa khắc nhau, chung hợp thật khó” là một tổn thất về mặt tinh thần; đồng thời sự kiện này là một minh chứng cho thấy chính văn hóa mới là ranh giới giữa con người này với con người khác, giữa dân tộc này với dân tộc khác. Ngay từ buổi đầu dựng nước, văn hóa đã được nêu lên như là một vấn đề tiên quyết, không thể khoan nhượng.

Đất nước ta, từ ngày có sử, nối thêm truyền thuyết cho rằng có đến 4000 năm văn hiến, mà muốn có một nền văn hiến rạch rỡ như vậy thì phải có một nền văn hóa kì vĩ và nhân văn. Vậy nền văn hiến ấy bắt đầu từ khi nào? Dựa trên cơ sở văn hóa nào? Biểu hiện của nó trên bề mặt cuộc sống của dân tộc ra sao? Đây là những câu hỏi mà nhiều người thao thức luôn đi tìm kiếm.

Tất nhiên khi đã nói đến văn hiến là nói đến đất nước, vì có văn hóa mà chưa có đất nước thì chưa thể có văn hiến. Theo truyền thuyết thì nước ta có từ xa xưa, được kể lại trong *Đại Việt sử ký toàn thư* như sau:

Đế Minh là cháu ba đời của vua Thần Nông, đi tuần thú phương Nam, đến núi Ngũ Lĩnh (nay thuộc tỉnh Hồ Nam, Trung Hoa), gặp một nàng tiên, lấy nhau đẻ ra người con tên là Lộc Tục. Sau Đế Minh truyền ngôi lại cho con trưởng là Đế Nghi làm vua phương Bắc (từ núi Ngũ Lĩnh về phía Bắc), phong cho Lộc Tục làm vua phương Nam (từ núi Ngũ Lĩnh về phía Nam), xưng là Kinh Dương Vương, quốc hiệu là Xích Quỷ. Kinh Dương Vương làm vua Xích Quỷ vào năm Nhâm Tuất 2879 TCN, lấy con gái Động Đình Hồ quân (còn có tên là Thần Long) là Long nữ sinh ra Sùng Lãm, nối ngôi làm vua, xưng là Lạc Long Quân. Lạc Long Quân lấy con gái vua Đế Lai (con của Đế Nghi), tên là Âu Cơ, sinh một lần trăm người con trai. Một hôm, Lạc Long Quân bảo Âu Cơ rằng: “Ta là giống rồng, nàng là giống tiên, thủy

hỏa khắc nhau, chung hợp thật khó”. Bèn từ biệt nhau, chia 50 con theo mẹ về núi, 50 con theo cha về ở miền biển (có bản chép là về Nam Hải), phong cho con trưởng làm Hùng Vương, nối ngôi vua.



Tộc Việt Thời Khởi Nguyên - năm 5000-2879 ttl

3 Giai đoạn - 3 Vùng Phát Triển chính

Theo truyền thuyết thời Hồng Bàng 2879 TCN đời vua Kinh Dương Vương , quốc hiệu Xích Quỷ (赤鬼 hay 軌?), lãnh thổ bao gồm đông giáp Nam Hải (南海), tức biển Đông, tây tới Ba Thục (巴蜀), bắc tới hồ Động Đình (洞庭). http://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BB%93ng_B%C3%A0ng.

I. Về truyền thuyết lập quốc của Lạc Việt

Theo những gì đã kể trên thì nước ta bắt đầu có biên giới, tên gọi và triều chính từ năm 2879 TCN. Đây là mốc thời gian dao động vài mươi năm trước sau mà người Trung Hoa cũng lấy làm mốc thời gian cho việc khởi đầu của dân tộc họ, 2852 TCN tới 2205 TCN. Điều này cho thấy rằng đã có một sự liên quan nhất định về thời điểm khởi nguồn dân tộc giữa Bắc và Nam, đồng thời nó cũng nói lên rằng lí thuyết ấy bắt nguồn từ những con người đã từng sống chung và chia sẻ với nhau về lãnh thổ cũng như văn hóa. Sự khác biệt này đã được thể hiện ngay trong ngôn từ của truyền thuyết. Hãy phân tích xem cách mà người Việt xưa kể lại gốc tích của đất nước mình.

Kinh Dương Vương 涇陽王: Chữ Kinh 涇 viết bằng bộ thủy = Nước có nghĩa là tên sông Kinh (Trong)= Vị (Đục), mà cũng có nghĩa làm nguồn cội trong lành. Chữ Dương 陽 = như tôi đã chứng minh trước, chữ Dương này nguyên trước của người Việt tạo ra đọc là Ương 陽 – Nọc của Nhị nghi. Đây là một chữ hội í gồm hai chữ Phụ + Dịch hay Cóc + Diệc. Có nghĩa là chữ Dương này có liên quan mật thiết với Dịch lí. Chữ Vương 王 là Vua. Xích = Đỏ, Quỷ = Vùng, lãnh thổ. Theo Hà đồ màu đỏ là tượng trưng cho Phương Nam. Con gái = Âm = Nước, (Động Đình) hồ = Nước. Thần Long = Rồng = Nước. Sinh Long Nữ = Rồng = Nước, Lạc = Nác = Nước, Long = Rồng = Nước.

Ranh giới lãnh thổ cũng toàn nước. Đông giáp Nam Hải = Biển đông = Nước. Bắc Giáp Hồ Động Đình = Nước.

Như vậy ngay cái tên Kinh Dương Vương, thủy tổ của người Việt, đã cho cái nghĩa là: Người Việt là Vua của Dịch lí. Hay vua người Việt khai nguồn cho Dịch lí. Đồng thời qua đó ta thấy truyền thuyết về dân tộc Việt đã được kể lại với tinh thần Dịch lí, văn hóa cốt lõi của dân tộc họ. Xuyên suốt lãnh thổ là nước hay nói khác hơn là cư dân lúa nước. Ngay cả truyền thuyết về Lạc Long Quân cũng cho thấy điều đó, quê hương là Thủy phủ. Có lẽ trên thế giới này chỉ duy nhất Việt Nam dùng từ Nước để chỉ quốc gia như Nước Việt Nam, Nước Lào... chính vì vậy mà khi làm ra cái triết thuyết vĩ đại Dịch học, người Việt cũng dựa trên Nước = Hà (sông) đờ, Lạc (nước) thư.

Câu chuyện về nguồn gốc kể trên là chỉ dấu một vùng đất trong những vùng đất mà người Việt từng sinh sống mà thôi. Việc phát hiện Hà đờ trên trống Đồng cho phép ta tin rằng người Việt không những sống ở bờ Nam sông Dương Tử mà còn sống ở lưu vực Hoàng Hà hàng ngàn năm, vì ngay ở thời kì đầu lịch sử nhà Thương cho thấy Dịch lí đã hết sức thịnh hành ở đó rồi, điều này chứng tỏ người Việt đã sinh sống ở đó rất lâu rồi cho nên khi từ bỏ vùng đất ấy ta mới có ca dao:

Công cha như núi Thái Sơn,

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Núi Thái là ngọn núi cao nhất thuộc tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc, một trong những vùng đất thuộc đời Thương. Trong nguồn về sau người ta đổi thành Trung Nguyên; đồng thời ta lại có truyền thuyết thánh Gióng đánh giặc Ân. Theo lịch sử thì nước ta chưa từng có chuyện giặc Ân nào xâm lăng. Rõ ràng đây là câu chuyện cũ từ ngày dân tộc ta còn ở Ân Khư - Sơn Đông.

II. Về truyền thuyết lập quốc của Trung Hoa

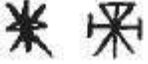
Theo truyền thuyết thì dân tộc Trung Hoa bắt đầu từ thời Tam Hoàng 三黃 Ngũ Đế 五帝- 2852 TCN tới 2205 TCN. Tam Hoàng là Thiên Hoàng 天黃 – Nhân Hoàng 人黃 – Địa Hoàng 地黃, thuyết khác cho rằng Tam Hoàng là Phục Hy - Nữ Oa – Thần Nông. Còn Ngũ Đế thì có nhiều truyền

thuyết về 5 vị này, tựu trung cũng không xác định được đâu là thật. Ở đây cứ theo quan điểm của Tư Mã Thiên là Hoàng Đế - Chuyên Húc – Đế Khốc - Đế Nghiêu – Đế Thuấn.

Như vậy Tam Hoàng chỉ là danh xưng mang tính vĩ mô bao quát, nó phản ánh ý nghĩa của Thái cực, điều này cho thấy rằng những người xây dựng lên lý thuyết này phải sinh ra sau khi Dịch học đã phổ biến rồi. Còn Ngũ Đế thì cũng xuất phát từ tư tưởng của Dịch học mà ra.

Sau đây chúng ta hãy tìm hiểu xem nguồn gốc của các từ Hoàng Đế từ đâu mà có. Trước tiên hãy tìm hiểu từ Hoàng Đế 黃帝. Theo nghĩa tự điển thì Hoàng là màu của đất, sắc màu ngũ cốc chín, màu trung tâm nên cho là quý nhất. Như thế Hoàng ở đây là màu của đất. Màu của đất xưa kia âm người Việt cổ đọc là Vàng – Woàng – Hoàng – Vì vàng là màu sắc thì không có hình thể nên người ta phải sử dụng một cái gì hay con gì đó để đại diện cho nó, tất nhiên đại diện ấy phải liên quan tới Dịch lý, từ ý nghĩa này, người ta chọn con hươu hay hoẵng, hình ảnh của các chữ giáp cốt và kim văn đã nói

lên điều đó 𧀂 𧀃. Như đã chứng minh trong chữ Quái, Hươu là trung gian - giữa, nên ở đây chữ Hươu, Hoẵng được lấy làm trung tâm và đại diện cho màu vàng, vì màu vàng cũng là màu da của con hươu, thế mới có âm Hoàng là màu Vàng, Hươu, Hoẵng + Vàng = Hoàng. Tuy nhiên khi người Việt xưa làm ra chữ Giáp Cốt, người ta chịu ảnh hưởng bởi chữ Cóc, vì Cóc là Thái cực chi phối toàn bộ, mặc dầu thế họ không quên đánh dấu một chữ ĐIỀN 黃, dân lúa nước, vào trung tâm con chữ. Chữ Hoàng này còn phải sinh ra một chữ đó là chữ ANH 英. Tất nhiên vì chữ Hoàng bị ảnh hưởng chữ Cóc, nên dĩ nhiên chữ ANH cũng thế, vì thế khi bỏ phần trên = Nòng ++ = Âm = Ẽnh thì ta còn lại là chữ Ương 央 = Nọc = Dương, vì vậy mới có từ Trung ương. Về sau người ta đổi chữ Hoàng 黃 thành chữ Hoàng 皇, để sử dụng trong nghĩa cao quý như trong Hoàng Đế nhưng qua chữ giáp cốt cho thấy chẳng có gì thay đổi.

Còn chữ Đế ===== thì sao? Theo nghĩa tự điển Đế có nghĩa là Vua, vị Thần rất tôn, thế thì làm sao mà đi chung với Hoàng là màu vàng được, vậy chữ Đế phải có cái gì đó thuộc về màu sắc mới đi chung với màu vàng được chứ. Đúng như vậy, chữ Đế này xưa kia người Việt cổ đọc là Đỏ, còn có âm khác là Tía như đỏ mặt tía tai. Cũng như chữ Vàng, chữ Đế = Đỏ là màu sắc nên không có hình dáng để vẽ nên chữ tượng hình vì vậy người xưa đã mượn hình ảnh các tia sáng của mặt trời  để nói lên điều đó, vì Phương Nam là nóng. Hình ảnh trên giáp cốt văn hay kim văn thể hiện rõ điều này, có thể từ đó mới có từ Tía phái sinh từ Tia (sáng). Như vậy Đế là trại âm của Đỏ, màu đỏ là tượng trưng cho phương Nam, phương Nam là Càn = Cha, nên Tía còn có nghĩa là Cha. Ở miền Nam vẫn còn dùng từ Tía với nghĩa này như “Tía em hừng đông đi cày bừa”. Chữ Đế này hiện nay âm Bắc Kinh đọc là Ti (a), Triều Châu, Phúc Kiến đọc là Tịa; đồng thời người Trung Hoa cũng dùng Đế với nghĩa là màu đỏ như trong “Quan Thánh đế quân” Chàng Quan Thánh mặt đỏ. Như vậy ta thấy từ Hoàng Đế có nguồn gốc từ tiếng Việt, được người Việt sử dụng trong hệ thống tư tưởng Dịch học, điều này càng chứng minh rằng văn hóa dịch bao trùm lên toàn bộ nền văn hóa cổ đại Trung Hoa. Trong tinh thần này câu chuyện Phục Hy sáng tạo ra Dịch học, Nữ Oa với việc sáng thế và Thần Nông với việc mưu sinh của con người nhất định đến từ cư dân lúa nước.

Ngược lại ta thấy truyền thuyết của người Việt chỉ có Đế = Đỏ chứ không có Hoàng = Vàng. Vì ta là người phương Nam; đồng thời Đế cũng là bậc cao nhất ở phương Nam, đó là Cha = Tía. Gọi như thế là vì tính chất tâm linh chứ không phải vị trí của người ấy. Cha ở đây là cội nguồn của Dân tộc, mà Cha là Tía = Đỏ = Đế phương Nam. Chính vì vậy khi làm nên Hà đồ người Việt cổ đã đặt phương Nam lên trên. Từ đây ta mới có Nam quốc – 10 chiến binh với chữ Sơn trên vai, gánh cả Bắc Nam của Hà đồ = Sơn Hà. Với số 10 ấy ta mới biết vì sao người Việt xưa đã nói “Đem gan CỐC TÍA đổi sơn hà”. Như vậy ta thấy cách gọi Đế Nghiêu – Đế Thuấn có nghĩa là Đỏ - Tía Nghiêu, Đỏ - Tía Thuấn, hay Cha Nghiêu – Cha Thuấn hay nói khác hơn đó là cách gọi một cách kính trọng đối với người đứng đầu đất nước với tư

cách là người già và hiểu biết như các dân tộc khác ở Việt Nam ta gọi người đứng đầu là Già Làng vậy.

Tuy nhiên khi người Hoa Hạ chiếm lĩnh Trung Nguyên, họ muốn thể hiện quyền uy của mình nên chọn chữ Hoàng với những tính chất theo Hà đồ như tôi đã trình bày trên. Do đó chữ Hoàng không có tính chất tâm linh mà chủ yếu nói về quyền lực, cũng chính từ í nghĩa của chữ Hoàng mà khi Doanh Chính – Nhà Tần thống nhất Trung Nguyên tự phong cho mình Tần Thủy Hoàng (Vua Tần đầu tiên thống lĩnh bốn phương). Ở đây tôi chỉ bàn về một số vấn đề mà tôi nghĩ trước giờ chưa thấy ai đề cập, còn chuyện Phục Hy, Nữ Oa hay Thần Nông thì rõ ràng nó thuộc về của cư dân lúa nước.

Tất nhiên khi Dịch học đã phát triển mạnh mẽ như vậy thì dĩ nhiên văn hóa cốt lõi của nó cũng phải phát huy, có nghĩa là văn hóa trống Đồng cũng phải phát triển. Hiện nay tại Trung Hoa vẫn còn Đỉnh nhà Thương (1700-1046 TCN) gọi là Hỏa Phong Đỉnh. So sánh Đỉnh này với trống Đồng, ta thấy rõ sự khác biệt về quan điểm, nhưng cái cốt lõi của nó vẫn chưa từng thay đổi. Cụ thể như sau:



Đỉnh



Đồng

Phần chân trống. Đỉnh đã không còn tiếp xúc với đất trên toàn bộ bề đáy thay vào đó là ba chân, điều này nói lên quyền lực đã tập trung vào một số thế lực.

Phần giữa chiếm hầu như toàn bộ tài nguyên của Đỉnh, cho thấy tính trung ương tập quyền (Hoàng).

Phần quai Đỉnh đã đưa lên tới chỗ cao nhất, điều này nói lên quan hệ xã hội đã thay đổi, tính thực dụng là thước đo cho sự kiểm soát của người lãnh đạo lúc bấy giờ.

Đỉnh (núi) hoàn toàn khác xa Đồng (bằng). Đã phân biệt cội nguồn một cách rõ ràng, cho dù bản thân chữ Đỉnh cũng cho thấy nó có nguồn gốc từ Đồng – Đ + ỉnh = Đ - ồng. Phụ âm đầu giống nhau cho thấy sự ảnh hưởng của Dịch học của người Đồng. Điều này cho thấy dù cố gắng thoát ra khỏi ảnh hưởng văn hóa của phương Nam nhưng không thể, vì văn hóa vô hình nhưng hiện diện khắp các mặt của đời sống.

Chính vì vậy mà tên của Đỉnh là Hỏa Phong đỉnh, có nghĩa là Hỏa = Phương Nam, Phong = Tồn = Gió = Quê hương ở miền Nam, đến đây nhờ gió (đi bằng đường biển).

Hình thể cũng phải dựa trên nguyên tắc Nòng Nọc – Âm Dương.

III. Cống hiến – hy sinh – giữ gìn – phát triển văn hóa đã tạo nên một nền văn hiến

Tìm hiểu về truyền thuyết lập quốc của hai dân tộc Việt - Hoa để thấy rằng cho dù ai đó có sức mạnh; đồng thời nỗ lực tuyên truyền kéo dài nhiều ngàn năm, nhưng văn hóa là cái không dễ xóa nhòa và thay đổi. Chuyện Lạc Long Quân và Âu Cơ đã xác định rõ phương Bắc là miền núi, chuyện Đỉnh đồng lại càng thấy rõ nguồn gốc của dân tộc này, vậy tại sao lại có truyền thuyết lập quốc của dân tộc của họ hoàn toàn dựa trên triết lí Dịch học của dân lúa nước. Tất cả là tại VĂN HÓA. Bởi vì người ta cần văn hóa để khẳng định vị trí độc tôn trên bình diện xã hội, mà văn hóa đâu phải là cái có thể dùng quyền lực, trong thời gian ngắn, có thể sản sinh ra được. Thật ra việc người phương Bắc cho rằng cái văn hóa Dịch học là của riêng họ chẳng phải xảy ra nhất thời, đọc vào lịch sử nhà Thương ta thấy vua quan, hoàng tộc đều lấy các tên trong thiên can, địa chi để đặt tên, điều này chứng tỏ rằng họ đã chung sống với nền văn hóa Dịch học rất lâu dài, nó đủ dài để họ nghĩ rằng chính họ là dân tộc khai sinh ra Dịch học, từ đó dẫn đến tranh chấp về nguồn

gốc văn hóa. Tất nhiên không ai muốn người khác biết văn hóa của mình là vay mượn văn hóa của kẻ khác, nhưng bản chất thì khó thay đổi nên không còn cách nào khác là bằng mọi cách phải ngăn chặn, thậm chí nghiêm cấm để bảo toàn cho í tưởng rằng văn hóa ấy chính là thành tựu rực rỡ của một dân tộc vĩ đại nhất, một dân tộc đã truyền bá văn hóa ấy đến các dân tộc khác như là kẻ khai hóa văn minh. Tuy nhiên sự thật thì ngược lại và cũng chính điều này mà dân tộc Lạc Việt chịu những đau thương mất mát trên nhiều lãnh vực mấy ngàn năm qua. Những mất mát đau thương ấy đã thể hiện qua những tổn thất về mặt lãnh thổ, với kết quả như vậy ta có thể hình dung ra được biết bao máu xương đã gởi lại trên những mảnh đất mà Tổ tiên ta đã từng sống, từng đi qua và từng muốn giữ lại cho con cháu mai sau nhưng không thể. Tuy nhiên cho dù lãnh thổ có hẹp đi nhưng văn hóa thì chưa từng thu hẹp lại. Một mặt dưới một tên gọi mới, văn hóa Dịch học của người Việt vẫn không ngừng phát triển, phương Bắc ra sức tuyên truyền, mặt khác phương Nam ra sức phát huy. Chỉ có một điều duy nhất mà người Lạc Việt không được nói ra, đó là “Nguồn gốc của nền văn hóa ấy”.

Tại sao người Lạc Việt phải tìm mọi cách dấu nguồn gốc Dịch học trong các sản phẩm văn hóa vật thể và phi vật thể của mình?

Tại sao người phương Bắc lại ra sức triệt tiêu mọi hình thức có thể chứng minh cho việc người Việt có một nền văn hóa rực rỡ, như Sĩ Nhiếp cấm không được học chữ, Mã Viện thu trống Đồng. Một đất nước vĩ đại thế sao lại sợ cái trống Đồng - Chữ viết?

Câu trả lời là quá đơn giản, người bị mất thì phải tìm cách chứng minh rằng cái ấy là của mình, hôm nay vì nhiều lí do không thể làm được thì để lại cho mai sau những bằng chứng khả dĩ cho hậu thế nhận thấy được văn hóa ấy là khởi nguồn từ dân tộc, bảo bọc, cố kết lấy dân tộc, hình thành nên cốt cách của dân tộc mình trên mọi bình diện của cuộc sống. Tất nhiên họ làm điều ấy trong hoàn cảnh vô vàn khó khăn, nếu không nói là thập phần nguy hiểm, chắc chắn quanh họ đã có không ít những tấm gương hi sinh vì cuộc chiến thầm lặng này. Tuy nhiên vì văn hóa ấy là linh hồn của dân tộc Lạc Việt, nên họ không còn con đường nào khác ngoài con đường phải bằng

mọi cách, bất chấp nguy hiểm, gọi lại cho hậu thế cái thông điệp mà như tôi đã chứng minh trong cuốn sách này.

Còn đối với phương Bắc, dĩ nhiên họ cũng muốn giữ cái hào quang rực rỡ của cái văn hóa mà họ lấy làm hãnh diện mấy ngàn năm qua, muốn như vậy thì phải bằng mọi cách ngăn chặn, nghiêm cấm bất cứ ai, dân tộc nào nói về nguồn gốc của văn hóa ấy ngoài những gì mà họ đã ban hành. Vì vậy cái họ lo sợ không phải là trống Đồng cũng không phải là con chữ mà là cái thông điệp được ghi trên trống Đồng và những con chữ đó. Tuy nhiên chắc chắn họ nhận thức được rằng những cấm đoán ấy có giới hạn của nó, vì họ cùng với cộng đồng người Việt, chia sẻ chung một không gian, nơi ấy văn hóa Dịch học phát triển song hành cùng những xung đột lịch sử. Lịch sử có thể làm thay đổi lãnh thổ, tên gọi của một đất nước hay triều đại nhưng văn hóa thì vẫn cứ âm thầm chảy dài theo năm tháng, tất nhiên có chút ít thay đổi, tuy nhiên một cách tổng thể thì cái cốt lõi của nền văn hóa ấy chưa từng thay đổi, cái thiếu duy nhất đó là niềm thao thức của bao thế hệ trước một câu hỏi “Nền văn hóa ấy bắt nguồn từ đâu?”. Cuốn sách này viết ra nhằm trả lời phần nào câu hỏi này.

Việc so sánh về thời kì lập quốc của hai dân tộc Việt - Hoa cho ta thấy rằng truyền thuyết về việc lập quốc của cả hai đều dựa trên một nền tảng văn hóa, có nghĩa là cả hai cùng chia sẻ một không gian lịch sử và thời gian phát triển văn hóa, vì có chung với nhau những vấn đề như vậy nên khi phát triển đến một giai đoạn nào đó thì sự tranh chấp xảy ra là điều tất yếu. Tuy nhiên lãnh thổ thì có thể là chung, nhưng văn hóa thì không thể. Bởi vì mỗi dân tộc có một cội nguồn riêng thì dĩ nhiên văn hóa cũng không thể có chung nguồn cội, từ đó câu chuyện nguồn gốc văn hóa của dân tộc mới trở thành vấn đề cốt lõi cho mỗi đất nước. Ai cũng muốn chứng minh nền văn hóa Dịch học là của dân tộc mình, kẻ thì dùng sức mạnh, người thì dùng lí trí. Chính sự tranh chấp này mà lịch sử càng trở nên khốc liệt, từ một đất nước trải dài từ Hoàng Hà tới Hồ Tôn dần thu hẹp lại. Lịch sử chứng minh rằng ngày ấy người Việt đã từng sống ở Hoàng Hà một thời gian dài và để lại trên mảnh đất này nhiều dấu ấn, như tên các vùng đất tại đây hầu hết là theo trật tự chính phụ, nghề đúc đồng, chính trên quê hương cổ xưa này người Việt đã

truyền bá văn hóa Dịch học của mình trên mọi bình diện của cuộc sống, nơi đây là nơi mà người Việt đã phát triển chữ tượng hình đến mức hoàn chỉnh, tạo dựng nên một nền văn hóa rạch rỡ làm nền tảng cho sự hình thành một cộng đồng dân tộc; đồng thời chia sẻ với dân tộc khác những thành tựu đó, Hòa Phong đỉnh là một minh chứng. Tuy nhiên lịch sử luôn biến động, cộng đồng dân tộc Việt với nền văn minh lúa nước hiền hòa, bị chi phối bởi một nền triết lí đậm tính nhân văn của Dịch học đã không đương đầu nổi với những con người mạnh khỏe, sống trên lưng ngựa với cung tên. Chắc chắn trong suốt chiều dài lịch sử đầy biến động đó nhất định phải có rất nhiều mất mát đau thương, không những về vật chất mà cả tinh thần, nhưng người Việt bằng mọi cách đã bảo vệ cái văn hóa của dân tộc mình, việc nước Việt vẫn là một nước độc lập, tự chủ sau hàng ngàn năm bị xâm lăng, đô hộ và cai trị là một minh chứng. Có được điều ấy là vì dân tộc ta vốn đã có một nền văn hóa cốt lõi, qua bao thăng trầm, gian nguy, thậm chí mất mát, hy sinh từ lãnh thổ cho đến sinh mạng thể mà Tổ tiên ta đã vận dụng mọi điều kiện có thể cốt chỉ giữ cho được nền văn hóa của mình, tạo dựng nên một đất nước, tuy nhỏ nhưng kiên cường, bất khuất, tất cả những điều đó làm nên một nền văn hiến rạch rỡ mà như ta thường tự hào “4000 năm văn hiến” ngày nay.

GHI CHÚ

Tất cả hình ảnh được lấy từ liên lưới.

<p>卦</p> <p>QUÈ - QUÀI</p> <p>卦 卦</p>	<p>圭</p> <p>KHUÊ</p> <p>圭 圭 圭 圭</p>	<p>卜</p> <p>BỐC</p> <p>卜 卜 卜 卜</p>	<p>𠄎</p> <p>HÉ - CÀ</p> <p>𠄎 𠄎 𠄎 𠄎 𠄎 𠄎 𠄎 𠄎</p>
---------------------------------------	-------------------------------------	------------------------------------	--

<p>𠄎</p> <p>PHỤ - CỐC</p> <p>𠄎 𠄎 𠄎 𠄎 𠄎 𠄎</p>	<p>𠄎</p> <p>ANH</p> <p>𠄎 𠄎 𠄎</p>	<p>𠄎</p> <p>Chữ CỐC</p> <p>𠄎 𠄎 𠄎 𠄎 𠄎</p>	<p>𠄎</p> <p>ƯƠNG</p> <p>𠄎 𠄎 𠄎 𠄎 𠄎 𠄎</p>
--	----------------------------------	--	---

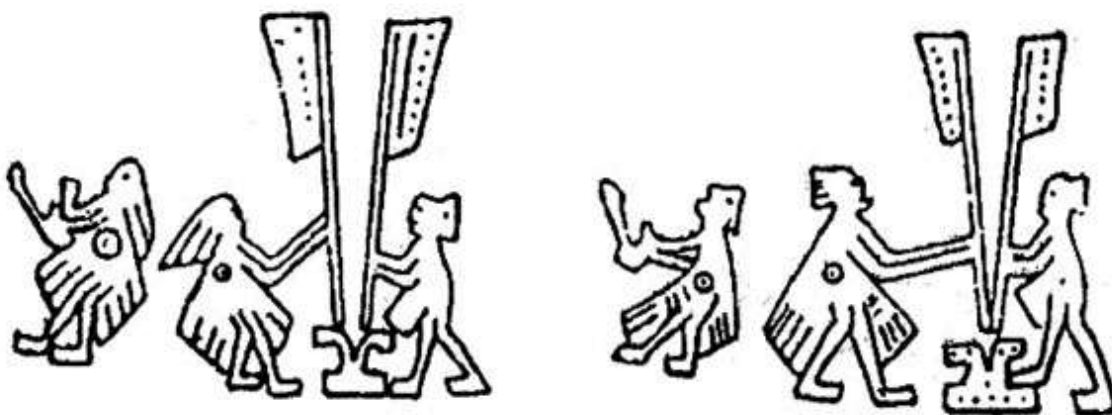
<p>黃</p> <p>HOÀNG</p> <p>黃 黃 黃 黃 黃 黃</p> <p>黃 黃 黃 黃 黃 黃</p>	<p>皇</p> <p>HOÀNG</p> <p>皇 皇 皇 皇 皇 皇</p> <p>皇 皇 皇 皇 皇 皇</p>	<p>帝</p> <p>ĐẾ</p> <p>帝 帝 帝 帝 帝 帝</p> <p>帝 帝 帝 帝 帝 帝</p>
---	---	--

Nguồn: <http://www.chineseetymology.org/>

Bàn lại

Tên 12 địa chi và 10 thiên can

Trước hết xin bàn về chữ 支 CHI và 干 CAN. Theo tôi, chữ Chi 支 vốn xưa kia của người Việt đọc là Nhánh, về sau khi phương Bắc chiếm lấy rồi đọc là Chi, người Việt sợ mất âm cũ nên thêm vào Nhánh để lưu lại âm xưa chứ về mặt ngữ âm nó chẳng có tiêu chí gì để Chi đi với nhánh cả. Chuyện này không phải là hiếm như: Di dời, sư sãi, tùy theo v.v... Có thể có người cho rằng chữ Chi này mới có nghĩa là Nhánh. Theo tôi chữ Chi này thuộc bộ Mộc, có nghĩa là nó có sau khi chữ Vuông đã phát triển rồi nên người ta thêm bộ Mộc để hệ thống hóa chữ viết, vì các con chữ buổi ban đầu vốn không có bộ.



Còn chữ Can 干 vốn đọc là Cành, về sau phương Bắc không dùng nghĩa này nữa, có lẽ vì sợ người Việt nhận ra nguồn gốc của nó nhưng ta có thể tìm thấy nét nghĩa này trong chữ Can 竿 = Cây sào. Vì sao chữ Can 竿 với bộ trúc đầu lại có nghĩa là cây sào nếu như không phải vì chữ CAN 干 vốn có đọc là CÀNH, nghĩa là cành cây, ở đây là cành trúc hay tre 竿 thì dài nên mới có nghĩa cây sào.

Như vậy thật sự xưa kia hai chữ CAN – CHI vốn là chữ của người Lạc Việt đọc là CÀNH – NHÁNH.

1. Nguồn gốc âm Lạc Việt của tên 12 địa chi

Như đã chứng minh, Hà đờ, Kinh Dịch cũng như 12 chi – 10 can – 5 hành – 3 tài là thành quả của người Việt. Tất cả đều được ghi lại trên mặt trống Đồng Ngọc Lũ, đây là bằng chứng khó có thể phủ bác, như thế là các tên gọi của 12 chi tất nhiên là của người Việt. Tuy nhiên có một số vấn đề mà ta cần làm rõ:

1. Tý - Sửu - Dần - Mão - Thìn - Tỵ - Ngọ - Mùi - Thân - Dậu - Tuất - Hợi là âm Hán Việt hay thuần Việt?
2. Có phải Tý là chuột, Sửu là trâu, Dần là cọp... mèo rông rảnh ngựa dê khi gà chó heo không?
3. Tại sao người xưa lại chọn những con vật ấy để đại diện cho muôn thú tham gia vào hệ thống lý số của mình mà không phải là con khác?
4. Nếu các tên gọi ấy có âm thuần Việt thì các chữ Vuông ấy chính là chữ Việt chứ không phải chữ Hán như ta nghĩ hàng ngàn năm qua?

Về tên gọi của 12 địa chi, Tý - Sửu - Dần - Mão - Thìn - Tỵ - Ngọ - Mùi - Thân - Dậu - Tuất - Hợi, thì đã có nhiều người nghiên cứu trong hướng cho rằng đó là âm thuần Việt chứ không phải âm Hán Việt và có nghĩa là các con vật như đã lưu truyền. Nói chung tất cả các nghiên cứu đó đều không ngoài mục đích chứng minh rằng tên của 12 chi là của người Việt và Tý là chuột, Sửu là trâu v.v... Về vấn đề này ai quan tâm có thể đọc nó trên nhiều trang liên lưới. Tuy nhiên việc cho rằng các âm ấy là thuần Việt và các con vật ấy đã được chọn có chủ í thì theo tôi cần xem xét lại, vì những lí do đây:

A. Nếu các âm Tý Sửu có nghĩa là Chuột, Trâu... là thuần Việt, có nghĩa các chữ cũng của người Việt và dĩ nhiên các con chữ phải là chữ tượng hình. Vậy sao tự dạng con chữ của 12 chi không phản ảnh điều này?

B. Nếu người Việt xưa đã chọn một hệ thống con vật để đặt tên cho 12 chi, vậy tại sao lại không có con gì hay cái gì đại diện cho 10 can? Nên nhớ

rằng lý thuyết này đã trải qua hàng ngàn năm để hoàn thiện chứ không phải là một việc làm ngẫu hứng nhất thời.

C. Nếu người Việt xưa đã lấy các con vật như đã nêu trên để đại diện cho muôn thú thì nhất định nó phải có tiêu chí nào đó và phải sắp xếp cho có lớp lang chứ không thể lộn xộn như vậy được. Ví dụ như vật nuôi đã thuần hóa, như gà, chó, heo, hoang dã như cọp, rắn, thần thoại như rồng, hay hai chân, bốn chân, bò sát, lưỡng cư... Hay là các con vật gần gũi với cư dân lúa nước như trâu, bò, cá, chim... Điều này tuy không đặc thành vấn đề cụ thể nhưng trong khi nghiên cứu người ta cũng đã cố tìm cách giải thích trong hướng suy nghĩ đó. Ví dụ như người ta cho rằng Tý là chuột, vì giờ đó chuột hoạt động mạnh nhất, Sửu là trâu, vì giờ đó trâu chuẩn bị đi cày... những giải thích này nhằm hợp lý hóa trật tự các tên gọi của 12 chi chứ không có cơ sở thực tế, khoa học nào hay ít nhất là có tính liên kết giữa các con vật như đã nêu.

Tôi cho rằng:

A. Tý - Sửu - Dần – Mão... âm là Hán Việt, nhưng chữ là chữ Việt. Có nghĩa là xưa kia người Việt đã chia thời gian một ngày một đêm thành 12 cung và đã đặt tên cho 12 cung ấy, đồng thời ghi lại bằng chữ tượng hình của người Việt, dĩ nhiên các chữ tượng hình ấy phản ánh nghĩa của từ ấy, về sau người phương Bắc sử dụng rồi trên nền tảng đó họ đọc khác đi, đọc trại âm, hoặc đọc với một âm mới, cụ thể là các âm Tý, Ty... Điều này hoàn toàn phù hợp với thực tế, vì mỗi dân tộc, thậm chí mỗi vùng đều có những cách phát âm khác nhau, ngay cả trong một nước huống chi là dân tộc khác.

B. Rõ ràng ban đầu cơ bản tên 12 chi cũng như 10 can có cùng một khái niệm như nhau. Có nghĩa là có tên gọi cho can, chi, nhưng ban đầu các tên ấy không phải để chỉ những con vật như ngày nay ta biết. Việc không có con gì hay cái để đại diện cho 10 thiên can đã nói lên điều đó.

C. Chính vì những lí do trên mà tôi cho rằng các con vật trong 12 địa chi hình thành do tính cận âm của các con vật với từ được dùng để chỉ 12 chi mà hình thành chứ không phải là các tiêu chí như đã nêu, 2 chân, 4 chân, hoang dã, thần thoại.

Theo tôi ban đầu người Việt sử dụng một câu khẩu quyết mang tính cầu nguyện để chỉ cho 12 địa chi, tôi nghĩ có lẽ 10 thiên can cũng vậy. Câu đó là:

Chốt sau đời mẹ thì đà ngã về chân rào tối hù.

Tý – Sửu – Dần – Mão – Thìn – Tỵ - Ngọ – Mùi – Thân – Dậu – Tuất – Hợi.











































Về sau tên các con vật được đưa vào để cho dễ nhớ mà thôi, việc này dựa vào tính cận âm của con vật hay của từ mà hình thành. Ví dụ: Chốt cận âm với Chuột. Mẹ, Mẹo cận âm với Mèo v.v... Việc sử dụng sự đồng âm hay cận âm của từ để thay thế khái niệm của chữ này bằng chữ khác không phải lạ trong tiếng Việt như: Lộc = chồi non = Lộc 祿: điều tốt lành = Lộc: Lá non , Phúc = Phúc 福: điều may = 蝠 con dơi hay cận âm như 6 Lục = lộc , 8 bát = phát, cầu, dừa, đủ, xoài = cầu vừa đủ xoài.

Như ta biết, người Việt xưa cũng gọi là người phương Nam, thờ mặt trời, điều này đã được thể hiện rõ tại trung tâm mặt trời Đồng cũng như trên Hà đồ. Phương Nam được đặt lên trên để vọng hướng về Tổ tiên, chính vì vậy trong Tiên Thiên Bát Quái, phương Nam là Trời, Càn, mùa Hạ, vì đã là con của mặt trời nên mặt trời là mẹ, là nguồn sống của con người, nên người xưa luôn cầu nguyện mặt trời phù hộ cho mình. Câu khẩu quyết trên là tấm lòng mong đợi và dõi theo của người Việt hướng về mẹ mặt trời, vị thần che chở cho họ và họ đã dùng câu cầu nguyện này để biểu thị cho thời gian, từ khi mặt trời đến, đi, rồi trở lại. Bởi vì khi mặt trời trở lại là lúc họ đi săn, làm ruộng, nương, đi kiếm các loại thực phẩm, nói chung là sinh hoạt sản xuất. Câu cầu nguyện này đã được ghi lại bằng chữ Nôm – Chữ Việt cổ. Như đã nói ở trên, Hà đồ Kinh Dịch là sáng tạo của người Việt thì dĩ nhiên chữ Vuông cũng là thành quả của người Việt nhưng về sau người Hoa Hạ với khả năng thiện chiến, dần chiếm hết trung nguyên, kể cả văn hóa của người Việt trong đó có chữ Việt rồi đọc theo cách của họ. Chính vì vậy sử sách vẫn còn ghi chuyện Sĩ Nhiếp cấm không cho dân ta học một loại chữ gì đó mà phải học chữ Hán. Như vậy trước thời Sĩ Nhiếp ta đã có chữ và người dân đã học, vậy chữ đó là chữ gì? Đó chính là chữ Nôm – Chữ Việt cổ, chữ ấy















chính là loại chữ ta thấy viết trong 12 địa chi với âm của người Việt. Ví dụ: 子 đọc là Chốt hay Chút. Chính vì vậy mà sau này khi người phương Bắc buộc ta phải học theo âm mới, người Việt thường gắn thêm âm cũ vào nhằm mục đích lưu lại, bảo tồn âm cũ của chữ đó như: Tý chút, sự sãi, sợ hãi, tùy theo, xa cộ, rào dậu (giậu)...

1. 子 𠂔 Tý = Chút = Chốt, như Đút = Đốt (lửa). Trong các nghĩa chữ 子 Tý hay Tử hay Chút = Chốt = Chột có nghĩa là cái mầm. Mầm tuy nhỏ nhưng là nơi bắt đầu, cánh cửa mở ra một quá trình của sự sống. Từ sau khi Chốt đổi thành Tý, người Việt xưa sợ mất âm của mình nên đọc ghép vào thành Tý chút = chốt = Chột = Nhỏ. Vì âm của người Việt là chốt hay chột có nghĩa là cái mầm hay cái quan trọng nên nó có các từ và nghĩa phái sinh như: Thui chột = Thúi mầm - Then chốt, Chủ chốt = Quan trọng; đồng thời từ đó âm Ớt này được ghép với các phụ âm đầu cho ra các từ mà nghĩa của nó chỉ những cái hay tính chất quan trọng như: Trốt = Cái đầu - Hột (hạt) - Cốt (xương) - Cột (nhà) - Một = Số đứng đầu - Tốt = Hay, đẹp. Vì chốt hay Chột là cái mầm nên khi nó mọc ra ta gọi là chồi. Ở đây 子 được người Việt dùng với âm Chốt có nghĩa là then chốt, giao điểm giữa đóng và mở, giữa âm và dương như chốt cửa là chỗ giáp giữa đóng và mở, trong và ngoài. Giờ Chốt là giờ then chốt, giao điểm giữa ngày và đêm, âm và dương hay ta có thể gọi là giờ bản lề, về sau được hoán vị bởi một con vật đó là con Chuột do tính cận âm. Chốt - Chột - Chuột. Có một câu hỏi đặt ra là: Âm Chốt và Tý, về mặt ngữ âm thì hoàn toàn khác nhau, vậy tại sao từ Chốt mà thành Tý? Chữ Tý hay Chốt có chữ giáp cốt gần giống với chữ Tỵ là rắn, nên khi dùng chữ Tỵ thay chữ Đà rồi người dùng ngay chữ Tỵ rồi đổi thanh nặng sang sắc thành Tý, ở đây chỉ đổi âm chứ không đổi chữ và nghĩa (xem so sánh chữ giáp cốt chữ Tý và Tỵ bên dưới).

- Một số chữ 子 giáp cốt.

						
J30626	J30627	J30628	J30629	J30630	J30631	J30632
						
J30633	J30634	J30635	J30636	J30637	J30638	J30639
						
J30640	J30641	J30642	J30643	J30644	J30645	J30646
						
J30647	J30648	J30649	J30650	J30651	J30652	J30653
						
J30654	J30655	J30656	J30657	J30658	J30659	J30660
						

- Một số chữ Ty 巳 giáp cốt giống chữ Tý 子 giáp cốt.

						
J31008	J31009	J31010	J31011	J31012	J31013	J31014
						
J31029	J31030	J31031	J31032	J31033	J31034	J31035

2. 𠄎 𠄏 – Sừ – Sau = Tâu. Âm này ngày nay bính âm vẫn còn đọc là Tâu. S và T có chung vị trí lưỡi trong bộ máy phát âm nên việc S =T là bình thường vì vậy từ Sau thành Tau - Tâu. Do tính cận âm nên về sau người ta đưa con trâu vào vị trí này. Tau = Tâu = Trâu. Ở miền Trung ngày nay nhiều vùng vẫn gọi con Trâu là con Tâu.

3. 寅 𠄛 – Dẫn – Dồi. Từ từ, như: Dẫn dẫn, dẫn hồi = Dồi = rồi. Biểu í của con chữ cho thấy điều này. Một mũi tên xuyên qua một khoảng rộng. Dồi – Dẫn – Dẫn (con cọp) như: Dữ dẫn, có nghĩa là dữ như cọp. Do tính cận âm, người ta hoán vị con dẫn - cọp vào chi này.

4. 卯 卯 – Mão – Mẹo – Mẹ. Đây là lúc mặt trời xuất hiện, mẹ của người xưa. Giờ này là giờ mẹ đến nên người xưa gọi giờ này là giờ Mẹ. Hình ảnh người đàn bà với hai bầu vú được ghi lại trên chữ tượng hình giáp cốt đã nói lên điều đó. Do tính cận âm nên con Mèo được dùng để đại diện cho chi này. Chữ Mẹo này về sau người ta thêm chữ nhật, cũng đọc là Mão 昴 như sao Mão trong 28 sao. Ta biết rằng giờ Mẹo là mặt trời lên sao không dùng chữ này, rõ ràng chữ 卯 có nghĩa là người đàn bà, từ nét nghĩa âm tính này mà nó còn có một nghĩa nữa đó là lỗ mộng như mộng mẹo. Cũng với nét nghĩa đó về sau người ta mới sáng tạo ra một chữ hội í để chỉ một loài cây mà văn học lấy tượng trưng cho phái nữ, đó là chữ Liễu 柳, ngoài ra ta còn thấy nét nghĩa này trong chữ Noãn 卵 = Trứng. Điều thú vị là chính chữ này cũng thể hiện theo nguyên tắc Nòng Nọc. Có nghĩa là chữ Nòng thì nét nghĩa Nọc và ngược lại. Như chữ Đồng 同 = Chỉ đàn ông, chữ Công 共 = chỉ đàn bà. Chữ Noãn 卵 cũng có nghĩa là hòn dái.

- Một số chữ Mẹo giáp cốt.

J21227	J30953	J30893	J30894	J30895	J30896	J30897
J30898	J30899	J30900	J30901	J30902	J30903	J30904















5. 辰 辰 Thìn – Thì. Chữ Thìn này do sự cận âm của chữ thường luồng tức là con cá sấu, biểu tượng cho con rồng, vì nó to lớn nên mới có từ phái nghĩa chinh ình, ai thấy cũng giật mình, thành linh. Chính vì sự cận âm này mà có chữ Thìn. Tuy nhiên Chữ Thìn – Thần với âm Thì vẫn còn ghi trong tự điển với nghĩa và âm như sau: Chi thứ năm trong 12 địa chi - Một tiếng gộp cả 12 chi – Ngày giờ đều gọi là Thần. Người ta thường hay đọc là Thời đồng âm với chữ Thì 時 hay Thời cũng để chỉ thời gian (giờ). Như vậy việc cho rằng ban đầu người Việt gọi chi này là Thì là có cơ sở.

6. 巳 巳 Tỵ – Đà. Chữ Tỵ = Con rắn. Chữ này có tự dạng gần giống chữ Dĩ 巳 nghĩa là Đà (đã) và chữ Kĩ 己 nghĩa là mình, ta như: Tri kĩ tri bỉ = Biết ta biết người, theo tôi chữ này âm xưa của người Việt có thể là Đã, vì 巳 và 己 có tự dạng 99% giống nhau thì việc hai âm gần giống nhau là đều dễ hiểu. Căn cứ cách mà người ta sử dụng tính cận âm để hoán vị các con vật vào vị trí của 12 chi, ta nghĩ rằng nguyên trước chi này được viết với chữ 巳 âm thuần Việt là Đà. Vì có âm là /đà-đã/ cận âm và đồng âm với chữ [𪚩 Xà – Đà] là con rắn, nên mới dùng con rắn cho chi này, chữ Xà này còn có âm khác là Đà, điều mình chứng cho việc chi Tỵ vốn là chi Đà. Tuy nhiên về sau người ta dùng chữ Tỵ 巳 thay chữ Đà 巳 vì có tự dạng gần giống nhau và có cũng có nghĩa là con rắn, vì vậy chữ giáp cốt của hai chữ Tỵ và Xà có nhiều hình ảnh giống nhau.

- Một số chữ Tỵ giáp cốt.

						
J31001	J31002	J31003	J31004	J31005	J31006	J31007
						
J31008	J31009	J31010	J31011	J31012	J31013	J31014
						
J31015	J31016	J31017	J31018	J31019	J31020	J31021
						
J31022	J31023	J31024	J31025	J31026	J31027	J31028
						

- Một số chữ Xà giáp cốt.

						
J31008	J31009	J31010	J31011	J31012	J31013	J31014
						
J31029	J31030	J31031	J31032	J31033	J31034	J31035

Nguồn: <http://www.chineseetymology.org/>

7. 午 𠂔 Ngọ – Ngã. Ta thấy chữ Ngọ gồm chữ Can và dấu phệt. Chữ CAN này theo tôi xưa kia vốn là chữ Việt đọc là CÀNH như đã trình bày trên. Mặc dầu trong các nghĩa của chữ này không thấy có nghĩa là cây gậy hay sào. Tuy nhiên căn cứ vào các chữ phái sinh như chữ Can 竿 = Cây sào, Can 杆 = Cây gậy, ta có thể nghĩ rằng chữ can 干 ban đầu có nghĩa là Cành. Vì là cành nên khi bị phệt một bên đầu cho thấy sự không cân bằng, hay nghiêng qua một bên, ngã qua một bên, nên âm thuần Việt là /Ngã/, còn gọi là /ngũ/ cận âm với /ngựa/ nên lấy con ngựa làm biểu tượng cho chi này. Đồng thời chính vì chi Ngọ hay Ngã này là sự phân chia giữa Dương (sáng) và Âm (chiều) nên ta có từ Ngã ngũ với nghĩa là đã rõ ràng, rạch ròi.

8. 午 𠂔 Mùi hay Vị – Vê. Khi mặt trời ngã về sau ngọn cây, là lúc chuẩn bị về nhà. Do âm Thuần Việt của chữ này là /vê = dề / cận âm với /dê/ nên đưa con dê làm đại diện cho chi này.

9. 申 申 Thân – Chân. Hiện tượng Th = Ch có nhiều trong tiếng Việt như Thanh = Chanh, Bát thánh đạo = Bát chánh đạo, Chùa Thiên = Chùa chiền. Do đó Chân thành Thân là có cơ sở. Sau một ngày lao động, khi mặt trời đã khuất sau chân núi, người Việt xưa trở về nhà, có lẽ những con khỉ, một loài linh trưởng gần với con người, cũng bắt đầu thôi hoạt động, rút về thu mình trên cây thành đàn như con người giờ đây về quần tụ với gia đình, gặp lại những người thân. Có thể từ những hình ảnh đó mà họ lấy con khỉ làm tiêu biểu cho chi này; đồng thời từ đây người ta sử dụng các con vật nuôi trong nhà để đại diện cho các chi còn lại.

10. 酉 酉 Dậu – Rào. Rào – dào – dậu (giậu). Ngày nay, ta vẫn còn dùng hàng dậu hay dùng luôn từ ghép như rào dậu. Đến giờ này mặt trời đã lặn xuống sau chân núi hay chân rào, gà cũng bắt đầu đi ngủ, nên con người dùng con gà đại diện cho chi này. Điểm cần lưu ý là khi trời bắt đầu tối người ta cũng lấy con GÀ để tượng trưng, nên con gà đen gọi là gà ác, khi trời bắt đầu sáng, màn đêm bắt đầu đổi màu nên người gọi mặt trời là ác vàng, “Lần lần thỏ bạc ác vàng, Xót người trong hội đoạn tràng đòi cơn!” (Truyện Kiều) cũng chính vì vậy trong Tiên Thiên Bát Quái người xưa đã lấy con gà để đại diện cho phương Đông, gọi là gà trời (xem truyện *Cóc kiện Trời*).

11. 戌 戌 Tuất – Tối. Lúc này là đêm, mặt trời đã đi xa, hứa hẹn sẽ trở lại trong sự mong đợi của con người. Như đã nói ở trên đến thời điểm này người ta dùng các con vật nuôi để tiêu biểu cho các chi còn lại. Chi này người xưa đã dùng con chó để tiêu biểu, vì giờ này sau một ngày làm việc, họ đốt lửa, quây quần bên nhau, con vật duy nhất gần gũi với họ lúc này là con chó, việc con chó gần gũi với con người đã được thể hiện trên thuyền của trống Đồng, có thể từ đó người ta lấy con chó đại diện cho chi này; đồng thời vì chữ Tối cận âm với chữ Tốt 卒 cũng đọc là Tuất, có thể vì vậy mà sau Tối thành Tuất, trước đây người ta thường gọi con chó là Tốt, không biết đó là đặt tên hay chính chữ Tốt có nghĩa là con chó.

12. 亥 豕 Hợi – Hù. Lúc này là tối nhất của đêm hay ta thường nói tối hù. Chi này người xưa cũng dùng một con vật gần gũi khác để tiêu biểu cho chi này đó là con heo, con cúi, có thể ảnh hưởng bởi tiếng kêu đòi ăn của con heo mà Hù = Heo = Hợi.

Như thế ta thấy các tên Tý, Sửu, Dần, Mão... là âm Hán Việt, có nghĩa là các tên này đã biến âm từ các âm thuần Việt sau khi phương Bắc sử dụng cái văn hóa âm dương của người Việt. Việc phát hiện Hà đồ và Dịch lí trên trống Đồng Ngọc Lũ cho phép ta tin chắc chắn rằng phải có tên gọi thuần Việt cho 12 chi, vì 12 đã được thể hiện trên trống Đồng. Trong suy nghĩ đó tôi đề nghị ở đây một cách đọc thuần Việt và nghĩa của 12 địa chi, đó là Chốt 子 sau 丑 dôi 寅 mẹ 卯 thì 辰 đà 巳 ngã 午 về 未 chân 申 rào 酉 tối 戌 hù 亥; đồng thời cũng chứng minh rằng các chữ Vuông này là chữ Nôm, chữ cổ của người Việt. Chính vì vậy ta không thấy lạ vì sao một số trống Đồng lại có tên 12 địa chi bằng chữ Nôm này. Tất nhiên tất cả những gì trình bày trên là suy diễn nhưng không phải là không có cơ sở, hy vọng có người đồng cảm.

Nguồn gốc Dịch lí trong bài đồng dao

“CHI CHI CHÀNH CHÀNH”

Từ sau khi bị phương Bắc dùng sức mạnh tước đoạt mất cái văn hóa âm dương, ngũ hành, Dịch học của mình, người Lạc Việt quay quắc tìm mọi cách để lưu lại nguồn gốc văn hóa của mình. Tại sao như vậy? Tại vì khi phương Bắc đã cho rằng cái văn hóa đó là do họ làm nên không ai được dạy cái gì khác ngoài những gì mà họ tuyên truyền. Tất nhiên nếu như ai làm trái những gì họ bảo thì kết quả sẽ vô cùng thảm khốc, chắc chắn là cái chết. Trong hoàn cảnh như vậy người Việt xưa kia đã vận dụng mọi phương thức ngôn ngữ để nhắc nhở người sau rằng văn hóa âm dương ấy là của người phương Nam làm ra hay nói khác là do người Lạc Việt làm ra. Trong các phương thức ấy có phương thức đồng dao. Bài đồng dao *Chi chi chành chành* là một ví dụ.

Do được sáng tác từ rất lâu rồi lưu truyền trong nhân gian nên giờ đây có nhiều dị bản khác nhau, khác nhau không những về số câu mà cả về số từ cũng như ý nghĩa của nó.

1. Theo Giáo sư Nguyễn Lân Dũng thì bài ấy như sau:

Chi chi chành chành.

Cái đanh thổi lửa.

Con ngựa đứt cương - chết trượng.

Ba vương lập đế - ngụ đế - Ba vòng thượng đế.

Chấp chế thượng hạ - Cấp kể Thượng Hải.

Ba chạ đi tìm.

Ú tim bắt ập - Ú tim ù ập.

(7 câu)

Xem lời giải ở đây. <http://diendan.lyhocdongphuong.org.vn/bai-viet/19377-gs-nguyen-lan-dung-giai-ma-bai-chi-chi-chanh-chanh/>

2. Theo Giáo sư Lê Quang Châu thì bài ấy như sau:

*Chi chi chành chành.
Cái đanh thối lữa.
Con ngựa chết trương.
Ba vương, ngũ đế.
Chấp chế đi tìm.
Útim bắt được.
Ừ à ù ập!*

Xem lời giải ở đây. <http://www.baomoi.com/Tim-ngoi-mo-Kinh-Duong-Vuong-va-ly-giai-tro-dan-gianchi-chi-chanh-chanh/137/12678410.epi>

Theo Nguyễn Vũ Tuấn Anh thì bài ấy có sáu câu. Dựa trên sáu câu này ông đã giải mã theo cách mà ông cho rằng nó là í nguyện của người xưa. Xem ở đây. <http://diendan.lyhocdongphuong.org.vn/bai-viet/32172-minh-triet-viet-chi-chi-chanh-chanh/>

3.

*Chi chi, chành chành.
Cái đinh (đanh) thối lữa.
Con ngựa chết trương.
Ba Vương Ngũ Đế.
Bắt đế đi tìm.
Ừ à! Ủ ập.*

Các dị bản khác có 8 câu.

4.

*Chi chi chành chành
Cái đanh thối lữa.
Con ngựa chết trương.
Tam vương, ngũ đế,
Chấp khế đi tìm.*

*Con chim làm tổ
Ừ à ù ập.
Lại sập xuống đây.*

5.

*Chi chi chành chành
Cái đanh thối lửa.
Con ngựa chết trương.
Ba dương Thượng đế,
Bắt để đi tìm.
Con chim làm tổ.
Ừ à ù ập.
Lại (ngồi) sập xuống đây.*

Như đã nói trên, do bài đồng dao này có từ ngàn xưa, trải qua năm tháng mỗi vùng thay đổi một chút nên các bản không giống nhau. Chính vì vậy ta không biết bản nào đúng bản nào sai, câu nào đúng câu nào sai, từ nào đúng từ nào sai. Trong trường hợp như thế này thì việc lấy một bản nào để giải cũng không thể hoàn hảo được. Chính vì vậy cần phải xem lại ngôn từ, câu cú trong tất cả các bài, dựa vào cái thông điệp của bài đồng dao, từ đó đưa ra những câu, từ thích hợp mà bài đồng dao chuyên chở. Với suy nghĩ như vậy, tôi cho rằng thông điệp mà bài đồng dao chuyên chở là nói về Dịch lí, ở đây theo tôi là nguồn gốc Dịch học. Như thế các từ trong các câu nhất định phải liên quan đến Dịch lí mà theo tôi bài ấy có thể vốn là như thế này.

*Chi chi chành chành
Cái đanh thối lửa.
Con ngựa mất cương.
Tam vương, ngũ đế,
Bát quẻ đi tìm.
Con chim làm tổ.*

Ừ à ù ập.

Lại (ngồi) sập xuống đây.

Chi chi chành chành = Nhánh nhánh cành cành.

Chữ Chi 支 vốn xưa kia của người Việt đọc là Nhánh, về sau khi người phương Bắc chiếm lấy rồi đọc là Chi, người Việt sợ mất âm cũ nên thêm vào Nhánh để lưu lại âm xưa chứ về mặt ngữ âm nó chẳng có tiêu chí gì để Chi đi với nhánh cả.

Còn chữ Can 干 vốn đọc là Cành, do về sau phương Bắc không dùng nghĩa này nữa, có lẽ vì sợ người Việt nhận ra nguồn gốc của nó, nhưng ta có thể tìm thấy nét nghĩa này trong chữ Can 竿 = Cây sào. Vì sao chữ Can 竿 có nghĩa là cây sào. Nếu như không phải vì chữ can 干 vốn có nghĩa là cành mà ở đây là cành trúc hay tre 竿 thì dài nên mới có nghĩa cây sào. Cũng chính vì chữ Can là cành nên khi bị gãy thì ngã nên chữ Ngọ 午 xưa kia người Việt gọi là Ngã vì vậy mà có từ Ngã ngũ.

Cái đanh thối lửa.

Cái đanh là cái đinh = Can Đinh 丁. Thối lửa = Hỏa = Ly = Phương Nam. Thối là làm cho bùng lên, sáng lên, phát triển lên, ở đây có nghĩa là chuyển động hay biến dịch. Điều này cho thấy rằng người làm ra bài đồng dao này dựa trên Hậu Thiên Bát Quái.

Con ngựa mất cương.

Con ngựa là chi Ngọ 午 thuộc chánh Nam. Mất cương nên nó chạy mãi không ngừng, hay gọi là biến, biến ở đây tức là Biến Dịch hay đó chính là cái dụng của Hậu Thiên Bát Quái.

Tam vương, ngũ đế.

Tam vương tức Tam Hoàng: Thiên hoàng – Địa hoàng – Nhân hoàng.

Ngũ Đế tức: Kim – Mộc – Thủy – Hỏa – Thổ = 5 hành.

Bát quẻ đi tìm.

Bát quẻ tức Càn – Khảm – Cấn – Chấn – Tốn – Li – Khôn – Đoài.

Con chim làm tổ.

Con chim tức là con chim Diệc về sau Phương Bắc gọi là Dịch, là tên của hệ thống triết lí vô cùng uyên áo của người Lạc Việt mà ngày nay ta gọi là Dịch học.

Ừ à ù ập.

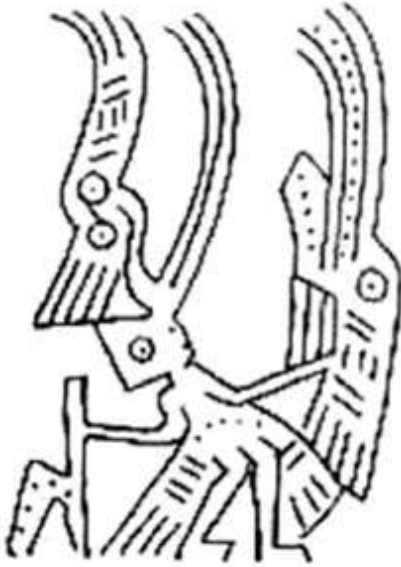
Tương đương với xuất xuất nhập nhập. Có nghĩa là Tám quẻ phối hợp, tương tác với nhau là thành 64 quẻ.

Lại (ngồi) sập xuống đây.

Ngồi sập xuống đây tức là ngồi xuống nơi mà người Việt bắt đầu hoàn thiện hệ thống Dịch lí của mình. “Đây” tức là phương Bắc. Có nghĩa là người Việt đã hoàn thiện lí thuyết ấy khi họ tại phương Bắc.

Theo tôi bài đồng dao này được tạo ra nhằm lưu truyền lại nguồn gốc Dịch học phát tích từ phương Nam. Chính vì vậy mà ngay ba câu đầu đã xác nhận điều ấy. Chi chi chành chành là địa chi và thiên can hay nói khác hơn là âm dương, cái thuyết âm dương ấy xuất phát từ phương Nam. Can Đinh thuộc Hỏa tức phương Nam, chi Ngọ thuộc phương Nam. Vì nội dung bài đồng dao chủ yếu là khẳng định tác quyền Dịch học thuộc về phương Nam nên chi các câu còn lại cũng nói về Dịch học, mỗi câu đều thể hiện sự liên quan đến hệ thống Dịch lí mà người Việt đã làm nên. Đồng thời do bắt đầu bằng phương Nam thì kết thúc bằng phương Bắc, hai đầu của Lạc thư. Phương Bắc đây không có nghĩa cố định, mà nó chỉ ra hướng phát triển của người Việt cổ từ hướng Nam đi lên, vì thế nó có thể là miền bắc Việt Nam mà cũng có thể ở sông Dương Tử hay Hoàng Hà.

Tóm lại bài đồng dao này chủ yếu nói về nguồn gốc của Dịch học mà thôi. Cụ thể là Dịch học là do người phương Nam làm ra hay là do người Lạc Việt làm ra.



Napoleon Hill (1883 – 1970): Tác giả nổi tiếng người Mỹ với Think and Grow Rich - cuốn sách viết về kinh doanh được đánh giá là hay nhất của mọi thời đại. Napoleon Bonaparte (1769-1821) còn gọi là Napoleon I - Vị hoàng đế nổi tiếng nước Pháp và là nhà chỉ huy quân sự tài ba. Tổng thống thứ 16 và là một trong bốn vị tổng thống vĩ đại nhất trong lịch sử nước Mỹ. Ông cũng là người chủ trương bãi bỏ chế độ nô lệ ở Mỹ. Định luật Murphy xuất hiện năm 1949, có nguồn gốc từ một thử nghiệm của không quân Mỹ về tác dụng của quá trình giảm tốc nhanh đối với các phi công. Trong cuộc thử nghiệm, người tình nguyện ngồi trong một xe trượt tuyết có gắn động cơ phản lực và được thắt chặt dây an toàn. Hệ thống điện cực gắn khít vào bộ ghế ngồi, do đại úy Edward A. Murphy thiết kế, sẽ ghi lại phản ứng của họ khi xe dừng đột ngột. Tuy nhiên, người ta đã không ghi được một số liệu nào sau cuộc thử nghiệm tưởng chừng như không có sai sót. Cuối cùng, mọi người phát hiện ra một điện cực bị mắc sai. Khi ấy, Murphy nói rằng: “Nếu có gì đó có thể trục trặc, thế nào cũng có người làm cho nó xảy ra”. Winston Churchill (1874-1965) - Vị thủ tướng lừng danh của nước Anh trong chiến tranh thế giới thứ II, cũng là một chính khách lỗi lạc trên chính trường quốc tế. Năm 1953, ông được giải Nobel văn học cho những tác phẩm viết về nước Anh và lịch sử thế giới. Năm 2002, đài BBC đã bầu chọn ông vào danh sách 100 người Anh vĩ đại nhất (the 100 Greatest Britons). Sam Walton (1918-1992) - Người sáng lập mạng lưới trung tâm bách hóa đại hạ giá Wal-Mart, được tạp chí Forbes xếp hạng là người giàu nhất nước Mỹ trong các năm 1985-1988. Sam Walton giữ chức giám đốc điều hành kiêm chủ tịch của Wal-Mart cho đến năm 1988, sau đó trở thành Chủ tịch Hội đồng Quản trị cho đến những ngày cuối đời. Edwards Deming (1900-1993) - cha đẻ của học thuyết quản lý chất lượng. Năm 1960, ông là người Mỹ đầu tiên nhận Huân chương Cao quý Hạng hai (Second Order of the Sacred Treasure) do Thủ tướng Nhật Bản trao tặng. Abraham Maslow (1908 - 1970) – Nhà tâm lý học, tác giả đã xây dựng lý thuyết về nhu cầu của con người, bao gồm 5 cấp độ được xếp theo thứ tự từ thấp đến cao, bao gồm: nhu cầu sinh lý (tồn tại), nhu cầu được an toàn, nhu cầu xã hội (yêu và được yêu), nhu cầu được tôn trọng, nhu cầu tự hoàn thiện bản thân. (1) Trong thần thoại

Hy Lạp, Pygmalion là một nhà điêu khắc tài ba. Có lần, Pygmalion chọn một viên đá lớn để tạc tượng một người con gái. Khi làm xong, ông thấy bức tượng của mình quá đẹp nên đem lòng say mê. Pygmalion đã cầu xin nữ thần Aphrodite (Venus) cho tượng đá biến thành người thật. Nữ thần xúc động trước lời cầu xin khẩn thiết ấy nên đã đồng ý. Thế là Pygmalion lấy bức tượng đã hóa thành người làm vợ và hai người sống với nhau hạnh phúc trọn đời.

Ben Feldman (1912-1993) – Một trong những nhân viên bán hàng xuất sắc với doanh thu cao nhất của mọi thời đại. Suốt thời gian làm việc cho Công ty New York Life Insurance từ năm 1942 đến 1993, ông đã bán được 1,8 tỷ đô la tiền bảo hiểm. Ngày nay, kỷ lục bán hàng của ông vẫn chưa bị ai phá vỡ với 100 triệu đô la trong một năm và 20 triệu đô la một ngày. Những năm gần cuối sự nghiệp, tổng số tiền huê hồng ông được hưởng hàng năm là 1 triệu đô la. Công ty lớn của Mỹ chuyên sản xuất và phân phối những chương trình CD & VCD về những vấn đề liên quan đến cuộc sống, giúp con người khai thác tối đa năng lực bản thân và vươn đến thành công, hạnh phúc. 'Nguyên tắc Pareto' được đặt theo tên nhà kinh tế học người Italia, Vilfredo Pareto (1848-1923). Năm 1906, Pareto quan sát thấy 20% dân số Italia nắm giữ 80% tài sản của nước này. Sau đó, ông cũng nhận thấy rằng 20% số cây đậu phụng trong vườn nhà ông đóng góp tới 80% lượng đậu ông thu hoạch mỗi năm. Hai sự kiện này khiến ông suy nghĩ và cho rằng đây không phải là sự trùng lặp ngẫu nhiên mà gần như là một nguyên tắc và ông đã áp dụng nguyên tắc 80-20 này vào rất nhiều lĩnh vực và thấy nhiều kết quả tương đồng.

2. Hiện nay, nhiều tài liệu và sách báo dịch thuật ngữ “brand” là “thương hiệu” tức một dạng tắt của cụm từ “thương hiệu thương mại”. Tuy nhiên chúng tôi cho rằng dịch “brand” là “thương hiệu” sẽ không chính xác vì không chỉ có các công ty và tập đoàn có brand mà ngay cả những tổ chức không hề kinh doanh hay có hoạt động thương mại như các tổ chức phi chính phủ, phi lợi nhuận như tổ chức Chữ Thập Đỏ (Red Cross) hay Quỹ Bảo vệ Động vật Hoang dã (WWF) cũng có brand của họ. Hơn nữa, việc chuyển ngữ như vậy sẽ gây nhiều nhầm lẫn về mặt từ gốc với thuật ngữ “trademark”. Trong cuốn sách này, cũng như tất cả các cuốn sách về tiếp thị và xây dựng thương hiệu của cùng nhóm dịch và

hiệu đính của Công ty Sách Alpha, thuật ngữ “brand” sẽ được chuyển ngữ thành “thương hiệu” và “trademark” sẽ được gọi là “thương hiệu đăng ký”.

1. Khách quen: regular market/ regular customers. Khái niệm market trong marketing còn để chỉ tập thể các khách hàng có một số đặc điểm chung nào đó.

1. Thuyền trưởng Ahab: nhân vật chính trong phim Moby Dick dựa trên tiểu thuyết cùng tên của Herman Melville. Đó là một người đã cố gắng giết chết con cá voi Moby Dick ròng rã nhiều năm kể từ khi bị mất một chân trong cuộc chiến với nó. Ahab đã khiến các thủy thủ đoàn và con tàu của mình lâm nguy trong cuộc chiến đấu để giết con cá voi.

2. White elephant: (voi trắng) thành ngữ chỉ vật công kênh đắt tiền mà không có ích gì lắm.

3. Ally McBeal: tên một sêri phim truyền hình nổi tiếng của Mỹ, cũng là tên nhân vật chính.

1. Đây là một phép chơi chữ. Logo biểu tượng của Những trang vàng là hình mấy ngón tay di chuyển.

2. Daily Bugle: một tờ báo giả tưởng của thành phố New York, là phần không thể thiếu của Marvel Universe (những tập truyện tranh giả tưởng do công ty Marvel Comics xuất bản). Nổi tiếng nhất trong số các truyện tranh của công ty này là Người Nhện.

3. Luật của Moore (Moore’s Law): Vào những năm 90, số lượng các bóng bán dẫn trên các con chip vi xử lý cứ 18 tháng lại tăng gấp đôi. Trước đó đã có một nhà tiên phong về bán dẫn người Mỹ tên là Gordon Moore đã dự báo trước về việc này. Năm 1965, Moore đã dự đoán rằng số lượng các bóng bán dẫn trên một con chip vi tính mỗi năm sẽ tăng gấp đôi. Dự đoán này được gọi là Luật của Moore. Đến cuối thập kỷ 90 các chip vi xử lý đã gồm nhiều triệu bóng bán dẫn, chuyển được 64 bit dữ liệu mỗi lần và thực hiện hàng tỷ lệnh mỗi giây.

1. Có thể thấy Quy luật phường hội tại Việt Nam từ xưa với Hà Nội 36 Phố phường - mỗi phố buôn bán một loại mặt hàng và mặt hàng đó trở thành tên của phố: Hàng Bạc, Hàng Trống, Hàng Đường, Hàng Hòm... Luật buôn có hội bán có phường đến nay xem ra vẫn đúng dù loại hàng hóa được bán không thể hiện ở tên phố nữa. Ở Hà Nội ngày nay có phố Hàng Đào, Hàng Ngang bán quần áo ; Hàng Đường bán ô mai, bánh kẹo ; Hàng Mã bán đồ hàng mã ; Cầu Gỗ bán đồ trang sức mỹ ký ; Hàng Bạc bán vàng bạc ; Trần Nhân Tông bán quần áo bò ; Cát Linh bán vật liệu xây dựng ; Lý Nam Đế bán phụ kiện tin học... 3. Yahoo đang phải nhường

bước cho Google. Lần đầu tiên xuất hiện trong Danh sách 100 thương hiệu mạnh nhất thế giới năm 2005 của Interbrand, giá trị thương hiệu của Google đã là 8,461 tỷ đô-la, đứng thứ 38 trong danh sách, trong khi giá trị thương hiệu của Yahoo!, dù là chiến binh lâu năm, chỉ là 5,256 tỷ đô-la, đứng cách Google 20 bậc xếp thứ 58 trong tổng sắp (mặc dù giá trị thương hiệu đã tăng lên 16% so với năm 2004).

1. Forrester Research: Được George F. Colony sáng lập vào năm 1983, Forrester Research là một công ty độc lập nghiên cứu thị trường và công nghệ. Công ty này cũng cung cấp các dịch vụ tư vấn tiên tiến và có tính ứng dụng cao về các ảnh hưởng của công nghệ tới doanh nghiệp và người tiêu dùng. Trong hơn 22 năm nay, Forrester đã là một nhà tư vấn đáng tin cậy, một nhà chiến lược hàng đầu, thông qua các chương trình nghiên cứu, tư vấn, sự kiện và điều hành đồng đẳng (peer-to-peer), hãng đã giúp các khách hàng trên khắp thế giới đạt được vị trí dẫn đầu trong các thị trường của họ. Forrester có trụ sở chính tại Mỹ. Đến tháng 6 năm 2005, tổng số nhân viên của công ty đã là hơn 640 người và tổng số các công ty khách hàng là hơn 1.900. Trong bảy năm liên tiếp, công ty cũng nằm trong top 75 trong danh sách 200 công ty nhỏ thành công nhất do tạp chí Forbes bầu chọn.

2. Địa chỉ của tạp chí trực tuyến này: www.slate.com

4. Đây là một cách chơi chữ, “bullish” có nghĩa làm tăng giá cổ phiếu, bull (tức con bò tót) còn là logo của hãng Merrill Lynch.

1. Cola nguyên là tên một loại cây nhiệt đới, gốc châu Phi, có chứa chất cà-phê-in (caffeine), nay được trồng nhiều ở châu Mỹ nhiệt đới. Nó trở thành hương liệu trong thứ nước giải khát màu sẫm được cacbônát hóa, mà người phát minh ra loại nước giải khát này là Tiến sỹ John Pemberton (sinh ngày 8 tháng 5 năm 1886, tại Atlanta). Cái tên Coca-Cola (gọi tắt là Coke) là do người cộng sự Frank Robinson đặt cho. Sau đó, doanh nghiệp này được bán cho Asa Candler năm 1888, và nhà máy sản xuất Coca-Cola đầu tiên được thành lập năm 1895 tại Dallas, Texas.

1. Luật Gresham (Gresham’s law): Giả thuyết của nhà tài chính người Anh Sir Thomas Gresham (1519-1579) cho rằng: “Bad money drives good money out of circulation”. (Tiền xấu hất căng tiền tốt khỏi vòng quay lưu thông tiền tệ). Theo đó, khi các kim loại với giá trị khác nhau cùng có sức mạnh như tiền tệ (legal tender) thì thứ kim loại rẻ hơn sẽ trở thành

phương tiện lưu hành và thứ kia bị chôn giấu, tích trữ, hay xuất khẩu. Ở đây tác giả so sánh trong marketing, nếu theo đúng giả thuyết của Gresham, các thương hiệu nhánh sẽ hất căng thương hiệu chính (tức thương hiệu gốc) khỏi thị trường. 2. Theo Kotler trong “Các quy luật marketing”, có hai mô hình marketing quan trọng là: từ trong ra ngoài (inside-out) và từ ngoài vào trong (outside-in). Theo quan điểm inside-out thì quy trình marketing sẽ là: nhà máy các sản phẩm hiện có bán hàng và xúc tiến bán hàng lợi nhuận thông qua doanh số. Theo quan điểm outside-in: thị trường nhu cầu của khách hàng marketing tích hợp lợi nhuận thông qua sự thỏa mãn của khách hàng 1. Biểu tượng có thể mang nhiều ý nghĩa thú vị. Ví dụ logo của công ty máy tính Apple gồm biểu tượng trái táo bị cắn một miếng và hàng chữ Apple. Khách hàng tinh ý sẽ liên tưởng đến quả táo Adam (Adam’s Apple) trong Kinh Thánh. Đó là quả trí tuệ mà Thượng Đế cấm Adam và Eva ăn. Do đó nó trở thành trái cấm. Và khẩu hiệu mà Apple kèm theo là: “Take a bite!” (Hãy cắn một miếng đi!). Nghĩa là hãy mua máy tính Apple. Như thế cũng là ăn được quả trí tuệ để khôn ngoan sáng suốt. Hoặc như logo của Alpha Books, công ty thực hiện cuốn sách này, có hình mẫu tự Alpha trong chữ Hy Lạp. Là tên chữ cái đầu tiên trong bảng chữ cái Hy Lạp, Alpha còn có nghĩa là nguyên bản, là sự khởi đầu. Alpha cũng là tên ngôi sao sáng nhất trong một chòm sao trên dải Thiên Hà của Vũ Trụ. Đó cũng chính là hình ảnh về Alpha Books mà công ty mong muốn xây dựng trong suy nghĩ của bạn đọc.

1. Greenpeace, Healthy Choice, và SnackWell’s: theo thứ tự là tổ chức Hòa bình Xanh (tổ chức phi chính phủ được thành lập với mục tiêu bảo vệ môi trường), Healthy Choice (thương hiệu thực phẩm đông lạnh và được giữ lạnh do công ty ConAgra Foods Inc. sở hữu). Theo lịch sử của công ty ConAgra, thương hiệu này ra đời sau khi CEO của ConAgra là Charles “Mike” Harper bị một cơn đau tim năm 1985. Bị buộc phải thay đổi chế độ ăn uống, ông đã đưa ra ý tưởng về một dòng sản phẩm đông lạnh tốt hơn cho sức khỏe. ConAgra hiện đang bán nhiều món ăn dưới thương hiệu Healthy Choice, trong đó có các bữa trưa được giữ lạnh, các món ăn phụ, thịt đông lạnh bán theo lát, súp đóng hộp, kem, bánh mì, nước sốt mì Ý và cả bắp răng bơ. SnackWell’s là thương hiệu đồ ăn nhẹ của Kraft Food Inc,

một công ty thực phẩm của Mỹ. 2. Golden Arches: biểu tượng chiếc cổng vàng này là biểu tượng nổi tiếng của McDonald's, một công ty sở hữu chuỗi nhà hàng bán đồ ăn nhanh có trụ sở tại Chicago (Mỹ). Công ty ra đời năm 1953, và khi đó Dick và Mac McDonald - hai nhà sáng lập, đã bắt đầu nhượng quyền sử dụng thương hiệu của công ty họ. Biểu tượng có hình hai chiếc cổng vòm ở hai bên hình ảnh một quầy bán bánh hamburger lưu động. Khi được nhìn từ một góc độ nào đó, biểu tượng này khiến người ta liên tưởng đến chữ cái M, và đã được biến thể thành logo của công ty. Mặc dù trên thực tế McDonald's đã bỏ hình ảnh các cổng vòm này khỏi các nhà hàng của mình từ những năm 60 của thế kỷ 20, Golden Arches vẫn còn tồn tại trong logo công ty và thường được sử dụng như một thuật ngữ phổ biến để nói đến công ty McDonald's. Cái tên này còn được hiểu rộng hơn như là một dấu hiệu của chủ nghĩa tư bản hay sự toàn cầu hóa vì công ty McDonald's là một trong những tập đoàn nổi bật nhất của Mỹ đã có khả năng thực hiện toàn cầu hóa trong tầm tay (ngoài Coca-Cola và Nike). 3. Bánh hamburger: là một loại bánh mì tròn được bổ đôi kẹp thịt và rau, cà chua... Tên bánh này có xuất xứ từ Đức. 4. M&M: thương hiệu kẹo viên sô cô la sữa của Mỹ do công ty Mars sản xuất. M&M's được tạo ra năm 1940 sau khi Forrest Mars (Cha) nhìn thấy các quân nhân Tây Ban Nha ăn các thanh kẹo sô cô la có một lớp đường phủ ngoài trong thời kỳ Nội chiến Tây Ban Nha. M&M's là tên viết tắt (và sau này trở thành tên chính thức) của cụm từ "Mars & Murrie" (đối tác kinh doanh của Mars là Bruce Murrie). M&M's ngay lập tức trở thành một hiện tượng vì vào thời điểm đó, không có thiết bị điều hòa nhiệt độ trong các cửa hàng, nhà ở và các thanh kẹo sô cô la rất dễ bị chảy, tuy nhiên kẹo M&M's có lớp đường bọc ngoài nên không bị chảy. Sô cô la viên M&M's được làm với sáu màu: đỏ, cam, vàng, xanh lá cây, nâu và tím. 5. Macy's: thương hiệu Macy's là tên một chuỗi các cửa hàng bách hóa của Mỹ, trong đó có cửa hàng ở thành phố New York tự gọi mình là cửa hàng lớn nhất thế giới. Macy's là một phần của Federated Department Stores. Macy's được Rowland Hussey Macy thành lập năm 1851 ở Haverhill, bang Massachusetts (Mỹ). 6. Caterpillar: tập đoàn sản xuất các thiết bị xây dựng, lâm nghiệp, các động cơ tốc độ vừa và các công

cụ tài chính liên quan của Mỹ. 7. United Parcel Service: công ty giao nhận bưu phẩm lớn nhất thế giới, mỗi ngày công ty này giao nhận hơn 14 triệu bưu phẩm đến hơn 200 nước trên thế giới. Gần đây họ đã mở rộng lĩnh vực hoạt động ra hậu cần và các lĩnh vực liên quan đến vận tải. Trụ sở công ty đóng tại Atlanta, bang Georgia (Mỹ). UPS nổi tiếng với các xe tải màu nâu của họ (do đó tên lóng của công ty này là “Big Brown”). Màu nâu UPS sử dụng trên các phương tiện vận tải và đồng phục của họ được gọi là màu nâu Pullman, đặt theo tên của những toa ngủ trên tàu do George Pullman tạo ra có màu nâu. UPS cũng có hãng hàng không riêng của họ. Đối thủ chính của UPS là United States Postal Service (USPS), FedEx, và DHL. 8. Big Blue: tên lóng của IBM (có nghĩa là Công ty Màu xanh Khổng lồ) vì logo của công ty này có màu xanh. Cho đến những năm 90 của thế kỷ 20, nhân viên của IBM vẫn mặc đồng phục vét xanh lơ, sơ mi trắng và cà vạt sẫm màu. 1. “War” trong tiếng Đức không có nghĩa gì ngoại trừ là dạng quá khứ của động từ sein (tức động từ “to be” trong tiếng Anh). Nhưng đối với người sử dụng tiếng Anh, nó gợi ra ý nghĩa chiến tranh (war). Có lẽ đó là một lý do khiến người ta không mặn mà với thương hiệu này. 2. Perdue: một trong những thương hiệu được tin cậy và được nhận biết rộng rãi nhất của Mỹ thuộc sở hữu của Perdue Farms, một công ty thực phẩm và nông sản hàng đầu thế giới với doanh số về gia cầm lớn thứ ba trong ngành. Thành lập năm 1920, công ty này cung cấp các sản phẩm và dịch vụ về thực phẩm tới hơn 40 quốc gia trên thế giới với hơn 20.000 công ty thành viên và là đối tác của 7.500 trang trại gia đình. 1. Delicatessen: cửa hàng bán các món ăn sẵn – còn gọi là deli. 2. Submarine sandwich: bánh mì ổ dài, bổ dọc, nhồi nhân thịt, xalát, pho mát... ổ bánh dài giống như chiếc tàu ngầm. 3. Total quality management: chủ trương chú trọng chất lượng sản phẩm, bao gồm các chiến lược nhằm cải thiện chất lượng liên tục 4. Tom Monaghan, Michael và Marian Ilitch, và John Schnatter: Những người sáng lập Domino’s Pizza, Little Caesars và Papa John’s. 1. Rush Limbaugh: Rush Hudson Limbaugh III (sinh ngày 12 tháng 1 năm 1951 ở Mũi Girardeau, Missouri), là một người khá nổi tiếng trong giới giải trí Mỹ và là người dẫn một chương trình trò chuyện trên radio được ưa chuộng ở Mỹ. Là một nhà bình luận có quan

điểm bảo thủ, ông thường bình luận về chính trị và các sự kiện đương thời trong chương trình của mình, chương trình The Rush Limbaugh Show. Hơn 15 năm qua, Rush Limbaugh đã là người dẫn chương trình trò chuyện trên radio được nhiều người nghe nhất ở Mỹ và thế giới, và số thính giả của ông theo ước tính đã lên đến khoảng 20 triệu mỗi tuần, cao thứ nhì thế giới chỉ sau số thính giả của chương trình Paul Harvey.

2. Laura Schlessinger: Laura Schlessinger (sinh ngày 16 tháng 1 năm 1947) là một nhà bình luận đạo đức và văn hóa Mỹ, được biết đến với tư cách là người dẫn chương trình trò chuyện trực tiếp với thính giả trên sóng radio Bác sỹ Laura. Chương trình này được phát sóng trên khắp cả nước và kéo dài ba tiếng mỗi ngày vào cuối tuần. Schlessinger là một nhà phê bình nói thẳng thắn về những gì quá thịnh hành trong nền văn hóa đương đại Mỹ. Đó là: tình dục ngoài hôn nhân, sống chung trước khi cưới, những người cha/mẹ độc thân, các bà mẹ đi làm, hôn nhân quá sớm, việc cha mẹ quá nuông chiều con cái, cái chết êm ái cho những người mắc bệnh nan y, li dị dù không ai có lỗi và hôn nhân đồng tính... Chương trình của bà thường tập trung vào những đoạn bình luận ngắn về những vấn đề trên và các chủ đề xã hội và chính trị khác sau những câu trả lời trực tiếp, thẳng thắn và hợp lý rất đặc trưng của bà cho những câu hỏi do thính giả gọi đến hoặc những khúc mắc đạo đức khác. Bà cũng là tác giả của nhiều cuốn sách kỹ năng sống, trong đó nổi tiếng là cuốn Mười điều Ngu ngốc Phụ nữ làm để Xáo trộn Cuộc sống của Họ và nhiều cuốn sách về tôn giáo. Sách của bà vừa được ưa chuộng lại vừa gây nhiều tranh cãi. Tuy nhiên, chương trình truyền hình Bác sỹ Laura đã không thành công và đã bị hủy.

3. Howard Stern: Howard Allan Stern (sinh ngày 1 tháng 12 năm 1954 ở Roosevelt, Long Island, New York) là một nhân vật nổi tiếng trong giới truyền thanh Mỹ. “Vị Vua của tất cả các phương tiện truyền thông” tự phong này đã được gán cho một cái tên lóng vì sự hài hước về tình dục và chủng tộc khá sàm sỡ và gây nhiều tranh cãi của mình. Ông cũng là nhân vật trên radio được trả thù lao hậu hĩnh nhất ở Mỹ và là người nổi danh và giỏi nhất trong lịch sử truyền thanh. Các chương trình truyền hình phát sóng trên mạng lưới quốc gia Mỹ có chương trình Howard Stern Show (từ năm 1990 - 2005 trên kênh E!) và chương trình Howard Stern Radio Show (1998-2001

trên CBS). 4. A&E: Mạng lưới truyền hình A&E Network là một mạng lưới truyền hình cáp và vệ tinh có trụ sở tại New York, Mỹ. Mạng lưới truyền hình này, với các chương trình chủ yếu về sinh học, phim tài liệu và các sêri phim truyền hình, đã mở rộng ra thêm các chương trình truyền hình khác và có lượng khán giả đến hơn 85 triệu hộ gia đình tại Mỹ. A&E là liên doanh giữa Hearst Corporation với tỷ lệ vốn 37,5%, ABC, Inc. (Disney sở hữu), 37,5%; và NBC Universal, 25%. 5. QVC: là một tập đoàn đa quốc gia có trụ sở tại West Chester, Pennsylvania, Mỹ, chuyên về các chương trình mua sắm trên truyền hình tại gia. Do Joseph Segel sáng lập năm 1986, QVC phát sóng ở bốn quốc gia chính tới 141 triệu người tiêu dùng. Tên tập đoàn là viết tắt của cụm từ “Quality, Value, Convenience” (Chất lượng, Giá trị, Sự tiện lợi) - ba ý chính trong tầm nhìn của người sáng lập về công ty. 6. Showtime: là một thương hiệu truyền hình thuê bao do một số kênh truyền hình và hệ thống truyền hình sử dụng trên khắp thế giới, nhưng chủ yếu đề cập đến một nhóm các kênh truyền hình tại Mỹ. 7. Nickelodeon: (gọi tắt là Nick) là một mạng lưới truyền hình cáp dành cho trẻ em. Nơi có mạng lưới truyền hình Nickelodeon đầu tiên là Mỹ, tuy nhiên hiện nay nhiều nước khác cũng đã phát triển mạng lưới này: Nhật, Úc, và Anh. 1. Citicorp: Tập đoàn có tiền thân là Citibank (thành lập năm 1812 với tên ban đầu là City Bank của thành phố New York). Năm 1894, ngân hàng này trở thành ngân hàng lớn nhất nước Mỹ. Năm 1902 nó dần mở rộng phạm vi hoạt động ra toàn cầu và trở thành ngân hàng lớn đầu tiên của Mỹ có một văn phòng ở nước ngoài. Đến năm 1930 Citibank trở thành ngân hàng lớn nhất thế giới với 100 chi nhánh ở 23 nước, chưa kể nước Mỹ. Ngân hàng này đổi tên thành The First National City Bank of New York vào năm 1955, sau đó lại đổi thành First National City Bank vào năm 1962, và thành Citibank năm 1976. Vào năm 1981, Citibank đã mở thêm một công ty con ở South Dakota để tận dụng những ưu thế do các luật mới đem lại, theo đó mức lãi suất tối đa đối với các khoản vay là 25% (lúc đó là cao nhất nước Mỹ). Citibank là một trong những ngân hàng đầu tiên của Mỹ giới thiệu máy rút tiền tự động vào những năm 70 của thế kỷ 20 để giảm số lượng nhân viên giao dịch và giúp khách hàng có thể tiếp cận các tài khoản của mình 24/24. Citibank hiện là chi

nhánh dịch vụ ngân hàng cho công ty và cá nhân của tập đoàn dịch vụ tài chính khổng lồ Citigroup, tập đoàn lớn nhất thế giới trong ngành này. Ngoài các giao dịch ngân hàng thông thường, Citibank cũng có các sản phẩm đầu tư, bảo hiểm và thẻ tín dụng. Các dịch vụ trực tuyến của họ là một trong những dịch vụ thành công nhất trong ngành ngân hàng với khoảng 15 triệu người sử dụng.

1. Nursing Home for Dying Brands: có lẽ đây là tên lóng dành cho các công ty dịch vụ chuyên về tái định vị thương hiệu.
2. Kraft: thương hiệu tập đoàn Kraft Foods: Kraft có trụ sở chính tại Glenview, Cook County, bang Illinois, Mỹ. Tại Mỹ, tập đoàn này nổi tiếng với các sản phẩm pho mát, nhất là thương hiệu Kraft Macaroni và pho mát Kraft Dinner. Các thương hiệu khác xuất hiện tại nhiều thị trường trên thế giới như Dairy Lea (ở Anh), Jacobs (cà phê), Suchard, Baker's, Toblerone, Daim, sữa Milka, Miracle Whip, Philadelphia, Vegemite, Velveeta, Oscar Mayer, món tráng miệng Jell-O Gelatin, Planters, bột ngũ cốc Post Cereals, thạch Knox, Stove Top, Kool-Aid, và Capri Sun (chỉ có ở Bắc Mỹ). Ở Đức, tập đoàn này nổi tiếng với Miracoli, một sản phẩm mỳ Ý ăn liền được phát triển từ những năm 60, cũng như Kaffee Hag. Digiorno, một loại bánh pizza để lạnh (còn có tên khác là Delissio ở Canada).
1. Quảng cáo (advertising) và quảng bá (publicity) giống nhau ở chỗ chúng đều là những thông tin tuyên truyền về một công ty và sản phẩm của công ty; điểm khác nhau là: thông tin quảng cáo do chính công ty bỏ tiền thuê một diện tích trên báo/ tạp chí hay một thời lượng phát sóng trên tivi/ radio, còn thông tin quảng bá do các cơ quan truyền thông đại chúng đưa tin một cách tích cực về công ty và sản phẩm như một dạng thông tin thông thường. Trên lý thuyết công ty đó không phải trả khoản chi phí nào cả. Tâm lý người tiêu dùng thường cho rằng quảng bá đáng tin cậy hơn quảng cáo.
2. D'Arcy, Masius Benton & Bowles: Công ty quảng cáo của Mỹ.
4. Groupware là phần mềm mà một nhóm người sử dụng chung với nhau trên hệ thống mạng nội bộ và mạng Internet. Nó hoạt động trên nguyên tắc sử dụng mạng máy tính để giúp các người dùng nâng cao hiệu quả các sản phẩm của họ bằng cách cộng tác và chia sẻ thông tin. Thư điện tử là một hình thức của groupware. Nó cho phép các người dùng liên lạc với các người dùng khác, hợp tác hoạt động, và chia sẻ các thông tin một

cách dễ dàng. Thư điện tử là hệ thống nền tảng và hệ thống truyền tải dữ liệu của nhiều trình ứng dụng groupware. Ứng dụng groupware gần đây nhất là Wikipedia – Bách khoa toàn thư mở.

4. Giá trị thương hiệu của Coca-Cola năm 2005 theo đánh giá của hãng Interbrand: 67,525 tỷ đô-la. Xin xem thêm chú dẫn số 12.

1. Trong nhiều năm trở lại đây, mỗi năm Interbrand đưa ra một danh sách 100 thương hiệu hàng đầu thế giới. Theo danh sách mới nhất của năm 2005 thì Coca-Cola vẫn giữ vững vị trí số 1 (bốn năm liên tiếp) với giá trị thương hiệu là 67,525 tỷ đô-la. Thương hiệu đứng thứ 100 trong danh sách này là Heineken với giá trị thương hiệu là 2,35 tỷ đô-la.

2. Stock option: Quyền ưu đãi mua cổ phiếu. Đây được coi như một trong số những đãi ngộ đặc biệt dành cho các nhân viên (phổ biến ở cấp quản trị). Hiện nay trong đàm phán về các lợi ích về lương bổng của nhân viên, stock option được coi như một mục, ngoài lương cơ bản, thưởng, những chuyển nghỉ dưỡng do công ty tổ chức, bảo hiểm...

3. Theo Danh sách 100 thương hiệu hàng đầu thế giới của Interbrand năm 2005, giá trị thương hiệu Yahoo! là 5,256 tỷ đô-la, xếp thứ 58. Giá trị của AOL năm 2004 là 3,248 tỷ đô-la, nhưng đến năm 2005 thương hiệu này đã không còn chỗ đứng trong danh sách 100 thương hiệu hàng đầu thế giới nữa.

5. Sock Puppet: Thương hiệu một loại rối tất. Sock puppet cũng là tên gọi của loại con rối này, cách chơi rối này cũng rất đơn giản: cho tay vào một chiếc tất, với các cử động của các ngón tay, nhất là ngón cái và ngón trỏ, chiếc tất sẽ như có mắt mũi miệng và “nói” thực sự với thuật nói tiếng bụng của người biểu diễn. Đôi khi người ta còn rạch hẳn một đoạn tất để làm miệng cho con rối. Người biểu diễn rối tất thường giấu mình sau một bụi và chỉ giơ tay lên để lộ con rối.

6. Prince: ca sỹ Prince (tên khai sinh Prince Rogers Nelson sinh ngày 7 tháng 6 năm 1958 ở Minneapolis, Minnesota): ca sỹ, người viết bài hát, nhà sản xuất băng đĩa và nhạc công (có thể chơi nhiều loại nhạc khí) được yêu thích và có ảnh hưởng. Âm nhạc của anh đã góp phần phát triển thêm nhiều biến thể của những kiểu nhạc khuôn mẫu như funk, pop, rock, R&B/soul, và hip hop, và anh được coi là “Linh hồn của Minneapolis”. Prince đổi tên mình thành một dấu hiệu không thể đánh vần được vào năm 1993, nhưng đã lấy lại cái tên Prince vào năm 2000.

1. Đây là mức giá quảng cáo tại thời điểm tác giả viết

cuốn sách này. 1. Ý nói người đọc học cách tạo dựng thương hiệu của mình trên Internet khi đọc cuốn sách này, chỉ cần bỏ ra một số tiền mua sách rất khiêm tốn so với khoản phí phải trả cho nhà tư vấn xây dựng thương hiệu.

1. Mickey D: Tên gọi lóng của hãng McDonald's. 2. Credit Suisse First Boston: Credit Suisse First Boston (CSFB) là một hãng cung cấp các dịch vụ tài chính và đầu tư ngân hàng. Nó là một phần của tập đoàn Credit Suisse và thực tế sẽ được đổi tên thành Credit Suisse vào tháng 1 năm 2006. Hãng này phục vụ cho ba nhóm khách hàng khác nhau: các khách hàng quan tâm đến định chế, đầu tư ngân hàng và quản lý đầu tư. Nhóm khách hàng định chế sẽ được những bộ phận sau của công ty phục vụ: CSFB HOLT, Equities, Fixed Income, Life Finance, Prime Services, và Research. Nhóm khách hàng đầu tư ngân hàng sẽ tiếp cận với các bộ phận: Mergers & Acquisitions Equity Capital Markets, Debt Capital Markets, Private Placement, Leveraged Finance, Industry Experience, và Regional Presence. Nhóm khách hàng quản lý đầu tư sẽ được các bộ phận sau của tập đoàn chăm sóc: Alternative Capital, Asset Management, CSFB VOLARIS, và Private Client.

3. Yogi Berra: Lawrence Peter "Yogi" Berra (sinh ngày 12 tháng 5 năm 1925) là một cựu quản lý và cầu thủ chơi vị trí bắt bóng tại Liên đoàn Bóng chày Mỹ, hầu như trong suốt sự nghiệp của mình chơi cho đội New York Yankees. Anh là một trong bốn cầu thủ đạt danh hiệu Cầu thủ Giá trị nhất của Liên đoàn Bóng chày Mỹ ba lần, và là một trong sáu người quản lý đã đưa đội bóng chày Mỹ và Liên đoàn Bóng chày quốc gia Mỹ đến với giải thi đấu quốc tế World Series. Anh được coi là một trong những cầu thủ chơi vị trí bắt bóng giỏi nhất trong lịch sử. Berra cũng khá nổi tiếng với xu hướng dùng từ sai nghĩa một cách buồn cười và tách rời ngôn ngữ tiếng Anh để trêu chọc người khác một cách duyên dáng. Chính xu hướng này của anh là nguồn gốc của từ Yogiisms (chủ nghĩa Yogi). Yogi đã được tạp chí Economist bầu chọn danh hiệu Người gốc Thông thái nhất trong 50 năm qua vào tháng 1 năm 2005.

1. BMW = Bavarian Motor Works, có nghĩa là nhà máy sản xuất ô tô tại bang Bavaria (miền nam nước Đức), nguyên gốc tiếng Đức là Bayerische Motorewerke. 2. Ý nói khăn tay bằng vải thông thường sau khi dùng xong lại được cho vào túi, như vậy không vệ sinh, khác

gì cho bệnh cảm vào túi. Cho nên hãy dùng khăn giấy, xong là vứt đi. 3. Người này đồng nhất khăn giấy với Kleenex nên vẫn gọi đó là cái Kleenex, dù thực tế nó hiệu Scott. Đó là khi một danh từ riêng được sử dụng như một danh từ chung. 1. Philips NV: Koninklijke Philips Electronics N.V. (Royal Philips Electronics N.V). (tức Công ty Điện tử Hoàng gia Philips), thường được gọi là Philips, là một trong những công ty điện tử lớn nhất thế giới. Doanh thu năm 2004 của công ty này là 30,3 tỷ Euro và số nhân viên là hơn 159.000 người trên hơn 60 quốc gia. Philips được tổ chức thành một số bộ phận: hàng điện tử tiêu dùng Philips, hàng bán dẫn Philips, đèn Philips, các hệ thống máy móc y tế Philips và các thiết bị gia dụng và chăm sóc cá nhân Philips. 2. Đây là thông tin vào năm cuốn sách được viết. Thực tế hiện nay các công ty dotcom đang sống lại. Công nghiệp kinh doanh trực tuyến trên toàn cầu, trong đó có Việt Nam, đang hồi sinh cùng các dịch vụ miễn phí. Dịch vụ email Yahoo chẳng hạn, đang phải cạnh tranh gay gắt với dịch vụ thư điện tử mới Gmail của Google. 1. Năm 1942, Coca-Cola đã tiến hành chiến dịch quảng cáo có tên “Chỉ có một thứ duy nhất giống như Coca-Cola, đó là chính bản thân Coca-Cola. Đó là hàng thật”. (The only thing like Coca-Cola is Coca-Cola itself. It’s the real thing”). Năm 1970, điệp khúc “hàng thật” trong khẩu hiệu đó được hát trong các đoạn quảng cáo trong khoảng một năm. 1. Marshall McLuhan: Herbert Marshall McLuhan (21/7/1911 - 31/12/1980) là nhà giáo dục, triết gia và học giả người Canada, là giáo sư ngành văn học Anh, phê bình văn học và là nhà lý luận giao tiếp, là một trong những nhà sáng lập ngành sinh thái học truyền thông và hiện là chuyên gia danh dự trong giới những người yêu thích kỹ thuật. 1. Greyhound: Greyhound Lines là công ty xe bus vận chuyển hành khách trong nội thị lớn nhất ở Bắc Mỹ có đến 2.200 điểm đến tại Mỹ. Công ty được thành lập ở Hibbing, bang Minnesota vào năm 1914 và chính thức trở thành Tập đoàn Greyhound năm 1926. Hiện nay, công ty đóng trụ sở chính tại Dallas, bang Texas. Tên và logo công ty lấy theo tên loài chó Greyhound, giống chó chạy nhanh nhất được nuôi để chạy thi trong các cuộc đua chó. 1. Cho đến thời điểm này Yahoo! đã mất vị trí website tìm kiếm thông tin hàng đầu vào tay Google dù đã liên kết với Goolge vào tháng 6 năm 2000. Sự nổi

lên nhanh chóng của Google được coi là một hiện tượng trong các công ty dotcom. Google do Larry Page và Sergey Brin sáng lập vào tháng 9 năm 1998. Cuối năm 2000, mỗi ngày có đến 100 triệu yêu cầu tìm kiếm thông tin được thực hiện tại Google.com.

2. Theo danh sách 100 thương hiệu mạnh nhất năm 2005 của Interbrand, thương hiệu giá trị nhất trên Internet là eBay đứng thứ 55 trên tổng sắp với giá trị 5,701 tỷ đô-la, trong khi Yahoo! có giá trị thương hiệu là 5,256 tỷ đô-la (đứng thứ 58).

3. Câu chuyện thành công của Google: mặc dù ra đời sau Yahoo!, Google đang dần chiếm lĩnh vị trí nhà cung cấp dịch vụ tìm kiếm thông tin trực tuyến hàng đầu. Google cũng mới tung ra dịch vụ email miễn phí Gmail cạnh tranh với dịch vụ email của Yahoo!.

1. Sears, Roebuck and Co, công ty bán lẻ hàng đầu ở Mỹ trong suốt thế kỷ 20. Sears bán nhiều loại hàng tiêu dùng, trong đó có đồ dệt may, các thiết bị, dụng cụ, linh kiện ô tô và đồ gia dụng. Công ty này có trụ sở tại Hoffman Estates, Illinois gần Chicago. Tập đoàn Sears Holdings Corporation là hãng bán lẻ lớn thứ ba ở Mỹ, chỉ sau Wal-Mart và The Home Depot. Công ty này thành lập năm 2005 sau khi Sears, Roebuck and Company of Hoffman Estates, Illinois được Tập đoàn Kmart Corporation ở Troy, Michigan mua lại. Trụ sở tập đoàn vẫn tiếp tục đóng tại Hoffman Estates, và tập đoàn vẫn giữ thương hiệu Kmart. Sears Holdings có khá nhiều thương hiệu độc quyền như: công cụ Craftsman, các thiết bị Kenmore, pin ô tô DieHard, các vật dụng trang trí nhà cửa có thương hiệu Martha Stewart, quần áo thương hiệu Jaclyn Smith, quần áo thương hiệu Sesame Street, quần áo và đồ trang sức hiệu Thalia Sodiand, quần áo hiệu Lands' End, quần áo hiệu Route 66, đồ lót hiệu Joe Boxer.

1. Tài sản của một công ty, ngoài tài sản lưu động (current assets) và tài sản cố định (fixed assets) còn có tài sản vô hình hay tài sản phi vật thể (intangible asset). Đó là tên tuổi của công ty (goodwill) và là một thứ tài sản có thể đem ra kinh doanh được.

2. Chaebol = tập đoàn tài phiệt; đây là loại conglomerate (tập đoàn đại xí nghiệp) của Hàn Quốc, quản lý theo lối gia đình, khống chế nền kinh tế Hàn Quốc và phát triển từ việc kế thừa hình thức tập đoàn Zaibatsu (tài phiệt) của Nhật độc quyền khống chế nền kinh tế Triều Tiên sau Thế chiến II.

(1) Công phu bất phụ tâm nhân nghĩa là không phụ người bỏ công sức ra.

(1) Giả tượng: bày ra hiện tượng giả 1. Toastmasters International: một tổ chức điều hành rất nhiều câu lạc bộ trên khắp thế giới, nhằm mục đích phát triển kỹ năng nói trước công chúng cho các thành viên của tổ chức này.) 2. Stephen D. Solomon và Julie Sloane, “Mười bộ não hàng đầu,” tạp chí Fortune Small Business, số ra ngày 1 tháng 12 năm 2002. 3. “Tương lai nào cho doanh nghiệp nhỏ” – Richard Oliver và Trung tâm nghiên cứu, thống kê hiện trạng doanh nghiệp vừa và nhỏ. 1. William Wordsworth (1770-1850): Nhà thơ lãng mạn người Anh – BT. 1. Cả ba câu nói bằng tiếng Anh, Pháp, Nga trên đây đều có nghĩa là: Anh/Em yêu em/anh bằng cả trái tim mình. 1. Bài đăng trên Vnexpress ngày 18 tháng 1 năm 2010 với tựa đề Tuổi nào cũng có thể làm giàu. 1. Nghĩa là: Người không học (sẽ) không hiểu lý lẽ/ Trẻ không học (thì) khi già không biết làm gì cả. (Tam Tụng Kinh) 1. Lời tòa soạn của tạp chí Trí tri. 1. Bài đăng trên báo Phụ nữ thành phố Hồ Chí Minh ra ngày 01/12/2009 với tên Làm gì để Khởi nghiệp. 1. Boxtton Matrix là một công cụ nổi tiếng mà các giám đốc marketing áp dụng. 1. J.R.R Tolkien là một nhà văn Anh, tác giả của hai cuốn truyện nổi tiếng và được ban đọc ưa thích nhất là Người Hobbit và Chúa tể của những chiếc nhẫn. 1. Việc phân biệt chủng tộc phổ biến tại Mỹ, tại Việt Nam không phổ biến lắm (N.D). 1 pyoung = 3,3 m2. CNY (Chinese Yuan): Đồng nhân dân tệ của Trung Quốc Extra-VIP (Extra Very Important Person): những người... “siêu quan trọng”. MBA (Master of Business Administration): Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh. “Rump” có nghĩa là mông (ở động vật), phao câu (ở chim). “Rump” đọc là “Răm”. “Inch”: đơn vị đo chiều dài của Anh, 1inch = 2.54 cm “Red” nghĩa là màu đỏ “Milk” có nghĩa là “sữa” “Nothing” có nghĩa là “không có gì”, “không gì cả”. Pound: đơn vị đo khối lượng của Anh, 1 pound = 0.452592 kg. Nguyên văn: “Where There’s a Will, There’s No Way.” Đây là nói trại từ câu thành ngữ “Where There’s a Will, There’s A Way” (Có chí thì nên), tác giả hàm ý mỉa mai, chua chát trước hoàn cảnh bất lực của mình. 1 Hình 7.7 đưa ra một ví dụ. Khối lượng khớp lệnh khổng lồ và mức giảm giá mạnh của cổ phiếu Capital One Financial vào đầu tháng 10 năm 1998 mô tả một kỷ lục về khối lượng khớp lệnh lớn. Mức giá thấp nhất cho thấy giá cổ phiếu sẽ đổi chiều đi lên. Khối lượng khớp lệnh thường là dấu hiệu then chốt để chỉ sự

chuyển hướng thị trường. 3 Bảng 12.1 xuất hiện ở ví dụ. (*) Greenpeace là tổ chức bảo vệ môi trường quốc tế, được thành lập ở Vancouver, Canada năm 1971. Greenpeace nổi tiếng trong các chiến dịch bảo tồn cá voi. Những năm sau này, Greenpeace quan tâm nhiều đến các vấn đề môi trường như: sự nóng lên toàn cầu, năng lượng nguyên tử, bảo vệ rừng cổ sinh, ... (*) Rogers, E M và Kincaid, D L (1981) Communication Networks: Hướng đến một kiểu mẫu nghiên cứu mới, The Free Press, New York. (1) Do J M McLeod và S H Chaffee đề nghị đầu tiên (1977) trong chương 'Những cách tiếp cận cá nhân đến nghiên cứu truyền thông' của tác phẩm American Behavioural Scientist, nhưng sau đó đã được chắt lọc và ứng dụng đặc biệt vào PR. (2) Do E Katz và P F Lazarsfeld đề xuất lần đầu tiên trong Personal Influences, Free Press, Glencoe. (3) Xem Windahl, Signitzer, B với Olson, J (1991) Using Communication Theory, Sage, London để được giải thích thêm. (4) Grunig, J E và Hunt T (1984) Managing Public Relations, Holt, Rinehart & Winston, New York.

1. Lacrosse: Môn thể thao dùng vợt để bắt và ném bóng

1. Carl Lewis: vận động viên điền kinh người Mỹ, đã đạt 4 huy chương vàng tại Olympic Los Angeles (Mỹ) năm 1984 ở các nội dung 100m, 200m, nhảy xa và chạy tiếp sức 4 x 100m.

1. Walt Whitman (1819 - 1892): Nhà thơ, nhà báo, nhà nhân văn, nhà cải cách thơ người Mỹ, tác giả của tập thơ Lá cỏ nổi tiếng Mạch thượng tang: nghĩa là dâu trên ruộng, là tên một khúc từ được chép trong Nhạc phủ thi tập thời Hán, bài hát nói về một cô gái hái dâu đã nhanh trí từ chối yêu cầu vô lý của viên thái thú. Tiêu đề này còn ám chỉ tới cuộc gặp gỡ ven bờ ruộng của nhân vật Tang Thanh. Có nghĩa là đình mười dặm. Giang Nam Bắc: ý chỉ toàn bộ vùng lưu vực sông Trường Giang. Ngày mùng Bảy tháng Bảy âm lịch, còn gọi là Thất tịch, là ngày lễ tình yêu của Trung Quốc gắn liền với câu chuyện Ngưu Lang, Chức Nữ. Chức Nữ là cô em út trong bảy nàng tiên, vì bị một người trần là chàng chăn bò Ngưu Lang trộm váy áo khi đang tắm nên đã phải ở lại làm vợ chàng. Nhưng sau đó Thiên Hoàng (Thiên Hậu) đã chia cắt hai vợ chồng họ bằng một dòng sông lớn (dải Ngân Hà) khiến mỗi năm họ chỉ gặp được nhau một lần vào đêm mùng Bảy tháng Bảy. Ở các nước chịu sự ảnh hưởng của nền văn hóa Trung Hoa, người ta vẫn coi ngày này là ngày lễ tình nhân, bày lễ cầu xin chuyện

tình ái được như ý. Lạc Dương: nằm bên bờ sông Lạc Hà, thuộc đồng bằng trung tâm Trung Quốc Ba câu này đều trích từ một bài kệ Trung quán luận của Long Thọ thiền sư. Đại ý bài kệ nói về tính không tuyệt đối của vạn vật, không có khởi đầu cũng không có kết thúc. Hán Vũ Đế: Lưu Triệt (156 TCN - 87 TCN), hoàng đế thứ bảy nhà Tây Hán, trị vì trong khoảng 140 TCN - 87 TCN. Là vị hoàng đế tài ba và có thời gian trị vì lâu thứ ba trong lịch sử Trung Quốc chỉ sau Khang Hy và Càn Long thời Thanh. Dưới triều đại Vũ Đế, uy danh nhà Tây Hán lên đến mức cực thịnh. Đông Phương Sóc (154 TCN - 93 TCN): học giả nổi tiếng thời Hán Vũ Đế, là người đa mưu túc trí, tinh thông văn sử, nhưng cũng nổi tiếng với tính cách hài hước và tài châm biếm. Ông được vua trọng dụng nhưng không được đề bạt và bị liệt vào dạng lộng thân. Hôi trong Kiếp Hôi nghĩa là tro bụi. Kinh Lăng Nghiêm. Phẩm thọ lượng thứ 31. Phù Tang: tên gọi của nước Nhật Bản thời cổ đại. Trung Nguyên: chỉ Trung Quốc, theo quan niệm của người xưa, nền văn minh Hoa Hạ là trung tâm của thế giới. Nguyên văn: “Ngôn hạ vong ngôn nhất thời liễu. Mộng trung thuyết mộng lưỡng trọng hư”. Trích hai câu trong bài Độc thiên kinh (Độc kinh thiên) của tác giả Bạch Cư Dị. Đại ý: Lời nói khi đã nói ra rồi thì cũng chẳng khác gì mộng trong giấc mộng, tất cả đều là hư ảo. Nguyên văn: “...Quân tu tảo chiết, nhất chi nùng diễm, mạc đãi quá phương phi. Tứ trương ky, uyên ương chức tộ dục song phi, khả liên vị lão đầu tiên bạch. Xuân ba bách thảo, hiếu hàn thâm xử, tương đối dục hồng y.” Nguyên văn: “... Ngũ trương ky, phương tâm mật dữ xảo tâm kỳ. Hợp hoan thụ thượng chi liên lý, song đầu hoa hạ, lưỡng đồng tâm xử, nhất đối hóa sinh nhi. Lục trương ky...” Cửu trương ky là tên một khúc từ thời Tống, được ghi chép trong Nhạc phủ nhã từ dưới tên tác giả Vô danh thị. Cửu trương ky là chín khung cử, chỉ việc dệt vải. Trong tiếng Trung, ti là sợi, đồng âm với tư là nhớ, người xưa hay dùng việc dệt vải để nói về tình cảm yêu đương nhưng nhớ. Nguyên văn: “Nhập ngã tương tư môn, tri ngã tương tư khổ. Trường tương tư hề, trường tương ức. Đoản tương tư hề, vô cùng tẫn.” Dựa trên bốn câu thơ trong bài Trường tương tư (Nhớ nhau đặng đặng) của tác giả Lương Ý Nương (Hậu Chu - Ngũ Đại). Nguyên tác: “Nhập ngã tương tư môn, tri ngã tương tư khổ. Trường tương tư hề, trường tương tư.

Trường tương tư hề, vô tận cực.” Dịch thơ: “Bước vào cửa tương tư, mới biết tương tư khổ. Tương tư hoài, dài tương tư. Tương tư dài, dài khôn xiết.” Người dịch: Vũ Ngọc Khánh. Nguyên văn: “Xuân y. Tố ti nhiệm tự dĩ kham bi. Trần thế hôn ô vô nhan sắc. Ứng đồng thu phiến, tòng tư vĩnh khí, vô phục phụng quân thì. Ca thanh phi lạc họa lương trần. Vũ bãi hương phong quyển tú nhân. Canh dục lữ thành ti thượng hận, tôn tiên hốt hữu đoạn tràng nhân. Liễm mệ nhi quy, tương tương hảo khứ...” Bích loa xuân: Một trong mười loại trà nổi tiếng của Trung Quốc, xuất xứ từ vùng Động Đình sơn, Thái Hồ, tỉnh Giang Tô. Có nghĩa là ngọc phù tím. Có nghĩa là cờ đầu điều. Giang Đông: khu vực phía đông Trường Giang, còn gọi là Giang Tả. Người Dương gia được nhắc tới có thể là gia tộc Dương Nghiệp đời Bắc Tống, vốn nổi danh với hầu hết thành viên trong gia đình đều là những tướng tài có công với đất nước, trong đó nổi tiếng nhất là truyền thuyết sáu vị cha con huynh đệ hy sinh trong trận chiến chống Liêu và sau đó là đội quân báo thù của các vị quả phụ, tự xưng là Dương gia nữ tướng. Lương Châu: thuộc Cam Túc, nằm ở phía Tây Bắc Trung Quốc, giáp Mông Cổ về phía Bắc, là nơi tập trung nhiều người Hồi. Có nghĩa: gặp là hoảng hốt. Có nghĩa: đẹp dễ mê hồn. Nguyên văn: “Hoàn quân minh châu song lệ thù. Hận bất tương phùng vị giá thì.” Hai câu cuối trong bài Tiết phụ ngâm (Bài ca người đàn bà đức hạnh) của tác giả Trương Tích (đời Đường). Bài thơ nói về tâm tình của một người phụ nữ đã có gia đình vì giữ trọn đạo vợ chồng mà từ chối tình cảm của người khác. Dương Châu: thuộc tỉnh Giang Tô, Đông Nam Trung Quốc, nằm bên bờ bắc sông Trường Giang, từ xưa đã nổi danh là nơi giàu có và nhiều chốn ăn chơi. Thiếu lâm tự: Chùa Thiếu Lâm, thuộc địa phận Trịnh Châu, tỉnh Hà Nam, nổi tiếng nhờ mối liên hệ với Phật giáo Thiên tông và võ thuật. Thường xuất hiện trong truyện võ hiệp dưới danh nghĩa “Võ lâm Bắc đẩu” - nơi lãnh đạo võ lâm giang hồ. Đỉnh Vạn Phật: là đỉnh núi cao nhất của ngọn núi chính Kim Đỉnh thuộc dãy núi Nga Mi với độ cao 3.099m. Nga Mi: Dãy Nga Mi hay còn gọi là dãy núi Đại Quang Minh nằm ở phía Trung Nam tỉnh Tứ Xuyên thuộc miền Tây Trung Quốc, là một trong Tứ đại Phật giáo danh sơn, là đạo tràng của Phổ Hiền bồ tát. Xuyên, Thục: đều chỉ vùng đất Tứ Xuyên nằm ở phía tây nam Trung

Quốc, trước thời Tần đây là đất của hai nước chư hầu Thục và Ba nên còn có tên là Ba Thục, vùng này nổi tiếng núi non hiểm trở, khó đi lại. Có nghĩa là ếch gảy đàn. Lưu thủy: tên một khúc đàn cổ, chỗ này tác giả chơi chữ, có thể hiểu là dòng nước cũng có thể hiểu là khúc nhạc Lưu thủy. Nguyên văn: “Thục tăng bảo lục ý. Tây hạ Nga Mi phong. Vị ngã nhất huy thủ. Như thính vạn hác tùng. Khách tâm tẩy lưu thủy. Dư hưởng nhập sương chung. Bất giác bích sơn mộ. Thu vân ám kỷ trùng.” Nguyên tác Thính Thục tăng Tuấn đàn cầm của tác giả Lý Bạch (thời Đường). Dịch thơ Nghe nhà sư đất Thục tên Tuấn gảy đàn. Người dịch: Nguyễn Phước Hậu. Lý Bạch (701-762): nhà thơ nổi tiếng thời Đường, thường được gọi là Thi tiên Bá Nha người đất Tấn, gặp và kết bạn với Chung Tử Kỳ ở Hán Dương, cả hai đều là những người giỏi về âm luật. Về sau, Tử Kỳ bệnh chết, Bá Nha đập đàn thề không chơi nữa. Ở đây ý nói đến tình tri âm tri kỷ. Sử ký: Hàn Yên là cháu Cung Cao Hầu, lúc còn nhỏ là thư đồng của Hán Vũ Đế, sau được vua sủng ái, trở nên cực kỳ giàu có, ở Trường An dùng vàng làm đạn săn bắn, người nghèo luôn đi sau, đánh giết lẫn nhau để nhặt vàng rơi. Ngũ Lăng: vùng đất phía Tây kinh thành Trường An thời Hán, Đường, nay là thành phố Tây An phía bắc tỉnh Thiểm Tây. Ở đó có lăng mộ năm vua Hán, về sau tập trung nhiều quan lại quý tộc. “Ngũ lăng niên thiếu” chỉ con nhà giàu sang quyền quý. Theo Sử ký thì Đặng Thông là bày tôi yêu quý của Hán Văn Đế, có lần bị thầy bói bảo sau này chết đói, vua nghe được bèn ban cho núi Thục, cho phép tự đúc tiền tiêu, gọi là tiền Đặng Thông. Bang hội buôn muối Giang Nam. Trại buôn ngựa miền Bắc. Vua trên vùng biển phía nam. Đường Môn: Thường xuất hiện trong tiểu thuyết võ hiệp như một môn phái chuyên dùng độc ở Tứ Xuyên. Nguyên văn: “Lai thị không ngôn khứ tuyệt tung. Cánh cách Bồng Sơn nhất vạn trùng.” Trích câu đầu và câu cuối của bài Vô đề tứ thủ kỳ 1(Bài đầu trong bốn bài thơ không đề) của tác giả Lý Thương Ẩn (thời Đường). Đại ý: Bài thơ nói về một mối quan hệ tình cảm (không nhất thiết là tình yêu nam nữ) xa cách và nỗi lòng của người bị bỏ lại không biết cách nào tìm kiếm cố tri. Ở đây Vi Trường Ca có ý so sánh với câu chuyện gặp gỡ của Hoa Hòa Thượng với người phụ nữ lạ. Giờ Ngọ: từ khoảng 11 giờ trưa đến 1 giờ chiều, chính ngọ là lúc giữa trưa. Hán Dương: thuộc tỉnh

Hồ Bắc, phía Đông Nam Trung Quốc, nằm phía tây Trường Giang. Thạch Thành: tên gọi khác của thành Nam Kinh tỉnh Giang Tô, nằm phía đông Trường Giang. Nguyên văn: “Thiên địa chi du du”, trích từ câu “Niệm thiên địa chi du du” trong bài Đăng U Châu đài ca (Bài ca lúc lên đài U Châu) của tác giả Trần Tử Ngang (thời Đường). Nguyên văn: “Lậu đoạn nhân sơ tĩnh”. Trích câu thứ hai trong Bài từ theo điệu Bốc toán tử của tác giả: Tô Thức (thời Tống). Trong tiếng Trung, “trình” và “thành” đồng âm, đều đọc là “chéng”. Lãng Châu: địa danh cổ thuộc tỉnh Tứ Xuyên, phía Tây Nam Trung Quốc. Cúng tuần, còn gọi là tuần thất, tiến hành bảy ngày một lần và lập lại bảy lần. Đêm cúng tuần đầu tiên là đầu thất, đêm cúng tuần cuối (49 ngày) là chung thất, đây là đêm cúng tuần đầu tiên. Nguyên văn: “Kim phong ngọc lộ nhất tương phùng. Tiện thẳng khước nhân gian vô số.” Trích hai câu trong Bài từ theo điệu Thước kiều tiên của tác giả Tần Quán (thời Tống). Đại ý: Khổ đầu gồm năm câu của bài từ này đều có ý ám chỉ tới câu chuyện Ngưu Lang - Chức Nữ. Ý của hai câu này là làm tiên dù một năm chỉ gặp nhau được một lần thì niềm hạnh phúc vẫn hơn hẳn làm người trần ngày ngày ở bên nhau. Lý Thành Nhiên nói như vậy để nhắc tới tình cảnh của hã và Tang Thanh, muốn ở bên nhau mà không muốn chịu khổ. Đi và chạy, trong tiếng Trung đều dùng chữ: “走” (zou). Hoa sơn chi: còn gọi là hoa dành dành, thường nở vào mùa hè, có sáu cánh uốn cong màu trắng, mùi rất thơm, trông khá giống hoa trà. Nguyên văn: “Xuân thảo mộ hê thu phong kinh, thu phong bãi hê xuân thảo sinh, khí la tất hê trì quán tẫn, cầm sắt diệt hê khâu lũng bình. tự cổ giai hữu tử, mạc bất ẩm hận nhi thôn thanh...” Trích từ bài Phú hận (Bài phú về nỗi oán hận) của tác giả Giang Yêm (Lương - Nam Bắc triều). Mộng tiêu lộc: sách Liệt tử chép nước Trịnh có người thợ săn bắt được một con hươu, đem giấu vào bụi chuối, sau không nhớ là giấu chỗ nào, than thở tiếc nuối, ngỡ mình nằm mơ. Có kẻ nghe được bèn đi kiểm, tìm thấy hươu mang về, vợ vẫn không tin, cho là đang nằm mộng. Đại ý ám chỉ tình cảnh mộng và thực lẫn lộn, khó phân biệt. Nguyên văn: “Thanh mục đồ nhân thiếu. Vấn lộ bạch vân đầu.” Trích từ một bài thơ tương truyền của hòa thượng Bồ Đại thời Tống. Ý của hai câu này thể hiện lối sống tự do thoải mái, không màng sự đời. Nguyên văn: “Mỹ nữ yêu thả

nhàn, thái tang kỳ lộ gian. Nhu điều phân nhiệm nhiệm, lạc diệp hà phiên phiên.” Trích bốn câu đầu bài Mỹ nữ thiên của tác giả Tào Thục (thời Ngụy - Tam quốc). Người dịch: Vi Nhất Tiếu. 3. Bài Mỹ nữ thiên cũng là một bài từ nói về cô gái hái dâu, có ảnh hưởng từ bài từ cổ Mạch thượng tang. Chữ “Tang” trong tên của Tang Thanh nghĩa là cây dâu, do vậy Vi Trường Ca mới liên tưởng hình ảnh người con gái đi trên con đường ven ruộng với Mạch thượng tang và Mỹ nữ thiên. Bài Mỹ nữ thiên cũng là một bài từ nói về cô gái hái dâu, có ảnh hưởng từ bài từ cổ Mạch thượng tang. Chữ “Tang” trong tên của Tang Thanh nghĩa là cây dâu, do vậy Vi Trường Ca mới liên tưởng hình ảnh người con gái đi trên con đường ven ruộng với Mạch thượng tang và Mỹ nữ thiên. Nguyên văn: “Vân trì nguyệt vận”, trích một câu trong Kinh Lăng Nghiêm. Nguyên văn: “Dạ thâm đình vũ khoáng, hoa khai hương mãn đình.” Lấy ý từ một câu trong bài Biểu huynh thoại cữu (Nghe anh họ kể chuyện cũ) của tác giả Đậu Thúc Hưởng (thời Đường). Nguyên tác: “Dạ hợp hoa khai hương mãn đình”, dịch nghĩa: hoa dạ hợp nở, hương thơm bay khắp sân. Nguyên văn: “Nhật ký tây khuynh”, trích từ câu “Nhật ký tây khuynh, xa đãi mã phiên” chỉ cảnh đường trường mệt mỏi trong bài Lạc thần phú (Bài phú về nữ thần sông Lạc) của tác giả Tào Thục (thời Ngụy - Tam quốc). Hồ Thiên Trì thuộc khu tự trị Tân Cương, vùng Tây Bắc Trung Quốc. Nguyên văn: “Tử bất giáo, phụ chi quá”, trích hai câu trong Tam tự kinh. Kim Đỉnh Vân Hải: biển mây bao quanh Kim Đỉnh, là một cảnh đẹp nổi tiếng của dãy Nga Mi khi mây mù bao phủ ngọn núi chính Kim Đỉnh, nhìn từ trên xuống như chìm trong biển mây. Nguyên văn: “Giang sơn bất cải tần thì nguyệt. Bán luân ngọc phách cổ kim thu”, trích hai câu trong tác phẩm văn học mạng Hoa hương u u của tác giả Trúc Ảnh Thanh Phong. So với nguyên tác của Trúc Ảnh Thanh Phong có sửa đi một chữ đầu tiên, từ “nhất” thành “bán”, từ một vòng thành nửa vòng. Đây là hai câu tả trăng, câu thứ nhất nêu lên đối tượng được tả là mảnh trăng vẫn sáng như đã có từ thời Tần, câu thứ hai làm rõ ý đó bằng cách so sánh với chiếc vòng ngọc có linh tính tồn từ tận ngàn đời nay. Bối cảnh là đêm Trung thu, trăng được nhắc đến là trăng tròn chứ không phải trăng bán nguyệt, nên sửa lại theo nguyên tác là một vòng ngọc sáng chứ không phải nửa vòng ngọc sáng như Xương Bô

viết. Nguyên văn: “Nhân nhân yếu kết hậu sinh duyên, nông chí kim sinh kết mục tiền, nhất thập nhị thì bất ly biệt, lang hành lang toạ chính tùy kiên.” Nguyên tác: Sơn ca (Bài ca trong núi) của tác giả Hoàng Tuân Hiến (thời Thanh). Nguyên văn: “Phù sinh nhược mộng, vi hoan kỷ hà”, trích một câu trong bài Xuân dạ yến đào lý viên tự (Bài tự đêm xuân uống rượu trong vườn đào lý) của tác giả Lý Bạch (thời Đường). Nguyên tác: “Phù thiên địa giả, vạn vật chi nghịch lý; quang âm giả, bách đại chi quá khách. Nhi phù sinh nhược mộng, vi hoan kỷ hà”, trích toàn bộ câu đầu bài Xuân dạ yến đào lý viên tự (Bài tự đêm xuân uống rượu trong vườn đào lý) của tác giả Lý Bạch.

1. Khuôn khổ chiến lược cho nữ doanh nhân, Dịch vụ kinh doanh nhỏ, 2003.
2. Trích từ Scotsman, thứ Bảy, ngày 4 tháng 11 năm 2004.
3. Dịch vụ kinh doanh nhỏ, 2003, Carter, Mason và Tagg, 2004.
4. Bộ trưởng Rt Hon Jacqui Smith, Bộ Phụ nữ và Quyền Bình đẳng, phát biểu tại Hội nghị Prowess lần thứ hai, tháng 11 năm 2004.
5. Bộ trưởng Công nghiệp, Jacqui Smith, 2004.

1. Ido: là một công ty thiết kế mà gần như năm nào cũng đoạt được vài giải thưởng trong khuôn khổ giải “Industrial Design Excellence Awards” - IDEA, giải thiết kế công nghiệp uy tín nhất thế giới. Năm ngoái Ido đã giành được nhiều nhất với tám giải IDEA.

2. Ngày D (D-day): D trong cụm từ này chỉ được các nhà quân sự dùng để chỉ từ Ngày nổ súng của một chiến dịch. Khi một chiến dịch được dự kiến, thông thường người ta không biết đích xác ngày tháng bắt đầu, vì thế tạm đặt là ngày D. Ngày trước đó gọi là D-1, ngày sau đó là D+1, v.v... Điều này rất tiện vì khi có sự xê dịch về mốc thời gian thì tất cả ngày tháng không phải thay đổi. Điều đó cũng xảy ra trong chiến dịch đổ bộ Normandy. D-day của chiến dịch Normandy là ngày 6/6.

1. No Man’s Land: Thuật ngữ được sử dụng rộng rãi trong suốt Chiến tranh thế giới thứ nhất, mô tả vùng đất giữa hai chiến hào của kẻ địch của nhau mà không bên nào mong muốn vượt qua hoặc kiểm soát do nỗi sợ hãi hoặc bị kẻ thù tấn công trong quá trình chiến đấu.
1. Đào tạo chéo (nguyên văn: cross training): Đào tạo nhân viên hiểu biết về hoạt động của nhiều bộ phận khác nhau trong tổ chức nhằm tăng hiệu quả chung.
2. Cứu thế quân (Salvation Army), hay còn gọi Đạo quân Cứu thế: Một giáo phái Tin Lành (Evangelical) thuộc cộng đồng Kháng Cách (Protestant), cũng

là một tổ chức xã hội với các hoạt động từ thiện. 3. Adrenaline: Một loại hormone được sản xuất ra bởi cơ thể khi bạn sợ hãi, tức giận hay thích thú, nó làm cho nhịp tim đập nhanh hơn và cơ thể chuẩn bị cho những phản ứng chống lại sự nguy hiểm. (1) Nhân vật gốc nghịch trong truyện cổ tích Anh. (1) Supply-side dynamic. (1) Hockey card – một thứ bài ở Mỹ trên đó in hình các cầu thủ khúc côn cầu và các thông tin về họ (ND). (1) The Godfather: tác phẩm văn học nổi tiếng của Mario Puzo đã được chuyển thể thành phim. (2) Beemer là tên gọi chung cho xe hơi của hãng xe BMW. (3) Sam Walton: ông vua bán lẻ ở Mỹ, người thành lập tập đoàn bán lẻ Wal-Mart (ND). (4) Cơ sở chăm sóc sức khỏe và sắc đẹp, nơi này thường có phòng tắm hơi - ND. (5) Ikea là một hãng của Thụy Điển chuyên bán lẻ đồ trang trí nội thất nổi tiếng thế giới (ND). (6) Blue hair ball. (7) Young Republicans. (8) Hiệp hội Horatio Alger có tên đầy đủ là Hiệp hội Horatio Alger của những người Mỹ lỗi lạc (Horatio Alger Association of Distinguished Americans) được hình thành năm 1947 nhằm vinh danh những thành tựu của các cá nhân người Mỹ xuất sắc và thành đạt mặc dù phải trải qua các nghịch cảnh và cũng với mục đích nhấn mạnh tầm quan trọng của giáo dục đại học và bậc cao hơn đại học (ND). (1) Pavlov là nhà tâm lý học, sinh lý học và bác sĩ người Nga, đã đoạt giải Nobel y học năm 1904. Ông nổi tiếng với định luật về “phản xạ có điều kiện” rút ra từ việc nghiên cứu chức năng dạ dày của chó. (1) Tên một loại dược phẩm có chức năng tương tự như thuốc giảm đau Panadol (ND). (2) Nhân vật trong tiểu thuyết 101 chú chó đốm của Dodie Smith (3) Nhân vật phản diện chính trong phần 4 của bộ phim nổi tiếng Chiến tranh giữa các vì sao (ND). (4) Trong bản gốc tiếng Anh là “Geisha” (ND). (5) Trong thời Cận đại, cộng đồng tín đồ thanh giáo buộc những Kẻ ngoại tình phải thêu lên ngực áo chữ A màu đỏ thẫm (chữ A viết tắt của “Adultery”, tức là “ngoại tình”). (6) Trận đấu play-off (1) Alpha Male là người đàn ông điều khiển hoạt động của một nhóm và người khác phải tuân phục họ dù muốn hay không, bởi lòng kính trọng hoặc quyền lực của họ. (1) Beta Male là người cạnh tranh để giành lấy vị trí của Alpha Male, thường thì Beta Male lệ thuộc vào Alpha Male và hành động như thể họ xếp thứ hai sau Alpha Male. Beta Male có thể trở

thành một Alpha Male tương lai. (2) Thuật ngữ chỉ nhóm chuyên gia cố vấn đưa ra những lời khuyên hoặc ý tưởng về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội. (3) MBA: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh. (4) Chuỗi thức ăn là một dãy gồm nhiều loài sinh vật có quan hệ dinh dưỡng với nhau, loài đứng trước là thức ăn của loài đứng sau. (5) Money Man (6) Firestarter (7) Finder/Minder/Grinder (8) Xem phần trước về thuật ngữ “kéo cò”. (9) Mud flap (10) Pile-on – Người khờ khạo (xem lại phần giải thích thuật ngữ phía trên). (11) Wealthy. (12) Rich. (13) Line of credit. (14) Giống Alpha Male, nhưng là nữ giới thay vì nam giới (ND). (15) Double Income, No Kids. (16) Một quỹ hưu trí ở Hoa Kỳ (17) Registered Retirement Savings Plan (RRSP) (Hoa Kỳ) (18) Pardon – tiếng Pháp, đồng thời cùng nghĩa trong tiếng Anh (ND). (1) Human Right: Quyền con người. (2) Rule of thumb Phòng Bầu dục: Văn phòng chính thức của tổng thống Mỹ, nằm ở cánh Tây của Nhà Trắng, được xây dựng năm 1902. gallon = 3,78 lít 1. Nhân vật trong dân gian của Anh, người đã thoát cảnh nghèo khó và trở nên giàu có. 2. Âm thanh lớn phát ra khi hai vật va chạm vào nhau. 1. Chuyện gì đến sẽ đến. 2. Mueller của xứ Borneo. 3. Nhân vật trong một chuỗi phim của George Lucas. 4. Pacific Asia Travel Association (Hiệp hội Du lịch châu Á Thái Bình Dương), làm việc với sứ mệnh thúc đẩy sự phát triển có trách nhiệm của ngành du lịch trong khu vực châu Á Thái Bình Dương. 1. Là một buổi hòa nhạc được tổ chức ở hai địa điểm cùng vào ngày 13 tháng 7 năm 1985. Sự kiện này được tổ chức bởi Bob Geldof và Midge Ure để gây quỹ cứu trợ cho nạn đói ở Ethiopia. 2. Là một Enterovirus có khả năng sinh sôi trong đường tiêu hóa, ổn định trong môi trường acid, kể cả acid dịch dạ dày. 1. Đơn vị tiền tệ của Malaysia. 1. OECD (Organisation for Economic Co-operation and Development): Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế. 2. Tỷ phú người Anh, sáng lập tập đoàn Virgin bao gồm hơn 400 công ty. 3. Doanh nhân người Anh gốc Malaysia, là người sáng lập Tune Air Sdn, AirAsia với khẩu hiệu “Tất cả mọi người đều có thể bay”. 1. Bandung là thành phố lớn thứ ba của Indonesia. 2. Là một hoàng tộc châu Âu có nguồn gốc từ xứ Wales, Anh. 3. Giống chó đốm. 4. Tờ báo tiếng Anh phát hành tại Malaysia. 1. Lyndon Baines Johnson: Tổng thống Hoa Kỳ thứ 36, năm

cương vị từ năm 1963 đến 1969. 1. S.W.R.D.Bandaranaike: Thủ tướng thứ tư của Sri Lanka vào năm 1956, bị ám sát bởi một tu sĩ Phật giáo vào năm 1959. 2. Một đại lộ lớn và nổi tiếng của thành phố Paris. 3. Câu lạc bộ đêm nổi tiếng ở Paris, được sáng lập năm 1889 bởi Joseph Oller và Charles Zidler. 4. Một thành phố ở miền Nam nước Ý. 5. Là một trong những công viên lớn nhất ở London. 1. Mã cầu (polo): Môn thể thao gồm nhiều người chơi, chia thành hai đội, mỗi đội sẽ cố gắng dùng gậy đánh bóng vào cầu môn của phe đối phương. 2. Xì dách: Là một dạng chơi bài trong đó người chơi chiến thắng khi được 21 điểm. 3. Nhóm hát nữ của Mỹ, một trong những nhóm nghệ sĩ chủ đạo của Motown Records trong suốt thập niên 1960. 1. Tên một loại bia của hãng Castle Lager. 2. Hay còn gọi là pecco, một loại trà đen. 3. Tên một bộ phim, ở đây ý tác giả muốn nói tới là điệu nhảy đặc trưng trong bộ phim đó. 4. Đội bóng bầu dục quốc gia New Zealand. 5. Một vận động viên điền kinh người Jamaica, người đang giữ kỷ lục thế vận hội và thế giới ở các nội dung chạy 100 mét với 9,58 giây, 200 mét với 19,19 giây. 6. Vận động viên nhảy sào người Nga, hai lần đoạt huy chương vàng Olympic (2004 và 2008), ba lần vô địch thế giới (2005, 2007 và 2013), người được coi là nữ vận động viên nhảy sào tài năng nhất mọi thời đại. 7. Còn được gọi là đá Ayers, là một khối kiến tạo sa thạch ở phía Nam của Northern Territory, miền Trung nước Úc, cách Alice Springs về phía Nam 335 km. 1. Nhà báo, phát thanh viên và một tác giả người Anh. 2. The Special Air Service là một trung đoàn của quân đội Anh được thành lập vào ngày 31 tháng năm 1950, một phần của lực lượng đặc biệt Anh (UKSF). 3. Một kính ngữ Ả Rập có nghĩa đen là “đàn anh” và mang ý nghĩa “nhà lãnh đạo và/hoặc thống đốc”. 4. Tên một bức tượng trong Blue Earth, Minnesota. Là biểu tượng của công ty The Minnesota Valley. 5. Một nhân vật được sử dụng trong quảng cáo thuốc lá Marlboro. 6. Là trang phục truyền thống có nguồn gốc từ Indonesia và được phụ nữ ở Indonesia, Malaysia, Brunei, Myanmar, Singapore, miền nam Thái Lan, Campuchia và một phần phía nam của Philippines sử dụng. 1. Danh hài người Mỹ. 2. Bạn có thể tìm hiểu kỹ hơn ở chương 9 của cuốn sách. 1. Cricket: Môn thể thao chơi trên sân cỏ gồm hai đội, một đội sẽ ném bóng vào cọc gôn và có một

người của đội còn lại sẽ dùng gậy đánh quả bóng đó. 2. Madison được mệnh danh là đại lộ thời trang của New York. 3. Tên một loại bánh ở Malaysia.

(1). Nguyên văn câu này là 'Rồng mắc cạn thì bị tôm chế giễu' (Người dịch).
(2). Đây là một kiểu chơi chữ, vì hai chữ 'hoàng sơ' trong tiếng Trung Quốc cũng đồng âm với chữ 'hoàng' tức là màu vàng. Nếu dịch ra tiếng nước ngoài, thì khó lột tả được nét dí dỏm của nó (Người dịch).

(1). Đây là một trường hợp chơi chữ. Trong chữ Hán, chữ “Trần” là họ Trần và chữ “trầm” là nhấn chìm đều có âm đọc giống nhau là “chén” (nhưng viết khác nhau là và), chữ Hoàng trong họ Hoàng có âm đọc trùng với chữ hoàng trong hoàng đế và , còn chữ thần tướng cũng có âm đọc là chén (Người dịch) (1). Nguyên văn: 'Người trông vào áo quần, ngựa trông vào cái yên' (Người dịch). Tương ứng với câu “Nước đến chân mới nhảy”. Đậ Nga: tên nhân vật nữ chính trong vở kịch Đậ Nga oan của Quan Hán Khanh, nội dung kể về một người đàn bà bình thường chết oan, khiến trời đất cũng phải rung động. Adult Video: phim người lớn. Hatsukashi: tiếng Nhật, dịch ra có nghĩa là “xấu hổ quá đi mất”. A Đồng Mộc là nhân vật cậu bé robot. Tiên Ti: Là một dân tộc thiểu số thời cổ, ở vùng Đông Bắc, Nội Mông, Trung Quốc. Hoa Cốt: là một điệu múa dân gian, gồm một nam, một nữ, một người gõ thanh la, một người gõ trống, cùng múa. Trong tiếng Hán, từ 同学 tức bạn học, học trò, được đọc là /tongxue/, và tên của Tiết Đồng 薛桐 đọc là /xuetong/, đọc ngược lại thành /tongxue/, lúc đọc ngược tên của Tiết Đồng và từ “học trò” phát âm giống nhau. AFC: Liên đoàn bóng đá châu Á. Mắt mí lót: đôi mắt dài, nhỏ, đuôi mắt hơi xếch, đặc trưng của người Á Đông. Auguste Rodin: tên đầy đủ là François-Auguste-René Rodin (1840 – 1917) họa sĩ người Pháp, thường được biết đến là một nhà điêu khắc. Ông là điêu khắc gia hàng đầu của Pháp thời bấy giờ và đến nay, tên tuổi của ông được nhắc đến khắp trong và ngoài giới nghệ thuật. Siberia: nằm ở phía đông nước Nga, trải dài từ dãy núi Ural tới Thái Bình Dương, có thời tiết rất khắc nghiệt và rừng thông Taiga nổi tiếng. Xúc cốt công: một môn võ trong bộ Cửu Dương Thần Công, tự co rút xương lại cho thân hình bé đi. Chữ “chảy nước mũi” - 流涕 /liu ti/ đọc hơi giống với chữ 流体 /liu ti/, chỉ khác ở thanh điệu. Đoán số: một trò chơi truyền thống của Trung Quốc, một người đưa mấy ngón tay biểu thị con số,

người khác đồng thời cũng đưa tay ra so giống khác nhau để phân định thắng thua. Lôi Phong: là người lính tham gia Quân giải phóng Nhân dân Trung Quốc năm 1960, là biểu tượng anh hùng của Trung Quốc, một tấm gương tận tụy, xả thân, quên mình vì Tổ quốc. “Nảo tàn” là một cách nói rất phổ biến của người Trung Quốc, đặc biệt là dân mạng, dùng để chỉ những người làm những chuyện quái lạ, những chuyện trên Sao Hỏa. “Tru” và “châu” trong tiếng Trung phát âm giống nhau. Bài tập dưỡng sinh “Lòng biết ơn” là một trong những bài tập thể dục buổi sáng của ngành Cảnh sát Trung Quốc. Kỷ Jura là một kỷ trong niên đại địa chất kéo dài từ khoảng 200 triệu năm trước. Kỷ Phấn trắng hay kỷ Creta là một đơn vị chính trong niên đại địa chất, bắt đầu từ khi kết thúc kỷ Jura khoảng $145,5 \pm 4,0$ triệu năm trước. Biển Caspi hay Lý Hải là hồ nước lớn nhất trên thế giới, nằm giữa Nga ở bờ phía bắc và Iran ở bờ phía nam. Đông tây giáp các nước Turkmenistan, Kazakhstan và Azerbaijan. Vì không thông với đại dương nên đây đúng là một hồ nước tuy mang tên “biển”. Hồ này cũng được gọi là biển vì nước hồ có vị mặn của muối. Zhukovsky (1847-1921): nhà toán học, vật lý học người Nga. Ông là người đặt nền móng cho ngành khí động học Nga. Lớp Đảng nghiệp dư: trước khi học cảm tình Đảng thì ở Trung Quốc, mỗi một địa phương đều có một lớp học về Đảng, sau mỗi khóa học sẽ tổ chức thi, thi đỗ mới có thể tiếp tục học sang lớp cảm tình Đảng. Truyện cô tiên Kaguya: thủy tổ của tiểu thuyết Nhật Bản. Không rõ ai là tác giả và ra đời lúc nào, nhưng có thể truyện này đã được một ông quan hay tăng nhân giỏi chữ Hán viết cuối thế kỷ thứ IX. Âu Dương Tu (1007 - 1072) có tên tự là Vĩnh Thúc, hiệu “Tuý Ông”, là nhà thơ thời Tống ở Trung Quốc. Daniel Bernoulli (1700-1782): người đầu tiên xây dựng lý thuyết khí động học, ông đã áp dụng các ý tưởng để giải thích các định luật của Boyle. Tiết đại thử: một trong hai mươi tư tiết của một năm tính theo Âm lịch, tiết đại thử vào tháng Năm Âm lịch, lúc nóng nhất. Đàn nhị hồ: một loại đàn dân tộc của Trung Quốc, hơi giống đàn nhị của Việt Nam. Với người Trung Quốc, đàn nhị hồ cũng giống như đàn vĩ cầm của Tây phương, người ta chỉ cần nghe tiếng đàn là có thể cảm nhận sự đẹp đẽ, buồn bã, đau thương và hạnh phúc mà nó có thể khơi dậy từ trong lòng. Đài Tomato: thuộc đài truyền hình vệ

tiếng Phương Đông. Đài Apple: thuộc đài truyền hình vệ tinh Hồ Nam. Tiếng Nga: nghĩa là “Tôi yêu em”. Tôi yêu em / Tôi yêu em đến nay chừng có thể / Ngọn lửa tình chưa hẳn đã tàn phai; / Nhưng không để em bận lòng thêm chút nữa, / Hay hồn em phải gợn sóng u hoài. / Tôi yêu em âm thầm, không hy vọng, / Lúc rụt rè, khi hậm hực lòng ghen, / Tôi yêu em, yêu chân thành, đắm đắm, / Cầu cho em được người tình như tôi đã yêu em. / (Thúy Toàn dịch) Một thước: khoảng 1/3 mét. Hãng kem nổi tiếng nhất thế giới của Mỹ. Câu thơ trong bài Hàm Dương thành đông lâu của tác gia Hứa Hồn. Có nghĩa là: “Mây khê vừa nổi, trời sau gác. Mưa núi sắp qua, gió khắp lầu.” (bản dịch của Điệp Luyện Hoa). Bugatti Veyron: dòng xe được mệnh danh là “ông hoàng tốc độ”, nổi tiếng thế giới. Ngôn ngữ trên mạng, “bóc tem” ở đây là chỉ người đầu tiên comment một chủ đề mới trên diễn đàn. Chủ thớt: ngôn ngữ trên mạng, từ “thớt” ở đây là “thread” (chủ đề), ý chỉ người lập ra chủ đề mới trên diễn đàn. Sư mẫu và sư công: tên gọi vợ/chồng của sư phụ (người thầy của mình), đây là cách gọi cổ của người Trung Quốc. Chữ “trượng” có nghĩa là “chồng”. (12): Thuật ngữ trường đại học được sử dụng trong bài viết này bao gồm các Đại học, Trường Đại học, Học viện, Viện có đào tạo trình độ đại học. (13): Khoản 1 Điều 4 Luật doanh nghiệp năm 2005 (14): Trịnh Thị Hoa Mai, Kinh tế tư nhân Việt Nam trong tiến trình hội nhập, NXB Thế giới, Hà Nội, 2008, tr.15 (15): Xem chi tiết tại <http://dantri.com.vn/c202/s202-387255/mo-rong-lien-ket-giua-nha-truong-va-doanh-nghiep.htm>, truy cập ngày 20/9/2011 (16): Phạm Văn Thắng, Mở rộng liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp, chi tiết tại <http://dantri.com.vn/c202/s202-387255/mo-rong-lien-ket-giua-nha-truong-va-doanh-nghiep.htm>, thứ hai, 29/03/2010 (17): Giáo dục Hà Lan nổi tiếng thế giới về chất lượng đào tạo và giảng dạy. Các cơ sở giáo dục đại học và sau đại học Hà Lan cung cấp khoảng 1.150 chương trình và các khóa học quốc tế. Hà Lan có hai hình thức đào tạo bậc đại học: đào tạo chú trọng thực hành độc lập các công việc mang tính nghiên cứu theo chuẩn lý thuyết hoặc nghề nghiệp; và đào tạo theo hướng khoa học ứng dụng mang tính thực tiễn, chuẩn bị cho sinh viên sẵn sàng làm việc với một nghề nghiệp cụ thể (xem chi tiết tại <http://www.nesovietnam.org/Vietnamese-students/vn/dhes>) (18):

Final report “Good Practices in University - Enterprise Partnerships” xem chi tiết tại http://gooduep.eu/index.php?option=com_content&task=view&id=24&Itemid=49 (19): Nguyễn bản tiếng Anh: Spin-off company - A new independent company formed from a larger company by the larger company selling or distributing new shares in the spinoff company. (20): Final report “Good Practices in University - Enterprise Partnerships” xem chi tiết tại http://gooduep.eu/index.php?option=com_content&task=view&id=24&Itemid=49 (38): Sonobe và Otsuka (2011) đã chỉ ra nhiều bằng chứng thực nghiệm rằng thương nhân đóng vai trò rất quan trọng trong sự phát triển của các cụm công nghiệp. (39): Cách phân chia này có thể gặp phải một vấn đề đó là 25 doanh nghiệp không được tham gia vào phần đào tạo nào có thể sẽ không hợp tác với chúng tôi khi tiến hành khảo sát. Nếu chúng tôi không có thông tin về hoạt động kinh doanh của nhóm doanh nghiệp không được đào tạo này thì chúng tôi sẽ không thể tiến hành nghiên cứu được. Để có thể thu thập được thông tin từ những doanh nghiệp này, chúng tôi dự định cung cấp các băng đĩa đào tạo cho họ sau khi tiến hành khảo sát. 40. Vietnam: Entrepreneurship, Relationships, and Utilization by Dana Shawish at http://experience.hec.ca/campus_abroad_internationaux/2011/07/15/vietnam-entrepreneurship-utilization-and-relationships/ 41. By EmmetStiff http://experience.hec.ca/campus_abroad_internationaux/2011/07/27/good-morning-vietnam-2/ 42. Business visit: FECON by Louis-David uin at http://experience.hec.ca/campus_abroad_internationaux/2011/07/14/business-visit-fecon/ (21): Bài viết cho Hội thảo “Hợp tác công tư giữa các trường đại học và doanh nghiệp: So sánh thực tiễn châu Âu và Việt Nam”, Đại học Ngoại thương/Đại học Seinajorki (Finland), Hà Nội tháng 11/2011. (22): ThS. Trần Mai Ước. Giáo dục Việt Nam với xu thế toàn cầu hóa, Hội thảo khoa học “Giáo dục Việt Nam – Nguồn nguyên khí quốc gia”, Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Tp. Hồ Chí Minh, 2010, tr.108. (23): Đảng Cộng sản Việt Nam (2011): Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội., tr.320. (24): Đảng Cộng sản Việt Nam (2011): Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội 2011 - 2020, Nxb. Chính trị Quốc gia,

Hà Nội, tr.19. (25): Đảng Cộng sản Việt Nam (2011): Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội 2011 - 2020, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 48. (26): Đảng Cộng sản Việt Nam (2001): Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.108. (27): Đảng Cộng sản Việt Nam (2006): Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb. Chính trị Quốc gia, HN, tr.206 – 207. (28): Đảng Cộng sản Việt Nam (2011): Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị Quốc gia, HN, tr.106. (29): Đảng Cộng sản Việt Nam (2011): Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị Quốc gia, HN, tr.320. (30): Đảng Cộng sản Việt Nam (2011): Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội 2011 - 2020, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.48. (31): 12 tiêu chuẩn bao gồm: 1: Bối cảnh; 2: Chuẩn đầu ra; 3: Chương trình đào tạo tích hợp; 4: Giới thiệu về kỹ thuật; 5: Các trải nghiệm thiết kế - triển khai; 6: Không gian làm việc kỹ thuật; 7: Các trải nghiệm học tập tích hợp; 8: Học tập chủ động; 9: Nâng cao năng lực về kỹ năng của giảng viên; 10: Nâng cao năng lực giảng dạy của giảng viên; 11: Đánh giá học tập; 12: Kiểm định chương trình. Xin xem thêm trong: Hồ Tấn Nhật, Đoàn Thị Minh Trinh (biên dịch), Cải cách và xây dựng chương trình đào tạo kỹ thuật theo phương pháp tiếp cận CDIO, NXB ĐHQG-HCM, 2009 (Bản dịch tiếng Việt từ nguyên bản: E.F. Crawley, J. Malmqvist, S. Östlund, D. Brodeur, Rethinking Engineering Education: The CDIO Approach, Copyright © 2007 Springer Science+Business Media, LLC. All Rights Reserved) (32): ThS. Trần Mai Ước (2011), Áp dụng mô hình CDIO – Bước đi cần thiết hướng tới đào tạo theo nhu cầu xã hội trong quá trình hội nhập, Hội thảo hướng nghiệp 2011 “Đào tạo gắn với nhu cầu xã hội”, Trường Đại học khoa học xã hội & nhân văn Tp.HCM, Báo Giáo Dục Tp. HCM, tr.53. (34): Đảng Cộng sản Việt Nam (2011): Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị Quốc gia, HN, tr.103. (35): Đảng Cộng sản Việt Nam (2011): Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị Quốc gia, HN, tr.103. (36): Đảng Cộng sản Việt Nam (2011): Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị Quốc gia, HN, tr.103. (37): Đảng Cộng sản Việt Nam (2011): Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị Quốc gia, HN, tr.191. (1): Blume,

L. Und Fromm, O. (2000): Wissenstransfer zwischen Universitäten und regionaler Wirtschaft: Eine empirische Untersuchung am Beispiel der Universität Gesamthochschule Kassel. In Vierteljahrshefte zur Wirtschaftsforschung 69. Jahrgang, Heft 1/2000, S. 109–123. (2): OECD (1999): Managing National Innovation Systems. Paris: OECD 1999. (3): Eurostat (1999): Forschung und Entwicklung: jährliche Statistiken 1990-1998. Statistisches Amt der Europäische Gemeinschaften, Luxemburg, 1999 (4): BMBF (1998): Forschungslandkarte Deutschland. CD-ROM -Ausgabe, Stand 07/98 (5): Reinhardt, M. (2001): Wissens- und Technologietransfer in Deutschland: ein langer Weg zu mehr Effizienz. In ifo Schnelldienst, 54. Jg. (6): Schroeder, D., F.U. Fuhrmann und W. Heering (1991), Wissens- und Technologietransfer, Berlin: Duncker & Humblot (7): Abramson, H.N. et. al. (Hrsg.) (1997), Technology transfer systems in the United States and Germany. Lessons and perspectives, Washington, D.C.: National Academy Press. (8): Reinhard, M. (2000), Knowledge and technology transfer and innovation policy, TSER study for the European Commission, München: Ifo Institute for Economic Research. (9): Schmoch, U. (2000), »Konzepte des Technologietransfers«, in: Schmoch, Licht, Reinhard (2000), 3–13. (10): ISI (2000): Wissens- und Technologietransfer in Deutschland. (11): Reinhardt, M. (2001): Wissens- und Technologietransfer in Deutschland: ein langer Weg zu mehr Effizienz. In ifo Schnelldienst, 54. Jg. Phu nhân Stoner: Bà là giảng viên ngôn ngữ học tại Đại học Pittsburgh, bang Pennsylvania. Bà là một trong những người đọc cuốn “Giáo dục Karl Witte” và áp dụng thành công với con mình. Nguyên bản “pay envelope”: là hình thức trả lương cũ, nghĩa là mỗi tuần/tháng, người lao động được trả một phong bì trong đó có chứa tiền lương của họ. Đạo luật liên bang của Mỹ ban hành năm 1993, trong đó có quy định người sử dụng lao động phải đảm bảo công việc cho người lao động khi họ nghỉ phép vì các lý do chữa trị bệnh tật hay những lý do gia đình. Sách được Alpha Books mua bản quyền và xuất bản vào năm 2008. 1. Cựu chủ tịch kiêm Tổng giám đốc tập đoàn General Electric. 1. Thánh nhân là người hoàn hảo, thông thiên lý. Thiệt nhân là người không làm ác, đầy lòng nhân. Hai loại người này chẳng có ở đời, cho nên Khổng Tử chẳng

thấy. Kém hai hạng người trên, có hạng quân tử và hạng hữu bằng là bậc bèn chí theo đường lành. * Chúng tôi sử dụng cụm từ “một trong những doanh nghiệp đầu tiên” giới thiệu một sản phẩm hoặc dịch vụ nào đó vì chúng tôi không thể kiểm chứng được là doanh nghiệp này có thực sự là công ty đầu tiên tung ra sản phẩm hoặc dịch vụ đó hay không. Tuy thế, các nhà cách tân mà chúng tôi phỏng vấn đều khẳng định rằng đó là ý tưởng nguyên bản của họ và họ không hề sao phỏng lại sản phẩm của công ty nào khác. Ashram: một trung tâm nghiên cứu và suy niệm ở Ấn Độ Kế hoạch Ponzi: kế hoạch đầu tư lừa đảo của Charles Ponzi. Theo đó, nhà đầu tư sẽ nhận được khoản lợi nhuận cao bất ngờ từ tiền của chính nhà đầu tư trước đó thay vì doanh thu từ hoạt động kinh doanh chân chính. Tập đoàn lớn của Mỹ kinh doanh trong lĩnh vực điện và khí đốt tự nhiên. Năm 2000, Enron là tập đoàn lớn thứ bảy của Mỹ. Thế nhưng sang năm 2001, Enron sụp đổ sau khi nhiều thành viên trong ban lãnh đạo bị cáo buộc mắc sai phạm trong nhiều hoạt động kinh tế và tài chính (theo Columbia Encyclopedia) Công ty viễn thông của Mỹ: Năm 2002, WorldCom phá sản sau vụ tai tiếng vướng vào một loạt những sai phạm về tài chính kế toán. Công ty viễn thông của Mỹ cung cấp dịch vụ mạng máy tính toàn cầu. Công ty viễn thông của Mỹ. Năm 2002, Adelphia dính vào vụ bê bối nghiêm trọng khi người ta phát hiện ra công ty này chiếm dụng tài chính và hoạt động kế toán mờ ám. Đòn bẩy (leverage) của công ty môi giới là nguyên tắc mà mỗi công ty môi giới cho phép các thành viên giao dịch với số tiền lớn hơn gấp nhiều lần số tiền mà họ có trong tài khoản. Chính nhờ có Leverage mà các thành viên có thể tham gia vào kinh doanh với số tiền rất nhỏ, thậm chí là 1\$! Nifty Fifty: một thuật ngữ dùng để chỉ 50 loại cổ phiếu trên thị trường Chứng khoán New York được coi là những cổ phiếu tăng trưởng bền vững cho đến những năm 1960, 1970. Bán khống (Short sale): là một nghiệp vụ trên thị trường tài chính được thực hiện nhằm mục đích lợi nhuận thông qua giá chứng khoán giảm. Ví dụ: Giả sử công ty XYZ bán cổ phiếu với giá 10 đôla/cổ phiếu. Một người kinh doanh bằng hình thức này sẽ đi vay 100 cổ phiếu của công ty XYZ và bán đi ngay lập tức để thu về 1000 đôla. Nếu giá cổ phiếu của công ty XYZ giảm xuống chỉ còn 8 đôla/cổ phiếu thì anh ta chỉ phải bỏ ra 800 đôla để mua lại

100 cổ phiếu và trả cho công ty XYZ như ban đầu. Như vậy anh ta lãi 200 đôla. The life of Riley: một loạt chương trình truyền thanh về các tình huống hài hước trong thập niên 1940. “Living the life of Riley” gợi nên một cuộc sống sung túc, thoải mái, thường là dựa trên mồ hôi công sức của người khác. Men Not Working, and Not wanting Just Any Job. The Gray Lady: tên hiệu của The New York Times do thời báo này có truyền thống đăng tải các bài viết dài và ít hình ảnh minh họa đi kèm. Các nhà phê bình thường đề cập tới Ben Bernanke với biệt danh Ben 'trực thăng' vì trong một bài nói chuyện năm 2002 về hiện tượng giảm phát, ông phát biểu rằng để chống lại nạn giảm phát, ông sẽ dùng trực thăng bay khắp nước Mỹ để thả tiền xuống đất. An accommodative Federal Reserve: tác giả muốn đề cập tới chính sách tiền tệ điều chỉnh của Fed, theo đó Fed tăng cung tiền phục vụ cho mục đích cho vay của các ngân hàng. Boobus Americanus. Down payment ARM: adjustable-rate mortgage. Uncle Sam Federal National Mortgage Association (FNMA): Hiệp hội vay thế chấp quốc gia. Federal Home Loan Mortgage Corporation (FHLMC): Tập đoàn vay mua nhà trả góp liên bang. Prime loans Dollar maximums Government National Mortgage Association (GNMA): trực thuộc Bộ Gia cư và Phát triển Đô thị (HUD), có nhiệm vụ cung cấp tiền cho các khoản cho vay của Chính phủ dành cho các hộ gia đình có nhu cầu nhưng không đủ khả năng mua nhà. Pass-through certificates Home equity lines of credit (HELOCs) Tập đoàn bán lẻ hàng đầu thế giới. Ở đây, tác giả sử dụng cách nói hình ảnh, ngụ ý người dân Mỹ dùng các khoản tiền vay để mua hàng tiêu dùng. Hedge funds Interest-only loans Recourse loans Negative amortization ARM: phân bổ khoản nợ ra để trả dần trong các khoảng thời gian khác nhau, song không trả lãi đủ và đúng thời hạn, khiến số dư nợ tăng lên. IPO – initial public offerings Page views Click-throughs The National Association of Realtors – NAR Thảm họa hàng không Hindenberg: Ngày 6 tháng 5 năm 1937, khí cầu Hindenberg đã bốc cháy trong khi cố gắng hạ cánh tại New Jersey, Mỹ. 36 trên tổng số 97 người đã thiệt mạng. Herbert Morrison: phóng viên đài truyền thanh Hoa Kỳ, nổi tiếng nhờ những bài viết sống động về thảm họa Hindenberg. Câu nói “Ôi, nhân loại” (Oh the humanity) của Morrison đã trở thành câu cửa miệng của

người Mỹ. Baby boom Nhân vật chính trong cuốn “Những cuộc phiêu lưu của Tom Sawyer” của nhà văn Mark Twain. Thế hệ X (Generation X): Những người sinh ra vào những khoảng thời gian có tỉ lệ sinh cao sau Chiến tranh Thế giới thứ hai. Ở Mỹ, thuật ngữ này được sử dụng lần đầu tiên vào năm 1964, để chỉ thế hệ bùng nổ dân số của nước này. Xem thêm trang 194.

Layaway Crowding out: Trong kinh tế học, “hiệu ứng chèn ép” xảy ra khi Chính phủ tăng chi tiêu cho khu vực công thông qua việc phát hành trái phiếu, thu bớt vốn tài lực của khu vực tư và có xu hướng đẩy lãi suất thị trường lên cao.

Dow Jones Industrial Average I Owe You Congressional Budget Office Giống với USA – tên tiếng Anh viết tắt của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ (The United States of American).

Electoral College Staggered senatorial terms Kế hoạch trọng yếu của Hoa Kỳ do ngoại trưởng Mỹ George Marshall khởi xướng nhằm tái thiết và thiết lập nền móng vững chắc hơn cho các quốc gia Tây Âu, đẩy lui chủ nghĩa cộng sản sau Đại chiến Thế giới thứ hai.

Fiat currency. Ở đây tác giả muốn phân biệt tiền tượng trưng và tiền tệ được đảm bảo giá trị bằng hiện vật.

Inflation risk Purchasing power risk Because there’s a bull market somewhere Bank certificates of deposit (CDs) Risk tolerance Investment horizon Diversification American depositary receipt: một loại cổ phiếu được mua bán tại thị trường Hoa Kỳ song lại đại diện cho một số lượng cổ phiếu nhất định của một tập đoàn nước ngoài (theo Investopedia) Là một hệ thống điện tử về giá mua và bán của cổ phần OTC, sản phẩm của Cục báo giá quốc gia (National Quotation Bureau). Khi nhắc đến Pink Sheets người ta còn hiểu là việc mua bán cổ phần OTC.

International Global Penny stocks là loại chứng khoán có mệnh giá nhỏ, do các công ty rất nhỏ tung ra thị trường. Ở thị trường tài chính Mỹ, thuật ngữ 'Penny stock' được hiểu là những loại chứng khoán có trị giá thấp hơn 5 đôla/cổ phiếu, và được mua bán bên ngoài những thị trường hối đoái lớn như NYSE, NASDAQ hay AMEX.

The National Association of Securities Dealers. Property trust. Current ratio, hay còn được gọi là liquidity ratio, cash asset ratio, hoặc cash ratio. Quick ratio Acid-test ratio Operating profit margin Net profit margin Return on equity Debt to total assets Long-term debt to total capitalization Debt to equity (debt ratio)

Fixed-charge coverage Price to earnings Price to book value Price to sales
Dividend payout Dividend yield Bản tiếng Anh của cuốn sách này xuất bản vào năm 2007. Trong hoạt động “carry trade”, các nhà đầu cơ lấy vốn từ một nước có lãi suất thấp và đầu tư vào nước có lãi suất cao hơn rồi thu lợi nhuận từ chênh lệch đó. Passive foreign investment trust - PFIT Ngân hàng đầu tư hàng đầu của Mỹ Một nhà thơ nổi tiếng của Mỹ Business confidence Alan Greenspan đã giữ chức chủ tịch Fed từ năm 1987 tới năm 2006 Chicken Little: nhân vật hoạt hình đã bị một quả sồi rơi vào đầu và luôn tin rằng trời sắp sập xuống. Dự đoán của tác giả vào năm 2006 - Lời người dịch. Mortgage-backed securities Detroit: thành phố lớn nhất của bang Michigan, trung tâm công nghiệp sản xuất xe hơi của Mỹ. Baby boomers: những người sinh từ năm 1946 đến 1964, sau Chiến tranh Thế giới thứ hai. Hiện họ đang ở trong độ tuổi kiếm được nhiều tiền nhất. Kế hoạch Marshall hay còn được gọi với cái tên “Kế hoạch phục hưng châu Âu” do Mỹ vạch ra. Sau Chiến tranh Thế giới thứ hai, 16 nước châu Âu đã bị tổn thất kinh tế nặng nề. Mỹ đã đồng ý viện trợ cho 16 nước này tổng cộng 17 tỷ đôla để phục hồi kinh tế. IOU (viết tắt của I Owe You – Tôi nợ ông/bà): một chứng từ ghi nợ phi chính thức dưới dạng một văn bản cam kết trả một khoản nợ, ví dụ, các khoản vay cá nhân và các dịch vụ chuyên môn. Trận chiến Normandy (tháng 06 năm 1944): quân Đồng minh tiến vào lãnh thổ châu Âu từ phía Tây để làm giảm sức mạnh của quân đội Đức. Mỹ đã thiệt hại tới 40.000 binh sĩ, nhưng cuối cùng quân Đồng minh cũng mở được đường vào Berlin. Iwo Jima: một hòn đảo ở phía nam Nhật Bản. Trong Chiến tranh Thế giới thứ hai, từ ngày 19 tháng 2 đến 26 tháng 3 năm 1945, quân Mỹ đã mở cuộc tiến công ác liệt vào Iwo Jima nhằm chiếm và kiểm soát các sân bay trên đảo. Chú Sam (Uncle Sam): một cách gọi Chính phủ Mỹ. Rumpelstiltskin: chú lùn vui tính, lạc quan trong truyện cổ Grim. Rubin: cựu Bộ trưởng Bộ Tài chính Mỹ thời Bill Clinton. Producer price index: chỉ số giá sản xuất. Consumer price index: chỉ số giá tiêu dùng. Dự đoán này của tác giả được đưa ra vào năm 2006. Thực tế đã chứng minh những dự đoán này chính xác đến năm 2008 (chú thích của người biên tập). Church Lady: một nhân vật nữ trong chương trình “Trực tiếp tối thứ bảy” của truyền hình

Mỹ. Grem (grain): đơn vị đo trọng lượng bằng 0,0648 gam. Spanish mill dollar: đơn vị tiền tệ có giá trị bằng 1/1000 đôla. “This note is legal tender for all debts, public and private, and is redeemable in lawful money at the United States Treasury, or at any Federal Reserve Bank.” Ounce (ao-xơ): đơn vị đo lường bằng 28,35 gam vàng. TIPS: Treasury inflation protected securities. Personal Consumption Expenditure William McChesney Martin Jr. – con trai của luật sư và chủ ngân hàng nổi tiếng William McChesney Martin, thường được gọi là William McChesney Martin con, giữ chức vụ chủ tịch Fed từ năm 1951 đến năm 1970. IOU nothing Continental dollar: loại tiền giấy do một số thuộc địa Mỹ phát hành sau cuộc Chiến tranh Cách mạng bắt đầu từ năm 1775. (*) μg : microgram = 1 phần triệu gram (**) mg: miligram = 1 phần ngàn gram (*) Hạ khô thảo: là loại cây thân thảo, sống nhiều năm, cao 20 - 40 cm, có thể tới 70 cm, thân vuông màu hơi tím (*) Đào nhân là loại cây nhỏ, cao 3 - 4 mét, thân nhẵn, thường có chất nhầy (*) Câu đặng: là một loại dây leo, thường mọc nơi mát. Lá mọc (*) Thanh bì: vỏ quả quýt còn xanh. (*) Diêm phu tử: ở Việt Nam còn gọi là cây muối, chu môi, dã sơn, sơn bút. (*) Bệnh scorbut: bệnh do thiếu sinh tố C, gây ra do chế (*) Đỗ trọng: Loài cây song tử diệp, vỏ có tơ, dùng làm thuốc. (*) Ngũ bội tử: là những túi (*) Một dạng sừng mù trong ruột và phổi. Dưa Hami: còn gọi là Dưa vàng Hami (tên tiếng Anh: Hami melon hay Chinese Hami melon), còn có tên dưa tuyết (snow melon), có nguồn gốc từ Tân Cương, Trung Quốc. (*) Trĩ mũi: chỉ chung bệnh viêm mũi hay thối mũi. (**) Bạch biến là một bệnh mất sắc tố ở da, lông, tóc. (*) Lát sơn trà là sơn trà (*) Hoa tuyền phúc, tên khoa học là *Inula Japonica* Thunb, thuộc họ hoa cúc, bộ phận dùng làm thuốc là hoa khô. (*) Ban xuất huyết: thương tổn cơ bản của da và niêm mạc do hồng cầu thoát ra ngoài mao mạch và niêm mạc. (**) GOT, GPT: GOT, GPT là enzym thúc đẩy sự tạo thành các axit amin ở gan và nhiều cơ quan khác của cơ thể, sẽ bị phân hủy rất nhanh sau khi ược tạo thành, trong máu một người khỏe mạnh, sẽ có một lượng nhất định GOT, GPT bị đào thải. Nhưng khi một cơ quan nội tạng bị thương tổn, sẽ có một lượng lớn tế bào bị phân hủy, enzym này sẽ dần dần bị thải ra ngoài, lượng GOT, GPT trong máu sẽ tăng cao. Những căn bệnh có thể phát sinh khi chỉ số GOT trong

máu tăng cao: viêm gan, xơ gan, ung thư gan, nhồi máu cơ tim, chứng teo cơ, viêm cơ, tán huyết. Những căn bệnh có thể phát sinh khi chỉ số GPT trong máu tăng cao: viêm gan, gan nhiễm mỡ... Tam cao: chỉ chứng bệnh cao huyết áp, mỡ trong máu cao, cholesterol cao. 1. Theo thuyết vụ nổ tạo ra vũ trụ (N.D). 2. Management Information Systems: Các hệ thống quản trị thông tin được đưa vào trong các máy vi tính (N.D). 3. 1 inch = 2,54cm 1. Tên của một hãng cung cấp thực phẩm ăn nhanh (fast food). Ở đây chỉ sự lười biếng, muốn có ngay, không cần công sức hay suy nghĩ (N.D) 1. EBI: Học viện Kinh doanh Trí tuệ (Enlightened Business Institute) (N.D). 1. Đây nói đến những trở ngại cho tâm linh do chấp trước, phân biệt có - không, thường - đoạn... (nhị biên), ngã - pháp, lý - sự, phiền não - giải thoát... (nhị chướng) (N.D) 2. Hay tam khổ: khổ từ bên trong, khổ từ bên ngoài, khổ do thiên nhiên (N.D). 3. Diễn viên điện ảnh Mỹ, thường đóng vai người hùng miền Viễn Tây, rất thành thạo với chiếc dây thòng lọng (N.D.). 1. Ngài Huyền Trang dịch là Năng Đoạn Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh - "Năng đoạn" nghĩa là "có thể chặt". "Chedika" nghĩa là cắt, chặt, đập vỡ. Tác giả dịch là The Diamond Cutter nghĩa là người hay dụng cụ dùng để chặt kim cương (N.D). 1. Nguyên tác Anh ngữ là "the Conqueror", "người Chinh phục", chúng tôi chuyển dịch thành "Thế tôn" cho quen thuộc với Phật tử Việt Nam (N.D). 1. Ngày 2/2. Ở Hoa Kỳ, Canada, có truyền thuyết cho rằng đây là ngày có con sóc đất (groundhog, woodchuck, marmot hay ground squyrrel) từ trong hang chui ra. Nếu nó không nhìn thấy bóng nó (trời âm u), tức là mùa đông sắp hết. Nếu ngược lại, trời nắng, nó sẽ lại chui vào hang để ngủ, tức là mùa đông sẽ kéo dài thêm sáu tuần nữa. 1. Viết tắt của National Aeronautics and Space Administration: Cục Quản trị Hàng không và Không gian Quốc gia Hoa Kỳ, thành lập năm 1958 (N.D). 2. 'Boart' hay 'bort' là loại kim cương kết tinh bất toàn, không có giá trị (N.D). 3. I-dit (Yiddhish): Ngôn ngữ được xem như tiếng Do Thái quốc tế, một dạng tiếng Đức cổ và có những từ mượn tiếng Hebrew (Do Thái cổ) và ở nhiều ngôn ngữ hiện đại được người Do Thái ở Đông và Trung Âu sử dụng. (N.D.) 4. Drek là tiếng I-dít, nghĩa là rác rưởi. Nếu bạn đang quấy rầy một doanh nhân Ấn Độ thì bạn thay thế từ này bằng từ karab. Nếu ông ta là

người Nga thì bạn bảo musor. Thế nào bạn cũng làm chủ được vấn đề. Khi bạn mua đá quý từ một người khác thì chúng luôn luôn là “rác rưởi”. Khi bạn bán đá quý cho người khác - dù cho đây chính là những viên đá “rác rưởi” mà sáng nay người khác đã chào bán cho bạn - chúng luôn là một mitzia hay một “món hời không thể tin được”. 5. Điều này đặt tiền đến nỗi chỉ đáng thực hiện đối với cái mà chúng tôi gọi là hàng “có chứng chỉ” hay hàng cao cấp.

1. Video Cassette Recorder: Máy ghi hình ảnh âm thanh.
2. Health Maintenance Organization: Tổ chức Bảo trì sức khỏe - một dạng bảo hiểm sức khỏe trả tiền trước bao gồm các quyền lợi chăm sóc sức khỏe toàn diện tập trung vào giữ gìn sức khỏe và phòng ngừa bệnh tật.
3. Cartel: Liên hiệp, hiệp hội các công ty. IPO (viết tắt của cụm từ tiếng Anh Initial Public Offering) nghĩa là phát hành cổ phiếu ra công chúng lần đầu. Đây là thử thách đầu tiên và quan trọng đối với bất cứ doanh nghiệp nào. Plastics: (nghĩa đen) là dẻo; (nghĩa bóng) là mềm dẻo, mềm mỏng. Ý nói “hãy xuôi theo thời thế.” Chứng chỉ A là một trong số các khoá được học sinh Anh và học sinh quốc tế lựa chọn. Học sinh được chọn từ 4 đến 6 môn học khác nhau, mỗi môn được chia thành 2 phần riêng biệt AS và A2 NBA tên viết tắt của National Basketball Association, là giải bóng rổ nhà nghề dành cho nam tại Bắc Mỹ. Cuốn sách đã được Thái Hà Books mua bản quyền và xuất bản năm 2008. Cuốn sách đã được Alpha Books mua bản quyền và xuất bản năm 2012. Dao xếp Thụy Sĩ là loại dao đa năng có từ thời La Mã cổ đại. Cái tên Swiss Army Knife còn được dùng để gọi cho những thứ có tính đa năng-đa dụng vì độ bền và tính đa dụng đã trở thành “huyền thoại” của loại dao này. Tác giả sử dụng cụm từ này với ẩn ý một lời khuyên sắc bén, có giá trị, tiện dụng và phù hợp. Cuốn sách đã được Alpha Books mua bản quyền và xuất bản năm 2008. Acro Yoga là sự kết hợp linh hoạt của bộ môn yoga, nhào lộn và massage kiểu Thái. Tequila là loại rượu mạnh cất từ một quả nhiệt đới, chủ yếu ở Mexico. Cả hai cuốn sách này đã được Nhà xuất bản Trẻ mua bản quyền và xuất bản tại Việt Nam. Cuốn sách đã được Alpha Books mua bản quyền và xuất bản năm 2008 Cuốn sách đã được Thái Hà Books mua bản quyền và xuất bản năm 2011. Cuốn sách đã được First News mua bản quyền và xuất bản năm 2012. Cuốn sách đã được Alpha Books

mua bản quyền và xuất bản năm 2011. Cuốn sách đã được Alpha Books mua bản quyền và xuất bản năm 2007. Ý chỉ một người nào đó bị rơi vào hoàn cảnh chán nản lặp đi lặp lại. Anita Martel là cộng sự của Perry-Martel International và là một nhà quản lý đạt Chứng chỉ kiểm tra BarOn EQ-I. Bà dành cả cuộc đời mình cho việc hỗ trợ các nhà lãnh đạo, cá nhân và các nhóm làm việc trong việc tăng cường tính hiệu quả cũng như phát huy tối đa tiềm năng của họ. Muốn biết thêm thông tin chi tiết hoặc tham gia bài kiểm tra, bạn có thể gửi e-mail đến anitam@perrymartel.com. Địa chỉ trang web của Dennis Smith: www.WirelessJobs.com – địa chỉ e-mail: dennis@wirelessjobs.com Dave Howlett là người sáng lập kiêm giám đốc điều hành của trang www.realhumanbeing.org. RHB đăng cai tổ chức các buổi thuyết trình về văn hóa công ty, bán hàng và kết nối mạng. Bạn có thể liên lạc với Howlett theo địa chỉ e-mail: dhowlett@realhumanbeing.org. Simon Stapleton - giám đốc kiêm nhà đổi mới trong ngành công nghệ thông tin - đã thực hiện sứ mệnh của mình là giúp đỡ các nhà lãnh đạo mới nổi trong lĩnh vực này phát triển sự nghiệp, cũng như con người họ. Blog của ông là www.simonstapleton.com. Bạn có thể liên hệ với ông qua địa chỉ e-mail: simon@simonstapleton.com. Steven Rothberg là chủ tịch kiêm người sáng lập của CollegeRecruiter.com, có trang web là www.CollegeRecruiter.com – trang tin tuyển dụng hàng đầu dành cho sinh viên đại học. Dave Mendoza là một diễn giả và là một nhà tư vấn về nguồn nhân lực. Là đối tác của RecruitingBlogs.com, Dave Mendoza là một trong 20 người kết nối mạng toàn cầu trên LinkedIn. Bạn có thể biết thêm thông tin chi tiết về Dave Mendoza tại www.linkedin.com/in/davemendoza/ hoặc www.sixdegreesfromdave.com. Để xem những lời nhận xét của Steve Duncan, hãy vào www.linkedin.com/in/steveduncan/. Jason Alba là giám đốc điều hành của JibberJobber.com. Bạn có thể tìm thấy thông tin về Jason tại địa chỉ www.linkedin.com/in/jasonalba/. Matt Massey là Chủ tịch của drive2 Inc., một công ty về năng lực lãnh đạo. Bạn có thể tìm thấy thông tin về ông tại www.linkedin.com/in/drive2/. Joseph Nour là Giám đốc điều hành của hãng Protus IT Solutions, chủ sở hữu của trang web www.campaigner.com, một dịch vụ tiếp thị qua e-mail dành cho các doanh

nghiệp quy mô nhỏ và vừa. Jill Tanenbaum là chủ tịch công ty Jill Tanenbaum Graphic Design & Advertising. Bạn có thể xem thêm thông tin về Jill tại trang www.jtdesign.com. Để xem những lời khen ngợi của Ross Macpherson, chủ tịch của Career Quest, hãy vào trang www.yourcareerquest.com. Steve Panyko từng là chuyên viên cấp cao tại AT&T Bell Laboratories, Motorola, Harris Corporation, và ITT. Ông cũng từng là giám đốc điều hành của bốn công ty cổ phần tư nhân mà chính ông đã giúp thành lập, huy động vốn và dẫn dắt tới thành công. Giờ đây, Steve làm việc cho văn phòng Colorado Springs của Perry-Martel International. Để liên hệ với Steve bạn hãy vào địa chỉ www.linkedin.com/in/sfpanyko/.

(*) Đô-la được tính bằng tỷ 1. ROI: Return on investment - Lợi tức đầu tư 1. Chief executive officer 2. Virginia Woolf (1882 - 1941) là một tiểu thuyết gia và một nhà văn tiểu luận người Anh được coi là một trong những nhân vật văn học hiện đại lừng danh nhất thế kỉ XX. 1. Tên gọi tắt của Coca - cola. 2. PAR: Problem - Action - Result 3. Flat organization. 1. Fedex: Tập đoàn chuyển phát nhanh hàng đầu thế giới 2. Return on investment 3. Các phát thanh viên nổi tiếng ở Mỹ 4. Các phát thanh viên nổi tiếng ở Mỹ 5. Các phát thanh viên nổi tiếng ở Mỹ 6. Các phát thanh viên nổi tiếng ở Mỹ 7. Một thương nhân người Texas, chạy đua vào Nhà Trắng các năm 1992 và 1996. 1. John River: Danh hài nổi tiếng người Mỹ 2. Elizabeth Dole: Nhà chính trị người Mỹ, từng phục vụ cho chính quyền tổng thống Ronald Reagan và Geogre Bush. 3. Ca sĩ nhạc dance nổi tiếng người Australia 4. Palm Springs: Một thành phố tên sa mạc thuộc hạt Riverside, bang California 1. Eleanor Roosevelt: Đệ nhất phu nhân của Tổng thống Franklin D.Roosevelt. 2. Rehabilitation Act (1) Cuốn sách này đã được Thái Hà Books xuất bản. (1) Monopoly còn gọi là Cờ Tỷ Phú, là một loại trò chơi do Parker Bros - một nhãn hiệu của công ty đồ chơi Hasbro sản xuất. Người chơi đấu với nhau để giành tài sản thông qua những hoạt động kinh tế được cách điệu trong đó có mua bán, cho thuê và trao đổi tài sản bằng cách sử dụng tiền, trong khi những người chơi lần lượt di chuyển xung quanh bàn cờ theo mỗi lần gieo xúc xắc. (2) IRAs: Tài khoản tiết kiệm cá nhân dùng cho hưu trí, phù hợp với thuế thu nhập cá nhân. Keogh: Tài khoản hưu trí cho các chủ doanh

nghiệp tự làm chủ, cho các cổ đông và nhân viên trong công ty. (3) Employee savings plan: Một tài khoản đầu tư chung được cung cấp bởi người sử dụng lao động cho phép nhân viên dành một phần lương trước thuế của họ để tiết kiệm hưu trí. (4) Là cơ hội được chơi lại một cú đánh không bị phạt. Thường thường nó được tính ở cú phát bóng trên bệ phát 1 hay 10. Hình thức đánh mulligan nằm ngoài luật gôn và chỉ xảy ra ở những cuộc chơi không chính thức. (1) RBC (The Royal Bank of Canada - Ngân hàng quốc gia Canada) Dain Rauscher không cung cấp các khoản thuế và tư vấn pháp luật. Mọi quyết định liên quan đến vấn đề thuế hay pháp luật của các khoản đầu tư của bạn nên được thảo luận với nhà tư vấn thuế và pháp luật riêng. (*) Chú ý: Số phần trăm ở mỗi cột không được là 100%. Vì nguồn tài chính của mỗi người khác nhau nên bạn có thể thêm vào hoặc bớt đi các khoản chi tiêu. Tuy nhiên, ngân quỹ của bạn phải là tổng 100% thu nhập. (1) Ted Turner tên đầy đủ là Robert Edward Turner III, sinh ngày 19/11/1938 tại Cincinnati, Ohio, Mỹ. Ông là người sáng lập ra kênh truyền hình CNN (Cable News Network) - mạng truyền hình cáp đầu tiên ở Mỹ thực hiện phát sóng 24 giờ suốt 7 ngày trong tuần. (1). Lassi: Loại đồ uống được chế biến từ sữa chua và sữa. (1). Martin Luther King, Jr (15/1/1929 – 4/4/1968) là nhà hoạt động dân quyền Mỹ gốc Phi và là người đoạt giải Nobel Hòa Bình năm 1964. Ông là một trong những nhà lãnh đạo có ảnh hưởng lớn nhất trong lịch sử Hoa Kỳ cũng như lịch sử đương đại của phong trào bất bạo động. (2). Henry Wadsworth Longfellow (1807 – 1882): Là nhà thơ người Mỹ, tác giả của nhiều tập thơ nổi tiếng: The Song of Hiawatha (Bài ca về Hiawatha), A Psalm of Life (Bản thánh ca của cuộc đời), Excelsior... (3). Theodore Roosevelt (1858 – 1919): Tổng thống thứ 26 của Hoa Kỳ. (4). Michael Jordan (1963): Là cầu thủ bóng rổ nhà nghề nổi tiếng thế giới của Mỹ đã giải nghệ. Anh được coi là một trong những cầu thủ bóng rổ vĩ đại nhất mọi thời đại, và là người đã phổ biến môn bóng rổ của NBA (National Basketball Association - Liên đoàn bóng rổ quốc gia Mỹ) ra toàn thế giới trong thập niên 1980, 1990. (5). Mahatma Gandhi (1869 – 1948) là anh hùng dân tộc Ấn Độ đã chỉ đạo cuộc kháng chiến chống chế độ thực dân của Đế quốc Anh và giành độc lập cho Ấn Độ với sự ủng hộ nhiệt liệt của hàng

triệu người dân. Trong suốt cuộc đời, ông phản đối tất cả các hình thức khủng bố bạo lực và thay vào đó, chỉ áp dụng những tiêu chuẩn đạo đức tối cao. (6). Jack Welch là cựu Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc tập đoàn General Electric. Ông có công lớn trong việc phát triển GE. Tạp chí Fortune tặng cho ông danh hiệu “CEO tạo ra giá trị cao nhất thế giới”. (7). Edgar Allan Poe (1809 – 1849) là nhà văn, nhà viết kịch, nhà phê bình, nhà thơ Mỹ. Poe là ông tổ của thể loại truyện trinh thám và hình sự, có ảnh hưởng tới Arthur Conan Doyle (tác giả loạt truyện về Sherlock Homes). (8). Aristotle (384 – 322 TCN) là nhà triết học, nhà giáo dục và nhà khoa học Hy Lạp cổ đại. (9). Arthashastra là tác phẩm của một quan chức cao cấp và nhà hiền triết trong triều Chandragupta, vương triều Maurya, thế kỉ 4 TCN, Kautilya, tiếng Việt là “Luận về bốn phận” (một số tác giả nước ngoài dịch là “Khoa học chính trị”). (10). Shakespeare (26/4/1564 – 23/4/1616) là nhà thơ và nhà soạn kịch người Anh lừng danh thế giới. Ông viết khoảng 38 vở kịch và nhiều loại thơ khác, đặc biệt là thơ sonnet. (11). Ronald Reagan (1911 – 2004) là tổng thống thứ 40 của Hoa Kỳ (12). Wal-Mart: “Đế chế” bán lẻ có doanh thu lớn nhất thế giới, do Sam Walton thành lập năm 1962. (13). Costco: Tập đoàn bán lẻ đứng thứ 5 ở Mỹ. Lúc mới hình thành, Costco chỉ là cửa hàng nhỏ lẻ ở Seatt le vào năm 1983, đến nay đã có 457 cửa hàng, hầu hết tập trung ở Mỹ, ngoài ra còn có ở Canada, Anh, Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản. Costco đang trở thành đối thủ cạnh tranh đáng lưu ý của “đại gia” Walmart. (14). Starbucks: Thương hiệu cà phê nổi tiếng trên toàn thế giới, có trụ sở ở Seatt le, Washington, Hoa Kỳ.. (15). Apple: Tập đoàn công nghệ máy tính của Mỹ có trụ sở chính đặt tại Silicon Valley, San Francisco, bang California. (16). Amazon.com: Công ty thương mại điện tử đa quốc gia có trụ sở tại thành phố Seatt le, bang Washington, Hoa. Đây là nhà bán lẻ trực tuyến lớn nhất Hoa Kỳ. (17). Arnold Palmer: Cầu thủ chơi gôn chuyên nghiệp người Mỹ, được xem là tay gôn vĩ đại nhất trong lịch sử của môn thể thao gôn chuyên nghiệp/nhà nghề. (18). Ralph Waldo Emerson (1803 – 1882): Là nhà viết tiểu luận, nhà thơ, triết gia người Mỹ, và cũng là người đi đầu trong phong trào tự lực cánh sinh và triết lý siêu việt (tiếng Anh là transcendentalism). (1). Malcolm Gladwell: Tác giả cuốn sách

“Những kẻ xuất chúng”. (2). Johannes Gutenberg (1390-1468) là công nhân và nhà phát minh người Đức. Ông đã phát minh ra phương pháp in dấu vào những năm 1450. (3). John Chambers: Giám đốc điều hành của Cisco Systems. Trên 10 năm gần đó, Chambers đã đưa công ty từ cấp hạng trung thành công ty hàng đầu trên thế giới. Do đó, ông được mệnh danh là “Giám đốc điều hành của tương lai”. (4). John Chambers: Giám đốc điều hành của Cisco Systems. Trên 10 năm gần đó, Chambers đã đưa công ty từ cấp hạng trung thành công ty hàng đầu trên thế giới. Do đó, ông được mệnh danh là “Giám đốc điều hành của tương lai”. (5). Numbers USA: Tổ chức phi lợi nhuận của những người không phân biệt đảng phái chính trị, hoạt động nỗ lực để ổn định dân số nước Mỹ. (6). Medicare và Medicaid: Chương trình chăm sóc sức khỏe do chính phủ Mỹ tài trợ. (7). Nguyên gốc là “buy-cott”. Trước đó, tác giả sử dụng từ “boy-cott” (có nghĩa là “tẩy chay”) để thể hiện phản ứng không đồng tình của khách hàng. Khi quan điểm thay đổi, khách hàng “chuyện lỗi” bằng cách quay trở lại sử dụng sản phẩm của Whole Foods, tác giả sử dụng lối chơi chữ “buy-cott”, để chuyển tải được lối chơi chữ của tác giả, người dịch đã sử dụng từ “mua chay”. (8). Daniel Pink: Học giả người Mỹ, tác giả cuốn “Một tư duy hoàn toàn mới – Bán cầu não phải sẽ thống trị tương lai”.

.sup (1). Birmingham: Thành phố miền Bắc Alabama và cũng là thành phố lớn nhất tiểu bang Alabama với số dân hơn 240.000 người

Context dependent behavior
Driving While Distracted
Asperger syndrome
Executive skills
Neuroscientists
Jekyll and Hyde
Behaviors
Lost and Found
White matter
Gray matter
A quadrillion= 1,000,000,000,000,000 (10¹⁵)
Functional magnetic resonance imaging
Amygdala
Insula
The fight-or-flight response
Plasticity of brain
Hot and cool cognition
Neurotransmitter
Limbic system
Attention-deficit/hyperactivity disorder (ADHD)
Positive psychology
Premack Principle
Grandma’s Law

1. Một sản phẩm hoặc dịch vụ đổi mới được gọi tắt là một đổi mới.
2. VP: Phó chủ tịch.
Mgr: Nhà quản lý.
Proj: Dự án. Vấn đề nan giải là vấn đề có tính chất khó khăn dai dẳng, khó xử lý và kiểm soát tới mức không thể giải quyết được.
6-Sigma (Six Sigma) là một hệ phương pháp cải tiến quy trình dựa trên thống kê nhằm giảm thiểu tỷ lệ sai sót hay khuyết tật đến mức 3,4 lỗi trên mỗi

triệu khả năng gây lỗi bằng cách xác định và loại trừ các nguồn tạo nên dao động (bất ổn) trong các quy trình kinh doanh. Học thuyết Deming: Học thuyết về quản lý chất lượng, do William Edwards Deming – nhà thống kê nổi tiếng người Mỹ – đưa ra. Deming chủ trương theo dõi chặt chẽ mọi quá trình sản xuất bằng công cụ thống kê. Vòng tròn Quản lý chất lượng của Deming gồm bốn yếu tố: lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch, kiểm tra và khắc phục sai lỗi. Đây là thuật ngữ do Richard Buchanan đưa ra, chỉ nền văn hóa thiết kế cũ. Cuốn sách WorldChanging: A User's Guide for the 21st Century (Làm thay đổi thế giới: Kim chỉ nam cho thế kỷ XXI) của cây bút Mỹ Alex Steffen giới thiệu những sản phẩm, xu hướng, công trình kiến trúc và dịch vụ mang tính sáng tạo, có lợi cho Trái đất. Tetra Pak là tập đoàn kinh tế chuyên sản xuất bao bì bằng giấy carton do tỷ phú Ruben Rausing (Thụy Điển) sáng lập. Bao bì Tetra Pak được làm bằng giấy carton, có thể tái chế. Trường phái Bauhaus do nhà thiết kế Walter Gropius khởi xướng năm 1919, bắt nguồn từ thành phố Weimar, miền Đông nước Đức, nhằm tôn vinh tính thực dụng và đơn giản. Dãy số Fibonacci: Dãy số nổi tiếng do nhà toán học người Ý Leonardo Fibonacci (1175-1250) tìm ra, được biến hóa vô tận. Ô tô lai là loại hình phương tiện ghép, sử dụng từ hai nguồn nhiên liệu trở lên cho động cơ, thường nhiên liệu chính vẫn là xăng và nguồn nhiên liệu thứ hai là điện. Khóa dính Velcro: Loại khóa quần áo có hai dải, một dải nhám, một dải trơn, khi kéo sẽ dính chặt lại với nhau. FTSE 100: Chỉ số cổ phiếu của 100 công ty có giá trị vốn hóa lớn nhất được niêm yết trên Sàn Giao dịch Chứng khoán London (LSE), được bắt đầu từ ngày 3/1/1984, với điểm sàn là 1.000). 1. Lean và 6 Sigma: Biện pháp cải tiến hoạt động của doanh nghiệp bằng cách loại bỏ lãng phí một cách hệ thống dựa vào nỗ lực hợp tác theo nhóm. 2. Hệ thống sản xuất tinh gọn (lean): Phương pháp cải tiến có hệ thống, liên tục và tập trung vào việc tạo thêm giá trị cho khách hàng cùng lúc với việc loại bỏ các lãng phí (wastes) trong quá trình sản xuất/cung cấp dịch vụ. 1. Godfather: một tác phẩm rất nổi tiếng của nhà văn Ý Mario Puzo. 1. CPA: certified public accountant. 1. Lục căn: bao gồm mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý 2. Hiền giả: Chỉ Hiền giả Minh Triết, người đang thực hành và ứng dụng phương pháp Thiên Minh Triết (Phát triển Lực Nhiệm Màu và Sự

Thông Minh Sâu thẳm bên trong). 3. Phạt Tâm Danh: Tên dùng để kích hoạt sự Thông Minh Sâu Thẳm mà tác giả đã ẩn chứng cho người học và thực hành các Phương pháp Duy Tuệ. 1. Garrison Keillor (7/8/1942): là nhà văn châm biếm, nhà thơ trào phúng, nhà soạn kịch người Mỹ. 1. S&P 500: Cổ phiếu trung bình của 500 công ty thuộc Standard & Poor. 1. Chỉ số Dow Jones: Chỉ số trung bình công nghiệp Dow Jones, là một trong vài chỉ số thị trường chứng khoán, do Charles Dow tạo ra. Ông là chủ báo The Wall Street Journal và đồng sáng lập viên của công ty Dow Jones & Company vào thế kỷ XIX. 1. Chuỗi cửa hàng quần áo dành cho phụ nữ. 1. Là vở kịch mang tên Waiting for Godot của nhà văn được giải Nobel Văn học Samuel Beckett. Đây là tác phẩm nói về hai người đàn ông cả đời chỉ biết chờ đợi một nhân vật không quen biết tên là “Godot”. 1. Bono: Nghệ danh của học sĩ, ca sĩ, doanh nhân và nhà hoạt động xã hội người Ireland, Paul David Hewson. 2. WWF (World Wildlife Fund): Quỹ bảo vệ đời sống thiên nhiên thế giới. 3. The Body Shop: Nhà sản xuất và bán lẻ toàn cầu các sản phẩm mỹ phẩm có nguồn gốc và cảm hứng từ thiên nhiên. 4. Joe Boxen: Hãng đồ lót của Mỹ. 1. Là chất dẫn truyền thần kinh, có tác dụng giảm đau. 1. Là khoa học ứng dụng liên quan tới việc tổ chức và sắp xếp mọi thứ sao cho con người có thể sử dụng chúng dễ dàng và an toàn. 1. Chuyên gia marketing và thương hiệu. 4. Rainmaker (Người tạo mưa): ngày nay khái niệm này được sử dụng để chỉ người bán hàng xuất sắc – người mang thu nhập về cho tổ chức, dù đó là tổ chức lợi nhuận hay phi lợi nhuận. 1. Chamanisme: một loại hình tôn giáo cho rằng một người nào đó, do bẩm sinh hay sau một thay đổi căn bản về cơ thể hoặc tâm lý, tinh thần, có khả năng giao tiếp với các siêu linh, các vong hồn bằng cách hồn thoát khỏi xác, hoặc thần thánh, ma quỷ nhập vào mình, để cầu xin với siêu linh một điều gì. 2. Chữ cái đầu của các từ Meaning – ý nghĩa; Moat – hào; Management – quản lý; Margin of safety – biên an toàn. 3. Sticker price: là giá bán lẻ sản phẩm mà nhà sản xuất đề nghị, thông thường giá này có thể thương lượng được. Viết tắt của các từ tiếng Anh: Energy: năng lượng, Energize: kích thích, Edge: sắc sảo, Execute: thực hiện, Passion: đam mê. Đạo luật Sarbanes-Oxley, còn được biết với tên Đạo luật Sarbox là một trong những

luật căn bản của nghề kế toán, kiểm toán, được ban hành tại Hoa Kỳ năm 2002. Mục tiêu chính của Đạo luật này bảo vệ lợi ích của các nhà đầu tư vào các công ty đại chúng bằng cách buộc các công ty này phải cải thiện sự đảm bảo và độ chính xác của các báo cáo, các thông tin tài chính công khai.

1. Mã Hữu Hữu: nghệ sỹ cello, nhạc sỹ nổi tiếng người Pháp gốc Hoa. (2) Áp lực đồng cấp: Khái niệm mô tả sự thay đổi của một cá nhân hay bị thôi thúc thay đổi về thái độ, hành vi đạo đức do chịu sức ép trực tiếp của những người trong cùng nhóm. (6) Gung Ho: Bắt nguồn từ tiếng Trung, Gung tức là Công - làm việc, và Ho tức là Hợp - hòa hợp, hợp tác; Gung Ho nghĩa là hợp tác để làm việc chung với nhau. Ngày nay, nó có nghĩa là một thái độ hăng say, tận tâm tận lực đối với một vấn đề nào đó. (1) SAT: Kỳ thi kiểm tra năng lực ứng viên xin học đại học. SAT trên 1.000 điểm đủ điều kiện học tại Mỹ. (5) The Dogs of the Dow: là chiến lược khuyên các nhà đầu tư hàng năm mua 10 loại cổ phiếu trong số 30 Cổ phiếu Công nghiệp Bình quân Dow Jones có số chia lợi tức cao nhất.

3. Kaizen: được ghép từ hai từ tiếng Nhật: Kai – “Thay đổi” và Zen – “Tốt hơn”, nghĩa là “Thay đổi để tốt hơn” hoặc “Cải tiến liên tục”. Để tìm hiểu thêm về phương pháp này, mời đọc cuốn Kaizen – Thiết lập Hệ thống Cải tiến Liên tục thông qua Thực hiện Đề xuất của Người lao động do Alpha Books xuất bản. (4) Jan Carlzon, thành viên ban điều hành Hãng hàng không Scandinavian, đã viết cuốn sách Moment of Truth (Khoảnh khắc của sự thật), và cụm từ này đã trở nên phổ biến trong dịch vụ khách hàng – nó là phương tiện để định nghĩa khoảnh khắc mà khách hàng đánh giá sản phẩm hay dịch vụ và tuyên bố kết luận “cái này tốt” hoặc “tôi không thích cái này”.

1. Hiệu ứng Pygmalion hay còn gọi là Self-fulfilling prophecy (lời tiên đoán tự trở thành hiện thực) được xem như một bí quyết quan trọng trong quản lý nhân sự. Nếu một người (hoặc chính ta) nghĩ ta thông minh hay ngu dốt hay sao đó, họ sẽ đối xử với ta theo cách mà họ nghĩ. Nếu ta được đối xử như thế ta thông minh hay ngu dốt hay sao đó, ta sẽ hành xử và thậm chí trở thành như thế. Do vậy, những “tiên cảm” ban đầu của người đó về ta đã trở thành hiện thực! Tóm lại, một khi ý niệm đã hình thành, thậm chí ngay cả khi nó không đúng với thực tế, chúng ta vẫn có khuynh hướng hành xử theo đó. Và kỳ diệu thay, kết quả sẽ xảy ra đúng

theo kỳ vọng đó, như thế có phép lạ!. 2. Ngụ ý đến tiểu thuyết Strange Case of Dr. Jekyll and Mr. Hyde của Robert Louis Stevenson, kể về một người đa nhân cách, thể hiện hai tính cách hoàn toàn đối nghịch - thiện và ác - trong cùng một con người.

1. JIT (Just-in-time): hệ thống hoạt động đảm bảo một dòng sản phẩm đều đặn đi qua hệ thống với lượng tồn kho nhỏ nhất – nhận đơn đặt hàng và đảm bảo giao hàng đúng thời gian cam kết thay vì sản xuất hàng loạt và chờ đợi đơn đặt hàng.
2. Số tiền mà người được bảo hiểm sẵn sàng trả cho chi phí thuốc thang trong thời gian thăm quan tại nước đó.
3. Stretch Goals: là thuật ngữ được Jack Welch của GE đặt ra, chỉ những mục tiêu dường như không thể đạt được với các nguồn lực hiện tại. Bằng cách chỉ rõ ra “điều không thể đạt được”, mọi người buộc phải suy nghĩ sáng tạo, cố gắng vượt mức thông thường của họ.

1. Phản hồi 360 độ (360 Degree Feedback) là phương pháp đánh giá nhân viên (thường ở cấp quản lý và lãnh đạo) bằng cách thu thập dữ liệu về họ trong những tình huống làm việc thực tế và về những phẩm chất hoạt động mà họ thể hiện thông qua quá trình tổng hợp thông tin từ những người tiếp xúc với cá nhân được đánh giá (giám đốc điều hành, quản lý, người đồng cấp, khách hàng hay đối tác...), nói chung là bất cứ ai đáng tin cậy và biết rõ về công việc của cá nhân đó đều có thể tham gia vào quá trình đánh giá này.
1. Time to market: Khoảng thời gian từ lúc sản phẩm được thai nghén đến lúc được tung ra thị trường. TTM đặc biệt quan trọng trong các ngành có sản phẩm lỗi một nhanh chóng.
1. Niccolò di Bernardo dei Machiavelli là nhà triết học chính trị, nhạc sĩ, nhà thơ, nhà soạn kịch. Ông được xem là một trong những nhà sáng lập của nền khoa học chính trị hiện đại. Sống trong thời Phục Hưng Italia, ông là nhân vật trung tâm của bộ máy chính trị thời đó. Niccolò Machiavelli là một biểu tượng của nhà chính khách đầy mưu mô, thủ đoạn, đạo đức giả, vô luân lý, tráo trở và bất nhân mà triết lý duy nhất là cứu cánh biện minh cho phương tiện. Sáu Sigma (Six Sigma) là một hệ phương pháp cải tiến quy trình dựa trên thống kê nhằm giảm thiểu tỷ lệ sai sót hay đến mức 3,4 lỗi trên mỗi triệu khả năng gây lỗi bằng cách xác định và loại trừ các nguồn tạo nên dao động (bất ổn) trong các quy trình kinh doanh. Trong việc định nghĩa khuyết tật, Sáu Sigma tập trung vào việc thiết lập sự thông hiểu tường tận các yêu cầu của khách

hàng và vì thế có tính định hướng khách hàng rất cao. 1. Hiệu ứng Pygmalion hay còn gọi là Self-fulfilling prophecy (lời tiên đoán tự trở thành hiện thực) được xem như một bí quyết quan trọng trong quản lý nhân sự. Nếu một người (hoặc chính ta) nghĩ ta thông minh hay ngu dốt hay sao đó, họ sẽ đối xử với ta theo cách mà họ nghĩ. Nếu ta được đối xử như thế ta thông minh hay ngu dốt hay sao đó, ta sẽ hành xử và thậm chí trở thành như thế. Do vậy, những “tiên cảm” ban đầu của người đó về ta đã trở thành hiện thực! Tóm lại, một khi ý niệm đã hình thành, thậm chí ngay cả khi nó không đúng với thực tế, chúng ta vẫn có khuynh hướng hành xử theo đó. Và kỳ diệu thay, kết quả sẽ xảy ra đúng theo kỳ vọng đó, như thế có phép lạ! 2. Ngụ ý đến tiểu thuyết Strange Case of Dr. Jekyll and Mr. Hyde của Robert Louis Stevenson, kể về một người đa nhân cách, thể hiện hai tính cách hoàn toàn đối nghịch - thiện và ác - trong cùng một con người.

1. JIT (Just-in-time): hệ thống hoạt động đảm bảo một dòng sản phẩm đều đặn đi qua hệ thống với lượng tồn kho nhỏ nhất – nhận đơn đặt hàng và đảm bảo giao hàng đúng thời gian cam kết thay vì sản xuất hàng loạt và chờ đợi đơn đặt hàng.
2. Số tiền mà người được bảo hiểm sẵn sàng trả cho chi phí thuốc thang trong thời gian thăm quan tại nước đó.
3. Stretch Goals: là thuật ngữ được Jack Welch của GE đặt ra, chỉ những mục tiêu dường như không thể đạt được với các nguồn lực hiện tại. Bằng cách chỉ rõ ra “điều không thể đạt được”, mọi người buộc phải suy nghĩ sáng tạo, cố gắng vượt mức thông thường của họ.

1. Phản hồi 360 độ (360 Degree Feedback) là phương pháp đánh giá nhân viên (thường ở cấp quản lý và lãnh đạo) bằng cách thu thập dữ liệu về họ trong những tình huống làm việc thực tế và về những phẩm chất hoạt động mà họ thể hiện thông qua quá trình tổng hợp thông tin từ những người tiếp xúc với cá nhân được đánh giá (giám đốc điều hành, quản lý, người đồng cấp, khách hàng hay đối tác...), nói chung là bất cứ ai đáng tin cậy và biết rõ về công việc của cá nhân đó đều có thể tham gia vào quá trình đánh giá này.
1. Time to market: Khoảng thời gian từ lúc sản phẩm được thai nghén đến lúc được tung ra thị trường. TTM đặc biệt quan trọng trong các ngành có sản phẩm lỗi một nhanh chóng.
1. Niccolò di Bernardo dei Machiavelli là nhà triết học chính trị, nhạc sĩ, nhà thơ, nhà soạn kịch.

Ông được xem là một trong những nhà sáng lập của nền khoa học chính trị hiện đại. Sống trong thời Phục Hưng Italia, ông là nhân vật trung tâm của bộ máy chính trị thời đó. Niccolò Machiavelli là một biểu tượng của nhà chính khách đầy mưu mô, thủ đoạn, đạo đức giả, vô luân lí, tráo trở và bất nhân mà triết lí duy nhất là cứu cánh biện minh cho phương tiện. Sáu Sigma (Six Sigma) là một hệ phương pháp cải tiến quy trình dựa trên thống kê nhằm giảm thiểu tỷ lệ sai sót hay đến mức 3,4 lỗi trên mỗi triệu khả năng gây lỗi bằng cách xác định và loại trừ các nguồn tạo nên dao động (bất ổn) trong các quy trình kinh doanh. Trong việc định nghĩa khuyết tật, Sáu Sigma tập trung vào việc thiết lập sự thông hiểu tường tận các yêu cầu của khách hàng và vì thế có tính định hướng khách hàng rất cao.

1. Plugin (plug-in): là một bộ phần mềm hỗ trợ thêm những tính năng cụ thể cho một phần mềm ứng dụng lớn hơn. Nếu được hỗ trợ, plug-in cho phép tùy biến các chức năng của một ứng dụng. Ví dụ, plug-in thường được sử dụng trong các trình duyệt web để chơi video, quét virus, và hiển thị các loại tập tin mới. Ví dụ hai plug-in được biết đến rộng rãi bao gồm Adobe Flash Player và QuickTime. Add-on thường được coi là thuật ngữ chung dùng cho các snap-in, plug-in, các phần mở rộng và các chủ đề.
1. News Feed là một định dạng dữ liệu được sử dụng để cung cấp cho người sử dụng Facebook với nội dung cập nhật thường xuyên. Nội dung cung cấp thông tin phân phối một nguồn cấp dữ liệu web, qua đó cho phép người dùng đăng ký vào nó.
1. Trending: thuật ngữ được dùng trên Twitter, chỉ việc lan truyền một điều hoặc sự việc có gắn hashtag (ND)
2. Hashtag: thuật ngữ được dùng trên Twitter, chỉ từ được nhiều người sử dụng nhắc đến, thường đặt sau dấu “ (ND)” id=""
1. Retweet: đăng lại nguyên văn dòng tweet đó trên tài khoản Twitter của mình (ND).
1. Tweet: dòng cập nhật trạng thái trên Twitter.com, giới hạn độ dài 140 ký tự. Món đồ chơi trông giống một ống lò xo có hai đầu, nhờ nguyên lý vật lý nó có thể tự động thực hiện các bước nhảy liên tiếp qua bậc thang: khi giữ một đầu và đặt đầu còn lại xuống bậc thang thấp hơn, thì đầu trên sẽ tự động “nhảy” xuống và thu lại thành hình khối lò xo ban đầu, trước khi “nhảy” xuống bậc thang tiếp theo (chú thích người dịch) Từ “Nguyệt” và “Nhạc” trong tiếng Trung phát âm giống nhau. Cách gọi khác của ni cô.

Tảng đá. Theo quản lý hành chính thời phong kiến, mười hộ được gọi là một giáp, mỗi giáp chọn ra một người đứng đầu quản việc gọi là “giáp trưởng”. Cách hành văn thời xưa. Chỉ những kẻ “yêu râu xanh”, chuyên hãm hiếp bức hại phụ nữ. Vật dụng dùng để chải răng của người xưa, có cán bằng gỗ, phần đầu có gắn những sợi lông mềm. Trong tiếng Trung, ba từ 揩齿 kai chi: Chải răng, 开始 kai shi: Bắt đầu và 开齿 kai chi: Mở răng, đọc gần giống nhau. Trong tiếng Trung, từ “Cổ lên” dịch theo nghĩa đen là “thêm dầu”. Còn có tên gọi khác là kinh thụ bì, kim tiền tòng, có công hiệu diệt trùng, trị ngứa. Một hiện tượng mất trí nhớ bất thường mang tính lựa chọn, gọi tắt là chứng lãng quên tâm lý, người bệnh do chịu chấn động quá lớn bởi sự kiện nào đó mà tạm thời không dám nhớ lại một phần hoặc toàn bộ sự việc đã xảy ra. Thuật ngữ mô tả một trạng thái tâm lý trong đó người bị bắt cóc lâu ngày chuyển từ sợ hãi và căm ghét sang thông cảm và quý mến chính kẻ bắt cóc mình. Nguồn gốc của thuật ngữ này là từ một vụ án xảy ra năm 1973 tại Stockholm, Thụy Điển. Tiếng Anh nghĩa là: Trường hợp. Tổ chức tín dụng thời xa xưa, bắt đầu xuất hiện vào thời nhà Minh, có chức năng giống như ngân hàng ngày nay. Người phụ nữ trung niên làm công việc nặng nhọc, trong trường hợp này là người kiểm tra trình tiết của các cô nương, nhằm phục vụ việc phá án. Trong tiếng Trung, chữ “Võ” và chữ “Vô” đọc gần giống nhau. Đạo bào: Áo khoác dài chấm gót mà đạo sĩ thường mặc. Tiếng Anh có nghĩa là trường hợp, vụ việc. Họ Trần trong tiếng Trung phiên âm là Chén, họ Trình phiên âm là Chéng. Tiếng Anh nghĩa là: Sáng tạo. Thần trộm. Tiếng Anh nghĩa là lỗi. Tiếng Anh nghĩa là: Lãnh đạm, lạnh lùng, đìem tĩnh. 悔(Hâi): Hey và 害(Hài) Hại: Hai từ này phát âm gần giống nhau. Chỉ những lí lẽ đúng đắn xưa nay, không có gì để bàn cãi, nghi ngờ. Hiện tượng hồi quang phản chiếu hay còn gọi là hiện tượng bừng tỉnh trước khi chết. Những người bệnh nặng lâu ngày, cơ thể suy yếu đột nhiên tỉnh táo, khỏe mạnh trong một thời gian ngắn, đó chính là dấu hiệu của hiện tượng này. Ở đây tác giả muốn chơi chữ, trong tiếng Trung, khổ và đảng cùng một từ, phát âm là 'Kǔ' Nhân yêu: Tiếng Thái gọi là grateai, tiếng Anh gọi là shemale, từ hiện đại dùng để chỉ những người nam giả nữ, nữ giả nam, người giới tính không bình thường. Chỉ hành động, việc làm của một

người là do hoàn cảnh bắt buộc, chứ không phải xuất phát từ nguyện vọng của bản thân người đó. Câu này xuất phát từ một điển cố thời Tấn Trung Tông. Trọng thần trong triều là Vương Đôn khởi binh làm loạn, anh họ Vương Đạo cùng cả gia tộc bị liên lụy, ở ngoài cung chờ đợi. Vương Đạo xin Chu Bá Nhân nói giúp trước mặt Hoàng đế, Bá Nhân không để ý, nhưng cũng dưng sớ xin xá tội cho Vương Đạo. Vương Đạo ghi hận trong lòng. Sau này Vương Đôn lên nắm quyền, hỏi Vương Đạo có muốn giết Bá Nhân không, Vương Đạo im lặng, thế là Bá Nhân bị giết. Sau đó Vương Đạo tìm thấy tấu chương của Bá Nhân, mới bừng tỉnh hiểu ra và thốt lên: “Ta không giết Bá Nhân, Bá Nhân lại vì ta mà chết. Trong tâm tối, chỉ có bằng hữu tốt này.” Âm Hán Việt “nhân gia” nghĩa là “người ta”. Tên tiếng Anh của loại bệnh này là Change Blindness. Trong y học, bệnh này được gọi là Claustrophobia. Về mặt đạo nghĩa không cho phép từ chối. Công nhân thủ công. Tiết tháo: chí khí cương trực và trong sạch. Trẻ hư. Tổng số chữ trong bản thảo gốc. 1 Chú căn cô: Câu thần chú mà Đường Tăng đọc lên mỗi khi cần khống chế Tôn Ngộ Không. 1. Một kiểu chơi chữ, lấy chữ Hán đồng âm phiên âm cho Intel nhưng với nghĩa xấu hơn (Ứng vô mồi).

Table of Contents

MỤC LỤC

NGƯỜI VIỆT – CHỦ NHÂN ĐÍCH THỰC CỦA KINH DỊCH VÀ CHỮ VUÔNG (thay Lời giới thiệu)

Lời nói đầu

Phần một Một số khái niệm căn bản và vấn đề về Dịch học

I. Kinh Dịch là gì?

II. Các kí hiệu căn bản trong hệ thống Dịch lí

III. Dịch lí

1. Bất Dịch

2. Giản Dịch

3. Biến Dịch

IV. Hà đồ – Tiên Thiên Bát Quái; Lạc thư – Hậu thiên Bát Quái

1. Hà đồ - Tiên Thiên Bát Quái

2. Lạc thư - Hậu Thiên Bát Quái

V. Tại sao quái Khảm lại được đặt ở vị trí số 1

VI. Tìm hiểu cách hình thành các chữ liên quan đến Dịch lí của người

Việt: Quẻ - Quái 卦 – Diệc - Dịch 易 – Ẽnh Ương - Âm dương 陰陽 - Bộ cóc - Phụ 阜 =1

1. Quẻ - quái 卦

1.1. Bói giò gà

1.2. Bói Diệc hay Dịch

1.2. Bói xương Hươu

2. DIỆC - DỊCH. Tại sao không gọi CÀ hay GÀ HỌC - HƯƠU HỌC mà là DIỆC HỌC hay Dịch học?

3. Ẽnh Ương - âm dương 陰陽

VII. Sự phát triển của Dịch học

VIII. Nguồn gốc Dịch học theo Trung Hoa

IX. Hoài nghi về nguồn gốc Dịch học

X. Tìm nguồn gốc Dịch học Lạc Việt

1. Vấn đề thuyết Âm Dương

2. Vấn đề nguồn gốc Dịch học

XI. Trống Đờng

1. Trống Đờng Đông Nam Á

2. Trống Đờng Lạc Việt

XII. Tìm hiểu nguồn gốc các từ: rờng - đờng - trờng - cờng

Phần hai Giải mã Dịch lí và chữ Vuờng của người Việt trên trống Đờng Ngọc Lũ

I. Giá trị trống Đờng Ngọc Lũ

II. Ngôn ngữ Dịch lí qua trống Đờng

1. Ngôn ngữ Dịch lí qua hình thể trống Đờng

2. Ngôn ngữ Dịch lí qua số vòng và hoa văn

3. Ngôn ngữ Dịch lí qua hình ảnh

4. Ngôn ngữ qua hình thuyờn có thể là

5. Hà đồ và các số 3 tài, 5 hành, 10 thiên can, 12 địa chi, quẻ li, quẻ khảm qua tổng thể mặt trống

III. Một số hình ảnh Hà đồ trên các trống, thạp khác

IV. Kết

Phần ba Giải mã Dịch lí và chữ Vuờng của người Việt trên tranh dân gian Đông Hồ

I. Chữ viết

II. Chức năng của chữ viết

III. Vài nét về sự hình thành chữ viết trên thế giới và ở Trung Hoa

IV. Chữ viết ở Việt Nam qua các thời kì

V. Vì sao một dân tộc có 4000 văn hiến mà không có chữ viết?

VI. Nghi án về chữ Việt cổ

VII. Chữ Nờng Nọc là loại chữ gì?

VIII. Tìm nguồn gốc chữ Nờng Nọc ở nước Việt

1. Vài nét về tranh dân gian Việt Nam

2. Mục đích của tranh dân gian

IX. Giải mã thông điệp về Dịch lí và chữ Nờng Nọc trong bức tranh “Lão Oa giảng đợc”

1. Về tên bức tranh

2. Các chữ trong bức tranh

3. Các hình ảnh trong bức tranh

4. Màu sắc trong tranh

5. Phần đã mất của bức tranh

X. Thái cực cóc và chữ viết

XI. Giải mã bài thơ nôm về nguồn gốc chữ Vuông của người Việt

XII. Dịch lí qua chữ số

XIII. Vài bức tranh liên quan

XIV. Tìm thấy 8 chữ lạ trên trống Đồng Lũng Cú trong bức “Cóc kiện trời”

XV. Kết

Phần bốn Giải mã Dịch lí và chữ Vuông của người Việt trong truyện ngụ ngôn

I. Cóc kiện trời

II. Kết

Phần năm Tự tình

I. Về truyền thuyết lập quốc của Lạc Việt

II. Về truyền thuyết lập quốc của Trung Hoa

III. Cống hiến – hy sinh – giữ gìn – phát triển văn hóa đã tạo nên một nền văn hiến

Bàn lại Tên 12 địa chi và 10 thiên can

1. Nguồn gốc âm Lạc Việt của tên 12 địa chi

Nguồn gốc Dịch lí trong bài đồng dao “CHI CHI CHÀNH CHÀNH”